

Quỹ Đầu Tư Cổ phiếu Cổ Tức Năng Động VinaCapital (“VINACAPITAL-VDEF”) được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước (“UBCKNN”) cấp giấy chứng nhận đăng ký chào bán Chứng Chỉ Quỹ ra công chúng (“Giấy Chứng Nhận”) theo quy định của Pháp Luật. Giấy Chứng Nhận này chỉ có ý nghĩa xác định việc xin phép chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư này đã được thực hiện theo quy định của Pháp Luật liên quan mà không hàm ý UBCKNN đưa ra bất kỳ bảo đảm hoặc xác nhận nào về nội dung của Bản Cáo Bạch này cũng như mục tiêu và chiến lược đầu tư của Quỹ.

BẢN CÁO BẠCH

QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU CỔ TỨC NĂNG ĐỘNG VINACAPITAL (VINACAPITAL-VDEF)

PHÁT HÀNH LẦN ĐẦU RA CÔNG CHÚNG VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ

1. Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số: 21...../GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 07...../03...../2024.....
2. Loại hình Quỹ: Quỹ đầu tư dạng mở
3. Bản Cáo Bạch này đã được đăng ký với UBCKNN vào ngày 07...../03...../2024.....
4. Bản Cáo Bạch này có hiệu lực kể từ ngày: 07...../03...../2024.....
5. Phụ Trách Công Bố Thông Tin:

Ông Đinh Gia Ninh

Trưởng Bộ Phận Kiểm soát nội bộ Công Ty Cổ phần Quản Lý Quỹ VinaCapital

6. Bản Cáo Bạch này, báo cáo hoạt động định kỳ và báo cáo tài chính được cung cấp tại:
Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ VinaCapital

Địa chỉ: Lầu 17, Tòa nhà Sun Wah, 115 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam

Điện thoại: (84 – 28) 3827 8535

Fax: (84 – 28) 3827 8536

Email: irwm@vinacapital.com

Website: wm.vinacapital.com

Quỹ được giới thiệu trong Bản Cáo Bạch này là Quỹ được thành lập theo Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 do Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.

Bản Cáo Bạch cung cấp thông tin chính xác về Quỹ mà Nhà Đầu Tư tiềm năng nên tìm hiểu trước khi đầu tư. Nhà Đầu Tư nên lưu lại Bản Cáo Bạch này để tham chiếu trong tương lai. Nhà Đầu Tư cũng cần cập nhật bất kỳ thay đổi nào của Bản Cáo Bạch này sau ngày được công bố. Các Nhà Đầu Tư nên đọc các tài liệu bổ sung như Điều Lệ Quỹ và các báo cáo hoạt động của Quỹ (khi Quỹ đã bắt đầu hoạt động) để hiểu rõ về hoạt động của Quỹ trước khi quyết định đầu tư.

THÔNG TIN QUAN TRỌNG

Đây là những thông tin quan trọng dành cho Nhà Đầu Tư trước khi thực hiện việc đăng ký mua Chứng chỉ quỹ của Quý. Nhà Đầu Tư cần đọc và nghiên cứu kỹ trước khi quyết định đầu tư vào Quý.

Chúng chỉ quỹ được phép phát hành ra công chúng dựa trên những thông tin và cam kết được công bố tại Bản Cáo Bạch của Quý. Bất kỳ thông tin hoặc cam kết nào khác do người môi giới, đại lý phân phối hay những người khác đưa ra sẽ không được xem là đưa ra theo sự ủy quyền của Quý, Công Ty Quản Lý Quỹ hay bất kỳ người đại diện nào của Quý cũng như của Công Ty Quản Lý Quỹ. Không người nào có quyền đưa ra bất kỳ thông tin hay cam kết nào khác với những nội dung trong Bản Cáo Bạch và những văn bản đính kèm. Chúng chỉ quỹ được phép phát hành dựa trên những thông tin và cam kết được công bố trong Bản Cáo Bạch và các tài liệu đính kèm. Việc lưu hành Bản Cáo Bạch cũng như phân phối hay phát hành Chúng chỉ quỹ trong bất kỳ trường hợp nào cũng không tạo ra bất kỳ sự gợi ý nào hoặc ngụ ý nào rằng sẽ không có bất kỳ sự thay đổi nào về tình hình hoạt động của Quý sau ngày Bản Cáo Bạch được phát hành.

Bản Cáo Bạch không tạo ra việc chào bán hoặc thuyết phục bởi bất kỳ người nào tại bất kỳ quốc gia nào mà việc chào bán hoặc thuyết phục đó không được phép theo quy định của pháp luật nước đó. Việc lưu hành và phân phối Bản Cáo Bạch và phân phối Chúng Chỉ Quỹ ở một số quốc gia có thể bị giới hạn bởi pháp luật nước đó. Nhà Đầu Tư có nhu cầu đăng ký mua Chứng chỉ quỹ có trách nhiệm cập nhật, hiểu và tuân thủ bất kỳ hạn chế nào đối với mình theo quy định của pháp luật của nước mà Nhà Đầu Tư đó mang quốc tịch. Ngoài ra, Nhà Đầu Tư cần tự tìm hiểu các quy định pháp luật của Việt Nam và của nước sở tại về quản lý ngoại hối, thuế, cư trú và các quy định khác liên quan đến hoạt động đầu tư của mình vào Quý.

Nhà Đầu Tư (bao gồm cả Nhà Đầu Tư nước ngoài) cần tham khảo ý kiến chuyên môn để biết thêm về các vấn đề về thuế, các quy định pháp luật và các giao dịch ngoại tệ và biện pháp kiểm soát rủi ro tỷ giá hối đoái liên quan đến việc mua, bán và nắm giữ Chứng chỉ quỹ.

Nhà Đầu Tư cần hiểu và đồng ý rằng giá trị Chứng chỉ quỹ và thu nhập (nếu có) từ việc đầu tư vào Quý có thể tăng lên hoặc giảm xuống. Theo đó, tại thời điểm giải thể Quý, giá trị thu hồi của Chứng chỉ quỹ mà Nhà Đầu Tư nắm giữ có thể thấp hơn hoặc cao hơn giá trị ban đầu.

Nhà Đầu Tư cần lưu ý rằng kết quả hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ trong quá khứ không nhất thiết hàm ý rằng hiệu quả hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ hay của Quý trong tương lai cũng như vậy.

Nhà đầu tư cần đọc kỹ Bản Cáo Bạch, Điều Lệ của Quý và các tài liệu có liên quan khác do Công Ty Quản Lý Quỹ và các đại lý phân phối được Công Ty Quản Lý Quỹ ủy quyền được thể hiện rõ trong Bản Cáo Bạch cung cấp trước khi quyết định đầu tư vào Quý.

Đặc biệt, giá trị Chứng chỉ quỹ, khả năng sinh lời và những rủi ro tiềm tàng trình bày trong Bản Cáo Bạch chỉ mang tính tham khảo và có thể thay đổi tùy thuộc và tình hình thị trường. Việc đầu tư vào Quý không hàm ý bảo đảm khả năng sinh lời cho Nhà Đầu Tư. Nhà Đầu Tư do vậy cũng nên xem xét kỹ các yếu tố rủi ro trong việc đầu tư vào Chứng chỉ quỹ như được trình bày trong Bản Cáo Bạch.

MỤC LỤC

THÔNG TIN QUAN TRỌNG	2
I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỀ NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	5
1. Công ty Quản lý Quỹ.....	5
2. Ngân hàng giám sát.....	5
II. ĐỊNH NGHĨA VÀ DIỄN GIẢI	5
III. CƠ HỘI ĐẦU TƯ	9
1. Tổng quan kinh tế vĩ mô Việt Nam.....	9
2. Thị trường tài chính Việt Nam và cơ hội đầu tư.....	9
3. Lợi ích khi đầu tư vào quỹ mở VINACAPITAL-VDEF.....	11
IV. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ	12
1. Thông tin chung về công ty quản lý Quỹ.....	12
2. Giới thiệu các cổ đông của công ty Quản lý Quỹ.....	12
3. Giới thiệu các nhân sự chủ chốt của Quỹ và Công ty Quản lý Quỹ.....	13
V. NGÂN HÀNG GIÁM SÁT	14
VI. CÔNG TY KIỂM TOÁN	15
VII. ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ	15
VIII. TỔ CHỨC ĐƯỢC ỦY QUYỀN	15
1. Tổ chức được ủy quyền cung cấp dịch vụ Quản trị Quỹ đầu tư.....	15
2. Tổ chức được ủy quyền cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng.....	15
IX. CÁC THÔNG TIN VỀ QUỸ ĐẦU TƯ	15
1. Thông tin chung về Quỹ.....	15
2. Tóm tắt Điều lệ Quỹ.....	16
3. Mục tiêu đầu tư, chính sách đầu tư và hạn mức đầu tư của Quỹ.....	22
4. Cơ chế giao dịch chứng chỉ quỹ.....	25
5. Các rủi ro khi đầu tư vào Quỹ.....	30
X. PHÁT HÀNH LẦN ĐẦU CHỨNG CHỈ QUỸ RA CÔNG CHÚNG	35
1. Căn cứ pháp lý.....	35
2. Phương án phát hành lần đầu.....	35
XI. GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ CÁC LẦN TIẾP THEO	38
1. Chương trình đầu tư.....	39
2. Ngày giao dịch, tần suất giao dịch và phương thức giao dịch chứng chỉ quỹ.....	39
3. Thời điểm đóng sổ lệnh và xác nhận giao dịch.....	40
4. Giao dịch muộn.....	40
5. Mua Chứng chỉ quỹ.....	40
6. Bán Chứng chỉ quỹ.....	41
7. Chuyển đổi Quỹ.....	42
8. Chuyển nhượng (phi thương mại) Chứng chỉ quỹ.....	43
9. Hủy lệnh giao dịch Chứng chỉ quỹ.....	43
10. Tạm dừng thực hiện giao dịch Chứng chỉ quỹ.....	43
11. Đóng tài khoản giao dịch Chứng chỉ quỹ.....	44
12. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng.....	44
13. Thông tin hướng dẫn Nhà Đầu Tư Tham Gia vào Quỹ.....	50
XII. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ	50
1. Báo cáo tài chính (cập nhật hàng năm).....	50
2. Tình hình phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ (cập nhật hàng năm).....	50
3. Các loại giá dịch vụ, chi phí của Quỹ và thường hoạt động.....	51
4. Các chỉ tiêu hoạt động.....	54
5. Thu nhập và phân chia lợi nhuận.....	54
6. Kế toán, kiểm toán và chế độ báo cáo.....	56
7. Dự báo hoạt động của Quỹ.....	57
8. Thời gian và địa điểm cung cấp báo cáo hoạt động của Quỹ.....	57
XIII. GIẢI QUYẾT XUNG ĐỘT LỢI ÍCH	57
XIV. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CUNG CẤP THÔNG TIN CHO NHÀ ĐẦU TƯ	57
1. Báo cáo cho nhà đầu tư.....	57
2. Báo cáo Quỹ.....	57
3. Báo cáo bất thường.....	58
4. Hình thức gửi báo cáo.....	58
XV. ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC VÀ GIẢI ĐÁP THẮC MẮC CỦA NHÀ ĐẦU TƯ	58
XVI. CAM KẾT	58
XVII. PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM	58

PHỤ LỤC 01: QUY TRÌNH VÀ CÁC HƯỚNG DẪN GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ	59
PHỤ LỤC 02: MẪU PHIẾU LỆNH.....	61
PHỤ LỤC 03 – DANH SÁCH CÁC ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI VÀ ĐIỂM NHẬN LỆNH	66

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỀ NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Công ty Quản lý Quỹ

Công Ty Cổ Phần Quản lý Quỹ VinaCapital

Ông Ho An T (Andy Ho) – Chủ tịch HĐQT

Ông Brook Colin Taylor – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc của Công Ty Quản lý Quỹ

Bà Võ Hoàng Kiều Oanh – Kế Toán Trưởng của Công Ty Quản lý Quỹ

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản Cáo Bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, đã thẩm tra hoặc thu thập thông tin một cách hợp lý. Tuy nhiên, ngoại trừ những điểm được thể hiện rõ tại Bản Cáo Bạch này là đã được thẩm định bởi bên thứ ba, toàn bộ thông tin trong Bản Cáo Bạch này chưa được kiểm định hoặc thẩm định bởi bất kỳ bên nào.

2. Ngân hàng giám sát

Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered (Việt Nam) (“SCBVL”)

Đại diện theo pháp luật: Bà Michele Wee Sung San

Chức vụ: Tổng giám đốc

Bản Cáo Bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán Chứng Chỉ Quỹ do Công Ty Cổ Phần Quản lý Quỹ VinaCapital lập. Chúng tôi, với tư cách là Ngân Hàng Giám Sát của Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Cổ Tức Năng Động VinaCapital (VinaCapital-VDEF) xác nhận các thông tin có liên quan đến Ngân hàng giám sát trong Bản cáo Bạch này và sẽ chịu trách nhiệm theo các quy định trong phạm vi Hợp Đồng Cung Cấp Dịch Vụ Giám Sát Quỹ giữa chúng tôi với Công Ty Cổ Phần Quản lý Quỹ VinaCapital, là công ty quản lý quỹ của Quỹ và theo quy định của pháp luật.

II. ĐỊNH NGHĨA VÀ DIỄN GIẢI

Trừ khi ngữ cảnh quy định khác, các thuật ngữ được viết hoa trong Bản Cáo Bạch này sẽ có nghĩa như sau:

“Quỹ” hay “VINACAPITAL-VDEF”	là Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Cổ Tức Năng Động VinaCapital, thực hiện chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng, được thành lập theo quy định của pháp luật về chứng khoán và Điều lệ quỹ.
“Công Ty Quản lý Quỹ” hay “VCFM”	là Công Ty Cổ phần Quản lý Quỹ VinaCapital được thành lập theo giấy chứng nhận thành lập và hoạt động số 31/UBCK-GP do UBCKNN cấp lần đầu ngày 14 tháng 4 năm 2008 (và được sửa đổi, bổ sung vào từng thời điểm), chi tiết như được quy định tại Chương IV của Bản Cáo Bạch này, hoặc bất kỳ đơn vị nào kế thừa quyền và nghĩa vụ của công ty này.
“Ngân Hàng Giám Sát”	Là Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam) (gọi tắt là “SCBVL”), hoạt động theo Giấy phép hoạt động số 236/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước cấp ngày 08 tháng 09 năm 2008, Quyết định số 1477/QĐ-NHNN do NHNN cấp ngày 25/08/2022 về việc bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép thành lập và hoạt động NH TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam) và Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 08/GCN-UBCK do UBCK cấp ngày 07 tháng 05 năm 2015, cung cấp các dịch vụ: (i) bảo quản, lưu ký chứng khoán, tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản hợp pháp của quỹ; các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ; (ii) thực hiện chức năng giám sát toàn bộ hoạt động quản lý tài sản của quỹ do Công ty quản lý quỹ thực hiện. Thông tin chi tiết về Ngân Hàng Giám Sát được thể hiện tại Chương V Bản Cáo Bạch này.

“Điều Lệ”	là điều lệ của Quý, các Phụ lục đính kèm và các bản sửa đổi, bổ sung hợp pháp (nếu có), tái ban hành hoặc thay thế vào từng thời điểm.
“Bản Cáo Bạch”	là tài liệu hoặc dữ liệu điện tử công khai một cách chính xác, trung thực và khách quan liên quan đến việc chào bán và phát hành Chứng chỉ quỹ.
“Hợp Đồng Giám Sát”	là hợp đồng được ký kết giữa Công Ty Quản Lý Quý và Ngân Hàng Giám Sát liên quan đến việc giám sát hoạt động của Quý được thông qua bởi Đại hội nhà đầu tư của Quý.
“Nhà Đầu Tư”	Là cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài nắm giữ chứng chỉ Quý.
“Đại Hội Nhà Đầu Tư”	là đại hội của các Nhà Đầu Tư có quyền biểu quyết được tổ chức thường kỳ hoặc bất thường để thông qua các vấn đề quan trọng có liên quan đến Quý thuộc thẩm quyền quyết định của các Nhà Đầu Tư. Đại Hội Nhà Đầu Tư là cơ quan quyền lực cao nhất của Quý.
“Ban Đại Diện Quý”	là những người đại diện cho các Nhà Đầu Tư được Đại Hội Nhà Đầu Tư của Quý bầu ra để thay mặt các Nhà Đầu Tư thực hiện việc giám sát các hoạt động của Quý, Công Ty Quản Lý Quý và Ngân Hàng Giám Sát.
“Vốn Điều Lệ”	là tổng số vốn bằng tiền do tất cả các Nhà Đầu Tư thực góp tại đợt phát hành Chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng và được ghi trong Điều Lệ.
“Chứng chỉ quỹ” hay “Chứng chỉ Quý VINACAPITAL-VDEF”	Là loại chứng khoán xác nhận quyền sở hữu của nhà đầu tư đối với một phần vốn góp tại quỹ. Mệnh giá 01 chứng chỉ quỹ là 10.000 đồng.
“Giá bán/Giá phát hành”	là mức giá Nhà Đầu Tư phải thanh toán để mua một chứng chỉ quỹ. Giá bán/Giá phát hành bằng mệnh giá (trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng) cộng giá dịch vụ phát hành được quy định tại Bản Cáo Bạch; Giá bán/Giá phát hành tại các kỳ giao dịch sau khi Quý thành lập bằng Giá Trị Tài Sản Ròng trên một chứng chỉ quỹ tại Ngày Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ cộng giá dịch vụ phát hành tại các kỳ giao dịch được quy định tại Bản Cáo Bạch này.
“Giá mua lại”	là mức giá mà Công Ty Quản Lý Quý phải thanh toán để mua lại từ Nhà Đầu Tư một chứng chỉ quỹ. Giá mua lại bằng Giá Trị Tài Sản Ròng trên một chứng chỉ quỹ tại ngày giao dịch trừ đi giá dịch vụ mua lại Chứng Chỉ Quỹ đã quy định tại Bản Cáo Bạch này.
“Giá Dịch Vụ Quản Lý Quý”	là giá dịch vụ mà Quý phải trả cho Công Ty Quản Lý Quý cung cấp dịch vụ quản lý quỹ được quy định tại Điều Lệ và Bản Cáo Bạch này.
“Giá dịch vụ phát hành/giá dịch vụ mua lại”	Là giá dịch vụ mà nhà đầu tư phải trả khi mua/bán một chứng chỉ quỹ. Giá dịch vụ phát hành tính theo tỷ lệ phần trăm trên số tiền đăng ký mua và giá dịch vụ mua lại tính theo tỷ lệ phần trăm trên tổng giá trị mua lại theo quy định tại Bản Cáo Bạch.
“Cổ tức Quý”	Là số lợi nhuận còn lại của Quý sau khi trừ đi các chi phí hợp lệ và được Đại hội nhà đầu tư quyết định chia theo tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư.
“Năm tài chính”	Là 12 tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hằng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quý sẽ được tính từ ngày Quý được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó
“Giá Trị Tài Sản Ròng” hay	là tổng giá trị các tài sản và các khoản đầu tư do Quý sở hữu trừ

“NAV”	đi các nghĩa vụ nợ của Quý tại Ngày gần nhất trước ngày định giá.
“Ngày Định Giá”	là ngày mà Công Ty Quản Lý Quỹ xác định Giá Trị Tài Sản Ròng của Quý theo quy định của Điều Lệ, Bản Cáo Bạch này và theo quy định pháp luật hiện hành.
“Ngày Giao Dịch”	là Ngày mà Công Ty Quản Lý Quỹ thay mặt cho Quý thực hiện phát hành, mua lại, chuyển đổi và/hoặc chuyển nhượng chứng chỉ Quý từ nhà đầu tư theo cơ chế giao dịch của quỹ.
“Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh”	là thời điểm cuối cùng mà Đại Lý Phân Phối nhận lệnh giao dịch từ nhà đầu tư để thực hiện trong Ngày Giao Dịch chứng chỉ quỹ.
“Chương Trình Đầu Tư”	là các chương trình đầu tư vào Quý mà nhà đầu tư có thể tham gia khi mua Chứng chỉ quỹ, chi tiết được thể hiện tại Chương XI của Bản Cáo Bạch này.
“Đại Lý Chuyển Nhượng”	là Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc tổ chức được Công Ty Quản Lý Quỹ ủy quyền để cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng theo quy định tại Điều Lệ của Quý.
“Đại Lý Ký Danh”	là Đại Lý Phân Phối đứng tên tài khoản ký danh, thực hiện giao dịch Chứng chỉ quỹ thay mặt cho các Nhà Đầu Tư tại Sở Phụ.
“Đại Lý Phân Phối”	là tổ chức đã ký hợp đồng phân phối chứng chỉ quỹ với Công Ty Quản Lý Quỹ và/ hoặc Công Ty Quản Lý Quỹ.
“Điểm Nhận Lệnh”	là trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch của Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc của Đại Lý Phân Phối được ủy quyền để nhận lệnh từ các nhà đầu tư. Thông tin chi tiết về Điểm Nhận Lệnh được quy định cụ thể tại Bản Cáo Bạch của Quý.
“FATCA”	là Đạo luật Tuân Thủ Thuế đối với tài khoản nước ngoài được thông qua bởi Quốc hội Mỹ ngày 10/3/2010 và có hiệu lực ngày 01/7/2014.
“Hủy Lệnh”	là lệnh của Nhà Đầu Tư đặt để hủy bất kỳ Lệnh Bán, Lệnh Mua, Lệnh Chuyển Đổi hoặc Lệnh Chuyển Nhượng nào đã nộp.
“HNX”	là Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.
“HOSE”	là Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.
“Giá Dịch Vụ Chuyển Đổi”	là mức giá dịch vụ mà Nhà Đầu Tư phải trả khi chuyển đổi Đơn vị quỹ lấy Đơn vị quỹ của quỹ khác do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý. Giá dịch vụ chuyển đổi tính theo tỷ lệ phần trăm trên tổng giá trị chuyển đổi quy định tại Bản Cáo Bạch này.
“Lệnh Bán”	là lệnh của Người Sở Hữu Chứng chỉ quỹ yêu cầu Quý mua lại một phần hoặc toàn bộ số Chứng chỉ quỹ mà người đó đang sở hữu.
“Lệnh Bán Được Chấp Nhận”	là Lệnh Bán của Nhà Đầu Tư được chấp nhận để thực hiện sau khi số lượng Chứng chỉ quỹ đặt bán được xác nhận là thuộc sở hữu của Nhà Đầu Tư đặt Lệnh Bán đó và có đủ số lượng chứng chỉ quỹ đó để bán theo quy định tại Bản cáo bạch này
“Lệnh Chuyển Đổi”	là lệnh của Nhà Đầu Tư bán một phần hoặc toàn bộ số Chứng chỉ quỹ mà người đó đang sở hữu để mua chứng chỉ quỹ của quỹ khác do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý.
“Lệnh Chuyển Đổi Được Chấp Nhận”	là Lệnh Chuyển Đổi của Nhà Đầu Tư được chấp nhận để thực hiện sau khi số lượng Chứng chỉ quỹ đặt chuyển đổi được xác nhận là thuộc sở hữu của Nhà Đầu Tư đặt Lệnh Chuyển Đổi đó.
“Lệnh Chuyển Nhượng”	là lệnh của Nhà Đầu Tư chuyển nhượng quyền sở hữu một phần hoặc toàn bộ số Chứng chỉ quỹ mà mình đang sở hữu cho người khác dưới dạng quà tặng, thừa kế hoặc thực hiện phán quyết của

	tòa án hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
“Lệnh Chuyển Nhượng Được Chấp Nhận”	là Lệnh Chuyển Nhượng của Nhà Đầu Tư được chấp nhận để thực hiện sau khi số lượng Chứng chỉ quỹ đặt chuyển nhượng được xác nhận là thuộc sở hữu của Nhà Đầu Tư đặt Lệnh Chuyển Nhượng đó.
“Lệnh Mua”	là lệnh mua Chứng chỉ quỹ của Nhà Đầu Tư.
“Lệnh Mua Được Chấp Nhận”	là Lệnh Mua của Nhà Đầu Tư hoặc được chấp nhận để thực hiện sau khi hồ sơ đăng ký mua đã được Đại lý chuyển nhượng chấp nhận, lệnh mua phải gửi kèm theo các tài liệu hợp lệ xác nhận việc nhà đầu tư đã hoàn tất việc thanh toán vào tài khoản của Quỹ hoặc Ngân hàng giám sát xác nhận tiền đã được thanh toán đầy đủ
“Lệnh Được Chấp Nhận”	là từng Lệnh Bán Được Chấp Nhận, Lệnh Mua Được Chấp Nhận, Lệnh Chuyển Đổi Được Chấp Nhận hoặc Lệnh Chuyển Nhượng Được Chấp Nhận hoặc là một nhóm gồm hai hoặc nhiều lệnh trên.
“Ngày Làm Việc”	là bất kỳ ngày nào không phải là Thứ Bảy, Chủ Nhật hoặc ngày nghỉ lễ mà vào ngày đó các sàn giao dịch chứng khoán và các ngân hàng tại Việt Nam mở cửa hoạt động kinh doanh bình thường.
“Người Có Liên Quan”	được hiểu và giải thích theo quy định tại Điều 4.46 của Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua vào ngày 26 tháng 11 năm 2019.
“Pháp Luật”	là pháp luật của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
“Sự Kiện Bất Khả Kháng”	là một sự kiện ngoài tầm kiểm soát của một người mà làm cho người đó không thể thực hiện được bất kỳ nghĩa vụ nào của mình theo quy định tại Điều Lệ, Bản Cáo Bạch này hoặc Pháp Luật liên quan, bao gồm nhưng không giới hạn: <ul style="list-style-type: none"> (a) Thiên tai (như là, nhưng không giới hạn, cháy, nổ, động đất, hạn hán, sóng thần và lũ lụt); (b) Chiến tranh, hành vi thù địch (cho dù có tuyên bố chiến tranh hay không), xâm lược, hành động của các thế lực thù địch nước ngoài, động viên, lệnh hoặc cấm vận; (c) Nổi loạn, cách mạng, khởi nghĩa, thế lực quân đội hoặc lật đổ hoặc nội chiến; (d) Nhiễm phóng xạ từ bất kỳ nguồn nhiên liệu hạt nhân nào hoặc từ chất thải hạt nhân do cháy nhiên liệu hạt nhân, vụ nổ chất phóng xạ hoặc các chất nguy hiểm khác từ vụ nổ các hợp chất hạt nhân hoặc các thành phần hạt nhân của những hợp chất đó; (e) Bạo động, đình công, lãn công, đóng cửa nhà máy hoặc nổi loạn; (f) Hành động hoặc đe dọa khủng bố; hoặc (g) Đạo luật, lệnh, quyết định hoặc cưỡng chế của cơ quan nhà nước; bất kỳ sự thay đổi, điều chỉnh hoặc sửa đổi nào của Pháp Luật; hoặc khủng hoảng tài chính mà có ảnh hưởng nghiêm trọng đến thị trường tài chính của Việt Nam.
“Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam” hay	Là Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam hoặc bất kỳ cơ quan nào khác thay thế hoặc kế thừa quyền hạn và

“VSDC”	nghĩa vụ của cơ quan này.
“UBCKNN”	là Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước Việt Nam hoặc bất kỳ cơ quan nào khác thay thế hoặc kế thừa quyền hạn và nghĩa vụ của cơ quan này.
“UPCoM”	là thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty đại chúng chưa niêm yết được quản lý bởi HNX.
“Việt Nam”	là nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
“VinaCapital” hay “Tập Đoàn VinaCapital”	bao gồm Công Ty Quản Lý Quỹ, các cổ đông và các công ty liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ.
“VND” hay “Đồng Việt Nam”	Là đồng tiền đang lưu hành hợp pháp của Việt Nam.
“Các định nghĩa khác”	Các định nghĩa khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Chứng khoán và các văn bản khác có liên quan.

III. CƠ HỘI ĐẦU TƯ

1. Tổng quan kinh tế vĩ mô Việt Nam

Tăng trưởng GDP: Tăng trưởng GDP của Việt Nam tăng mạnh mẽ từ mức 2,6% năm 2021 lên 8% năm 2022, nhờ vào (1) nhu cầu tiêu dùng nội địa hồi phục mạnh mẽ sau Covid và (2) khách du lịch quốc tế bắt đầu trở lại Việt Nam. Cụ thể, tăng trưởng bán lẻ thực (bỏ qua yếu tố giá) tăng lên mức 16% so với mức giảm 6% trong năm 2021; trong khi đó lượng khách du lịch quốc tế tới Việt Nam phục hồi lên mức 20% so với mức trước Covid, so với năm 2021 ghi nhận gần như không có khách quốc tế nào tới Việt Nam. Lĩnh vực sản xuất trong nước tiếp tục đạt mức tăng trưởng tốt trong năm 2022, đạt 8,1% so với mức 6,4% năm 2021. Điều này một phần nhờ dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) dịch chuyển từ Trung Quốc tới Việt Nam vẫn tiếp tục, phản ánh qua mức tăng trưởng 14% của giải ngân vốn FDI trong năm 2022 so với 2021, đạt 22,4 tỷ USD.

Lạm phát và tỷ giá: Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân tăng 3,2% trong năm 2022, thấp hơn so với giới hạn mục tiêu của Chính phủ đề ra là 4% trong năm. Đồng VND đã có một năm chứng kiến mức giảm sâu, có những lúc mất giá tới 9% so với đầu năm trong tháng 11 khi chỉ số DXY đo lường sức mạnh của đồng USD tăng tới 20% so với đầu năm. Nhưng VND sau đó đã hồi phục mạnh mẽ trong tháng 12, tăng 4% so với tháng 11, để đến thời điểm kết thúc năm 2022, đồng VND chỉ giảm giá 3% so với đầu năm. Nguyên nhân là do đồng USD hạ nhiệt (chỉ số DXY giảm 7,3% trong tháng 11 và 12/2022) khi áp lực lạm phát tại Mỹ giảm xuống, đồng thời dòng ngoại tệ vào Việt Nam tích cực trong 2 tháng cuối năm, bao gồm 5,3 tỷ USD vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, 1,3 tỷ USD của khối ngoại mua ròng trên thị trường chứng khoán và 1,3 tỷ USD thặng dư thương mại.

Cán cân thương mại: Việt Nam báo cáo thặng dư thương mại ở mức cao, đạt 12,4 tỷ USD năm 2022 nhờ mức tăng trưởng tốt của xuất khẩu tới thị trường Mỹ (tăng 13,6% so với năm 2021) mặc dù đã xuất hiện lo ngại về nhu cầu tiêu dùng tại Mỹ chậm lại trong những tháng cuối năm.

2. Thị trường tài chính Việt Nam và cơ hội đầu tư

❖ Diễn biến thị trường chứng khoán

Sau năm 2021 đầy sôi động, thị trường chứng khoán Việt Nam đã trải một năm 2022 tẻ nhạt tính từ cuộc khủng hoảng tài chính thế giới 2008, với chỉ số VN-Index sụt giảm 32,8% và đóng cửa ở mức 1.007,1 điểm vào cuối năm.

Các nhân tố khách quan tác động tiêu cực đến thị trường bao gồm lạm phát tăng vọt trên toàn cầu do sự đứt gãy chuỗi cung ứng đến từ việc Trung Quốc đóng cửa chống Covid-19 và cuộc chiến Nga - Ukraine. Từ đó, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) đã rất quyết liệt trong việc tăng lãi suất để ngăn chặn lạm phát tăng cao. Fed đã tăng lãi suất lên đến 7 lần trong năm 2022, đưa lãi suất từ 0,25% lên đến 4,5%.

Các yếu tố nội tại ở Việt Nam cũng theo chiều hướng không thuận lợi. Điển hình như những vi phạm của Tập đoàn FLC về thao túng giá cổ phiếu, hay vi phạm về phát hành và giao dịch trái phiếu của các tập đoàn Tân Hoàng Minh và Vạn Thịnh Phát, dẫn đến lãnh đạo của những tập đoàn này bị bắt giữ và điều tra. Trong quý 4, việc Chủ tịch tập đoàn Vạn Thịnh Phát bị bắt giữ và những vấn đề liên quan đến ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn (SCB) đã khiến thanh khoản của hệ thống ngân hàng trở nên căng thẳng, dẫn đến lãi suất tiền gửi và tỷ giá USD/VND tăng vọt. Thị trường chứng khoán có những cú lao dốc mạnh khi các công ty chứng khoán bắt buộc phải bán

cổ phiếu thể chấp cho những khoản vay để thu hồi vốn. Thanh khoản thị trường chứng khoán giảm dần đều qua các quý, giá trị giao dịch mỗi ngày đạt mức trung bình 745,2 triệu USD trong năm 2022, giảm hơn 30% so với năm 2021.

Điểm tích cực diễn ra vào cuối năm khi định giá của các cổ phiếu đã ở mức hấp dẫn so với lịch sử, nhà đầu tư nước ngoài đã liên tục mua ròng, đặc biệt trong tháng 11 và 12. Tổng kết cả năm 2022, nhà đầu tư nước ngoài mua ròng 1,2 tỉ USD so với mức bán ròng 2,7 tỉ USD trong năm 2021, tính chung trên cả 3 sàn chứng khoán.

Xét theo nhóm ngành, các ngành giảm điểm nhiều hơn thị trường là các ngành bị tác động nhiều nhất bởi lạm phát, lãi suất, chu kỳ kinh tế và diễn biến tiêu cực trên thị trường trái phiếu, bao gồm Bất động sản (-45,9%) và Vật liệu (-50,3%). Ở chiều ngược lại, các ngành Hàng tiêu dùng thiết yếu, Dịch vụ tiện ích, và Công nghệ thông tin có mức giảm điểm ít hơn thị trường chung, với mức giảm lần lượt là -16,6%, -6,7%, và -4,2%.

Tính đến ngày 3/2/2023, đã có 992 công ty, chiếm 97% tổng vốn hóa trên 3 sàn chứng khoán, đã công bố kết quả kinh doanh năm 2022. Tổng lợi nhuận của các công ty này tăng 8% trong cả năm 2022, tuy nhiên, lợi nhuận của riêng quý 4/2022 lại giảm 30% so với cùng kỳ năm trước và giảm 24% so với quý trước. Có một sự khác biệt lớn về tăng trưởng lợi nhuận giữa nhóm doanh nghiệp tài chính và phi tài chính. Lợi nhuận quý 4/2022 của nhóm tài chính tăng 7% cùng kỳ năm trước, nhưng giảm 10% so với quý trước. Còn lợi nhuận quý 4/2022 của nhóm phi tài chính giảm mạnh 51% so với cùng kỳ năm trước và 36% so với quý trước.

❖ Triển vọng đầu tư vào thị trường chứng khoán

Kinh tế vĩ mô

Chúng tôi dự báo tăng trưởng GDP Việt Nam sẽ đạt mức khoảng 6% trong 2023 nhờ việc mở cửa trở lại của Trung Quốc sẽ thúc đẩy du lịch tới Việt Nam, và giải ngân đầu tư công được kỳ vọng tăng trưởng mạnh mẽ. Tuy nhiên, nhu cầu tiêu thụ các mặt hàng "sản xuất tại Việt Nam" từ các thị trường xuất khẩu chậm lại cũng sẽ là thách thức cho tăng trưởng kinh tế trong năm 2023. Ngoài ra, tăng trưởng tiêu dùng nội địa sẽ chậm lại so với năm 2022 do không còn nhu cầu dồn nén hậu COVID-19.

Chúng tôi cho rằng lạm phát sẽ tăng trong năm nay nhưng vẫn trong tầm kiểm soát ở mức trung bình khoảng 4% trong năm 2023, so với mức trung bình 3,25% trong năm 2022. Đồng VND sẽ ổn định hơn trong năm nay sau khi mất giá 3% so với USD trong năm 2022 do xu hướng đồng USD yếu đi, lạm phát toàn cầu giảm và Việt Nam vẫn duy trì việc thu hút vốn đầu tư nước ngoài và thặng dư thương mại.

Khả năng mặt bằng lãi suất đã đạt đỉnh trong năm 2022 khi áp lực thanh khoản trên hệ thống ngân hàng căng thẳng những tháng cuối năm 2022. Nguyên nhân là do căng thẳng thanh khoản đột biến sau khi chủ tịch Vạn Thịnh Phát bị bắt, và áp lực tỷ giá khiến NHNN đã bán một lượng lớn dự trữ ngoại hối tương đương hút một lượng lớn tiền đồng ra khỏi thị trường. Chúng tôi thấy những yếu tố này đã không còn là áp lực trong năm 2023, và mặt bằng lãi suất do đó được dự báo sẽ đi ngang hoặc giảm nhẹ trong năm 2023.

Thị trường chứng khoán

Thị trường cổ phiếu

Mặc dù kinh tế Việt Nam vẫn chưa vượt qua giai đoạn gặp nhiều khó khăn và tăng trưởng chậm, những kỳ vọng về hồi phục đã xuất hiện. Chính phủ vẫn liên tục nhấn mạnh về việc triển khai các biện pháp hỗ trợ doanh nghiệp trong sản xuất kinh doanh, yêu cầu các ngân hàng giảm lãi suất cho vay. Theo số liệu của Bloomberg, tăng trưởng lợi nhuận trong năm 2024 của các doanh nghiệp niêm yết được dự báo đạt trên 20%. Về mặt định giá, chỉ số VN Index đang giao dịch ở mức P/E 2023 là 11,5 lần, vẫn ở vùng định giá thấp trong vòng 10 năm trở lại đây (thấp hơn khoảng 1,5 lần độ lệch chuẩn so với trung bình 10 năm). Mức định giá này vẫn là cơ hội hấp dẫn để đầu tư dài hạn. Việc giữ vững kỷ luật đầu tư, lựa chọn cổ phiếu có động lực tăng trưởng về kết quả kinh doanh với tầm nhìn đầu tư dài hạn và đa dạng hóa danh mục nhằm phân tán rủi ro vẫn là những nguyên tắc cơ bản để quý có thể đạt được kết quả đầu tư tích cực.

Thị trường trái phiếu

Thị trường trái phiếu doanh nghiệp trải qua một năm đầy biến động trong năm 2022 và được kỳ vọng sẽ dần phục hồi trong 3 năm tới. Các sự kiện biến động mạnh gần đây được đánh giá là các thách thức trong ngắn hạn, tuy nhiên lại đóng vai trò rất quan trọng đối với sự phát triển bền vững trong dài hạn của thị trường trái phiếu doanh nghiệp. Hiện tại quy mô thị trường đã giảm xuống 12,8% GDP, từ mức đỉnh trên 18% GDP vào năm 2021. So với mục tiêu của Chính phủ là 20% GDP vào năm 2025, có thể thấy thị trường trái phiếu doanh nghiệp vẫn còn nhiều dư địa phát triển do là nguồn cung vốn trung và dài hạn quan trọng cho nền kinh tế.

Về nguồn cầu trái phiếu doanh nghiệp, các sự kiện vỡ nợ trái phiếu doanh nghiệp gần đây đã làm suy giảm niềm tin của các nhà đầu tư riêng lẻ, do đó họ có thể sẽ cần ít nhất từ 6 tới 12 tháng để dần khôi phục niềm tin đối với thị trường. Lưu ý rằng các nhà đầu tư nhỏ lẻ hiện chiếm đến 30-40% trong cơ cấu người mua trái phiếu. Do đó, vào năm 2023 và 2024, nhà đầu tư chủ yếu của thị trường sẽ là các nhà đầu tư tổ chức như ngân hàng thương mại và quỹ đầu tư trái phiếu, và một bộ phận nhỏ khác là các cá nhân chuyên nghiệp (những người có chuyên môn để đánh giá tình trạng tài chính của tổ chức phát hành).

Dù xu hướng chung của thị trường chứng khoán sẽ là hồi phục, nhà đầu tư cũng cần chú ý đến việc một số rủi ro vẫn còn có thể xảy ra và có thể tác động lên thị trường tại một số thời điểm. Chẳng hạn như, tăng trưởng lợi nhuận của doanh nghiệp niêm yết có thể gặp lực cản do kinh tế toàn cầu chậm lại, cùng với việc chi phí vốn và giá cả nguyên liệu đầu vào tăng. Các rủi ro từ thị trường trái phiếu doanh nghiệp vẫn còn hiện hữu. Rủi ro xấu ngân hàng tăng trước áp lực trái phiếu đáo hạn và thị trường bất động sản trầm lắng. Bên cạnh đó, áp lực lạm phát tại Việt Nam vẫn còn do Trung Quốc mở cửa có thể khiến giá nông sản tăng, đồng thời, giá cả một số sản phẩm và dịch vụ chịu sự quản lý của Nhà nước có thể tăng trong năm 2023.

Tuy thị trường chứng khoán vẫn còn rủi ro, nhưng nhìn chung các yếu tố rủi ro và tác động của chúng đến thị trường chứng khoán trong năm 2023 nhiều khả năng sẽ không lớn như năm 2022 và mang tính thời điểm ngắn hạn. Bên cạnh đó, giá cổ phiếu đã phản ánh một phần những rủi ro này. Do đó, việc thị trường chứng khoán đang có định giá thấp như hiện tại là cơ hội đầu tư gia tăng tài sản cho các nhà đầu tư dài hạn.

3. Lợi ích khi đầu tư vào quỹ mở VINACAPITAL-VDEF

VCFM cho rằng triển vọng đầu tư trên thị trường chứng khoán nói chung và đặc biệt là cổ phiếu nói riêng tại Việt Nam là hấp dẫn. Tuy nhiên, việc lựa chọn đúng khoản đầu tư, kênh đầu tư thích hợp cũng sẽ thách thức hơn đối với số đông nhà đầu tư cá nhân tham gia đầu tư trực tiếp trên thị trường do thị trường ngày càng phát triển về chiều sâu, đòi hỏi mức độ tham gia thị trường sâu sắc hơn của các nhà đầu tư trực tiếp. Vì vậy, VINACAPITAL-VDEF được thiết kế dưới hình thức quỹ mở là sự lựa chọn hợp lý, mang đến cho nhà đầu tư một công cụ đầu tư trung và dài hạn, hỗ trợ nhà đầu tư trong việc quản lý tài sản bởi đội ngũ quản lý đầu tư chuyên nghiệp và nhiều kinh nghiệm, bổ sung cho các kênh đầu tư khác như gửi tiết kiệm, đầu tư bất động sản, đầu tư ngoại tệ hay đầu tư vàng. Việc đầu tư vào quỹ mở VINACAPITAL-VDEF có nhiều ưu điểm, đặc biệt là một số ưu điểm như sau:

Quản Lý Chuyên Nghiệp

Thay vì tự đầu tư, VINACAPITAL-VDEF mang đến cho nhà đầu tư công cụ đầu tư được điều hành bởi đội ngũ chuyên viên quản lý quỹ chuyên nghiệp, những người có chuyên môn, kinh nghiệm đầu tư và nguồn lực để phân tích, lựa chọn danh mục đầu tư phù hợp với chiến lược đầu tư của Quý, mang lại lợi nhuận kỳ vọng cho nhà đầu tư. Đội ngũ chuyên viên quản lý của VINACAPITAL-VDEF thường xuyên đánh giá, phân tích để quản lý danh mục đầu tư cho phù hợp với diễn biến của thị trường nhằm đảm bảo lợi nhuận kỳ vọng của nhà đầu tư.

Đầu Tư Vào Danh Mục Đa Dạng Với Chi Phí Hợp Lý

VINACAPITAL-VDEF đầu tư vào danh mục đầu tư được đa dạng hóa bao gồm chứng khoán vốn, chứng khoán nợ và các công cụ thị trường tiền tệ nhằm đảm bảo phân tán rủi ro liên quan đến từng chứng khoán riêng lẻ. Thông thường, để sở hữu một danh mục đa dạng tương tự nếu tự đầu tư thì nhà đầu tư phải có vốn lớn, trong khi Quý cho phép nhà đầu tư tham gia với số vốn khá nhỏ.

Thêm vào đó, đầu tư thông qua VINACAPITAL-VDEF cũng sẽ hiệu quả hơn về mặt quản lý chi phí khi nhà đầu tư có thể sở hữu ngay danh mục đầu tư đa dạng của Quý với chi phí hợp lý hơn so với việc tự đầu tư vào nhiều chứng khoán khác nhau với chi phí lớn hơn.

Quý Có Thanh Khoản Cao

Quý mở cho phép nhà đầu tư thoái vốn khá dễ dàng do Nhà Đầu Tư có thể bán lại Chứng chỉ quỹ với giá giao dịch là Giá Trị Tài Sản Ròng của Quý tại thời điểm bán lại. Nhà Đầu Tư có thể thực hiện lệnh bán Chứng chỉ quỹ tại tất cả ngày giao dịch của Quý mà không cần tìm đối tác để mua lại Chứng chỉ quỹ. Đây là ưu điểm của hình thức đầu tư quỹ mở so với các phương tiện đầu tư khác thường kém thanh khoản hơn như bất động sản hoặc các khoản đầu tư vào cổ phần của các công ty chưa được niêm yết hoặc giao dịch tập trung.

Tiết Kiệm Thời Gian Cho Nhà Đầu Tư

Để tự đầu tư hiệu quả, nhà đầu tư phải tốn nhiều thời gian để phân tích, lựa chọn và theo dõi các khoản đầu tư khá thường xuyên, thậm chí hàng ngày. Nhiều nhà đầu tư không có thời gian và điều kiện để quản lý các khoản đầu tư của mình như vậy. Do đó, tham gia vào quỹ mở là sự lựa chọn tốt cho các nhà đầu tư này vì các khoản đầu tư sẽ được công ty quản lý quỹ thực hiện và giám sát một cách chắc chắn và chuyên nghiệp thay mặt cho nhà đầu tư.

IV. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

1. Thông tin chung về công ty quản lý Quỹ

- Tên tiếng Việt	Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ VinaCapital
- Tên bằng tiếng Anh	VinaCapital Fund Management Joint-Stock Company
- Tên viết tắt	VCFM
- Giấy phép thành lập và hoạt động số	31/UBCK-GP do UBCKNN cấp lần đầu ngày 14/04/2008 (và được sửa đổi, bổ sung vào từng thời điểm)
- Trụ sở chính	Lầu 17, Tòa Nhà Sun Wah, 115 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại	+84 (0) 28 3827 8535
- Fax	+84 (0) 28 3827 8536
- Vốn điều lệ	110.000.000.000 VNĐ (một trăm mười tỷ đồng)

2. Giới thiệu các cổ đông của công ty Quản lý Quỹ

STT	Tên cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ nắm giữ/ tổng số cổ phần (%)
1	VinaCapital Investment Management Limited (thành lập tại Guernsey Islands)	1.031.800	9,38%
2	Asia Investment & Finance Limited (thành lập tại BVI)	5.242.600	47,66%
3	VinaCapital Investment Management Limited (thành lập tại BVI)	4.725.600	42,96%
Tổng cộng		11.000.000	100%

VinaCapital là một tổ chức quản lý tài sản, quản lý đầu tư và phát triển bất động sản hàng đầu trên thị trường Việt Nam với danh mục đầu tư đa dạng. Tập Đoàn VinaCapital được thành lập năm 2003. Trải qua mười lăm năm hoạt động và phát triển, VinaCapital luôn tự hào về đội ngũ điều hành có kinh nghiệm sâu rộng trong lĩnh vực đầu tư và tài chính quốc tế. Ngay từ khi thành lập, Tập Đoàn VinaCapital đã đi tiên phong trong việc phát triển các sản phẩm và dịch vụ đầu tư cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Hiện tại, Tập Đoàn VinaCapital là một trong số các công ty quản lý tài sản, quản lý đầu tư

lớn nhất trên thị trường Việt Nam, với tổng giá trị tài sản quản lý đạt 3,7 tỷ USD (tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021). Phần lớn tài sản do VinaCapital quản lý thuộc các quỹ đóng, niêm yết ở thị trường chứng khoán London, Anh Quốc và huy động vốn từ nhà đầu tư nước ngoài.

Từ năm 2011, Tập Đoàn VinaCapital đã đầu tư vào VCFM với mục đích phát triển và phân phối các quỹ và sản phẩm đầu tư cho nhà đầu tư Việt Nam. Trong các năm vừa qua, VCFM đã liên tục phát triển các quỹ mở và dịch vụ ủy thác đầu tư.

3. Giới thiệu các nhân sự chủ chốt của Quỹ và Công ty Quản lý Quỹ

3.1. Hội Đồng Quản Trị

- Ông Ho An T (Andy Ho) – Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị
- Ông Brook Colin Taylor – Thành viên Hội Đồng Quản Trị
- Bà Nguyễn Hoài Thu – Thành viên Hội Đồng Quản Trị

Ông Ho An T (Andy Ho) – Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị

Ông Andy Ho hiện là Giám Đốc Điều hành và là người đứng đầu bộ phận đầu tư của Tập Đoàn VinaCapital. Ông Andy Ho chịu trách nhiệm quản lý đội ngũ đầu tư trên thị trường vốn, trái phiếu, vốn tư nhân và đầu tư mạo hiểm của Tập Đoàn VinaCapital.

Ông là thành viên Hiệp hội Kế toán công chứng Mỹ, cử nhân đại học Colorado, Boulder và là Thạc sỹ (MBA) của Viện Công nghệ Massachusetts, Mỹ và Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ do UBCKNN cấp.

Ông Brook Colin Taylor – Thành Viên Hội Đồng Quản Trị

Ông Brook Colin Taylor hiện là Tổng Giám Đốc công ty Quản lý Quỹ VinaCapital. Ông có bằng Cử nhân Đại học Victoria of Wellington, New Zealand, bằng Executive MBA từ trường INSEAD Singapore, và Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ do UBCKNN cấp.

Bà Nguyễn Hoài Thu – Thành viên Hội Đồng Quản Trị

Bà Thu hiện là Giám đốc Điều hành khối Đầu tư của VinaCapital, phụ trách mảng đầu tư vào cổ phiếu và trái phiếu, quản lý hoạt động đầu tư của các quỹ mở và các danh mục đầu tư ủy thác trong nước và quốc tế của Tập đoàn VinaCapital.

Bà Thu có bằng Đại học Hạng Ưu chuyên ngành Quản trị Kinh doanh tại Đại học Quốc gia Singapore, bằng Chuyên viên Phân tích Tài chính Chuyên nghiệp (CFA) và chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

3.2. Ban Điều Hành Công ty Quản lý Quỹ

Ông Brook Colin Taylor – Tổng Giám Đốc kiêm Người đại diện theo pháp luật

Ông Brook Colin Taylor hiện là Tổng Giám Đốc công ty Quản lý Quỹ VinaCapital. Ông có bằng Cử nhân Đại học Victoria of Wellington, New Zealand, bằng Executive MBA từ trường INSEAD Singapore, và Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ do UBCKNN cấp.

3.3. Người Điều Hành Quỹ

Bà Nguyễn Hoài Phương – Người Điều Hành Quỹ

Bà Nguyễn Hoài Phương hiện là Giám đốc đầu tư của VinaCapital. Bà Phương có 14 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư và quản lý quỹ tại Việt Nam. Bà hiện phụ trách quản lý quỹ mở cổ phiếu của VinaCapital và các danh mục ủy thác đầu tư của VinaCapital.

Trước đó, bà Phương là Chuyên viên Phân tích Đầu tư phụ trách các ngành tiêu dùng, bán lẻ, môi giới chứng khoán và công nghệ thuộc phòng Phân tích của VinaCapital. Trước khi gia nhập VinaCapital, bà Phương là Chuyên viên Đầu tư tại Saigon Asset Management (SAM). Bà Phương có bằng Thạc Sĩ Tài chính của trường đại học RMIT, Melbourne Australia. Bà có chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ do UBCKNN cấp và đã đạt Level 2 CFA.

Bà Trần Thảo Nguyên – Người Điều Hành Quỹ

Bà Trần Thảo Nguyên là Trưởng phòng đầu tư của CTCP Quản lý Quỹ VinaCapital. Bà Nguyên có gần 11 năm công tác tại VinaCapital. Bà hiện phụ trách quản lý quỹ mở cổ phiếu của VinaCapital và các danh mục ủy thác đầu tư của VinaCapital. Trước khi gia nhập VinaCapital, bà có gần 1 năm làm việc tại Ngân hàng ANZ Việt Nam.

Bà Nguyễn tốt nghiệp xuất sắc cao học chuyên ngành Phân tích Đầu tư và có bằng Cử nhân từ trường đại học Aston, Vương Quốc Anh. Bà đạt chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và bằng Chuyên viên Phân tích Tài chính chuyên nghiệp (CFA).

3.4. Tình Hình Hoạt Động Của Công Ty Quản Lý Quỹ

3.4.1. Khái Quát Hoạt Động Của Công Ty Quản Lý Quỹ

Tiền thân của VCFM là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thép Việt, được thành lập vào ngày 14 tháng 04 năm 2008 theo giấy phép hoạt động số 31/UBCK-GP do UBCKNN cấp, với tổng vốn điều lệ ban đầu là 25 tỷ đồng. Công ty chính thức đổi tên thành Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ VinaWealth theo giấy phép điều chỉnh số 33/GPĐC-UBCKNN do UBCKNN cấp ngày 20 tháng 04 năm 2012. Sau đó, công ty đổi tên một lần nữa theo giấy phép điều chỉnh số 06/GPĐC-UBCK ngày 10 tháng 07 năm 2017 thành Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ VinaCapital. Ngày 13 tháng 01 năm 2023, VCFM chính thức tăng vốn điều lệ lên 110 tỷ đồng theo giấy phép điều chỉnh số 06/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp.

VCFM là công ty tiên phong trong lĩnh vực quỹ mở và các sản phẩm đầu tư cho nhà đầu tư trong và ngoài nước. VCFM đang quản lý các sản phẩm và dịch vụ đầu tư sau:

- Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu Bảo Thịnh VinaCapital (“VINACAPITAL-VFF”);
- Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Hưng Thịnh VinaCapital (“VINACAPITAL-VEOF”);
- Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Tiếp Cận Thị Trường VinaCapital (“VINACAPITAL-VESAF”);
- Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Tuệ Sáng VinaCapital (“VINACAPITAL-VIBF”);
- Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu Thanh Khoản VinaCapital (“VINACAPITAL-VLBF”);
- Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Kinh tế Hiện đại VinaCapital (VINACAPITAL-VMEEF);
- Quỹ ETF VinaCapital VN100; và
- Dịch Vụ Quản Lý Danh Mục Ủy Thác Đầu Tư – Ngoài các quỹ mở, Công ty Quản lý Quỹ VinaCapital cũng đã phát triển dịch vụ quản lý danh mục ủy thác đầu tư trong các năm vừa qua nhằm phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức và nhà đầu tư cá nhân có vốn lớn và/hoặc nhu cầu đầu tư mà quỹ mở chưa đáp ứng được.

Thông tin chi tiết về các Quỹ và dịch vụ đầu tư có thể được tham khảo tại trang thông tin điện tử của VinaCapital (wm.vinacapital.com).

Với tầm nhìn trở thành công ty quản lý quỹ dẫn đầu trên thị trường Việt Nam, VCFM sẽ tiếp tục tập trung phát triển các sản phẩm và dịch vụ đầu tư để phục vụ nhà đầu tư trong và ngoài nước. Công ty phấn đấu mang lại giá trị cho nhà đầu tư thông qua việc đạt hiệu quả đầu tư tốt và phục vụ khách hàng với các tiêu chuẩn cao nhất.

3.4.2. Tình Hình Hoạt Động Kinh Doanh Của Công Ty Quản Lý Quỹ Trong 5 Năm Gần Nhất

Năm	Doanh thu (VNĐ)	Lợi nhuận sau thuế (VNĐ)
2019	207.480.152.287	10.962.877.696
2020	187.260.871.848	7.426.911.458
2021	341.442.141.509	77.736.398.493
2022	284.397.953.007	(5.989.289.971)
2023 (*)	268.982.224.307	2.100.979.842

(*) Số liệu theo Báo cáo tài chính cho kỳ báo cáo kết thúc quý 4 năm 2023 chưa được kiểm toán.

Các thông tin về hoạt động trong quá khứ của Công ty quản lý quỹ, không hàm ý đảm bảo cho khả năng hoạt động của Công ty quản lý quỹ trong tương lai.

V. NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam) (“SCBVL”), hoạt động theo Giấy phép hoạt động số 236/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước cấp ngày 08 tháng 09 năm 2008, Quyết định số 1477/QĐ-NHNN do NHNN cấp ngày 25/08/2022 về việc bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép thành lập và hoạt động NH TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam) (và các bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế vào từng thời điểm) và Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 08/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 07 tháng 05 năm 2015.

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 3, Phòng CP1.L01 & CP2.L01, Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: (84-24) 39 36 80 00 Fax: (84-24) 38 37 83 56

Ngân hàng Giám sát chịu trách nhiệm trong phạm vi liên quan đến hoạt động của ngân hàng giám sát theo quy định tại Điều lệ Quỹ và Hợp đồng Giám sát.

VI. CÔNG TY KIỂM TOÁN

Hàng năm Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ đề xuất ít nhất hai (02) công ty kiểm toán có uy tín và kinh nghiệm nằm trong danh sách các công ty kiểm toán được UBCKNN chấp thuận để Ban Đại Diện Quỹ xem xét và lựa chọn theo ủy quyền của Đại Hội Nhà Đầu Tư.

VII. ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ

Danh sách đại lý phân phối được liệt kê chi tiết trong Phụ Lục 3 Bản Cáo Bạch này.

Công Ty Quản Lý Quỹ có thể lựa chọn và ký hợp đồng với Đại Lý Phân Phối mới hoặc chỉ định Đại Lý Ký Danh (nếu có) theo các quy định về Đại Lý Phân Phối và Đại Lý Ký Danh (nếu có) tại Chương 9 của Điều Lệ của Quỹ. Trong trường hợp có Đại Lý Phân Phối mới, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ thông báo tới các Nhà Đầu Tư và cập nhật thông tin trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ. Nội dung thay đổi này cũng sẽ được cập nhật tại Bản Cáo Bạch vào lần cập nhật gần nhất.

VIII. TỔ CHỨC ĐƯỢC ỦY QUYỀN

1. Tổ chức được ủy quyền cung cấp dịch vụ Quản trị Quỹ đầu tư

Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam) (“SCBVL”)

Giấy phép hoạt động số 236/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước cấp ngày 08 tháng 09 năm 2008, Quyết định số 1477/QĐ-NHNN do NHNN cấp ngày 25/08/2022 về việc bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép thành lập và hoạt động NH TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam) (và các bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế vào từng thời điểm)

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký số 08/GCN-UBCK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 07 tháng 05 năm 2015 (và các sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế vào từng thời điểm).

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 3, Phòng CP1.L01 & CP2.L01, Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: (84-24) 39 36 80 00 Fax: (84-24) 3837 8356

Tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ chịu trách nhiệm trong phạm vi liên quan đến dịch vụ cung cấp theo quy định tại hợp đồng dịch vụ ký kết giữa Công ty Quản lý Quỹ và tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ.

2. Tổ chức được ủy quyền cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng

Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam

Quyết định thành lập số 171/2008/QĐ-TTg của Thủ Tướng Chính Phủ ngày 18 tháng 12 năm 2008

Quyết định số 26/2022/QĐ-TTg ngày 16/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ về thành lập, tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC), ngày 08/8/2023

Địa chỉ: Số 112 đường Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Điện thoại: (84 – 24) 3974 7123

Phạm vi dịch vụ được ủy quyền: Toàn bộ các công việc liên quan tới dịch vụ đại lý chuyển nhượng đối với Quỹ mở.

Chi phí phải thanh toán Giá dịch vụ Đại lý chuyển nhượng được chi tiết tại Bản Cáo Bạch này.

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản

IX. CÁC THÔNG TIN VỀ QUỸ ĐẦU TƯ

1. Thông tin chung về Quỹ

1.1. Tên và địa chỉ liên hệ:

- | | |
|----------------------------|---|
| - Tên Quỹ Bằng Tiếng Việt: | QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU CÓ TỨC NĂNG ĐỘNG
VINACAPITAL |
| - Tên Quỹ bằng Tiếng Anh: | VINACAPITAL DYNAMIC DIVIDEND EQUITY FUND |

- Tên viết tắt:

VINACAPITAL-VDEF

- Địa chỉ:

Lầu 17, Tòa Nhà Sun Wah, 115 Nguyễn Huệ, Phường
Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

1.2. Giấy chứng nhận đăng ký chào bán:

Số [●] do [●] cấp ngày [●]

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký thành lập:

Số [●] do [●] cấp ngày [●]

1.4. Tính chất và thời gian hoạt động của quỹ:

Loại hình Quỹ: Quỹ đại chúng dạng mở, được tổ chức và hoạt động theo Pháp Luật.

Thời hạn hoạt động: Không giới hạn

1.5. Tình hình và kết quả hoạt động:

Trước đợt phát hành lần đầu ra công chúng (IPO), Quỹ sẽ không có kết quả hoạt động trong quá khứ. Thông tin về kết quả hoạt động của Quỹ sẽ được công bố đến Nhà Đầu Tư trong các báo cáo định kỳ và trong các báo cáo đầy đủ theo quy định về công bố thông tin tại Điều Lệ của Quỹ và theo quy định của Pháp Luật.

2. Tóm tắt Điều lệ Quỹ

Nhà Đầu Tư cần lưu ý rằng những nội dung tại Chương IX Mục 2 này là nội dung tóm tắt của Điều Lệ Quỹ. Để có đầy đủ thông tin, Nhà Đầu Tư cần tham khảo Điều Lệ của Quỹ. Trong trường hợp có sự khác biệt giữa nội dung của Bản Cáo Bạch này và Điều Lệ của Quỹ, các quy định của Điều Lệ của Quỹ sẽ được áp dụng. Trường hợp Nhà Đầu Tư nghi ngờ về quyết định đầu tư của mình, Nhà Đầu Tư nên tìm hiểu thông tin hoặc tham vấn chuyên gia tư vấn để có quyết định phù hợp.

2.1. Các Điều khoản chung

Các điều khoản chung cung cấp các thông tin chung liên quan đến tên, địa chỉ liên hệ, thời hạn hoạt động của Quỹ, tổng số vốn huy động và số lượng Chứng chỉ quỹ chào bán, các thông tin cơ bản về Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát. Cụ thể, Vốn Điều Lệ huy động trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng của Quỹ tối thiểu là năm mươi tỷ Đồng Việt Nam (50.000.000.000 VNĐ) và mệnh giá của mỗi Chứng chỉ quỹ là mười ngàn Đồng Việt Nam (10.000 VNĐ).

2.2. Các quy định về mục tiêu, chính sách và hạn chế đầu tư

Quy định về mục tiêu đầu tư, chính sách đầu tư và hạn mức đầu tư của Quỹ, hoạt động vay, cho vay, giao dịch mua bán lại, giao dịch ký quỹ và phương pháp lựa chọn đầu tư của Quỹ được trình bày tại Chương IX, Mục 3 của Bản Cáo Bạch này.

2.3. Đặc trưng của chứng chỉ quỹ đầu tư

Những đặc trưng của Quỹ được quy định tại Điều Lệ, bao gồm ba (3) điều: quy định chung về Nhà Đầu Tư, Quyền và Nghĩa vụ của Nhà Đầu Tư và Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư.

- (a) Nhà Đầu Tư là các cá nhân hoặc tổ chức trong và ngoài nước. Nhà Đầu Tư sẽ không phải chịu trách nhiệm hoặc có bất kỳ nghĩa vụ nào khác đối với Quỹ ngoài trách nhiệm trong phạm vi số Chứng chỉ quỹ mà họ nắm giữ.
- (b) Nhà Đầu Tư có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - Các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 101 Luật Chứng khoán Hưởng lợi từ hoạt động đầu tư của quỹ tương ứng với số lượng chứng chỉ quỹ đang nắm giữ;
 - Hưởng các lợi ích và tài sản được chia hợp pháp từ việc thanh lý tài sản của quỹ;
 - Yêu cầu công ty quản lý quỹ mua lại chứng chỉ quỹ mở;
 - Khởi kiện công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát hoặc tổ chức liên quan nếu tổ chức này vi phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình;
 - Thực hiện quyền và trách nhiệm tham gia các cuộc họp đại hội nhà đầu tư và thực hiện quyền biểu quyết dưới hình thức trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ

- xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác);
- Quyền được đối xử công bằng, mỗi chứng chỉ quỹ đều tạo cho người sở hữu quyền, nghĩa vụ, lợi ích ngang nhau;
- Quyền tự do chuyển nhượng chứng chỉ quỹ, trừ trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ quỹ;
- Quyền được tiếp cận đầy đủ các thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của quỹ;
- Nghĩa vụ chấp hành các Quyết định của Đại hội nhà đầu tư;
- Nghĩa vụ thanh toán đầy đủ tiền mua chứng chỉ quỹ trong thời hạn quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch và chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của quỹ trong phạm vi số tiền đã thanh toán khi mua chứng chỉ quỹ;
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về chứng khoán và tại Điều Lệ quỹ.

(c) *Sổ Đăng Ký Nhà Đầu tư (Sổ Đăng Ký Sở Hữu Chứng Chỉ Quỹ)*

Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ Đại Lý Chuyển Nhượng lập và quản lý Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư chính (sổ chính) hoặc ủy quyền Đại Lý Ký Danh (nếu có), lập và quản lý Sổ Phụ để xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ quỹ cho Nhà Đầu Tư.

(d) *Quyền biểu quyết của nhà đầu tư*

Mỗi chứng chỉ quỹ sẽ có một quyền biểu quyết. Ngân hàng giám sát, tổ chức kiểm toán, công ty luật cung cấp dịch vụ cho Quỹ được quyền tham gia đại hội nhà đầu tư nhưng không được biểu quyết.

(e) *Các trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, thanh lý, giải thể quỹ và quyền của nhà đầu tư trong trường hợp thanh lý, giải thể quỹ*

-- Trường hợp giải thể Quỹ: Việc thanh lý, giải thể Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật và phải được UBCKNN chấp thuận. Việc thanh lý, giải thể Quỹ được tiến hành trong các trường hợp sau đây:

- Công ty quản lý quỹ bị giải thể, phá sản, hoặc bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán mà Ban đại diện Quỹ không xác lập được Công ty quản lý quỹ thay thế trong vòng hai (02) tháng, kể từ ngày phát sinh sự kiện;
- Ngân hàng giám sát bị giải thể, bị phá sản, hoặc Hợp Đồng Giám Sát giữa Ngân hàng giám sát và Công ty quản lý quỹ bị chấm dứt; hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán bị thu hồi mà Công ty quản lý quỹ không xác lập được Ngân hàng giám sát thay thế trong vòng hai (02) tháng, kể từ ngày phát sinh sự kiện;
- Kết thúc thời hạn hoạt động ghi trong Điều lệ Quỹ;
- Đại hội nhà đầu tư quyết định giải thể quỹ khi kết thúc thời hạn hoạt động ghi trong Điều lệ Quỹ;
- Giá trị tài sản ròng của Quỹ giảm xuống thấp hơn mười (10) tỷ Đồng Việt Nam liên tục trong sáu (06) tháng;

-- Trường hợp chia, tách: Việc chia, tách Quỹ phải được UBCKNN chấp thuận, điều kiện để chia, tách Quỹ bao gồm:

- Được đại hội nhà đầu tư thông qua việc chia, tách;
- Các quỹ hình thành sau khi chia, tách phải đáp ứng các điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 108 Luật Chứng Khoán;
- Các quỹ hình thành sau chia, tách phải được giám sát bởi Ngân hàng giám sát.

-- Trường hợp hợp nhất, sáp nhập Quỹ: Việc hợp nhất, sáp nhập Quỹ chỉ được tiến hành trong các trường hợp pháp luật quy định và được đại hội nhà đầu tư chấp thuận và phải được UBCKNN chấp thuận.

2.4. Cơ chế giao dịch chứng chỉ quỹ

Quy trình nhận Lệnh Bán, điều kiện thực hiện Lệnh Bán, quy trình nhận Lệnh Mua, điều kiện thực hiện Lệnh Mua, quy trình nhận Lệnh Chuyển Đổi, điều kiện thực hiện Lệnh Chuyển Đổi, và các trường hợp tạm dừng giao dịch Chứng chỉ quỹ và thực hiện một phần Lệnh Được Chấp Nhận được cụ thể hóa tại Chương IX của Bản Cáo Bạch này.

2.5. Nguyên tắc xác định giá giao dịch chứng chỉ quỹ

Tần suất định giá, quy định về nguyên tắc và phương pháp xác định Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ,

đền bù thiệt hại cho Nhà Đầu Tư và Quỹ do định giá sai, nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn và thay đổi tổ chức cung cấp báo giá; phương pháp xác định giá giao dịch và các vấn đề liên quan đến công bố thông tin về các giá giao dịch bao gồm hình thức, địa điểm và tần suất công bố thông tin được trình bày chi tiết tại Chương XI Mục 12 của Bản Cáo Bạch này.

Thông tin về các mức giá dịch vụ: giá dịch vụ phát hành, giá dịch vụ mua lại, giá dịch vụ chuyển đổi và giá chuyển nhượng phi thương mại được quy định tại Chương XII, mục 3.2 của Bản Cáo Bạch này.

2.6. Thông tin về các mức giá dịch vụ mà Quỹ phải trả

Quy định về Giá dịch vụ quản lý quỹ, Giá dịch vụ giám sát cùng các loại giá dịch vụ, chi phí khác mà Quỹ phải chi trả được quy định chi tiết tại Chương XII Mục 3.1 của Bản Cáo Bạch này.

2.7. Phân chia lợi nhuận và chính sách thuế

Các vấn đề về phân chia lợi nhuận của Quỹ được quy định trong Điều Lệ và được quy định chi tiết tại Chương XII Mục 5.2 (phân chia lợi nhuận và chính sách thuế) của Bản Cáo Bạch này.

2.8. Đại Hội Nhà Đầu Tư

Các vấn đề về Đại Hội Nhà Đầu Tư được quy định tại Điều Lệ bao gồm năm (5) điều: quy định về những nội dung liên quan đến Đại Hội Nhà Đầu Tư, quyền và nghĩa vụ của Đại Hội Nhà Đầu Tư, điều kiện và thể thức tiến hành họp Đại Hội Nhà Đầu Tư, quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư và phản đối quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư.

Đại Hội Nhà Đầu Tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ và tất cả những Nhà Đầu Tư có tên trong Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư trước thời điểm chốt danh sách để triệu tập cuộc họp đều có quyền tham dự Đại Hội Nhà Đầu Tư. Đại Hội Nhà Đầu Tư hàng năm hoặc bất thường sẽ được tổ chức bởi Công Ty Quản Lý Quỹ phù hợp với quy định của Điều Lệ và của Pháp Luật.

(a) Đại hội Nhà đầu tư thường niên:

Đại hội nhà đầu tư thường niên được tổ chức trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Ban đại diện quỹ, cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư thường niên có thể gia hạn nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính và phải thông báo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

(b) Đại Hội Nhà Đầu Tư bất thường có thể được triệu tập trong những trường hợp sau:

- Công ty quản lý quỹ hoặc ngân hàng giám sát hoặc Ban đại diện Quỹ xét thấy là cần thiết vì quyền lợi của Quỹ; hoặc
- Theo yêu cầu của Nhà đầu tư hoặc nhóm Nhà đầu tư sở hữu từ (5%) tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành trong các trường hợp:
 - Có căn cứ xác thực về việc Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát vi phạm quyền của nhà đầu tư hoặc nghĩa vụ của Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền quy định tại Điều lệ quỹ, hợp đồng giám sát hoặc được giao bởi Đại hội nhà đầu tư, gây tổn thất cho quỹ;
 - Ban đại diện quỹ đã hết nhiệm kỳ trên 06 tháng mà chưa được bầu thay thế;
 - Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ quỹ

(c) Đại Hội Nhà Đầu Tư có các quyền và nghĩa vụ như sau:

- (i) Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung Điều Lệ của Quỹ;
- (ii) Quyết định các thay đổi cơ bản trong chính sách đầu tư hoặc mục tiêu đầu tư của Quỹ quy định tại Điều lệ quỹ; thay đổi mức giá dịch vụ trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát; thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát;
- (iii) Quyết định việc chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể Quỹ, thay đổi thời hạn hoạt động của Quỹ;
- (iv) Quyết định phương án phân phối lợi tức;
- (v) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ Tịch và thành viên Ban Đại Diện Quỹ; quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ; thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ, doanh nghiệp thẩm định giá độc lập (nếu có); thông qua các báo cáo về tình hình tài chính, tài sản và hoạt động hàng năm của Quỹ;

- (vi) Xem xét và xử lý vi phạm của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát và Ban Đại diện Quỹ gây tổn thất cho Quỹ;
 - (vii) Yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát xuất trình sổ sách hoặc giấy tờ giao dịch tại Đại Hội Nhà Đầu Tư;
 - (viii) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại Hội Nhà Đầu Tư theo quy định tại Điều Lệ Quỹ và theo quy định Pháp Luật về chứng khoán.
- (d) Thể thức tiến hành Đại hội Nhà đầu tư
- Đại hội Nhà đầu tư thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết hoặc lấy ý kiến bằng văn bản theo quy định tại Điều lệ Quỹ.
 - Đại hội Nhà đầu tư có thể được tổ chức họp dưới hình thức họp tập trung hoặc lấy ý kiến bằng văn bản hoặc thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử (e-voting). Trường hợp cuộc họp đại hội nhà đầu tư được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp đại hội nhà đầu tư được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp.
 - Đại hội Nhà đầu tư do Chủ Tịch Ban đại diện Quỹ chủ trì. Trường hợp Chủ Tịch Ban đại diện Quỹ vắng mặt thì Phó Chủ Tịch Ban Đại Diện Quỹ hoặc các thành viên còn lại chỉ định một thành viên Ban đại diện Quỹ đứng ra chủ trì.
 - Tất cả các cuộc họp của Đại Hội Nhà đầu tư phải được lập thành biên bản và lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty quản lý quỹ.
- (e) Quyết định của Đại hội Nhà đầu tư
- Nhà đầu tư có thể trực tiếp tham dự Đại hội Nhà đầu tư hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc tham dự Hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; tham dự họp trực tuyến thông qua điện thoại, internet hoặc thực hiện gửi phiếu biểu quyết từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử hoặc hình thức điện tử khác).
 - Quyết định của Đại hội Nhà đầu tư được thông qua khi có số Nhà đầu tư đại diện cho trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả nhà đầu tư dự họp tán thành, ngoại trừ quyết định liên quan đến các vấn đề thể hiện tại mục (ii) và (iii) điểm (c) bên trên chỉ được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp đại hội nhà đầu tư khi có Nhà Đầu Tư đại diện trên sáu mươi lăm phần trăm (65%) của tổng số phiếu biểu quyết của những Nhà Đầu Tư dự họp thông qua.
 - Trường hợp lấy ý kiến Đại hội Nhà đầu tư dưới hình thức bằng văn bản, quyết định của Đại hội Nhà đầu tư được thông qua khi được số nhà đầu tư đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả nhà đầu tư có quyền biểu quyết tán thành.
 - Nhà đầu tư phản đối các quyết định của Đại hội Nhà đầu tư liên quan đến các vấn đề thể hiện tại mục (ii) và (iii) điểm (c) bên trên có quyền yêu cầu Quỹ mua lại Chứng chỉ quỹ của mình theo quy định tại Điều Lệ Quỹ.

2.9. Ban Đại Diện Quỹ

Các quy định về Ban Đại Diện Quỹ được thể hiện tại Điều Lệ bao gồm: quy định những nội dung cơ bản về Ban Đại Diện Quỹ, số lượng và tiêu chuẩn đối với thành viên, quyền và nghĩa vụ, cơ cấu tổ chức và hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ.

(a) Ban đại diện Quỹ có từ ba (03) đến mười một (11) thành viên, được bầu tại cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư hoặc được nhà đầu tư cho ý kiến bằng văn bản, trong đó có ít nhất hai phần ba số thành viên Ban Đại Diện Quỹ là thành viên độc lập không phải là Người Có Liên Quan của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân hàng giám sát hoặc đại diện theo ủy quyền của các tổ chức này. Nhiệm kỳ của Ban Đại Diện Quỹ là năm (05) năm, các thành viên Ban Đại Diện Quỹ có thể được tái bổ nhiệm mà không có giới hạn số nhiệm kỳ.

(b) Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban đại diện Quỹ

Thành viên Ban đại diện Quỹ phải đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn sau:

- Có đầy đủ năng lực hành vi dân sự;
- Không bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; và
- Có kinh nghiệm chuyên môn trong lĩnh vực kinh tế, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán,

kế toán, kiểm toán hoặc luật hoặc tốt nghiệp một trường đại học với chuyên ngành thuộc một trong các lĩnh vực nêu trên.

Trong Ban đại diện Quỹ phải có:

- Tối thiểu một (01) thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, có kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán;
- Tối thiểu một (01) thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm làm việc trong hoạt động phân tích đầu tư chứng khoán hoặc quản lý tài sản; và
- Tối thiểu một (01) thành viên có trình độ chuyên môn về pháp luật.

(c) Ban Đại Diện Quỹ có các quyền và nghĩa vụ như sau:

- Đại diện cho quyền lợi của Nhà Đầu Tư; thực hiện các hoạt động phù hợp với quy định của Pháp Luật để bảo vệ quyền lợi của Nhà Đầu Tư;
- Phê duyệt sổ tay định giá giá trị tài sản ròng của quỹ, danh sách các tổ chức cung cấp báo giá, nguyên tắc và phương pháp xác định Giá Trị Tài Sản Ròng;
- Phê duyệt danh sách các tổ chức tín dụng theo quy định tại Điều 10.6 Điều lệ Quỹ;
- Quyết định mức lợi nhuận phân phối theo Phương án phân phối lợi nhuận đã được Đại hội nhà đầu tư thông qua; thời điểm thực hiện, cách thức và phương thức phân phối lợi nhuận, hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- Chấp thuận các vấn đề liên quan đến các giao dịch vào các tài sản được phép đầu tư theo phương thức thỏa thuận. Chấp thuận của Ban Đại Diện Quỹ phải bằng văn bản về khoảng giá dự kiến, thời điểm thực hiện, đối tác giao dịch hoặc tiêu chí xác định đối tác giao dịch, loại tài sản giao dịch trước khi thực hiện giao dịch. Trường hợp mức giá thực tế mua cao hơn hoặc giá bán thực tế thấp hơn giá tham chiếu của các tổ chức cung cấp báo giá hoặc vượt quá khoảng giá đã được chấp thuận, Công Ty Quản Lý Quỹ phải giải thích rõ lý do để Ban Đại Diện quỹ xem xét, quyết định.
- Quyết định các vấn đề chưa có sự thống nhất giữa công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát trên cơ sở quy định của pháp luật;
- Trường hợp được Đại Hội Nhà Đầu Tư gán nhất ủy quyền, quyết định các vấn đề quy định tại Mục (ii), (iii), (iv), (v), (vi), (vii), (viii) của điểm 2.8 (c) nêu trên theo quy định của pháp luật;
- Yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát kịp thời cung cấp đầy đủ các tài liệu, thông tin về hoạt động quản lý tài sản và hoạt động giám sát Quỹ; và
- Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Điều Lệ và của Pháp Luật.

(d) Chủ Tịch Ban Đại Diện Quỹ do Đại Hội Nhà Đầu Tư bầu trong số các thành viên Ban Đại Diện Quỹ. Chủ Tịch Ban Đại Diện Quỹ có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ;
- Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp của Ban Đại Diện Quỹ; triệu tập và chủ tọa cuộc họp của Ban Đại Diện Quỹ;
- Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Ban Đại Diện Quỹ; và
- Các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại Điều Lệ và của Pháp Luật.

(e) Thủ tục điều hành của Ban đại diện Quỹ

- Chủ Tịch Ban đại diện Quỹ có quyền triệu tập họp Ban đại diện Quỹ. Ban đại diện Quỹ phải họp ít nhất mỗi quý một lần, trong trường hợp cần thiết có thể họp bất thường. Trường hợp Chủ Tịch Ban đại diện Quỹ vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao thì thành viên Ban đại diện Quỹ được Chủ Tịch Ban đại diện Quỹ ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ Tịch Ban đại diện Quỹ.
- Trường hợp không có người được ủy quyền, các thành viên Ban đại diện Quỹ còn lại chọn một trong số các thành viên độc lập tạm thời giữ chức Chủ Tịch Ban đại diện Quỹ theo nguyên tắc nhất trí. Việc bầu lại Chủ Tịch Ban đại diện Quỹ sẽ được thực hiện tại đại hội nhà đầu tư gần nhất.

(f) Một thành viên của Ban Đại Diện Quý có thể bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế, bổ sung theo quy định tại Điều Lệ Quý và theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán.

(g) Cuộc họp Ban đại diện Quý được tiến hành khi có tối thiểu hai phần ba tổng số thành viên trở lên dự họp trong đó số thành viên độc lập dự họp phải chiếm đa số, trên năm mươi phần trăm (50%) số thành viên dự họp trở lên.

Cuộc họp của Ban đại diện Quý được thông qua bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Quyết định của Ban đại diện Quý được thông qua nếu được đa số thành viên và đa số thành viên độc lập thông qua tại cuộc họp trực tiếp hay bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Trong trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ Tịch Ban đại diện Quý.

Biên bản họp Ban đại diện quý phải được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và chủ tọa phiên họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Chủ tọa và thư ký phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản họp Ban đại diện Quý. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Ban đại diện quý tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp Ban đại diện quý phải được lưu giữ tại công ty quản lý quỹ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và Điều lệ quỹ.

2.10. Tiêu chí lựa chọn, quyền hạn và trách nhiệm của Công Ty Quản Lý Quý

(a) Công ty quản lý quỹ được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

- Được thực hiện nghiệp vụ quản lý quỹ theo quy định của pháp luật;
- Độc lập với Ngân hàng giám sát;
- Có đầy đủ cơ sở vật chất, nhân sự để quản lý quỹ mở;
- Đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quý như nêu tại Phụ Lục 1 và Phụ Lục 3 của Điều Lệ quỹ.

(b) Những thông tin chung về Công Ty Quản Lý được thể hiện tại Chương IV của Bản Cáo Bạch này. Nhà Đầu Tư tham khảo thêm Điều Lệ Quý quy định về quyền và nghĩa vụ của Công Ty Quản Lý Quý, chấm dứt quyền và nghĩa vụ của Công Ty Quản Lý Quý cũng như những hạn chế trong hoạt động của Công Ty Quản Lý Quý.

(c) Nhà Đầu Tư cần lưu ý trong trường hợp Đại Hội Nhà Đầu Tư quyết định chấm dứt quyền và nghĩa vụ của Công Ty Quản Lý Quý mà không thuộc các trường hợp được phép theo quy định của Điều Lệ và Pháp Luật, Quý sẽ bồi thường cho Công Ty Quản Lý Quý một khoản phí như sau:

- Nếu việc thay đổi Công Ty Quản Lý Quý diễn ra trong vòng ba (03) năm kể từ ngày Quý bắt đầu hoạt động, chi phí bồi thường sẽ bằng ba phần trăm (3%) Giá Trị Tài Sản Ròng trung bình của Quý trong vòng năm mươi hai (52) tuần liền trước thời điểm Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua quyết định thay đổi Công Ty Quản Lý Quý; hoặc
- Nếu việc thay đổi Công Ty Quản Lý Quý diễn ra sau ba (03) năm kể từ ngày Quý bắt đầu hoạt động, chi phí bồi thường sẽ bằng một phẩy năm phần trăm (1,5%) Giá Trị Tài Sản Ròng trung bình của Quý trong vòng năm mươi hai (52) tuần liền trước thời điểm Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua quyết định thay đổi Công Ty Quản Lý Quý.

2.11. Tiêu Chí Lựa Chọn, Quyền Hạn và Trách Nhiệm Của Ngân Hàng Giám Sát và Các Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ Khác

Ngân hàng giám sát do Công ty quản lý quỹ lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

- Ngân hàng giám sát do Công ty quản lý quỹ lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 116 Luật Chứng khoán;
- Ngân hàng giám sát phải hoàn toàn độc lập và tách biệt với Công ty quản lý quỹ mà ngân hàng cung cấp dịch vụ giám sát;
- Có đầy đủ năng lực để cung cấp dịch vụ giám sát và lưu ký chứng khoán; và
- Thực hiện các cam kết đối với Quý như nêu tại Phụ Lục 2 và Phụ Lục 3 của Điều Lệ quỹ.

Những thông tin chung về Ngân Hàng Giám Sát về Ngân Hàng Giám Sát thể hiện tại phần V của Bản Cáo Bạch này. Nhà Đầu Tư tham khảo thêm Điều Lệ Quý quy định về quyền và nghĩa vụ của Ngân Hàng Giám Sát, hoạt động của Ngân Hàng Giám Sát và chấm dứt quyền và nghĩa vụ của Ngân Hàng Giám Sát.

Công ty quản lý quỹ được thuê nhà cung cấp dịch vụ bên ngoài thực hiện hoạt động quản trị quỹ và hoạt động đại lý chuyên nhượng. Việc ủy quyền không làm giảm trách nhiệm hoặc thay đổi trách nhiệm của Công ty quản lý quỹ đối với Quý. Các tổ chức được ủy quyền cung cấp các dịch vụ liên quan cho Quý được thể hiện tại phần VIII của Bản Cáo Bạch này.

Quy định về các hoạt động được ủy quyền của Quý, tiêu chuẩn lựa chọn tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan, trách nhiệm của các tổ chức này cũng như trách nhiệm của Công Ty Quản Lý Quỹ đối với các hoạt động đã ủy quyền và chấm dứt hoạt động ủy quyền được quy định chi tiết trong Điều lệ quỹ. Nhà Đầu Tư tham khảo thêm Điều Lệ để biết thêm thông tin về các quy định liên quan đến việc đăng ký phân phối Chứng chỉ quỹ, hoạt động của Đại Lý Phân Phối và Đại Lý Ký Danh và nghiệp vụ phân phối Chứng chỉ quỹ.

2.12. Kiểm Toán, Kế Toán và Chế Độ Báo Cáo

Vấn đề về kiểm toán, kế toán và chế độ báo cáo của Quý được quy định tại Điều Lệ bao gồm năm (5) điều: quy định về tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi công ty kiểm toán của Quý, năm tài chính, chế độ kế toán, báo cáo tài chính và báo cáo khác.

Các vấn đề nêu trên đã được trình bày tại Chương VI và Chương XII Mục 6 của Bản Cáo Bạch này

3. Mục tiêu đầu tư, chính sách đầu tư và hạn mức đầu tư của Quý

3.1. Mục Tiêu Đầu Tư

Mục tiêu của Quý là mang lại thu nhập bền vững cho nhà đầu tư trong trung và dài hạn, thông qua việc đầu tư năng động vào cổ phiếu các công ty niêm yết có tỷ suất cổ tức cao và ổn định, đồng thời có triển vọng tăng giá.

3.2. Chiến Lược Đầu Tư, Chính Sách Đầu Tư Và Phân Bỏ Tài Sản

3.2.1. Chiến lược đầu tư của Quý bao gồm nhưng không hạn chế đầu tư vào cổ phiếu các công ty niêm yết có nền tảng tài chính và dòng tiền tốt, có khả năng tạo ra một tỷ suất cổ tức cao và bền vững qua các năm, nhưng vẫn có khả năng duy trì tăng trưởng lợi nhuận nhờ vào mô hình kinh doanh có lợi thế cạnh tranh và hiệu quả hoạt động cao.

3.2.2. Quý cũng có thể đầu tư các tài sản tạo thu nhập cố định như chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu, giấy tờ có giá và các tài sản có thu nhập cố định khác có chất lượng tín dụng tốt, đảm bảo thu hồi vốn và mang về các khoản thu nhập cố định cho Quý.

3.2.3. Tỷ trọng phân bổ tài sản đầu tư thực tế có thể sẽ dao động tùy vào diễn biến của thị trường và các cơ hội đầu tư của Quý dựa trên đánh giá về rủi ro và lợi nhuận mang lại của các cơ hội đầu tư này tại từng thời điểm, với mục tiêu xuyên suốt trong toàn bộ thời gian hoạt động của Quý là bảo vệ lợi ích của nhà đầu tư. Tuy nhiên, việc phân bổ tài sản đầu tư không được vượt quá những hạn chế đầu tư quy định tại Điều lệ này, Bản cáo bạch và quy định của pháp luật.

3.2.4. Các loại tài sản mà Quý được đầu tư bao gồm:

- (a) Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng;
- (b) Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
- (c) Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
- (d) Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng;
- (e) Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành.
- (f) Chứng khoán phái sinh niêm yết tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà Quý đang nắm giữ

(g) Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà quỹ đang nắm giữ.

3.2.5. Việc đầu tư vào các tài sản quy định tại 3.2.4 (e) phải đáp ứng các điều kiện sau:

- (a) Có quy định tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch;
- (b) Đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện;
- (c) Có đủ tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành.

3.3. Hạn Chế Đầu Tư

3.3.1. Các khoản đầu tư của Quỹ sẽ được đa dạng hóa và đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều Lệ và quy định của Pháp Luật. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc sau:

- (a) Trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của Quỹ tại Ngân hàng giám sát, Quỹ không được đầu tư quá bốn mươi chín phần trăm (49%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản theo quy định tại mục 3.2.4 (a), (b) của Bản Cáo Bạch này;
- (b) Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá 10% tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính Phủ;
- (c) Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành và các tài sản (nếu có) quy định tại mục 3.2.4 (a), (b) của một tổ chức phát hành (trừ công cụ nợ của Chính Phủ);
- (d) Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại mục 3.2.4 (a), (b), (d), (e) và (f) phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ. Trong đó phần đầu tư vào chứng khoán phái sinh tính bằng giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo quy định có liên quan;
- (e) Không được đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại mục 3.2.4 (e) của Bản cáo bạch này;
- (f) Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ không được vượt quá bốn mươi phần trăm (40%) tổng giá trị tài sản của Quỹ. Trong đó, hạng mục đầu tư lớn của Quỹ là hạng mục đầu tư vào các loại tài sản quy định tại mục 3.2.4 (b), (d), (e) và (g) của Bản cáo bạch này (ngoại trừ chứng chỉ tiền gửi) phát hành bởi cùng một (01) tổ chức, có tổng giá trị chiếm từ năm phần trăm (5%) trở lên tổng giá trị tài sản của Quỹ;
- (g) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dự nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ.
- (h) Không được đầu tư vào chứng chỉ quỹ của chính Quỹ;
- (i) Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm;
- (j) Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng khác, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:
 - Không đầu tư vào quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng.
- (k) Danh mục đầu tư của Quỹ phải có chứng khoán của ít nhất sáu (06) tổ chức phát hành.

3.3.2. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ chỉ được vượt mức so với các hạn chế đầu tư quy định tại Chương IX Mục 3.3.1 (a), (b), (c), (d), (e), (f) và (j) bên trên và chỉ do các nguyên nhân sau:

- (a) Do biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- (b) Do phải thực hiện các khoản thanh toán của Quỹ theo quy định của pháp luật bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư;
- (c) Do hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;
- (d) Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách Quỹ, hợp nhất Quỹ hoặc sáp nhập Quỹ mà thời gian hoạt động chưa quá sáu (06) tháng kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ điều chỉnh;
- (e) Quỹ đang trong thời gian giải thể.

3.3.3. Trong thời hạn ba (03) tháng kể từ ngày có các sai lệch phát sinh do các nguyên nhân quy định tại Chương IX Mục 3.3.2 (a), (b), (c) và (d), Công Ty Quản Lý Quỹ báo cáo, công bố thông tin và điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư cho phù hợp với quy định tại Chương IX Mục 3.3.1.

3.3.4. Trường hợp sai lệch do Công Ty Quản Lý Quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của Pháp Luật hoặc của Điều Lệ Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm báo cáo, công bố thông tin và điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày phát hiện ra sai lệch. Công ty quản lý quỹ phải bồi thường thiệt hại cho quỹ (nếu có) và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư. Nếu phát sinh lợi nhuận thì phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho Quỹ.

3.3.5. Trong thời hạn quy định kể từ ngày hoàn tất việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư, Công ty quản lý quỹ phải công bố thông tin theo quy định, đồng thời thông báo cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước về các sai lệch cơ cấu danh mục đầu tư, nguyên nhân, thời điểm phát sinh hoặc phát hiện ra sự việc, mức độ thiệt hại và bồi thường thiệt hại cho Quỹ (nếu có) hoặc lợi nhuận tạo cho Quỹ (nếu có), biện pháp khắc phục, thời gian thực hiện, kết quả khắc phục.

3.3.6. Công Ty Quản Lý Quỹ chỉ được gửi tiền và đầu tư vào công cụ thị trường tiền tệ theo quy định tại Chương IX Mục 3.2.4 (a) và (b) của Bản Cáo Bạch này của các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt.

3.3.7. Quỹ thực hiện đầu tư gián tiếp ra nước ngoài theo quy định của pháp luật về đầu tư sau khi được UBCKNN chấp thuận cho phép đầu tư gián tiếp ra nước ngoài và bảo đảm các nguyên tắc sau:

- (a) Quỹ đã được Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam cấp hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài;
- (b) Quỹ chỉ được đầu tư gián tiếp ra nước ngoài vào các tài sản đã được quy định tại Điều lệ Quỹ và phù hợp với quy định của Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam;
- (c) Quỹ không được đầu tư quá 20% giá trị tài sản ròng của Quỹ ra nước ngoài và không vượt quá hạn mức đầu tư đăng ký đã được Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam xác nhận;
- (d) Cơ cấu đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, việc điều chỉnh hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của Quỹ phải tuân thủ quy định về cơ cấu đầu tư, hạn mức đầu tư, điều chỉnh hạn mức đầu tư theo các quy định tại Điều lệ Quỹ.

3.4. Hoạt Động Vay, Cho Vay, Giao Dịch Mua Bán Lại, Giao Dịch Ký Quỹ

3.4.1. Công Ty Quản Lý Quỹ không được sử dụng vốn và tài sản của Quỹ để cho vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào.

3.4.2. Công Ty Quản Lý Quỹ không được phép vay để đầu tư, trừ trường hợp vay ngắn hạn theo quy định của pháp luật về ngân hàng để trang trải các chi phí cần thiết cho Quỹ hoặc thực hiện thanh toán các giao dịch mua lại Chứng chỉ quỹ từ Nhà Đầu Tư. Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn của Quỹ

không được quá năm phần trăm (5%) Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ tại mọi thời điểm và thời hạn của một khoản vay tối đa ba mươi (30) ngày.

3.4.3. Công Ty Quản Lý Quỹ không được sử dụng tài sản của Quỹ để thực hiện các giao dịch ký quỹ (vay mua chứng khoán) cho Quỹ hoặc cho bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khác, không được sử dụng tài sản của Quỹ để thực hiện các giao dịch bán khống, cho vay chứng khoán.

3.4.4. Quỹ được phép thực hiện các giao dịch mua bán lại công cụ nợ của Chính Phủ theo quy định của Bộ Tài Chính về quản lý giao dịch công cụ nợ của Chính Phủ.

3.5. Phương Pháp Lựa Chọn Đầu Tư

Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ đưa ra phương pháp lựa chọn đầu tư phù hợp với mục tiêu đầu tư, chiến lược đầu tư, chính sách đầu tư và phân bổ tài sản của Quỹ như đề cập bên trên và các sửa đổi, bổ sung vào từng thời điểm và tuân thủ các quy định tại Điều Lệ của Quỹ và quy định liên quan của Pháp Luật.

4. Cơ chế giao dịch chứng chỉ quỹ

4.1. Mua Chứng chỉ quỹ

4.1.1. Đơn Đăng Ký Mở Tài Khoản

- (a) Nhà Đầu Tư đăng ký mua Chứng chỉ quỹ lần đầu tiên cần điền đầy đủ vào Đơn Đăng Ký để mở tài khoản đầu tư vào Quỹ. Đơn Đăng Ký được cung cấp tại bất kỳ Điểm Nhận Lệnh nào và trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ tại địa chỉ wm.vinacapital.com. Đơn Đăng Ký phải kèm theo các bản sao hợp lệ các giấy tờ được liệt kê trong Đơn Đăng Ký đối với mỗi cá nhân hoặc tổ chức hay các bên đồng sở hữu, người được hưởng quyền lợi hay người ủy quyền của Nhà Đầu Tư. Tất cả các Đơn Đăng Ký phải được ký đầy đủ và hợp lệ bởi người đăng ký mua Chứng chỉ quỹ. Nhà Đầu Tư nên lưu lại một bản Đơn Đăng Ký đã ký và thường xuyên cập nhật các thông tin cung cấp trong Đơn Đăng Ký cho Công Ty Quản Lý Quỹ.
- (b) Thông tin thể hiện trên Đơn Đăng Ký và các thông tin được Nhà Đầu Tư cập nhật sẽ được ghi nhận trong Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư của Quỹ và luôn chứa đựng thông tin về địa chỉ liên hệ, địa chỉ thư điện tử, nơi đăng ký thuế và chi tiết tài khoản ngân hàng của từng Nhà Đầu Tư, nhằm đảm bảo Nhà Đầu Tư nhận được đầy đủ các thông báo, báo cáo và thanh toán liên quan đến Quỹ.
- (c) Một Nhà Đầu Tư có thể đặt lệnh giao dịch Chứng chỉ quỹ tại hơn một Đại Lý Phân Phối, tuy nhiên cần nộp Đơn Đăng Ký và các giấy tờ theo quy định để mở tài khoản giao dịch tại mỗi Đại Lý Phân Phối mà Nhà Đầu Tư muốn thực hiện giao dịch. Các tài khoản tại các Đại Lý Phân Phối khác nhau của cùng một Nhà Đầu Tư được quản lý độc lập. Nhà Đầu Tư chỉ có thể nộp các phiếu Lệnh Bán, Lệnh Chuyển Đổi, Lệnh Chuyển Nhượng, hủy các lệnh này hay thay đổi thông tin tài khoản của tài khoản mở tại một Đại Lý Phân Phối tại các Điểm Nhận Lệnh của Đại Lý Phân Phối đó.
- (d) Tất cả các Điểm Nhận Lệnh bất kỳ được đề cập trong hướng dẫn về giao dịch Chứng chỉ quỹ ở các phần tiếp sau đây được hiểu là Điểm Nhận Lệnh bất kỳ của Đại Lý Phân Phối cụ thể mà Nhà Đầu Tư muốn thực hiện giao dịch trên tài khoản mở tại Đại Lý Phân Phối đó.

4.1.2. Xử Lý Đơn Đăng Ký

- (a) Nhà Đầu Tư có thể nộp Đơn Đăng Ký hoặc phiếu Lệnh Mua sau khi đã điền đầy đủ thông tin và ký hợp lệ, kèm theo đầy đủ các giấy tờ yêu cầu vào bất kỳ Ngày Giao Dịch nào tại bất kỳ Điểm Nhận Lệnh của bất kỳ Đại Lý Phân Phối nào. Danh sách các Điểm Nhận Lệnh được cung cấp ở cuối Bản Cáo Bạch này.
- (b) Sau khi đã hoàn tất thủ tục thẩm định Đơn Đăng Ký và thông tin về Nhà Đầu Tư, Đại Lý Phân Phối sẽ chuyển hồ sơ đăng ký cho Đại Lý Chuyển Nhượng. Đại Lý Chuyển Nhượng

với tư cách là đại diện của Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ tiến hành mở tài khoản đầu tư và xử lý lệnh mua. Các hồ sơ không đầy đủ thông tin sẽ bị từ chối và có thể làm trì hoãn việc hoàn tất quá trình xử lý hồ sơ. Trong một số trường hợp, việc bổ sung thêm hồ sơ cũng có thể làm chậm việc hoàn tất quá trình xử lý hồ sơ đăng ký. Công Ty Quản Lý Quỹ được quyền từ chối hồ sơ trong trường hợp không tìm được phương án giải quyết đối với bất kỳ vấn đề nào nảy sinh trong quá trình xử lý hồ sơ đăng ký. Nhà Đầu Tư tiến hành nộp Đơn Đăng Ký và đặt lệnh mua theo quy trình và hướng dẫn giao dịch Chứng chỉ quỹ tại Phụ Lục 01 của Bản Cáo Bạch này.

- (c) Nhà Đầu Tư phải thanh toán số tiền mua Chứng chỉ quỹ từ tài khoản ngân hàng đứng tên nhà đầu tư hoặc từ tài khoản ngân hàng đứng tên người được Nhà Đầu Tư ủy quyền thực hiện thanh toán số tiền mua Chứng chỉ quỹ vào tài khoản của Quỹ tại Ngân Hàng Giám Sát trong thời hạn theo quy định tại Chương XI, Mục 3.1 để Ngân Hàng Giám Sát nhận được đúng thời hạn và Đại Lý Chuyển Nhượng hoàn thành xử lý lệnh mua. Trong trường hợp việc thanh toán cho một lệnh mua được Chấp Nhận được thực hiện bởi cá nhân hoặc tổ chức khác không phải là Nhà Đầu Tư thì phiếu lệnh mua đó và các tài liệu xác nhận việc thanh toán phải nêu rõ giá trị thanh toán, tên và số tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ của Nhà Đầu Tư là người được thụ hưởng lợi ích từ việc thanh toán hộ đó. Mọi khoản đầu tư mua Chứng chỉ quỹ đều phải thực hiện bằng tiền Đồng Việt Nam và bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của Quỹ được mở tại Ngân Hàng Giám Sát với nội dung chuyển khoản như được hướng dẫn chi tiết tại Phụ Lục 01 của Bản Cáo Bạch này.
- (d) Công Ty Quản Lý Quỹ có toàn quyền chấp nhận hay từ chối bất kỳ Đơn Đăng Ký nào theo điều khoản của Điều Lệ, Bản Cáo Bạch và các quy định về KYC và AML và không có nghĩa vụ phải cung cấp lý do từ chối cho nhà đầu tư.
- (e) Trong trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ từ chối lệnh mua, tiền mua sẽ được chuyển trả lại (không có lãi và sau khi trừ phí chuyển khoản ngân hàng (nếu có) cho Nhà Đầu Tư hoặc bên chuyển tiền không hợp lệ trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ kỳ giao dịch Chứng Chỉ Quỹ áp dụng.
- (f) Trong trường hợp số tiền mua Quỹ nhận được nhiều hơn lệnh đăng ký mua, số tiền dư nếu không nhận được yêu cầu chuyển trả từ khách hàng sẽ tiếp tục được giữ lại để chờ yêu cầu giao dịch tiếp theo từ khách hàng.
- (g) Trong trường hợp Quỹ nhận được số tiền mua thấp hơn lệnh đăng ký mua và không nhận được yêu cầu chuyển trả từ khách hàng, số tiền mua sẽ tiếp tục được giữ lại để chờ yêu cầu giao dịch tiếp theo từ khách hàng.
- (h) Lệnh mua được chấp nhận sẽ được giao dịch tại mức Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ cộng với giá dịch vụ phát hành tại Ngày giao dịch tương ứng.
- (i) Xác nhận giao dịch sẽ được Đại lý phân phối gửi tới nhà đầu tư hàng ngày và không trễ hơn Ngày Giao Dịch chứng chỉ quỹ tiếp theo. Xác nhận giao dịch mua cũng đồng thời là xác nhận quyền sở hữu đối với số lượng chứng chỉ quỹ nhà đầu tư mua được.

4.1.3. Yêu Cầu Đối Với Hồ Sơ Đăng Ký và Tuân Thủ

(a) Nhận Biết Khách Hàng (KYC) Và Các Quy Định Về Phòng Chống Rửa Tiền (AML):

- (i) Đơn Đăng Ký được soạn thảo để đáp ứng các yêu cầu áp dụng cho các công ty quản lý quỹ nhằm tuân thủ các quy định về nhận biết khách hàng ("KYC") và các quy định về phòng chống rửa tiền ("AML"). Vì vậy toàn bộ các giấy tờ và khai báo trong Đơn Đăng Ký cần được hoàn tất đầy đủ và trung thực.
- (ii) Theo Pháp Luật, tất cả Nhà Đầu Tư bắt buộc phải cung cấp giấy tờ và các thông tin bổ sung theo quy định về KYC và AML. Nhà Đầu Tư nước ngoài có thể phải cung cấp các thông tin và khai báo bổ sung nhằm tuân thủ các quy định của nước ngoài về KYC và AML. Các Đơn Đăng Ký không có đủ hồ sơ hoặc thông tin theo

yêu cầu có thể bị từ chối.

- (iii) Nhà Đầu Tư phải đảm bảo rằng số tiền đầu tư phải từ nguồn hợp pháp và không có nguồn gốc từ các hành vi vi phạm Pháp Luật cũng như không vi phạm các điều khoản của Pháp Luật áp dụng về thuế thu nhập, quy định về AML, quy định về chống tham nhũng và chống hối lộ và/hoặc các quy định khác ban hành bởi nhà nước Việt Nam hay nhà nước sở tại của Nhà Đầu Tư ở các thời điểm khác nhau.
- (iv) Nhà Đầu Tư cư trú ngoài lãnh thổ Việt Nam muốn mua Chứng chỉ quỹ phải đảm bảo tuân thủ các quy định và về pháp luật áp dụng tại nước sở tại của mình. Nhà Đầu Tư chịu trách nhiệm tuân thủ các quy định về thuế, ngoại hối hay các quy định khác áp dụng đối với giao dịch mua và bán Chứng chỉ quỹ. Theo quy định hiện tại của Việt Nam, Nhà Đầu Tư nước ngoài cần mở một tài khoản đầu tư vốn gián tiếp (Indirect Investment Capital Account, gọi tắt là "IICA") bằng tiền Đồng Việt Nam tại một ngân hàng được phép hoạt động và cung cấp dịch vụ tài khoản IICA ở Việt Nam. Tất cả các giao dịch đầu tư, nhận cổ tức, mua ngoại tệ để chuyển tiền đầu tư ra nước ngoài và các hoạt động liên quan khác đều phải được thực hiện qua tài khoản IICA này. Nhà Đầu Tư cần tham khảo các ý kiến tư vấn về luật và thuế để có thông tin phù hợp đối với các giao dịch của mình.

(b) *Đạo Luật Tuân Thủ Thuế Đối Với Tài Khoản Ở Nước Ngoài Của Hoa Kỳ ("FATCA"):*

- (i) FATCA đã được Quốc hội Hoa Kỳ thông qua vào tháng 3 năm 2010, có hiệu lực vào ngày 07 tháng 7 năm 2014. Đạo luật ra đời nhằm đảm bảo người nộp thuế Hoa Kỳ tuân thủ hệ thống luật thuế Hoa Kỳ và do đó thiết lập các yêu cầu về KYC tại các công ty cung cấp dịch vụ tài chính để xác minh khách hàng của mình. Chính phủ Việt Nam đã ký kết thỏa thuận liên chính phủ với Mỹ vào tháng 7 năm 2016 để cho phép các công ty cung cấp dịch vụ tài chính Việt Nam, bao gồm các ngân hàng, các công ty bảo hiểm, các công ty quản lý quỹ và các công ty chứng khoán, cung cấp báo cáo theo yêu cầu của Sở Thuế Vụ Hoa Kỳ tới cơ quan có trách nhiệm của Việt Nam là Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam.
- (ii) VCFM, đã đăng ký với Sở Thuế Vụ Hoa Kỳ để trở thành tổ chức tài chính nước ngoài tham gia FATCA từ ngày 14 tháng 01 năm 2016.
- (iii) Phù hợp với pháp luật Việt Nam, việc tuân thủ theo quy định của FATCA đòi hỏi Công Ty Quản Lý Quỹ phải cung cấp thông tin tới Sở Thuế Vụ Hoa Kỳ về các tài khoản được nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp bởi các Nhà Đầu Tư mà là người trả thuế Hoa Kỳ tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 và các Nhà Đầu Tư mà là người trả thuế Hoa Kỳ kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2014.
- (iv) Quỹ không đầu tư vào tài sản tạo ra thu nhập có nguồn gốc từ Hoa Kỳ và do đó Quỹ sẽ không bị ảnh hưởng bởi nghĩa vụ đóng thuế thu nhập theo FATCA cho các khoản thanh toán cho Nhà Đầu Tư. Tuy nhiên, ngoài nghĩa vụ báo cáo về tài khoản của người đóng thuế Hoa Kỳ, việc tuân thủ FATCA khiến cho Công Ty Quản Lý Quỹ, trong quá trình thu thập thông tin về Nhà Đầu Tư, sẽ phải yêu cầu Nhà Đầu Tư cung cấp thêm các thông tin để chứng minh tình trạng thuế của họ ngoài các thông tin đã cung cấp trong Đơn Đăng Ký. Các Đại Lý Phân Phối sẽ chịu trách nhiệm thông báo và yêu cầu Nhà Đầu Tư cung cấp thêm tài liệu bổ sung để thực hiện nghĩa vụ nêu trên.
- (v) Việc tuân thủ FATCA có thể làm cho quy trình KYC kéo dài và do vậy có thể làm chậm trễ thời gian xử lý Đơn Đăng Ký và/hoặc Lệnh Mua của Nhà Đầu Tư.

4.1.4. *Tạm Dừng Thực Hiện Lệnh Mua*

Nhà Đầu Tư cần lưu ý rằng trong một số trường hợp các Lệnh Mua có thể bị tạm dừng thực hiện. Các trường hợp này được liệt kê tại Chương IX Mục 4.4.5 dưới đây. Trong trường hợp các giao dịch Chứng chỉ quỹ bị tạm dừng, Lệnh Mua Được Chấp Nhận sẽ được thực hiện vào Ngày Giao Dịch đầu tiên sau khi giao dịch được thực hiện trở lại.

4.2. Bán Chứng chỉ quỹ

4.2.1. Lệnh Bán

Nhà Đầu Tư có thể bán Chứng chỉ quỹ vào bất kỳ Ngày Giao Dịch nào bằng cách nộp Phiếu Lệnh bán Chứng chỉ quỹ ("Lệnh Bán") tới một Điểm Nhận Lệnh bất kỳ trước Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh của Ngày Giao Dịch đó. Lệnh Bán phải được điền đầy đủ thông tin và ký tên hợp lệ.

4.2.2. Quy Trình Xử lý Lệnh Bán

- (a) Nhà Đầu Tư đặt Lệnh Bán trong đó xác định rõ số Chứng chỉ quỹ muốn bán.
- (b) Đại Lý Chuyển Nhượng sẽ xử lý tất cả các Lệnh Bán nhận trước Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh của Ngày Giao Dịch tương ứng, kiểm tra và đảm bảo các thông tin trong Lệnh Bán đầy đủ và nhất quán và Nhà Đầu Tư có đủ số Chứng chỉ quỹ trong tài khoản để bán.
- (c) Chứng chỉ quỹ được Quý mua lại từ tài khoản của Nhà Đầu Tư theo nguyên tắc nhập trước xuất trước. Nếu một Lệnh Bán có số lượng hoặc giá trị Chứng chỉ quỹ nhiều hơn số đang nắm giữ trong tài khoản thì tài khoản sẽ bị đóng bằng cách bán toàn bộ số dư còn lại trong tài khoản và khoản tiền bán ròng sẽ được chuyển trả cho Nhà Đầu Tư.
- (d) Lệnh Bán Được Chấp Nhận không thuộc trường hợp chỉ được thực hiện một phần hoặc không bị tạm dừng theo quy định tại Chương IX Mục 4.4 sẽ được giao dịch tại mức Giá Trị Tài Sản Ròng trên một chứng chỉ quỹ trừ đi Giá Dịch Vụ Mua Lại, thuế, và phí ngân hàng (nếu có) tại Ngày Giao Dịch tương ứng căn cứ vào ngày giờ nhận Lệnh Bán xác nhận tại Điểm Nhận Lệnh.
- (e) Sau khi thực hiện các Lệnh Bán Được Chấp Nhận, số Chứng chỉ quỹ đã bán sẽ được trừ đi trong tổng số Chứng chỉ quỹ trong tài khoản của Nhà Đầu Tư và bản sao kê mới về số Chứng chỉ quỹ sở hữu sẽ được gửi đến Nhà Đầu Tư tương ứng.
- (f) Xác nhận giao dịch sẽ được Đại lý phân phối gửi tới nhà đầu tư hàng ngày và không trễ hơn Ngày giao dịch chứng chỉ quỹ tiếp theo.
- (g) Tiền bán Chứng chỉ quỹ sau khi đã trừ Giá Dịch Vụ Mua Lại và thuế (nếu có) sẽ được thanh toán cho Nhà Đầu Tư trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ Ngày Giao Dịch. Tiền bán chứng chỉ quỹ được chuyển vào tài khoản ngân hàng mang tên nhà đầu tư hoặc tài khoản ngân hàng do nhà đầu tư chỉ định.

4.2.3. Tạm Dừng Thực Hiện Lệnh Bán

Nhà Đầu Tư cần lưu ý rằng trong một số trường hợp các Lệnh Bán có thể bị tạm dừng thực hiện. Các trường hợp này được liệt kê tại Chương IX Mục 4.4.5. Trong trường hợp các giao dịch Chứng chỉ quỹ bị tạm dừng, Lệnh Bán Được Chấp Nhận sẽ được thực hiện vào Ngày Giao Dịch đầu tiên sau khi giao dịch được thực hiện trở lại.

4.3. Chuyển Đổi Chứng chỉ quỹ

4.3.1. Lệnh Chuyển Đổi Quỹ

Nhà Đầu Tư có thể chuyển đổi Chứng chỉ quỹ sang quỹ mở khác do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý bằng Lệnh Chuyển Đổi nếu các quỹ mở này có cùng Đại Lý Chuyển Nhượng. Phiếu Lệnh Chuyển đổi Chứng chỉ quỹ ("Lệnh chuyển đổi") phải được điền đầy đủ thông tin và nộp đến Điểm Nhận Lệnh trước thời điểm đóng sổ lệnh của ngày giao dịch. Đối với Lệnh Chuyển Đổi, toàn bộ tiền bán Chứng chỉ quỹ của Quý sau khi trừ phí và thuế, nếu có, sẽ dùng để mua chứng chỉ quỹ của quỹ khác mà Nhà Đầu Tư đăng ký mua.

4.3.2. Xử lý Các Lệnh Chuyển Đổi

Lệnh Chuyển Đổi được xử lý bởi Đại Lý Chuyển Nhượng thành các lệnh riêng biệt bắt đầu bằng Lệnh Bán-Chuyển Đổi và tiếp theo sau là Lệnh Mua-Chuyển Đổi. Lệnh Bán-Chuyển Đổi và Lệnh Mua-Chuyển Đổi được xử lý bởi Đại Lý Chuyển Nhượng theo quy trình xử lý Lệnh Bán và xử lý Lệnh Mua mô tả ở trên với Lệnh Bán-Chuyển Đổi được thực hiện trước và Lệnh Mua-Chuyển Đổi được thực hiện sau.

Nhà Đầu Tư cần lưu ý **Lệnh Bán-Chuyển Đổi** và **Lệnh Mua-Chuyển Đổi** được tách từ một **Lệnh Chuyển Đổi** sẽ không thể thực hiện được đồng thời trong cùng một Ngày Giao Dịch, cụ thể:

- (a) Đối với việc chuyển đổi từ Quỹ sang các quỹ khác do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý, **Lệnh Bán-Chuyển Đổi** đối với Chứng chỉ quỹ sẽ được thực hiện trước. Tiền bán Chứng chỉ quỹ từ **Lệnh Bán-Chuyển Đổi** nói trên, sau khi trừ đi các khoản phí và thuế liên quan, sẽ được sử dụng để thực hiện **Lệnh Mua-Chuyển Đổi** đối với chứng chỉ quỹ của quỹ khác mà Nhà Đầu Tư muốn mua. **Lệnh Mua-Chuyển Đổi** này sẽ được thực hiện theo quy định tại bản cáo bạch của quỹ mục tiêu tương ứng mà Nhà Đầu Tư muốn mua; và
- (b) Đối với việc chuyển đổi từ các quỹ khác do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý sang Quỹ, **Lệnh Bán-Chuyển Đổi** sẽ được thực hiện trước và **Lệnh Mua-Chuyển Đổi** vào Quỹ sẽ được thực hiện vào Ngày Giao Dịch gần nhất sau ngày Quỹ nhận được tiền bán từ **Lệnh Bán-Chuyển Đổi** từ các quỹ khác nói trên.

Lệnh Chuyển Đổi được đặt theo số lượng Chứng chỉ quỹ muốn chuyển đổi theo cách thức tương tự như quy định tại Chương IX Mục 4.2.2.

Các khoản thuế phát sinh từ giao dịch Chứng chỉ quỹ (nếu có) và phí ngân hàng (nếu có) được khấu trừ vào số tiền thu được từ **Lệnh Bán** trong **Lệnh Chuyển Đổi**.

Nhà đầu tư chỉ phải thanh toán giá dịch vụ chuyển đổi, không phải thanh toán giá dịch vụ mua, giá dịch vụ bán đối với các lệnh thực hiện theo quy trình chuyển đổi.

Trường hợp **Lệnh Bán-Chuyển Đổi** của Nhà đầu tư dẫn đến số lượng Chứng chỉ Quỹ nắm giữ còn lại (đối với quỹ bị bán) thấp hơn số lượng CCQ duy trì tài khoản tối thiểu, **Lệnh Bán-Chuyển Đổi** sẽ được thực hiện đối với toàn bộ Chứng chỉ Quỹ Nhà đầu tư đang nắm giữ để số dư mới tại tài khoản của quỹ bị bán sẽ bằng không (0).

4.3.3. Tạm Dừng Thực Hiện Lệnh Chuyển Đổi

Nhà Đầu Tư cần lưu ý rằng trong một số trường hợp các **Lệnh Chuyển Đổi** có thể bị tạm dừng thực hiện. Các trường hợp này được liệt kê tại Chương IX Mục 4.4.5. Trong trường hợp các giao dịch Chứng chỉ quỹ bị tạm dừng, **Lệnh Chuyển Đổi Được Chấp Nhận** sẽ được thực hiện vào Ngày Giao Dịch đầu tiên sau khi giao dịch được thực hiện trở lại.

4.4. Mua lại Một Phần và Tạm Dừng Giao Dịch Chứng chỉ quỹ

4.4.1. Công Ty Quản Lý Quỹ có quyền chỉ đáp ứng một phần các **Lệnh Được Chấp Nhận** khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

- (a) Tổng giá trị các **Lệnh Bán Được Chấp Nhận** (kể cả **Lệnh Bán Được Chấp Nhận** do hoạt động chuyển đổi) trừ tổng giá trị các **Lệnh Mua Được Chấp Nhận** (kể cả **Lệnh Mua Được Chấp Nhận** do hoạt động chuyển đổi) tại một Ngày Giao Dịch cụ thể lớn hơn mười phần trăm (10%) Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ tại Ngày Giao Dịch đó; hoặc
- (b) Việc thực hiện toàn bộ các **Lệnh Được Chấp Nhận** dẫn tới:
 - (i) Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ giảm xuống dưới năm mươi tỷ Đồng Việt Nam (50.000.000.000 VNĐ); hoặc
 - (ii) Giá trị phần Chứng chỉ quỹ hoặc số Chứng chỉ quỹ còn lại trên tài khoản của Nhà Đầu Tư thấp hơn số Chứng chỉ quỹ hoặc giá trị tối thiểu để duy trì tài khoản của Nhà Đầu Tư theo quy định tại Bản Cáo Bạch này; hoặc
 - (iii) Giá Trị Tài Sản Ròng còn lại hoặc số Chứng chỉ quỹ còn lại của Quỹ thấp hơn Giá Trị Tài Sản Ròng tối thiểu (khác với giá trị xác định tại Mục (i) bên trên) hoặc số Chứng chỉ quỹ lưu hành tối thiểu mà đã được Đại Hội Nhà Đầu Tư phê duyệt, được quy định tại Điều lệ quỹ và đã được công bố (nếu có); hoặc
 - (iv) Số lượng Chứng chỉ quỹ đang lưu hành vượt quá khối lượng tối đa đã được Đại Hội Nhà Đầu Tư phê duyệt, được quy định tại Điều lệ quỹ và đã được công bố (nếu có); hoặc
 - (v) Các trường hợp khác theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư được quy định trong Điều Lệ và của Pháp Luật.

4.4.2. Nguyên nhân của việc chỉ thực hiện một phần các **Lệnh Được Chấp Nhận** theo quy định tại Chương IX Mục 4.4.1 phải được thông báo trực tiếp cho Nhà Đầu Tư trong vòng ba (03) Ngày Làm

Việc kể từ Ngày Giao Dịch tương ứng hoặc được công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ.

4.4.3. Việc thực hiện một phần các Lệnh Được Chấp Nhận theo quy định tại Chương IX Mục 4.4.1 bên trên sẽ được áp dụng theo nguyên tắc cùng một tỷ lệ, phần giá trị được thực hiện sẽ được phân bổ cho tất cả các nhà đầu tư đăng ký giao dịch theo cùng một tỷ lệ giữa giá trị thực hiện và giá trị đăng ký giao dịch. Phần còn lại của các Lệnh Được Chấp Nhận chưa được thực hiện sẽ bị hủy. Để tránh hiểu nhầm, trong trường hợp Nhà Đầu Tư muốn tiếp tục thực hiện phần bị hủy của Lệnh Được Chấp Nhận, Nhà Đầu Tư phải đặt lệnh mới cho phần bị hủy đó tại Ngày Giao Dịch tiếp theo. Quy định về số dư đối với giá trị hoặc số lượng Chứng chỉ quỹ tối thiểu để duy trì tài khoản của Nhà Đầu Tư sẽ không áp dụng trong trường hợp các Lệnh Bán Được Chấp Nhận chỉ được thực hiện một phần theo quy định tại Chương IX Mục 4.4.1.

4.4.4. Đối với trường hợp quy định tại Chương IX Mục 4.4.1 (a), Công Ty Quản Lý Quỹ được kéo dài thời hạn thanh toán, nhưng không vượt quá ba mươi (30) ngày sau khi được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận, kể từ Ngày Giao Dịch tương ứng. Ngoài ra, tùy thuộc vào tình hình hoạt động của Quỹ tại thời điểm đó, Công Ty Quản Lý Quỹ có thể bằng toàn quyền xem xét của mình thực hiện toàn bộ các Lệnh Được Chấp Nhận (thay vì chỉ thực hiện một phần) mà không phụ thuộc vào mức giới hạn quy định tại Chương IX Mục 4.4.1(a) và 4.4.1(b)(i).

4.4.5. Công Ty Quản Lý Quỹ có thể tạm dừng các giao dịch Chứng chỉ quỹ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

- (a) Công Ty Quản Lý Quỹ không thể thực hiện việc mua lại Chứng chỉ quỹ theo yêu cầu do nguyên nhân Bất Khả Kháng;
- (b) Công Ty Quản Lý Quỹ không thể xác định Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ vào Ngày Định Giá do chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ bị đình chỉ giao dịch theo quyết định của Sở giao dịch chứng khoán;
- (c) Các trường hợp khác theo quy định của Pháp Luật hoặc theo yêu cầu của UBCKNN xét thấy là cần thiết.

4.4.6. Công Ty Quản Lý Quỹ phải báo cáo Ban Đại Diện Quỹ, Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện quy định tại Chương IX Mục 4.4.5 trừ trường hợp theo yêu cầu của UBCKNN và phải tiếp tục thực hiện việc mua lại chứng chỉ quỹ ngay sau khi các sự kiện này chấm dứt.

4.4.7. Thời hạn tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ như được liệt kê tại Chương IX Mục 4.4.5 không được kéo dài quá chín mươi (90) ngày kể từ ngày tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ.

4.4.8. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ theo quy định tại Chương IX Mục 4.4.7, Công Ty Quản Lý Quỹ phải tổ chức họp để lấy ý kiến Đại Hội Nhà Đầu Tư về việc giải thể Quỹ hoặc tách Quỹ hoặc tiếp tục kéo dài thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng chỉ quỹ.

4.4.9. Trong thời hạn triệu tập Đại Hội Nhà Đầu Tư, nếu các nguyên nhân dẫn tới việc tạm dừng giao dịch Chứng chỉ quỹ như được liệt kê tại Chương IX Mục 4.4.5 chấm dứt, Công Ty Quản Lý Quỹ được hủy bỏ việc triệu tập Đại Hội Nhà Đầu Tư.

4.4.10. Khi việc tạm dừng thực hiện các giao dịch Chứng chỉ quỹ như được liệt kê tại Chương IX Mục 4.4.5 chấm dứt, các Lệnh Mua Được Chấp Nhận, Lệnh Bán Được Chấp Nhận và Lệnh Chuyển Đổi Được Chấp Nhận đã được nhận trước thời điểm tạm dừng sẽ được thực hiện tại Ngày Giao Dịch đầu tiên sau khi giao dịch được thực hiện trở lại và tại mức Giá Trị Tài Sản Ròng của Ngày Giao Dịch đó.

5. Các rủi ro khi đầu tư vào Quỹ

Giống như các hình thức đầu tư khác, việc đầu tư vào Quỹ cũng hàm chứa những rủi ro nhất định. Nhà Đầu Tư cần nhận thức rõ những rủi ro này và hiểu được mức độ chấp nhận rủi ro của mình để cân nhắc thật kỹ trước khi đưa ra quyết định đầu tư vào Quỹ. Mặc dù Công Ty Quản Lý Quỹ đã áp

dụng các phương pháp quản trị rủi ro, nhưng vẫn có các rủi ro tiềm tàng khi đầu tư vào Quỹ. Vì vậy, Nhà Đầu Tư cần lưu ý những điểm quan trọng sau đây:

- (a) Việc đầu tư vào Quỹ không được bảo lãnh hay cam kết bởi bất kỳ một ngân hàng nào, kể cả Ngân Hàng Giám Sát, hay bất kỳ tổ chức nào về việc Quỹ sẽ đạt được những mục tiêu đầu tư đề ra. Nhà Đầu Tư có thể không thu được lợi nhuận hoặc đạt mức lợi nhuận thấp hơn dự kiến hoặc thấp hơn lợi nhuận của các hình thức đầu tư khác cùng thời điểm và cùng thời gian nắm giữ hoặc có thể bị lỗ một phần hoặc toàn bộ vốn đầu tư ban đầu. Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ, Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc, người đại diện theo pháp luật, Ban Điều Hành và nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ không đưa ra bất cứ sự đảm bảo nào đối với vốn đầu tư ban đầu của Nhà Đầu Tư cũng như mức lợi nhuận từ đầu tư mà Quỹ mong muốn đạt được.
- (a) Mục tiêu đầu tư của Quỹ là tạo thu nhập ổn định và tăng trưởng tài sản ròng trong trung và dài hạn cho Nhà Đầu Tư. Nhà Đầu Tư không nên kỳ vọng có được ngay các khoản thu nhập và có được tăng trưởng giá trị tài sản ngay trong ngắn hạn từ hoạt động đầu tư này.
- (b) Quỹ không có bất kỳ sự bảo đảm nào về số lần chi trả và giá trị của cổ tức sẽ được thanh toán trong tương lai. Việc thanh toán cổ tức phụ thuộc vào nguồn phân phối lợi nhuận, chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ và cần có sự chấp thuận của Đại Hội Nhà Đầu Tư và/hoặc của Ban Đại Diện Quỹ. Tùy thuộc vào nguồn lợi nhuận có thể phân phối, Nhà Đầu Tư có thể sẽ không nhận được khoản cổ tức như kỳ vọng hoặc trong thời gian kỳ vọng. Tên gọi của Quỹ không hàm ý về chất lượng hoạt động cũng như triển vọng và lợi nhuận của Quỹ trong tương lai.
- (c) Kết quả hoạt động trong quá khứ của các quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý hoặc kết quả hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ không hàm ý hay đảm bảo kết quả hoạt động của Quỹ.
- (d) Công Ty Quản Lý Quỹ không chịu trách nhiệm pháp lý về những rủi ro đầu tư của Quỹ và Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc, người đại diện theo pháp luật, Ban Điều Hành và nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ không có trách nhiệm pháp lý về các rủi ro hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ trong quá trình quản lý Quỹ này.
- (e) Quỹ hoạt động theo cơ chế quỹ mở nên Nhà Đầu Tư có thể linh hoạt sử dụng các công cụ thị trường để đưa ra các quyết định đầu tư hay bán lại Chứng chỉ quỹ cho Quỹ. Nhà Đầu Tư trong quá trình mua/bán Chứng chỉ quỹ có thể phát sinh các nghĩa vụ thuế hoặc nghĩa vụ tài chính khác phải trả theo quy định của Pháp Luật. Các nghĩa vụ thuế và tài chính đó liên quan trực tiếp đến Nhà Đầu Tư liên quan mà không phản ánh trong kết quả hoạt động chung của Quỹ.

Dưới đây là những rủi ro chủ yếu trong đầu tư chứng khoán, nhưng không phải toàn bộ những rủi ro liên quan đến việc đầu tư vào Quỹ. Nhà Đầu Tư cần tự tìm hiểu và phân tích hoặc hỏi ý kiến các nhà tư vấn chuyên nghiệp về những rủi ro tiềm tàng có thể xảy ra đối với mình trước khi quyết định đầu tư vào Quỹ.

5.1. Rủi Ro Thị Trường

Rủi ro thị trường phát sinh khi các thị trường tài sản mà Quỹ đang nắm giữ có sự suy giảm từng phần hay toàn bộ trong một khoảng thời gian nhất định. Loại rủi ro này dẫn tới sự suy giảm giá trị của toàn bộ thị trường. Rủi ro này thường trên diện rộng, mang tính hệ thống và nằm ngoài khả năng kiểm soát của Công Ty Quản Lý Quỹ cũng như Ban Đại Diện Quỹ. Có nhiều nhân tố góp phần tạo ra rủi ro thị trường và có thể giảm thiểu được bằng cách xác định và quản trị cụ thể từng loại rủi ro cấu thành, ví dụ như các rủi ro về lạm phát, rủi ro về lãi suất, rủi ro về biến động giá thị trường hoặc rủi ro về tỷ giá.

5.2. Rủi Ro Lãi Suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền tương lai của các công cụ tài chính mà Quỹ đầu tư sẽ biến động do những thay đổi của lãi suất thị trường hoặc do sự thay đổi về cung cầu tiền tệ và các yếu tố kinh tế vĩ mô khác. Rủi ro lãi suất ảnh hưởng trực tiếp tới trái phiếu và gián tiếp tới cổ phiếu. Lãi suất tăng sẽ làm giá trái phiếu giảm trên thị trường thứ cấp để lợi suất thực tế của trái phiếu tăng

bằng với lãi suất thị trường. Lãi suất tăng tác động trực tiếp tới nhu cầu vay và cấu trúc nợ của mỗi doanh nghiệp, khả năng tăng giá bán của công ty để bù đắp chi phí tài chính tăng lên do kỳ vọng lạm phát tăng. Những yếu tố này gián tiếp ảnh hưởng tới giá cổ phiếu.

Để hạn chế những rủi ro về lãi suất có thể làm ảnh hưởng tới giá trị đầu tư, Công Ty Quản Lý Quỹ thường xuyên phân tích, đánh giá các điều kiện kinh tế vĩ mô, xu hướng vận động của thị trường và kỳ vọng lãi suất trong từng giai đoạn để đưa ra các quyết định phân bổ tài sản phù hợp. Đối với phần tài sản phân bổ vào trái phiếu, Quỹ sẽ kỳ hạn của các trái phiếu một cách phù hợp tương ứng với các kỳ vọng về lãi suất.

5.3. Rủi Ro Lạm Phát

Rủi ro lạm phát là rủi ro mà giá trị các khoản đầu tư của Quỹ suy giảm do ảnh hưởng của lạm phát. Rủi ro lạm phát có ảnh hưởng khác nhau đối với trái phiếu và cổ phiếu. Giá trái phiếu thường tỷ lệ nghịch với lạm phát do lạm phát tăng cao sẽ làm tăng lợi suất trái phiếu dẫn đến giá trái phiếu giảm. Bên cạnh đó, lạm phát tiếp tục tăng cao sẽ làm giảm giá trị thực của mệnh giá và lãi trái phiếu nhận được hàng kỳ. Quỹ có thể giảm thiểu rủi ro lạm phát đối với phần tài sản phân bổ vào trái phiếu bằng cách rút ngắn kỳ hạn trái phiếu hoặc nắm giữ nhiều hơn những trái phiếu có lãi suất thả nổi nếu lạm phát được dự kiến tăng cao, hoặc ngược lại.

Lạm phát có mức độ ảnh hưởng gián tiếp hơn đối với cổ phiếu vì doanh nghiệp có thể chuyển phần chi phí gia tăng do lạm phát sang cho người tiêu dùng. Tuy nhiên, nhìn chung trong môi trường lạm phát tăng, chi phí vay tăng do lãi suất huy động vốn tăng, nên thông thường doanh nghiệp sẽ giảm bớt đầu tư khiến tăng trưởng và giá trị doanh nghiệp suy giảm. Quỹ có thể giảm thiểu rủi ro lạm phát lên phần tài sản phân bổ vào cổ phiếu khi đầu tư vào các doanh nghiệp có yếu tố cạnh tranh bền vững và không có nhu cầu vay nhiều trong đó bao gồm khả năng doanh nghiệp có thể chuyển phần lớn lạm phát sang cho khách hàng, người tiêu dùng.

5.4. Rủi Ro Thanh Khoản Của Các Tài Sản Đầu Tư

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà thanh khoản của bên mua và bên bán chứng khoán quá thấp khiến cho Quỹ không thể mua hoặc bán chứng khoán tại các mức giá nhất định khi cần thiết, và có thể ảnh hưởng đến giá trị của Quỹ và mức thanh khoản của Quỹ khi Nhà Đầu Tư yêu cầu bán Chứng chỉ quỹ. Rủi ro thanh khoản là rủi ro đặc thù của thị trường trái phiếu Việt Nam, vì nhiều trái phiếu phát hành có quy mô nhỏ và giao dịch ít trên thị trường thứ cấp. Rủi ro thanh khoản của cổ phiếu thường tập trung ở các công ty vốn hóa nhỏ và cũng có thể có ở các công ty có vốn hóa lớn nếu số lượng cổ phiếu được giao dịch trên thị trường thấp, hoặc cổ phiếu được nắm giữ bởi Nhà Đầu Tư tổ chức và không được giao dịch thường xuyên.

Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ kiểm soát rủi ro thanh khoản bằng cách ưu tiên các chứng khoán với mức thanh khoản cao. Đồng thời, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ theo dõi mức thanh khoản của từng khoản đầu tư và chuẩn bị phương án thanh lý tài sản nếu cần thiết. Đối với chứng khoán niêm yết, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ theo dõi số ngày cần thiết để bán mỗi chứng khoán trong danh mục, dựa trên dữ liệu quá khứ (thường là số lượng giao dịch bình quân của chứng khoán đó trong năm liền trước). Đối với chứng khoán chưa niêm yết và không có thị trường thứ cấp công bố, Công ty Quản lý Quỹ sẽ đánh giá mức độ thanh khoản của tài sản đó dựa trên phân tích về cung cầu của tài sản đó, và tìm phương án thoái vốn hợp lý nhất để bảo vệ giá trị Quỹ.

5.5. Rủi Ro Thanh Khoản Của Quỹ

Đây là rủi ro khi Quỹ không thể thanh lý đủ tài sản để thanh toán cho các Lệnh Bán của Nhà Đầu Tư trong một ngày giao dịch cụ thể hay các Lệnh Bán và/hoặc Lệnh Chuyển Đổi chỉ được thực hiện một phần do Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ giảm thấp hơn ngưỡng Pháp Luật quy định, hay do tổng giá trị các Lệnh Bán và Lệnh Chuyển Đổi vượt quá mức rút vốn tối đa theo quy định của Điều Lệ hoặc Pháp Luật. Ngoài ra, trong một số trường hợp do Sự Kiện Bất Khả Kháng, Nhà Đầu Tư có thể không thể thực hiện được Lệnh Bán trong thời gian Quỹ thông báo tạm ngừng giao dịch Chứng chỉ quỹ.

Công Ty Quản Lý Quỹ có quyền chỉ đáp ứng một phần Lệnh Bán hoặc kéo dài thời hạn thanh toán trong các trường hợp được quy định trong cơ chế giao dịch Chứng chỉ quỹ tại Bản Cáo Bạch này. Khi việc thực hiện giao dịch bán Chứng chỉ quỹ của Nhà Đầu Tư bị kéo dài hơn so với quy định do các lý do trên, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ công bố thông tin về lý do và thời gian dự kiến để thực hiện Lệnh Bán của Nhà Đầu Tư. Để hạn chế rủi ro thanh khoản, Quỹ luôn duy trì một mức độ thanh khoản phù hợp bằng cách giữ một phần trạng thái tiền tệ và tỷ lệ thích hợp ở các tài sản có tính thanh khoản cao nhất để đảm bảo rằng các Lệnh Bán của Nhà Đầu Tư có thể được đáp ứng một cách hợp lý và việc thanh toán trong phần lớn các trường hợp sẽ được thực hiện đúng hạn và không bị ảnh hưởng bởi

những chứng khoán kém thanh khoản nhất thời.

5.6. Rủi Ro Pháp Lý

Thị trường chứng khoán cũng như khung pháp lý liên quan của Việt Nam còn tương đối non trẻ nên còn tồn tại những rủi ro về pháp lý trong bối cảnh chính phủ vẫn đang trong quá trình hoàn thiện và điều chỉnh khung pháp lý cho các hoạt động chứng khoán và thị trường chứng khoán. Những điều chỉnh này có thể ảnh hưởng đến hoạt động của Quý hoặc giá trị tài sản của Quý trong tương lai. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ đánh giá mức độ ảnh hưởng của những thay đổi này đối với Quý và các công ty trong danh mục đầu tư của Quý để chủ động điều chỉnh cơ cấu danh mục đầu tư phù hợp.

5.7. Rủi Ro Xung Đột Lợi Ích

Quý có thể phải đối mặt với những xung đột lợi ích nhất định trong việc đầu tư của Quý với chính những sản phẩm tài chính khác nhau trong danh mục, những xung đột này là không hệ thống và có thể quản lý.

5.8. Rủi Ro Biến Động Giá Thị Trường

Rủi ro biến động giá thị trường là rủi ro giá trị của các công cụ tài chính sụt giảm khi các chỉ số thị trường thay đổi và giá trị của từng loại chứng khoán thay đổi. Giá thị trường sụt giảm sẽ làm giảm giá trị của các khoản đầu tư của Quý. Tuy nhiên, Quý chỉ đầu tư vào cổ phiếu của các công ty có chỉ số cơ bản tốt nên sẽ thường có mức biến động thấp hơn so với thị trường. Ngoài ra, Quý cũng hướng tới việc tạo lập, tích lũy và gia tăng các biên độ an toàn về giá vốn đầu tư qua thời gian nắm giữ danh mục phù hợp để giảm ảnh hưởng và phụ thuộc vào các biến động nhất thời của giá cổ phiếu trong ngắn hạn.

5.9. Rủi Ro Tỷ Giá

Rủi ro tỷ giá là rủi ro mà giá trị của khoản đầu tư của Quý và các công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi biến động của tỷ giá. Các khoản đầu tư của Quý sẽ gặp rủi ro tỷ giá khi các công ty mà Quý đang đầu tư có các hoạt động kinh doanh liên quan đến xuất nhập khẩu và/hoặc có tài sản hoặc nợ phải trả bằng ngoại tệ. Các khoản đầu tư có rủi ro tỷ giá sẽ được Quý giám sát thông qua việc phân tích chi tiết các nguồn doanh thu, các khoản công nợ của các công ty đó.

Rủi ro tỷ giá cũng có thể ảnh hưởng đến Nhà Đầu Tư nước ngoài khi chuyển đổi ngoại tệ sang tiền đồng Việt Nam để mua Chứng chỉ quỹ, hoặc ngược lại, khi các Nhà Đầu Tư này chuyển đổi tiền bán Chứng chỉ quỹ sang ngoại tệ để chuyển về nước, Quý sẽ không chịu trách nhiệm về rủi ro tỷ giá đối với các Nhà Đầu Tư nước ngoài trong các trường hợp này vì đơn vị tiền tệ sử dụng duy nhất của Quý là Đồng Việt Nam. Các Nhà Đầu Tư nước ngoài vì vậy sẽ tự tìm kiếm các công cụ để phòng ngừa rủi ro tỷ giá đối với các khoản đầu tư của mình.

5.10. Rủi Ro Tín Dụng / Rủi Ro Thanh Toán

Đây là rủi ro khi Quý giao dịch với một đối tác mà đối tác này không thanh toán tiền mua chứng khoán hoặc chuyển nhượng chứng khoán cho Quý sau khi Quý đã chuyển nhượng chứng khoán hoặc đã thanh toán tiền mua chứng khoán.

Đối với cổ phiếu, rủi ro này thường chỉ liên quan đến những giao dịch chuyển nhượng chứng khoán của các công ty chưa niêm yết. Tuy nhiên, rủi ro này được hạn chế do Quý là quỹ mở chỉ giao dịch các cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch trên sàn UPCoM và các cổ phiếu chuẩn bị niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Thêm vào đó, giao dịch mua bán chứng khoán của Quý được tiến hành qua hệ thống giao dịch của các sở giao dịch hoặc qua các công ty chứng khoán có hệ thống lưu ký, giám sát theo quy định của Pháp Luật để đảm bảo số dư chứng khoán và số dư tiền của các bên liên quan được thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định của Pháp Luật.

Đối với trái phiếu và các loại chứng khoán nợ, rủi ro này thường liên quan đến việc tổ chức phát hành hoặc người đảm bảo thanh toán bị mất khả năng thanh toán tại thời điểm đáo hạn và do vậy không thể thanh toán cho Quý các khoản lãi cũng như nợ gốc. Để hạn chế rủi ro này, Quý ưu tiên đầu tư vào các loại trái phiếu chính phủ, trái phiếu được chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương có độ an toàn cao về khả năng thanh toán. Đối với các trái phiếu doanh nghiệp (nếu có), cho tới khi Việt Nam có các tổ chức tài chính trung gian có uy tín chịu trách nhiệm đánh giá hạn mức tín nhiệm, Quý có thể áp dụng các kỹ thuật phân tích thống kê bởi đội ngũ chuyên viên phân tích nội bộ, đồng thời tham khảo các đánh giá định mức tín nhiệm từ các tổ chức trung gian sẵn có để ra các quyết định đầu tư hợp lý và giảm thiểu rủi ro.

5.11. Rủi Ro Về Chiến Lược Đầu Tư

Rủi ro phát sinh trực tiếp từ chiến lược đầu tư của Quý khi lựa chọn phương pháp tiếp cận đầu tư thận trọng là giá của cổ phiếu giá trị trong danh mục đầu tư của Quý có thể sẽ không tăng như kỳ vọng của Quý và của Nhà Đầu Tư và ảnh hưởng đến Giá Trị Tài Sản Ròng trên mỗi Chứng chỉ quỹ. Rủi ro này xảy ra trong trường hợp các Nhà Đầu Tư khác trên thị trường chưa nhận định đúng giá trị của các công ty này hoặc các yếu tố cơ bản mà Quý kỳ vọng không giúp giá cổ phiếu tăng đến giá trị thực mà Quý đánh giá.

Rủi ro từ chiến lược được kiểm soát thông qua việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và quản lý danh mục năng động. Quý xác định sẽ duy trì một danh mục đầu tư đa dạng bao gồm cổ phiếu và trái phiếu của các công ty có lợi thế cạnh tranh bền vững trong các ngành nghề khác nhau. Ngoài ra, Quý cũng đa dạng hóa một cách thích hợp vào nhiều loại chứng khoán có quy mô vốn hóa thị trường khác nhau. Đồng thời, Công Ty Quản Lý Quý sẽ quản lý danh mục năng động, bằng cách theo dõi danh mục hàng ngày, phân tích và báo cáo danh mục hàng tuần và điều chỉnh danh mục thường xuyên để nắm bắt cơ hội, đồng thời giảm thiểu rủi ro cho Quý.

5.12. Rủi Ro Tái Đầu Tư

Đây là rủi ro đặc thù của các khoản đầu tư trái phiếu khi dòng tiền từ trái tức được tái đầu tư với mức lãi suất thấp hơn mức lãi suất thị trường tại thời điểm trái phiếu được đầu tư ban đầu. Rủi ro này xảy ra khi mức lãi suất thị trường có xu hướng giảm. Việc quản trị rủi ro tái đầu tư sẽ được Quý thực hiện qua công tác theo dõi chặt chẽ kỳ vọng lãi suất trên thị trường, diễn biến của đường cong lợi suất và kỳ hạn của danh mục đầu tư trái phiếu. Trái phiếu có kỳ hạn dài sẽ được ưu tiên nắm giữ khi lãi suất đang ở mức cao và được kỳ vọng sẽ giảm. Trái phiếu có kỳ hạn ngắn hoặc có lãi suất thả nổi sẽ được ưu tiên nắm giữ nếu lãi suất được kỳ vọng tăng.

5.13. Rủi Ro Định Giá

Đây là rủi ro khi lãi suất chiết khấu dùng để định giá khác với lãi suất thực tế khiến cho giá trị của tài sản được mua/bán khác với giá trị sổ sách. Lãi suất chiết khấu được dùng để định giá căn cứ trên lãi suất niêm yết trên HNX, VBMA, Bloomberg hoặc Reuters. Đây là lãi suất tham khảo chính thức được sử dụng phổ biến tại các tổ chức định giá, đầu tư tài chính chuyên nghiệp theo phương pháp định giá thống nhất tại Việt Nam và cũng mô phỏng thông lệ định giá được sử dụng phổ biến tại các tổ chức định giá, tổ chức đầu tư tài chính chuyên nghiệp trên thế giới. Tuy từng thời điểm và chất lượng của thông tin đầu vào, lãi suất này có thể không sát với lãi suất thực tế giao dịch.

5.14. Rủi Ro Liên Quan Đến Giải Thể Bất Buộc

Quý phải đối mặt với nguy cơ bị giải thể bất buộc nếu Giá Trị Tài Sản Ròng thấp hơn mười tỷ Đồng Việt Nam (10.000.000.000VNĐ) trong sáu (6) tháng liên tục. Trong trường hợp này Đại Hội Nhà Đầu Tư sẽ được triệu tập để quyết định việc thanh lý Quý hoặc sáp nhập Quý với quỹ khác, tùy thuộc vào phương án nào có lợi nhất cho Nhà Đầu Tư.

5.15. Rủi Ro Hoạt Động Quản Lý Quỹ

Đây là rủi ro khi không phải tất cả các quyết định đầu tư của Công Ty Quản Lý Quý đều mang lại lợi nhuận hoặc đáp ứng được kỳ vọng tại thời điểm tiến hành các khoản đầu tư này hoặc khi nhân viên đầu tư chủ chốt của Công Ty Quản Lý Quý thôi việc đột ngột và Công Ty Quản Lý Quý chưa tìm được nhân sự thay thế ngay lập tức do có một số yêu cầu cụ thể đối với người điều hành Quỹ theo quy định của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước và cần có thời gian để Công Ty Quản Lý Quý bổ nhiệm nhân sự thay thế đáp ứng được các yêu cầu này. Cụ thể, Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước quy định người điều hành Quỹ phải đáp ứng đủ số năm kinh nghiệm yêu cầu đối với nghiệp vụ quản lý quỹ chuyên nghiệp, đủ kiến thức chuyên môn và được cấp chứng nhận hành nghề quản lý quỹ bởi Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước. Việc này có thể ảnh hưởng tạm thời đến kết quả hoạt động của Quý. Tuy nhiên, hoạt động đầu tư của Quý luôn được giám sát và định hướng bởi Hội Đồng Đầu Tư gồm những chuyên gia giàu kinh nghiệm trong điều hành quỹ và Công Ty Quản Lý Quý. Do đó, Quý hoàn toàn có thể hạn chế các ảnh hưởng tạm thời này. Thêm vào đó, Công Ty Quản Lý Quý luôn có đội ngũ kế thừa đủ năng lực có thể đảm nhận vai trò điều hành Quỹ ngay khi cần thiết và hạn chế tối đa các tác động nếu có đối với Quý trong trường hợp này.

5.16. Rủi Ro Do Sự Kiện Bất Khả Khảng

Đây là các rủi ro có thể ảnh hưởng lớn và đột ngột lên giá trị của tất cả hoặc một số tài sản của Quý khi các Sự Kiện Bất Khả Khảng gây ảnh hưởng xảy ra một cách khách quan, không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết trong khả năng cho

phép. Có rất ít biện pháp để giảm thiểu rủi ro do Sự Kiện Bất Khả Kháng. Đa dạng hóa danh mục đầu tư vào các ngành, lĩnh vực khác nhau góp phần giảm thiểu rủi ro bất khả kháng vì các rủi ro này thường không tác động đến tất cả chứng khoán cùng một lúc, hoặc tác động ở các mức độ khác nhau. Ở cấp độ công ty trong danh mục, chính sách bảo hiểm và các kế hoạch khắc phục tổn thất có thể giúp giới hạn tác động của một số Sự Kiện Bất Khả Kháng.

5.17. Rủi Ro Thiếu Các Công Cụ Phòng Ngừa Rủi Ro

Theo quy định của Pháp Luật, Quý được sử dụng các chứng khoán phái sinh niêm yết cho mục đích phòng ngừa rủi ro. Tuy nhiên, các công cụ phái sinh hiện tại chưa phát triển nên khả năng sẽ không có sẵn các công cụ phù hợp để sử dụng phòng ngừa rủi ro. Vì vậy, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ áp dụng đồng thời nhiều phương pháp quản trị rủi ro khác đã đề cập bên trên để giảm thiểu rủi ro cho Quý và Người Sở Hữu Chứng Chỉ Quỹ.

X. PHÁT HÀNH LẦN ĐẦU CHỨNG CHỈ QUỸ RA CÔNG CHÚNG

1. Căn cứ pháp lý

- (1) Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 do Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 26 tháng 11 năm 2019; có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- (2) Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc Hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh Nghiệp;
- (3) Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán; có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021
- (4) Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán; có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- (5) Thông tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán; có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021
- (6) Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021
- (7) Thông tư số 98/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán; có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021
- (8) Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng với quỹ mở;
- (9) Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2011 của Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ;
- (10) Thông tư số 197/2015/TT-BTC ngày 03 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài Chính ban hành quy định về hành nghề chứng khoán;
- (11) Thông tư 101/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định về giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại Sở giao dịch chứng khoán và Tổng công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam; có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.
- (12) Thông tư số 102/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại các tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng thương mại tham gia vào thị trường chứng khoán Việt Nam;
- (13) Các văn bản pháp luật có liên quan khác.

2. Phương án phát hành lần đầu

2.1. Thông Tin Cơ Bản Về Phương Án Phát Hành Lần Đầu

Tên Quỹ	Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Cổ Tức Năng Động VinaCapital
Loại hình	Quỹ mở
Thời gian hoạt động của Quỹ	Không xác định thời hạn
Công Ty Quản Lý Quỹ	Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ VinaCapital

Ngân Hàng Giám Sát	Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam)
Đại Lý Chuyển Nhượng	Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam
Mục Tiêu Và Chiến Lược Đầu Tư	<p>Mục tiêu của Quỹ là mang lại thu nhập bền vững cho nhà đầu tư trong trung và dài hạn, thông qua việc đầu tư năng động vào cổ phiếu các công ty niêm yết có tỷ suất cổ tức cao và ổn định, đồng thời có triển vọng tăng giá.</p> <p>Chiến lược đầu tư của Quỹ bao gồm nhưng không hạn chế đầu tư vào cổ phiếu các công ty niêm yết có nền tảng tài chính và dòng tiền tốt, có khả năng tạo ra một tỷ suất cổ tức cao và bền vững qua các năm, nhưng vẫn có khả năng duy trì tăng trưởng lợi nhuận nhờ vào mô hình kinh doanh có lợi thế cạnh tranh và hiệu quả hoạt động cao.</p> <p>Chiến lược đầu tư của Quỹ VINACAPITAL-VDEF được xây dựng phù hợp theo từng thời kỳ nhằm đạt được mục tiêu đầu tư của Quỹ dựa vào phân tích, đánh giá kinh tế vĩ mô, yếu tố thị trường, chu kỳ kinh tế. Những giai đoạn khác nhau sẽ có những cơ hội đầu tư khác nhau và từ đó chiến lược đầu tư sẽ được thay đổi phù hợp để không bỏ lỡ cơ hội gia tăng lợi nhuận cho Quỹ.</p> <p>Nhà Đầu Tư vui lòng tham khảo thêm các Chương IX Mục 3.1 và 3.2.</p>
Lĩnh Vực Ngành Nghề Dự Kiến Đầu Tư	Căn cứ theo mục tiêu và chiến lược đầu tư của Quỹ, Quỹ có thể thực hiện đầu tư vào tất cả các ngành nghề của thị trường chứng khoán Việt Nam. Cơ cấu đầu tư có thể thay đổi tùy theo danh tính hình thị trường và chiến lược đầu tư của Quỹ.
Các Sản Phẩm Dự Kiến Đầu Tư	Quỹ sẽ đầu tư vào: (i) Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng; (ii) Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật; (iii) Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương; (iv) Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng; (v) Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành; (vi) chứng khoán phái sinh niêm yết tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà quỹ đang nắm giữ, (vii) Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà quỹ đang nắm giữ.
Cơ Cấu Đầu Tư	<p>Danh mục đầu tư của Quỹ sẽ phù hợp với các tài sản mà Quỹ được phép đầu tư theo Quy định.</p> <p>Nhà Đầu Tư vui lòng tham khảo thêm các Chương IX Mục 3.3</p>
Quy Trình Kiểm Soát Rủi Ro Đầu Tư	Người điều hành Quỹ chỉ được phép đầu tư những tài sản được phép đầu tư và trong giới hạn cho phép theo quy định tại Điều Lệ của Quỹ và công bố tại Bản Cáo Bạch này. Ngân Hàng Giám Sát và bộ phận kiểm soát nội bộ của Công Ty

	Quản Lý Quỹ có trách nhiệm giám sát và kiểm tra hoạt động đầu tư của Quỹ nhằm đảm bảo hoạt động này tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định tại Điều Lệ của Quỹ và công bố tại Bản Cáo Bạch này.
Số Lượng Chứng chỉ quỹ tối thiểu Dự Kiến Chào Bán	5.000.000 (năm triệu) Chứng chỉ quỹ
Số Lượng Chứng chỉ quỹ Tối Đa Dự Kiến Chào Bán	Không áp dụng
Thời Hạn Phát Hành Trong Lần Phát Hành Lần Đầu	<p>Trong thời hạn tối đa chín mươi (90) Ngày kể từ ngày giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng có hiệu lực. Thời hạn đăng ký mua chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư tối thiểu là 20 ngày; thời hạn này được ghi trong bản thông báo chào bán sau khi Quỹ được cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng. Thời gian phát hành Chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng có thể kết thúc sớm hơn thời gian dự kiến nếu thỏa mãn tất cả các điều kiện sau: (i) tổng giá trị đăng ký mua tối thiểu 50.000.000.000 VNĐ (Năm Mươi Tỷ Đồng Việt Nam); (ii) thời hạn đăng ký mua Chứng chỉ quỹ cho Nhà Đầu Tư tối thiểu là hai mươi (20) Ngày kể từ ngày phân phối chính thức, được ghi trong thông báo chào bán của Công Ty Quản Lý Quỹ và (iii) có ít nhất một trăm (100) Nhà Đầu Tư, không kể Nhà Đầu Tư chuyên nghiệp mua Chứng chỉ quỹ.</p> <p>Trường hợp không thể hoàn thành việc phân phối chứng chỉ quỹ trong thời hạn nêu trên, Công ty quản lý quỹ được đề nghị Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước xem xét gia hạn việc phân phối chứng chỉ quỹ, nhưng không quá ba mươi (30) ngày sau khi kết thúc thời gian phân phối chứng chỉ quỹ.</p>
Mệnh Giá	10.000 VNĐ/Chứng chỉ quỹ
Giá Dịch Vụ Phát Hành	0%
Giá Phát Hành	10.000 VNĐ/Chứng chỉ quỹ
Đơn Vị Tiền Tệ	VNĐ
Số Lượng Đăng Ký Tối Thiểu	1.000.000 đồng tương đương 100 chứng chỉ quỹ
Phương Thức Phân Bỏ Chứng chỉ quỹ Lần Đầu	Chứng chỉ quỹ được phân bổ cho từng Nhà Đầu Tư tham gia bằng cách lấy tổng số tiền đầu tư ban đầu chia cho giá phát hành.
Phương Thức Và Hình Thức Thanh Toán	Việc thanh toán phải được thực hiện bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản phong tỏa của Quỹ tại Ngân hàng giám sát. Quỹ sẽ không chấp nhận thanh toán bằng tiền mặt.
Thời Gian Để Xác Nhận Giao Dịch Của Nhà Đầu Tư	Trong thời hạn năm (05) Ngày làm việc kể từ ngày giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ có hiệu lực.
Ngày Giao Dịch Gắn Nhất Dự Kiến Sau Khi Kết Thúc Phát Hành Lần Đầu	Trong thời hạn ba mươi (30) Ngày, kể từ ngày giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ có hiệu lực, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ tổ chức giao dịch Chứng chỉ quỹ vào các Ngày giao dịch từ thứ Hai (02) đến thứ Sáu (06) hàng tuần để Nhà Đầu Tư thực hiện giao dịch Chứng chỉ quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ công bố ngày giao dịch chính thức trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ và/ hoặc của Đại Lý Phân Phối.
Địa Điểm Phát Hành Và Các Đại Lý Phân Phối	Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ VinaCapital Lầu 17, Tòa nhà Sun Wah, 115 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

	<p>Điện thoại: +84 (0) 28 3827 8535 Fax: +84 (0) 28 3827 8536 Email: irwm@vinacapital.com Website: wm.vinacapital.com</p> <p>Công Ty Cổ Phần Fincorp (Fincorp) 4A/167A Đường Nguyễn Văn Thương, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam Điện thoại: +84 (0) 28 3636 1079 Fax: +84 (0) 28 (84-28) 3636 1078</p>
Các Đối Tác Có Liên Quan Đến Đợt Phát Hành	<ul style="list-style-type: none"> • Công ty quản lý quỹ: Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ VinaCapital • Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam) • Đại lý chuyển nhượng: Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam • Đại lý phân phối: Công ty cổ phần quản lý quỹ VinaCapital, Công ty cổ phần Fincorp (Fincorp)
Tiêu Chí, Điều Kiện Đối Với Nhà Đầu Tư Góp Vốn Thành Lập Quỹ	Nhà Đầu Tư cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước.

2.2. Danh Sách Điểm Nhận Lệnh Cho Đợt Phát Hành Chứng chỉ quỹ Lần Đầu

Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ VinaCapital

Lầu 17, Tòa nhà Sun Wah, 115 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: +84 (0) 28 3827 8535

Fax: +84 (0) 28 3827 8536

Email: irwm@vinacapital.com

Website: wm.vinacapital.com

Công Ty Cổ Phần Fincorp (Fincorp)

4A/167A Đường Nguyễn Văn Thương, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: +84 (0) 28 3636 1079

Fax: +84 (0) 28 (84-28) 3636 1078

2.3. Xử Lý Trường Hợp Phát Hành Chứng chỉ quỹ Không Thành Công

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, Công Ty Quản Lý Quỹ phải công bố thông tin và báo cáo UBCKNN. Công Ty Quản Lý Quỹ phải chịu mọi phí tổn và nghĩa vụ tài chính phát sinh từ việc huy động vốn và hoàn trả cho Nhà Đầu Tư mọi khoản tiền đã đóng góp khi xảy ra một trong các trường hợp dưới đây:

- (a) Có ít hơn một trăm (100) Nhà Đầu Tư, không kể Nhà Đầu Tư chứng khoán chuyên nghiệp, mua Chứng chỉ quỹ;
- (b) Tổng giá trị vốn huy động được thấp hơn 50.000.000.000 VNĐ (Năm Mươi Tỷ Đồng Việt Nam); hoặc
- (c) Việc phân phối Chứng chỉ quỹ không hoàn tất trong thời hạn phân phối dự kiến và Công Ty Quản Lý Quỹ không có ý định đề nghị UBCKNN chấp thuận việc gia hạn thêm thời hạn phân phối Chứng chỉ quỹ tối đa ba mươi (30) ngày theo quy định của Pháp Luật.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, Công Ty Quản Lý Quỹ hoàn tất việc trả tiền cho nhà đầu tư theo quy định trên đồng thời chịu mọi chi phí phát sinh từ việc huy động vốn.

Để tránh hiểu nhầm, các khoản tiền mà nhà đầu tư đã đóng góp sẽ được Ngân Hàng Giám Sát hoàn trả lại cho nhà đầu tư từ tài khoản của Quỹ được phong tỏa tại Ngân Hàng Giám Sát.

XI. GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ CÁC LẦN TIẾP THEO

Trong thời hạn 30 ngày kể từ Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ có hiệu lực, Công Ty Quản Lý Quỹ

phải tổ chức giao dịch chứng chỉ quỹ cho Nhà đầu tư.

Nhà đầu tư có thể liên tục giao dịch chứng chỉ quỹ kể từ Ngày giao dịch đầu tiên.

Nhà đầu tư nên tham khảo ý kiến của chuyên gia tư vấn riêng của mình để đảm bảo Nhà đầu tư đáp ứng đủ điều kiện để đầu tư vào Quỹ theo các quy định của Pháp Luật áp dụng đối với mình và liệu Quỹ có phù hợp với khả năng chấp nhận rủi ro của mình hay không.

1. Chương trình đầu tư

1.1. Chương trình đầu tư linh hoạt

a. Giới thiệu chung

Chương trình đầu tư linh hoạt VinaFlex được giới thiệu nhằm giúp Nhà đầu tư tổ chức và Nhà đầu tư cá nhân thực hiện kế hoạch tài chính và đa dạng hóa các hình thức đầu tư thông qua việc đầu tư vào chứng chỉ quỹ mở một cách linh hoạt.

b. Cách thức xác định mức giá dịch vụ áp dụng

Để tham gia chương trình, Nhà đầu tư chỉ cần mở tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ mở được quản lý bởi VinaCapital và do Đại lý chuyển nhượng cung cấp số tài khoản giao dịch của Nhà đầu tư thông qua tổ chức phân phối.

Mức giá dịch vụ phát hành áp dụng đối với chương trình đầu tư linh hoạt VinaFlex tối đa là 5%. Các mức giá dịch vụ cụ thể được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý Quỹ tại từng thời điểm.

1.2. Chương trình đầu tư định kỳ

a. Giới thiệu chung

Đầu tư định kỳ là chương trình đầu tư tiết kiệm có hệ thống cho phép Nhà đầu tư có thể tiết kiệm một khoản tiền cố định một cách thường xuyên bằng cách mua định kỳ hàng tháng các Chứng chỉ Quỹ.

Nhà đầu tư tham gia một kỳ giao dịch bất kỳ mỗi tháng và duy trì thời gian đầu tư tối thiểu là 12 kỳ liên tục (tương ứng 12 tháng) với tối đa không quá 03 kỳ (tương ứng 03 tháng) không đầu tư liên tục và trong 12 kỳ đầu tư này Nhà đầu tư không thực hiện lệnh bán.

b. Cách thức xác định mức giá dịch vụ áp dụng

Sau khi nhận được lệnh Mua từ nhà đầu tư và xác nhận tiền đã vào tài khoản của Quỹ tại Ngân hàng giám sát, hệ thống của VinaCapital sẽ thực hiện lệnh mua chứng chỉ quỹ vào ngày giao dịch gần nhất. Sau kỳ giao dịch đầu tiên hệ thống sẽ tự sinh một (01) lệnh Mua cho mỗi tháng tiếp theo, nhà đầu tư chỉ cần chuyển khoản tiền đầu tư định kỳ, lệnh mua hợp lệ sẽ được khớp lệnh vào ngày giao dịch chứng chỉ quỹ gần nhất của quỹ ngay sau đó.

Mức giá dịch vụ phát hành áp dụng đối với chương trình đầu tư định kỳ SIP tối đa là 5%. Các mức giá dịch vụ cụ thể được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý Quỹ.

2. Ngày giao dịch, tần suất giao dịch và phương thức giao dịch chứng chỉ quỹ

a) Ngày giao dịch và tần suất giao dịch

Nhà Đầu Tư có thể mua, bán, chuyển đổi quỹ hoặc chuyển nhượng (phi thương mại) chứng chỉ quỹ vào các Ngày Giao Dịch. Ngày Giao Dịch là ngày làm việc từ Thứ Hai đến Thứ Sáu hàng tuần. Trong trường hợp Ngày Giao Dịch là ngày nghỉ lễ, ngày nghỉ bù theo quy định pháp luật và/hoặc quy định nội bộ của Công ty Quản lý Quỹ (nếu có) thì việc giao dịch sẽ được thực hiện vào Ngày Giao Dịch kế tiếp; trong những trường hợp trên, Công ty quản lý quỹ sẽ thông báo trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ và luôn đảm bảo tần suất giao dịch tối thiểu 02 lần trong 1 tháng.

Việc thay đổi Ngày Giao Dịch sẽ được thông báo trước cho các Điểm Nhận Lệnh, cập nhật vào Bản cáo bạch, được thông báo trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ và công bố thông tin theo quy định. Trong trường hợp giảm tần suất giao dịch thì phải được Đại hội nhà đầu tư thông qua nhưng không ít hơn hai (02) lần trong một (01) tháng.

b) Phương thức giao dịch

Nhà đầu tư đặt lệnh giao dịch tại các điểm nhận lệnh của Đại lý phân phối (danh sách Đại lý phân phối và các điểm nhận lệnh tại Phụ lục 3 của Bản cáo bạch này).

Một Nhà Đầu Tư có thể đặt lệnh giao dịch Chứng chỉ quỹ tại hơn một Đại Lý Phân Phối, tuy nhiên cần nộp Đơn Đăng Ký và các giấy tờ theo quy định để mở tài khoản giao dịch tại mỗi Đại Lý Phân Phối mà Nhà Đầu Tư muốn thực hiện giao dịch. Các tài khoản tại các Đại Lý Phân Phối khác nhau của cùng một Nhà Đầu Tư được quản lý độc lập.

3. Thời điểm đóng sổ lệnh và thời hạn xác nhận giao dịch

3.1. Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh cho việc xử lý và chấp nhận các chứng từ cần thiết của các Lệnh Mua, Lệnh Bán, Lệnh Chuyển Đổi hoặc Lệnh Chuyển Nhượng để thực hiện trong Ngày Giao Dịch và cho việc thanh toán các Lệnh Mua được quy định chi tiết như sau (Ngày Giao Dịch được ký hiệu là "T"):

Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh		
Loại Lệnh	Thanh Toán ^(*)	Hồ Sơ ^(**)
Lệnh Mua	Trong ngày T-1	14h40 ngày T-1
Lệnh Bán, Lệnh Chuyển Đổi, Lệnh Chuyển Nhượng hoặc Hủy Lệnh	Không áp dụng	14h40 ngày T-1

(*) Hạn cuối cùng để tiền mua Chứng chỉ quỹ được ghi có vào tài khoản của Quỹ tại Ngân Hàng Giám Sát.

(**) Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh áp dụng cho việc nộp đầy đủ hồ sơ tại Điểm Nhận Lệnh.

3.2. Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh sẽ được ghi nhận tại các Điểm Nhận Lệnh là 14h40 (mười bốn giờ bốn mươi phút) ngày T-1, trong đó ngày T là ngày giao dịch chứng chỉ quỹ. Các lệnh giao dịch sẽ được xử lý căn cứ vào ngày và giờ nhận được hồ sơ tại Điểm Nhận Lệnh dựa trên ngày giờ ghi nhận tại Điểm Nhận Lệnh đó. Với những lệnh giao dịch hợp lệ, Giá Trị Tài Sản Ròng của Ngày Giao Dịch T sẽ được áp dụng để xác định giá giao dịch.

Trường hợp thời điểm Đóng Sổ Lệnh rơi vào ngày nghỉ lễ hoặc ngày nghỉ bù theo quy định pháp luật và/hoặc quy định nội bộ của Công ty Quản lý Quỹ (nếu có), thì việc nhận lệnh sẽ được thực hiện vào ngày làm việc liền trước đó. Công Ty Quản lý Quỹ sẽ thông báo cho nhà đầu tư, đại lý phân phối, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan khi thời điểm Đóng Sổ Lệnh rơi vào các trường hợp trên trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ.

3.3. Công Ty Quản lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan và Đại Lý Ký Danh (nếu có) có trách nhiệm cập nhật hàng ngày đầy đủ thông tin về sở hữu sau giao dịch Chứng chỉ quỹ của Nhà Đầu Tư tại Sổ Chính và gửi cho Nhà Đầu Tư đã thực hiện giao dịch Chứng chỉ quỹ bản xác nhận giao dịch theo mẫu quy định của Pháp Luật và việc cập nhật thông tin sở hữu của Nhà Đầu Tư không trễ hơn Ngày Giao Dịch chứng chỉ quỹ kế tiếp.

4. Giao dịch muộn

Các lệnh giao dịch nhận được sau Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh của một Ngày Giao Dịch tương ứng không được phép thực hiện tại Ngày Giao Dịch đó. Các lệnh giao dịch nhận được sau Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh sẽ được xử lý như sau:

Loại Lệnh	Xử Lý
Lệnh Mua, Lệnh Bán, Lệnh Chuyển Đổi, Lệnh Chuyển Nhượng	Được xem là Lệnh Mua Được Chấp Nhận, Lệnh Bán Được Chấp Nhận, Lệnh Chuyển Đổi Được Chấp Nhận, Lệnh Chuyển Nhượng Được Chấp Nhận và được giữ lại để thực hiện tại Ngày Giao Dịch kế tiếp. Tuy nhiên, trong trường hợp các lệnh này không được thực hiện tại Ngày Giao Dịch kế tiếp thì các lệnh này sẽ bị hủy..

5. Mua Chứng chỉ quỹ

5.1. Mức Đầu Tư Tối Thiểu

Chương Trình Đầu Tư	Chương Trình thông thường	Chương Trình định kỳ
Mức đầu tư tối thiểu mỗi lần mua Chứng chỉ quỹ	100.000 (một trăm nghìn) đồng	100.000 (một trăm nghìn) đồng

Không có mức giới hạn đầu tư tối đa cho Nhà Đầu Tư. Công Ty Quản Lý Quỹ bảo lưu quyền thay đổi các giới hạn đầu tư trên trong từng thời điểm và sẽ thông báo về các thay đổi này tại Bản cáo bạch.

5.2. Giá bán/giá phát hành Chứng chỉ quỹ và Giá Dịch Vụ Phát Hành

Chứng chỉ quỹ được phát hành tại Giá Trị Tài Sản Ròng trên một chứng chỉ quỹ của Ngày Giao Dịch tương ứng cộng với Giá Dịch Vụ Phát Hành. Giá dịch vụ phát hành được tính bằng tỷ lệ phần trăm số tiền Nhà Đầu Tư đặt mua..

Số chứng chỉ quỹ Nhà Đầu Tư được phân phối = Số tiền Nhà Đầu Tư đặt mua x (1- giá dịch vụ phát hành (%))/ NAV trên một Chứng chỉ quỹ tại Ngày Giao Dịch

Ví dụ: vào Ngày Giao Dịch T, NAV của một Chứng chỉ quỹ là 12.000 VNĐ, Nhà Đầu Tư cá nhân chuyển tiền mua chứng chỉ quỹ là 10.000.000 đồng, Giá Dịch Vụ Phát Hành là 0% NAV. Lệnh Mua sẽ được thực hiện như sau:

Số tiền Nhà Đầu Tư đặt mua	10.000.000		
Số chứng chỉ quỹ mua được	$10.000.000 \times (1-0\%) / 12.000$	=	833,33 ccq

Lưu ý: Ví dụ trên chỉ cho mục đích minh họa, không có bất kỳ gợi ý hay ám chỉ về giá hay phí giao dịch. Nhà Đầu Tư cần tham khảo các điều khoản của Bản Cáo Bạch hoặc Điều Lệ của Quỹ và biểu giá dịch vụ phát hành của Quỹ trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản Lý Quỹ tại từng thời điểm để có thông tin chính xác.

5.3. Thực Hiện Lệnh Mua

Nhà đầu tư có thể đăng ký mua Chứng chỉ Quỹ VINACAPITAL-VDEF sau đợt phát hành lần đầu thông qua các địa điểm phân phối Chứng chỉ Quỹ VINACAPITAL-VDEF do VinaCapital chỉ định được công bố chi tiết trong Phụ lục 3 đính kèm.

Lệnh giao dịch mua Chứng chỉ Quỹ phải được điền đầy đủ thông tin và được gửi đến Đại lý phân phối chỉ định trước Thời điểm đóng sổ lệnh và tiền thanh toán mua Chứng chỉ Quỹ đã được chuyển đến tài khoản của Quỹ VINACAPITAL-VDEF tại Ngân hàng giám sát trong ngày T-1.

Lệnh giao dịch của Nhà đầu tư sẽ được nhân viên của đại lý phân phối nhận lệnh xác minh và tiến hành các thủ tục sau:

- Đóng dấu và dấu thời gian trên lệnh (thời gian đặt lệnh phải trước thời điểm đóng sổ lệnh).
- Kiểm tra đảm bảo lệnh đã điền đầy đủ và chính xác và đối chiếu chữ ký mẫu.
- Xác nhận khoản tiền lệnh đăng ký đã được trả đủ thông qua hệ thống của đại lý chuyển nhượng.
- Chuyển sổ lệnh cho đại lý chuyển nhượng theo quy trình của đại lý chuyển nhượng.
- Chứng chỉ Quỹ sẽ được đăng ký dưới tên của Nhà đầu tư.

5.4. Thời gian xác nhận giao dịch mua

Thông tin về kết quả giao dịch sẽ được tổ chức phân phối thông báo cho Nhà đầu tư bằng email trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ Ngày giao dịch nhưng không quá ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ tiếp theo. Lệnh Mua được thực hiện theo quy trình thể hiện tại Chương IX Mục 4.1, Chương XI Mục 1 và Phụ Lục 01 của Bản Cáo Bạch này.

6. Bán Chứng chỉ quỹ

6.1. Lệnh Bán Tối Thiểu và Số Dư Tài Khoản Tối Thiểu

Số lượng chứng chỉ quỹ duy trì tài khoản tối thiểu: mười (10) chứng chỉ quỹ, trừ trường hợp phát sinh chứng chỉ quỹ lẻ (dưới 10 chứng chỉ quỹ) do lệnh mua của Nhà đầu tư.

Số lượng chứng chỉ quỹ đăng ký bán tối thiểu: mười (10) chứng chỉ quỹ.

Trường hợp Nhà đầu tư thực hiện lệnh bán dẫn đến số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ còn lại thấp hơn số lượng chứng chỉ quỹ duy trì tối thiểu thì lệnh bán sẽ được thực hiện đối với toàn bộ chứng chỉ quỹ Nhà đầu tư đang nắm giữ để số dư mới tại tài khoản bằng không (0).

6.2. Giá mua lại, Giá Dịch Vụ Mua Lại và Thanh Toán

Giá Dịch Vụ Mua Lại được tính bằng tỷ lệ phần trăm giá trị của Lệnh bán của Nhà đầu tư. Mức Giá Dịch Vụ Mua Lại được áp dụng dựa trên thời gian Nhà Đầu Tư nắm giữ Đơn Vị Quỹ.

Thuế áp dụng đối với giao dịch bán Chứng chỉ quỹ phải giữ lại tại nguồn (nếu có) sẽ được trừ đi từ tổng giá trị bán Chứng chỉ quỹ.

Giá mua lại trên một Chứng chỉ quỹ = NAV trên một Chứng chỉ quỹ tại Ngày Giao Dịch X (1 - Giá Dịch Vụ Mua Lại trên một Chứng chỉ quỹ).

Ví dụ: vào Ngày Giao Dịch T, NAV của một Chứng chỉ quỹ là 12.000 VNĐ, Nhà Đầu Tư cá nhân bán 500,12 Chứng chỉ quỹ, Giá Dịch Vụ Mua Lại là 0% NAV và thuế áp dụng đối với giao dịch bán Chứng chỉ quỹ phải giữ lại tại nguồn là 0,1% trên giá trị giao dịch. Lệnh Bán sẽ được thực hiện như sau:

Số Chứng chỉ quỹ đặt bán	500,12		
Giá trị bán	$500,12 \times 12.000$	=	6.001.440
Giá Dịch Vụ Mua Lại và thuế giữ lại	$6.001.440 \times (0\% + 0,1\%)$	=	6.001,44
Số tiền nhận được	$6.001.440 - 6.001,44$	=	5.995.438,56

Lưu ý: Ví dụ trên chỉ cho mục đích minh họa, không có bất kỳ gợi ý hay ám chỉ về giá hay phí giao dịch. Nhà Đầu Tư cần tham khảo các điều khoản của Bản Cáo Bạch hoặc Điều Lệ của Quỹ và biểu giá dịch vụ mua lại trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ tại từng thời điểm để có thông tin chính xác. Ngoài ra, khoản thuế áp dụng đối với giao dịch bán Chứng chỉ quỹ phải giữ lại tại nguồn 0,1% trên giá trị giao dịch sử dụng trong ví dụ minh họa trên được áp dụng cho giao dịch Chứng chỉ quỹ tại thời điểm phát hành Bản Cáo Bạch này và chỉ có tính chất minh họa. Nhà Đầu Tư cần tham khảo quy định về thuế áp dụng tại thời điểm thực hiện giao dịch cụ thể để có thông tin chính xác.

6.3. Thực Hiện Lệnh Bán

Nhà đầu tư có thể đặt lệnh bán Chứng chỉ Quỹ VINACAPITAL-VDEF thông qua các địa điểm phân phối Chứng chỉ Quỹ VINACAPITAL-VDEF do VinaCapital chỉ định được công bố chi tiết trong Phụ lục 3 đính kèm.

Lệnh giao dịch bán Chứng chỉ Quỹ phải được điền đầy đủ thông tin và được gửi đến Đại lý phân phối chỉ định trước Thời điểm đóng sổ lệnh.

Lệnh giao dịch của Nhà đầu tư sẽ được nhân viên của đại lý phân phối nhận lệnh xác minh và tiến hành các thủ tục sau:

- Đóng dấu và dấu thời gian trên lệnh (thời gian đặt lệnh phải trước thời điểm đóng sổ lệnh).
- Kiểm tra đảm bảo lệnh đã điền đầy đủ và chính xác và đối chiếu chữ ký mẫu.
- Xác nhận thông tin lệnh bán của nhà đầu tư tại danh sách nhà đầu tư đặt lệnh giao dịch Chứng chỉ quỹ chi tiết theo Đại lý phân phối do VSD lập trên hệ thống phù hợp với thông tin trên hồ sơ đặt lệnh bán tại Đại lý phân phối.
- Chuyển sổ lệnh cho đại lý chuyển nhượng theo quy trình của đại lý chuyển nhượng.

6.4. Thanh Toán Tiền Bán Chứng chỉ quỹ Cho Nhà Đầu Tư

Tiền bán Chứng chỉ quỹ sau khi đã trừ Giá Dịch Vụ Mua Lại và thuế (nếu có) sẽ được thanh toán cho Nhà Đầu Tư trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ Ngày Giao Dịch. Phí ngân hàng phát sinh từ việc chuyển tiền bán Chứng chỉ quỹ tới tài khoản của Nhà Đầu Tư sẽ được khấu trừ từ tiền bán Chứng chỉ quỹ.

Tiền bán Chứng chỉ quỹ sẽ được chuyển khoản tới tài khoản ngân hàng mang tên Nhà Đầu Tư với số tài khoản đã đăng ký hoặc tài khoản ngân hàng do nhà đầu tư chỉ định trong Sổ Đăng Ký. Nhà Đầu Tư cần đảm bảo thông tin tài khoản trong Sổ Đăng Ký là chính xác để tránh chậm trễ hoặc không nhận được tiền thanh toán bán Chứng chỉ quỹ.

Đối với các khoản thanh toán bị trả về từ ngân hàng thụ hưởng, Nhà đầu tư sẽ chịu các khoản chi phí phát sinh liên quan việc sửa lệnh (nếu có) nếu do lỗi của Nhà đầu tư. Việc thanh toán tiền cho Nhà đầu tư trong trường hợp này sẽ phụ thuộc vào thời điểm mà Nhà đầu tư sửa đổi, cập nhật thông tin tại Đại lý phân phối. Lưu ý rằng Quỹ sẽ không thanh toán tiền bán thành công bằng tiền mặt, vì vậy Nhà đầu tư đảm bảo các thông tin đã cung cấp cho Đại lý phân phối là chính xác.

Lệnh Bán được thực hiện theo quy trình thể hiện tại Chương IX Mục 4.2, Chương XI Mục 1 và Phụ Lục 01 của Bản Cáo Bạch này.

7. Chuyển đổi Quỹ

7.1. Mức Tối Thiểu Đối Với Lệnh Chuyển Đổi

Quỹ áp dụng mức Chứng chỉ quỹ tối thiểu đối với Lệnh Chuyển Đổi là một trăm (100) chứng chỉ quỹ. Tuy nhiên, khi Nhà Đầu Tư thực hiện chuyển đổi sang một quỹ mở khác cùng loại hình do VinaCapital quản lý thì lệnh chuyển đổi đó phải tuân thủ theo quy định về mức Chứng chỉ quỹ chuyển đổi tối thiểu

của Quỹ đó. Trường hợp lệnh chuyển đổi của Nhà đầu tư dẫn đến số lượng Chứng chỉ Quỹ nắm giữ còn lại thấp hơn mức duy trì tài khoản tối thiểu thì lệnh chuyển đổi sẽ được thực hiện đối với toàn bộ Chứng chỉ quỹ Nhà đầu tư đang nắm giữ.

7.2. Giá Dịch Vụ Chuyển Đổi

Do Công Ty Quản Lý Quỹ ấn định và công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ và không được vượt quá ba phần trăm (3%) giá trị giao dịch. Mức giá dịch vụ chuyển đổi cụ thể được công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ và các Đại lý phân phối.

Nhà đầu tư chỉ phải thanh toán giá dịch vụ chuyển đổi, không phải thanh toán giá dịch vụ phát hành, giá dịch vụ mua đối với các lệnh thực hiện theo quy trình chuyển đổi.

7.3. Quy Trình Thực Hiện Lệnh Chuyển Đổi

Lệnh chuyển đổi được thực hiện theo quy trình thể hiện tại Chương IX Mục 4.3, Chương XI Mục 1 và Phụ Lục 01 của Bản Cáo Bạch này.

8. Chuyển nhượng (phi thương mại) Chứng chỉ quỹ

8.1. Đơn Chuyển Nhượng

Nhà Đầu Tư không được phép chuyển nhượng thương mại đối với Chứng chỉ quỹ. Tuy nhiên, Nhà Đầu Tư có thể chuyển nhượng Chứng chỉ quỹ cho người khác trên nguyên tắc phi thương mại, có thể dưới dạng quà tặng, thừa kế hoặc thực hiện lệnh của toà án. Lệnh Chuyển Nhượng chỉ được thực hiện dưới dạng số lượng Chứng chỉ quỹ, bao gồm cả phần lẻ của Chứng chỉ quỹ. Nhà Đầu Tư chuyển nhượng cần điền Lệnh Chuyển Nhượng và luôn luôn phải đảm bảo rằng người nhận chuyển nhượng Chứng chỉ quỹ nếu chưa phải là Nhà Đầu Tư phải đáp ứng các điều kiện về KYC và AML áp dụng đối với Nhà Đầu Tư.

8.2. Xử Lý Các Đơn Chuyển Nhượng

Nhà Đầu Tư muốn thực hiện chuyển nhượng hoặc người thừa hưởng thừa kế trong trường hợp thừa kế có thể nộp Lệnh Chuyển Nhượng tại bất kỳ Điểm Nhận Lệnh nào.

Lệnh Chuyển Nhượng được kèm theo Đơn Đăng Ký có tại các Điểm Nhận Lệnh và trên trang điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ, wm.vinacapital.com. Nếu người nhận chuyển nhượng chưa phải là Nhà Đầu Tư, người nhận chuyển nhượng Chứng chỉ quỹ sẽ phải nộp thêm các giấy tờ khác như quy định đối với người mua Chứng chỉ quỹ lần đầu và trong trường hợp thừa kế, người thừa kế sẽ phải nộp các giấy tờ chứng minh mình được thừa kế và có quyền sở hữu Chứng chỉ quỹ theo quy định của Pháp Luật và quy định của Công Ty Quản Lý Quỹ.

8.3. Tuân Thủ

Để tuân thủ các quy định về KYC và AML, người nhận chuyển nhượng Chứng chỉ quỹ chưa phải là Nhà Đầu Tư sẽ phải tuân thủ các thủ tục về KYC và AML áp dụng cho người mua Chứng chỉ quỹ lần đầu.

8.4. Xác Nhận Lệnh Chuyển Nhượng

Các Lệnh Chuyển Nhượng Được Chấp Nhận được thực hiện bởi Đại Lý Chuyển Nhượng tại Ngày Giao Dịch tương ứng.

8.5. Giá Dịch Vụ Chuyển Nhượng

Giá Dịch Vụ Chuyển Nhượng cho một giao dịch chuyển nhượng (phi thương mại) Chứng chỉ quỹ là (i) năm trăm ngàn Đồng Việt Nam (500.000 VNĐ) cho mỗi giao dịch chuyển nhượng hoặc (ii) ba phần trăm (3%) tổng giá trị tài sản ròng của tổng số Chứng chỉ quỹ chuyển nhượng được xác định tại ngày Giao Dịch tương ứng, tùy giá trị nào nhỏ hơn. Giá Dịch Vụ Chuyển Nhượng do người thực hiện chuyển nhượng Chứng chỉ quỹ thanh toán và phải thanh toán trước khi Lệnh Chuyển Nhượng được thực hiện.

9. Hủy lệnh giao dịch Chứng chỉ quỹ

Nhà Đầu Tư có thể hủy các lệnh giao dịch bằng cách điền và nộp phiếu Hủy Lệnh tại các Điểm Nhận Lệnh của Đại Lý Phân Phối của họ trước Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh áp dụng cho các giao dịch đó.

10. Tạm dừng thực hiện giao dịch Chứng chỉ quỹ

Công Ty Quản Lý Quỹ có thể tạm dừng thực hiện giao dịch Chứng chỉ quỹ hoặc chỉ thực hiện một phần

giao dịch Chứng chỉ quỹ khi xảy ra các trường hợp theo quy định tại Chương IX Mục 4.4 của Bản Cáo Bạch này.

11. Đóng tài khoản giao dịch Chứng chỉ quỹ

Tài khoản giao dịch Chứng chỉ quỹ của Nhà Đầu Tư sẽ được đóng trong các trường hợp sau:

- (a) Khi Nhà Đầu Tư có yêu cầu bằng văn bản về việc đóng tài khoản. Tuy nhiên, trước khi thực hiện đóng tài khoản, Nhà Đầu Tư phải thực hiện Lệnh Bán nhằm đưa số dư Chứng chỉ quỹ trong tài khoản về bằng không (0);
- (b) Số dư thực tế của tài khoản giao dịch Chứng chỉ quỹ bằng không (0) duy trì liên tục trong khoảng thời gian 12 tháng; hoặc
- (c) Theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc theo quy định của Pháp Luật.

Sau khi tài khoản đã được đóng, Nhà Đầu Tư không thể thực hiện bất cứ giao dịch nào trên tài khoản đã đóng. Nếu muốn tiếp tục đầu tư, Nhà Đầu Tư phải mở một tài khoản giao dịch Chứng chỉ quỹ mới bằng cách thực hiện các thủ tục như khi đăng ký mua Chứng chỉ quỹ lần đầu theo các thủ tục được trình bày ở Bản Cáo Bạch này.

12. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng

12.1. Tần Suất Định Giá Chứng chỉ quỹ

Công Ty Quản Lý Quỹ tiến hành định giá Chứng chỉ quỹ định kỳ theo ngày giao dịch và ngày đầu tiên của tháng tiếp theo. Nếu Ngày định giá rơi vào ngày nghỉ lễ, ngày nghỉ bù theo quy định pháp luật và/hoặc quy định nội bộ của Công ty quản lý quỹ (nếu có) thì Ngày định giá sẽ được dời đến Ngày định giá (là ngày làm việc) kế tiếp. Đối với kỳ định giá hàng tháng, ngày định giá là ngày đầu tiên của tháng tiếp theo, và không thay đổi kể cả trường hợp ngày định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ.

12.2. Nguyên Tắc Xác Định Giá Trị Tài Sản Ròng

12.2.1. Công Ty Quản Lý Quỹ phải xây dựng sổ tay định giá để áp dụng một cách thống nhất trong hoạt động quản lý tài sản của quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm xác định Giá Trị Tài Sản Ròng, Giá Trị Tài Sản Ròng trên mỗi chứng chỉ quỹ tuân thủ quy định của Pháp Luật và Điều lệ Quỹ.

12.2.2. Công Ty Quản Lý Quỹ được ủy quyền cho Ngân hàng giám sát để xác định giá trị Giá Trị Tài Sản Ròng, Giá Trị Tài Sản Ròng trên mỗi chứng chỉ quỹ theo quy định tại Điều Lệ. Trong trường hợp này, công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát phải có cơ chế và quy trình đối chiếu, soát xét, kiểm tra, giám sát đảm bảo hoạt động xác định tài sản ròng được tính chính xác và phù hợp Điều lệ quỹ, sổ tay định giá và các quy định của pháp luật

12.2.3. Giá Trị Tài Sản Ròng của mỗi Chứng chỉ quỹ bằng Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ chia cho tổng số Chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại thời điểm cuối Ngày Giao Dịch gần nhất trước Ngày Định Giá căn cứ vào báo cáo của Đại Lý Chuyển Nhượng.

12.2.4. Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ được xác định bằng tổng giá trị các tài sản có trong danh mục trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ. Tổng giá trị tài sản của quỹ được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản (trong trường hợp không xác định được giá thị trường). Tổng nợ phải trả của quỹ là các khoản nợ hoặc nghĩa vụ thanh toán của quỹ tính đến ngày gần nhất trước ngày định giá.

12.2.5. Giá Trị Tài Sản Ròng trên một chứng chỉ Quỹ tại mỗi Ngày Giao Dịch của Quỹ sẽ được tính làm tròn đến hai (02) số thập phân sau dấu phẩy.

Ví dụ sau đây minh họa cách tính NAV của Quỹ tại một Ngày Định Giá T cụ thể theo các giả định được đưa ra:

Khoản mục	Giá trị (VNĐ)
Tài sản	
Thị giá của tất cả chứng khoán tại ngày T-1 (1)	100.000.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền tại ngày T-1 (2)	20.000.000.000
Tài sản khác tại ngày T-1 (3)	5.000.000.000
Tổng tài sản tại ngày T-1 [(4) = (1) + (2) + (3)]	125.000.000.000

Khoản mục	Giá trị (VNĐ)
Tổng nợ phải trả (đã bao gồm tất cả chi phí, kể cả Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ) tại ngày T-1(5)	(10.000.000.000)
NAV của Quỹ tại Ngày Định Giá T [(6) = (4) – (5)]	115.000.000.000
Số lượng Chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại thời điểm cuối Ngày Giao Dịch gần nhất (7)	10.000.000
NAV/Chứng chỉ quỹ [(8) = (6)/(7)]	11.500

12.2.6. Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ và Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Chứng chỉ quỹ phải được Ngân Hàng Giám Sát xác nhận. Việc xác nhận giá trị thực hiện bằng văn bản, hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của Ngân Hàng Giám Sát đã được Công Ty Quản Lý Quỹ chấp thuận.

12.2.7. Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi phát hiện Giá Trị Tài Sản Ròng bị định giá sai, Ngân Hàng Giám Sát phải thông báo và yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ kịp thời điều chỉnh hoặc ngược lại trong trường hợp Ngân Hàng Giám Sát cung cấp dịch vụ xác định Giá Trị Tài Sản Ròng.

12.2.8. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày phát hiện Giá Trị Tài Sản Ròng bị định giá sai, Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát (trong trường hợp Ngân Hàng Giám Sát cung cấp dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng) phải điều chỉnh lại và công bố thông tin theo quy định, đồng thời thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc định giá sai, bao gồm nguyên nhân xảy ra sự việc, thời gian bị định giá sai, biện pháp xử lý. Nội dung thông báo phải được công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát cùng ký xác nhận.

12.2.9. Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm đền bù thiệt hại cho Quỹ và Nhà đầu tư thực hiện giao dịch chứng chỉ quỹ khi định giá sai giá trị tài sản ròng của quỹ, với mức sai lệch đạt từ 1% giá trị tài sản ròng trở lên.

Việc đền bù thiệt hại cho quỹ, nhà đầu tư phải được Công ty quản lý quỹ thực hiện phù hợp theo quy định tại Điều lệ và quy định của pháp luật và phải được Công ty quản lý quỹ báo cáo tại báo cáo hoạt động hằng năm của quỹ, trong đó nêu rõ nguyên nhân, lý do, mức độ ảnh hưởng, số lượng nhà đầu tư có quyền lợi bị ảnh hưởng đã được đền bù, mức đền bù cho mỗi nhà đầu tư, mức đền bù cho quỹ, hình thức đền bù, phương thức thanh toán và các hoạt động khắc phục khác (nếu có).

12.3. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá

12.3.1. Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ sẽ xem xét việc lựa chọn và trình Ban đại diện phê duyệt danh sách các tổ chức cung cấp báo giá cho Quỹ và cập nhật với Ban đại diện Quỹ mỗi khi cần thay đổi. Tổ chức cung cấp báo giá được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tổ chức cung cấp báo giá là công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, các hệ thống báo giá có chức năng và được cấp phép hoạt động cung cấp dịch vụ báo giá được công ty quản lý quỹ lựa chọn để cung cấp báo giá tài sản không phải là chứng khoán niêm yết hoặc chứng khoán đăng ký giao dịch;
- Có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ báo giá;
- Không phải là người có liên quan của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ VinaCapital hoặc Ngân Hàng Giám Sát.

12.3.2. Việc lựa chọn và thay đổi tổ chức cung cấp báo giá do Công Ty Quản Lý Quỹ đề xuất để Ban Đại Diện Quỹ quyết định khi xảy ra một trong những trường hợp sau:

- Tổ chức đang báo giá không còn chức năng hoặc không được cấp phép hoạt động cung cấp dịch vụ báo giá.
- Tổ chức đang báo giá trở thành là người có liên quan của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ VinaCapital hoặc Ngân Hàng Giám Sát.
- Có những thay đổi theo quy định của các cơ quan chức năng về phương thức báo giá.

12.4. Quy trình định giá

12.4.1. Trước ngày định giá, các nghiệp vụ sẽ được cập nhật khi phát sinh bao gồm:

- Các nghiệp vụ mua, bán chứng khoán trong kỳ;
- Các nghiệp vụ thanh toán chi phí/giá dịch vụ liên quan đến quỹ, các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn, hợp đồng mua/bán chứng chỉ tiền gửi;

- Các thông tin về quyền, cổ tức, cổ phiếu thường phát sinh liên quan đến chứng khoán mã quỹ đang nắm giữ;
- Các nghiệp vụ phát hành thêm/mua lại chứng chỉ quỹ phát sinh sau ngày giao dịch cuối cùng gần nhất;
- Đối chiếu số dư tại ngân hàng lưu ký, giám sát.

12.4.2. Tại ngày định giá:

- Xác định NAV/chứng chỉ quỹ theo phương pháp quy định tại Điều 12.5 bên dưới;
- Công bố thông tin về NAV/chứng chỉ quỹ;

12.5. Phương Pháp Định Giá Tài Sản

Phương pháp xác định Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ và Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Chứng chỉ quỹ sẽ được ghi rõ trong sổ tay định giá và tuân thủ quy định của Pháp Luật và thông lệ quốc tế tốt nhất. Sổ tay định giá phải được Ban đại diện Quỹ phê duyệt và cung cấp cho Ngân hàng giám sát để giám sát việc tính toán giá trị tài sản ròng. Những thay đổi trong sổ tay định giá phải được Ban Đại Diện Quỹ đồng ý và thông báo kịp thời tới Ngân hàng giám sát.

Phương pháp xác định Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ được xây dựng dựa trên sổ tay định giá với các chi tiết như sau (bên cạnh các chi tiết khác):

STT	Loại Tài Sản	Nguyên Tắc Định Giá Giao Dịch Trên Thị Trường
Tiền Và Các Khoản Tương Đương Tiền, Công Cụ Thị Trường Tiền Tệ		
1	Tiền (VNĐ)	Số dư tiền mặt tại ngày trước Ngày Định Giá.
2	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VNĐ theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước Ngày Định Giá
3	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước Ngày Định Giá.
4	Tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng và các công cụ thị trường tiền tệ khác	Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước Ngày Định Giá
5	Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác	Giá yết trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán; trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo hoặc mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trúng thầu hoặc một lãi suất khác do Ban đại diện quỹ/Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán quy định và thời gian nắm giữ công cụ.
Trái Phiếu		

STT	Loại Tài Sản	Nguyên Tắc Định Giá Giao Dịch Trên Thị Trường
6	Trái phiếu niêm yết	<p>Được xác định theo giá yết bình quân gia quyền (giá sạch) của các giao dịch thông thường (outright) trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá cộng lãi lũy kế.</p> <p>Trong trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Không có giao dịch trên hệ thống tại Sở Giao dịch chứng khoán nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định Giá; hoặc • Chỉ có giao dịch trên hệ thống giao dịch với giá có biến động bất thường theo chi tiết được đề cập trong Sổ tay định giá <p>thì giá trái phiếu được thực hiện theo chi tiết được đề cập trong Sổ tay định giá được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt.</p>
7.	Trái phiếu được chấp thuận niêm yết nhưng chưa có giao dịch đầu tiên và Trái phiếu hủy niêm yết	Chi tiết quy định tại Sổ tay định giá.
8	Trái phiếu không niêm yết	<p>Giá trái phiếu là giá được xác định theo một trong các phương pháp sau, chi tiết quy định tại sổ tay định giá:</p> <p>(i) Giá yết (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi suất cuống phiếu tính tới ngày trước ngày định giá; hoặc</p> <p>(ii) Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc</p> <p>(iii) Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc</p> <p>(iv) Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.</p>
Cổ Phiếu		
9	Cổ phiếu niêm yết, trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán, cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom	<p>Được xác định theo giá thị trường, là giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá.</p> <p>Trong trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định Giá, giá cổ phiếu là giá được xác định theo một trong các mức giá sau đây với thứ tự ưu tiên được quy định chi tiết tại sổ tay định giá:</p> <p>(i) Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trong vòng mười hai (12) tháng trước Ngày định giá; hoặc</p> <p>(ii) Giá trị sổ sách; hoặc</p> <p>(iii) Giá mua; hoặc</p> <p>(iv) Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.</p>

STT	Loại Tài Sản	Nguyên Tắc Định Giá Giao Dịch Trên Thị Trường
10	Cổ phiếu của công ty đại chúng đang thực hiện thủ tục chuyển sàn giao dịch	Trong thời gian công ty đại chúng đang thực hiện thủ tục chuyển sàn giao dịch, cổ phiếu được định giá theo giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của sở giao dịch chứng khoán) tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá.
11	Cổ phần, phần vốn góp khác	Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có đủ báo giá của 03 tổ chức báo giá thì mức giá được xác định theo một trong các phương pháp sau, với thứ tự ưu tiên được quy định chi tiết tại sổ tay định giá: (i) Giá của kỳ định giá gần nhất theo chi tiết tại Sổ tay định giá; hoặc (ii) Giá mua/giá trị vốn góp; hoặc (iii) Giá trị sổ sách; hoặc (iv) Giá xác định theo một phương pháp được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
12.	Cổ phiếu được chấp thuận niêm yết và chưa có ngày giao dịch đầu tiên	Áp dụng phương pháp xác định giá tương tự phương pháp xác định giá của Cổ phần, phần vốn góp khác.
13	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	Là một trong các mức giá sau: (i) Tám mươi phần trăm (80%) giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước Ngày Định Giá; hoặc (ii) Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
14	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch	Là giá được xác định theo một trong các phương pháp sau: (i) Giá trị sổ sách; hoặc (ii) Mệnh giá; hoặc (iii) Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
15	Quyền mua cổ phiếu	Giá trị quyền mua là hiệu số lớn nhất và lớn hơn không (0) của giá cổ phiếu và giá phát hành quyền mua nhân tỷ lệ chuyển đổi.
Chứng chỉ quỹ		
16.	Chứng chỉ quỹ đại chúng niêm yết	Được xác định theo giá thị trường, là giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá. Trong trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến Ngày Định Giá, giá của chứng chỉ quỹ là giá được xác định theo một trong các phương pháp sau: (i) Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ Quỹ được công bố thông tin tại ngày gần nhất trước Ngày Định Giá hoặc

STT	Loại Tài Sản	Nguyên Tắc Định Giá Giao Dịch Trên Thị Trường
		(ii) Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trong vòng mười hai (12) tháng trước Ngày định giá; hoặc (iii) Giá mua; hoặc (iv) Giá trị sổ sách; hoặc (v) Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quý chấp thuận.
17.	Chứng chỉ quỹ đại chúng không niêm yết	Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được công bố thông tin tại ngày gần nhất trước Ngày Định Giá.
Chứng Khoán phái sinh		
18	Chứng khoán phái sinh niêm yết	Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá.
19	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày định giá	Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
Các Tài Sản Khác		
20	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá do tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có đủ báo giá của ba (03) tổ chức báo giá thì mức giá được xác định theo mô hình lý thuyết đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.

Ghi chú:

- (i) Lãi lũy kế là khoản lãi tính từ thời điểm trả lãi gần nhất tới thời điểm trước Ngày Định Giá.
- (ii) Giá trị sổ sách (book value) của một cổ phiếu được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.
- (iii) Giá trị thanh lý của 1 cổ phiếu được xác định bằng giá trị vốn chủ sở hữu của tổ chức phát hành chia cho tổng số cổ phiếu đang lưu hành
- (iv) Ngày được hiểu là ngày theo lịch

12.6. Giá trị cam kết từ các hợp đồng phái sinh

Giá trị cam kết (global exposure) là giá trị quy đổi ra tiền mà Quý là bên có nghĩa vụ phải thực hiện hợp đồng. Giá trị cam kết được xác định trên cơ sở giá trị thị trường của tài sản cơ sở, rủi ro thanh toán, biến động thị trường và thời gian cần thiết để thanh lý vị thế;

Khi tính giá trị cam kết, Công ty Quản lý Quỹ được áp dụng:

- Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh (trái chiều) đối với cùng một chứng khoán cơ sở;

Ví dụ: vị thế mua quyền chọn mua chứng khoán XYZ làm giảm bớt (bù trừ) giá trị cam kết từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ.

- Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh và vị thế giao ngay của cùng một chứng khoán;

Ví dụ: vị thế mua (nắm giữ) chứng khoán XYZ bù trừ (làm giảm bớt) giá trị cam kết phái sinh từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ.

- Các nguyên tắc khác theo thông lệ quốc tế, đảm bảo quản trị được rủi ro.

STT	Loại tài sản	Giá trị cam kết
1	Quyền chọn cổ phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn (*) điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = Số hợp đồng x Khối lượng cổ phiếu trên mỗi hợp đồng x Giá trị thị trường hiện tại của cổ phiếu x Hệ số delta. (**).
2	Quyền chọn trái phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn (***) điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = Số hợp đồng x Mệnh giá x Giá trị thị trường hiện tại của trái phiếu x Hệ số delta.
3	Hợp đồng tương lai chỉ số	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = Số hợp đồng x Giá trị tính trên một điểm chỉ số x Mức chỉ số hiện tại.
4	Hợp đồng tương lai trái phiếu	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = Số hợp đồng x Giá trị của hợp đồng tính theo mệnh giá (notional) x Giá trị thị trường của trái phiếu rẻ nhất có thể chuyển giao.
5	Các hợp đồng khác	Theo mô hình do Công ty Quản lý Quỹ lựa chọn, thống nhất cùng Ngân hàng giám sát, và được Ban đại diện Quỹ chấp thuận.

(*) Nếu Quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).

(**) Hệ số delta là đạo hàm bậc nhất của giá quyền chọn đối với giá chứng khoán cơ sở. Trong trường hợp đơn giản, hệ số delta có thể coi bằng 1. Trong các trường hợp quyền chọn phức tạp, hệ số delta do Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát xác định sau khi đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận.

(***) Nếu Quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).

12.7. Công Bố Thông Tin Về Giá Trị Tài Sản Ròng

Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ và Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Chứng chỉ quỹ phải được công bố trên các trang thông tin điện tử của Công Ty Quản lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan, Đại Lý Phân Phối và các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Việc công bố giá trị tài sản ròng cho nhà đầu tư được thực hiện tại ngày làm việc tiếp theo của Ngày Định Giá.

Ngoài ra, Công Ty Quản lý Quỹ phải tiến hành công bố thông tin về Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ và Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Chứng chỉ quỹ theo yêu cầu của UBCKNN hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác.

13. Thông tin hướng dẫn Nhà Đầu Tư Tham Gia vào Quỹ

Quy trình và các bước hướng dẫn Nhà Đầu Tư giao dịch chứng chỉ quỹ lần đầu và các lần tiếp theo được đề cập cụ thể tại Phụ lục 01 của Bản Cáo Bạch này.

XII. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1. Báo cáo tài chính (cập nhật hàng năm)

Báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán sẽ được Công Ty Quản lý Quỹ công bố và cập nhật hàng năm sau khi được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua. Nhà Đầu Tư có thể tham khảo báo cáo tài chính được công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản lý Quỹ hoặc liên lạc trụ sở chính Công Ty Quản lý Quỹ để nhận được bản sao báo cáo tài chính năm gần nhất.

2. Tình hình phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ (cập nhật hàng năm)

Thông tin phát hành và mua lại chứng chỉ Quỹ được công bố và cập nhật trong các báo cáo hoạt động định kỳ hàng tháng, quý, năm của Quỹ theo quy định của Pháp Luật. Nhà Đầu Tư có thể tham khảo báo cáo hoạt động định kỳ được công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản lý Quỹ hoặc liên lạc trụ sở chính Công Ty Quản lý Quỹ để nhận được bản sao báo cáo hoạt động gần nhất của Quỹ.

3. Các loại giá dịch vụ, chi phí của Quỹ và thưởng hoạt động

3.1. Giá dịch vụ quản lý quỹ, giá dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ, đại lý chuyển nhượng, thu nhập và các chi phí hoạt động khác của Quỹ

Chỉ có các loại giá dịch vụ và các chi phí liên quan trực tiếp hoặc đóng góp vào các hoạt động và điều hành của Quỹ mới được tính vào chi phí hoạt động của Quỹ.

Xin lưu ý các giá dịch vụ dưới đây là các mức giá dịch vụ đang được áp dụng tại ngày của Bản Cáo Bạch này và các giá dịch vụ này có thể sẽ thay đổi trong tương lai. Các chi phí này bao gồm:

3.1.1. Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ

Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ là một phẩy bảy mươi lăm phần trăm (1,75%) một năm trên Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ (đã bao gồm thuế GTGT nếu có). Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ được tính tại mỗi kỳ định giá và được Quỹ thanh toán hàng tháng cho Công Ty Quản Lý Quỹ. Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ hàng tháng là tổng Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá trong tháng.

Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ của kỳ định giá = 1,75% x NAV tại Ngày trước ngày định giá x số ngày thực tế trong kỳ / 365 hoặc 366 (nếu là năm nhuận)

Trong mọi trường hợp tổng giá dịch vụ quản lý quỹ, giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng và giá dịch vụ quản trị quỹ không được vượt quá hai phần trăm (2%) một năm trên tổng Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ theo quy định của Pháp Luật.

3.1.2. Thưởng Hoạt Động

Quỹ không áp dụng chính sách thưởng hoạt động.

3.1.3. Giá Dịch Vụ Giám Sát

Giá Dịch Vụ Giám Sát là không phẩy không ba phần trăm (0,03%) một (01) năm trên NAV (chưa bao gồm thuế GTGT) với mức tối thiểu là hai mươi một triệu (21.000.000) đồng một (01) tháng (chưa bao gồm thuế GTGT). Giá Dịch Vụ Giám Sát được tính toán và cộng dồn hàng kỳ và được thanh toán hàng tháng cho Ngân Hàng Giám Sát.

Trong vòng ba (03) tháng đầu tiên kể từ ngày Quỹ được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ, mức tối thiểu là mười bốn triệu bảy trăm ngàn (14.700.000) đồng một (01) tháng (chưa bao gồm thuế GTGT).

Giá Dịch Vụ Giám Sát của kỳ định giá = 0,03% x NAV tại Ngày trước ngày định giá x số ngày thực tế trong kỳ / 365 hoặc 366 (nếu là năm nhuận)

3.1.4. Giá Dịch Vụ Lưu Ký

Giá Dịch Vụ Lưu Ký là không phẩy không năm phần trăm (0,05%) một (01) năm trên NAV (chưa bao gồm thuế GTGT nếu có) với mức tối thiểu là mười bảy triệu (17.000.000) đồng một (01) tháng (chưa bao gồm thuế GTGT nếu có). Giá Dịch Vụ Lưu Ký được tính toán và cộng dồn hàng kỳ và được thanh toán hàng tháng cho Ngân Hàng Giám Sát.

Trong vòng ba (03) tháng đầu tiên kể từ ngày Quỹ được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ, mức tối thiểu là mười một triệu chín trăm ngàn (11.900.000) đồng một (01) tháng (chưa bao gồm thuế GTGT nếu có).

Giá Dịch Vụ Lưu Ký của kỳ định giá = 0,05% x NAV tại Ngày trước ngày định giá x số ngày thực tế trong kỳ / 365 hoặc 366 (nếu là năm nhuận)

3.1.5. Giá Dịch Vụ Quản Trị Quỹ

Giá Dịch Vụ Quản Trị Quỹ là không phẩy không bốn phần trăm (0,04%) một (01) năm trên NAV (chưa bao gồm thuế GTGT nếu có) với mức tối thiểu là ba mươi triệu (30.000.000) đồng một (01) tháng (chưa bao gồm thuế GTGT nếu có). Giá Dịch Vụ Quản Trị Quỹ được tính toán và cộng dồn hàng kỳ và được thanh toán hàng tháng cho tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị Quỹ.

Trong vòng ba (03) tháng đầu tiên kể từ ngày Quỹ được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ, mức tối thiểu là hai một triệu (21.000.000) đồng một (01) tháng (chưa bao gồm thuế GTGT nếu có).

Giá Dịch Vụ Quản Trị Quỹ của kỳ định giá = 0,04% x NAV tại Ngày trước ngày định giá x số ngày thực tế trong kỳ / 365 hoặc 366 (nếu là năm nhuận)

3.1.6. Giá Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng

Giá Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng được tính toán và cộng dồn hàng kỳ và được thanh toán hàng tháng cho Đại Lý Chuyển Nhượng. Chi tiết các phí khác liên quan đến dịch vụ Đại Lý Chuyển Nhượng như sau:

Loại dịch vụ	Mức giá dịch vụ (chưa bao gồm thuế GTGT)
- Giá dịch vụ cố định hàng tháng	12.000.000 VNĐ/ tháng
- Giá dịch vụ giao dịch mua/ bán (khi phát sinh)	Miễn phí
- Giá dịch vụ tạo lập nhà đầu tư và đại lý phân phối, ngân hàng giám sát (lần đầu)	Miễn phí
- Giá dịch vụ phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư (nếu có)	Miễn phí
- Giá dịch vụ thực hiện quyền: Lập danh sách thực hiện quyền	1.000.000 VNĐ/lần lập danh sách

3.1.7. Giá Dịch Vụ Kiểm Toán

Giá dịch vụ kiểm toán phụ thuộc vào kết quả lựa chọn và thương lượng với công ty kiểm toán và sẽ được xác định hàng năm vào cuối năm tài chính của Quý. Giá dịch vụ kiểm toán nằm trong ngân sách hoạt động của Quý và được Đại Hội Nhà Đầu Tư phê duyệt hàng năm.

3.1.8. Thù lao cho Ban Đại Diện Quý

Các chi phí của Ban Đại Diện Quý sẽ được tính vào chi phí của Quý. Chi phí cũng có thể bao gồm các chi phí bảo hiểm trách nhiệm phát sinh đối với Ban Đại Diện Quý liên quan đến việc thực hiện các quyền hạn và nghĩa vụ của Ban Đại Diện Quý đối với Quý. Thù lao của một thành viên độc lập của Ban Đại Diện Quý sẽ nằm trong mức ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Đại Diện Quý đã được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua.

Các thành viên Ban Đại Diện Quý là nhân viên của Công Ty Quản Lý Quý (nếu có) sẽ không nhận thù lao.

Hàng quý căn cứ trên biên bản họp của Ban đại diện Quý, Công Ty Quản Lý Quý hoặc tổ chức ủy quyền cung cấp dịch vụ quản trị quý sẽ làm lệnh chuyển tiền thù lao cho thành viên Ban Đại Diện Quý sau khi khấu trừ thuế thu nhập cá nhân không thường xuyên của thành viên Ban Đại Diện Quý theo quy định của pháp luật liên quan để nộp vào ngân sách nhà nước. Ngân Hàng Giám Sát sẽ giám sát đảm bảo việc thanh toán là phù hợp với quy định của Pháp Luật và Điều Lệ của Quý.

3.1.9. Chi Phí khác của Quý

Các chi phí khác Quý có thể phải chi trả bao gồm:

- Chi phí thẩm định giá trả cho các doanh nghiệp thẩm định giá (nếu có); Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác;
- Chi phí dự thảo, in ấn, gửi Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch tóm tắt, báo cáo tài chính và các tài liệu khác cho nhà đầu tư, chi phí xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho Nhà Đầu Tư; chi phí công bố thông tin của Quý; chi phí tổ chức họp Đại Hội Nhà Đầu Tư, Ban Đại Diện Quý;
- Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của quý và các chi phí khác theo quy định của pháp luật;
- Chi phí liên quan đến việc chuyển đổi ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát (nếu có) hoặc các tổ chức cung cấp dịch vụ khác;
- Thuế và các loại phí bắt buộc theo quy định của pháp luật hoặc theo yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền áp dụng cho Quý và các chi phí khác liên quan theo quy định của pháp luật.

3.2. Giá Dịch Vụ Giao Dịch Chứng chỉ quỹ do Nhà Đầu Tư trả

Giá dịch vụ và chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua, bán, chuyển nhượng phi thương mại, chuyển đổi Chứng chỉ quỹ do Nhà Đầu Tư trực tiếp chi trả và không được tính vào chi phí của Quý. Phù hợp với các quy định của Pháp Luật và Điều Lệ của Quý, Công Ty Quản Lý Quỹ được quyền thay đổi biểu giá dịch vụ này.

3.2.1. Giá Dịch Vụ Phát Hành

Giá Phát Hành được áp dụng khi Nhà Đầu Tư mua các Chứng chỉ quỹ, bằng giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ tính tại Ngày Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ cộng với giá dịch vụ phát hành.

Giá Dịch Vụ Phát Hành được tính bằng tỷ lệ phần trăm giá trị của Lệnh Mua. Mức giá dịch vụ phát hành cụ thể được công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ và các Đại lý phân phối. Công Ty Quản Lý Quỹ có thể thay đổi Giá Dịch Vụ Phát Hành vào bất kỳ thời điểm nào nhưng phải đảm bảo không được vượt quá năm phần trăm (5%) giá trị giao dịch. Trong trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ có quy định dẫn đến sự thay đổi giá dịch vụ phát hành trong một khoảng thời gian cố định, Công ty sẽ có thông tin cụ thể và thông báo nhà đầu tư trên trang thông tin điện tử của Công Ty và các Đại lý phân phối.

Việc tăng Giá Dịch Vụ Phát Hành chỉ được thực hiện khi mức Giá Dịch Vụ Phát Hành sau khi tăng không vượt quá năm phần trăm (5%) giá trị giao dịch. Thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ mới tăng sớm nhất là sau sáu mươi (60) ngày kể từ ngày Công ty Quản lý Quỹ, các Đại lý phân phối công bố về các mức giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của Công ty và các Đại lý phân phối.

3.2.2. Giá Dịch Vụ Mua Lại

Giá Mua Lại được tính trên Giá Trị Tài Sản Ròng của mỗi Chứng chỉ quỹ được mua lại tại ngày giao dịch trừ đi giá dịch vụ Mua Lại.

Giá Dịch Vụ Mua Lại được tính bằng tỷ lệ phần trăm giá trị của Lệnh bán của Nhà đầu tư. Mức Giá Dịch Vụ Mua Lại được áp dụng dựa trên thời gian Nhà Đầu Tư nắm giữ Chứng chỉ quỹ. Mức giá dịch vụ mua lại cụ thể được công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ và các Đại lý phân phối.

Công Ty Quản Lý Quỹ có thể thay đổi Giá Dịch Vụ Mua Lại vào bất kỳ thời điểm nào. Ngoài ra, Công Ty Quản Lý Quỹ có quyền thay đổi cơ cấu giá dịch vụ để có thể thêm vào các hạn chế bán, áp dụng giá bán khác hoặc phí chống pha loãng. Tuy nhiên, Công Ty Quản Lý Quỹ phải đảm bảo Giá Dịch Vụ Mua Lại không được vượt quá ba phần trăm (3%) giá trị giao dịch. Trong trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ có quy định dẫn đến sự thay đổi giá dịch vụ mua lại trong một khoảng thời gian cố định, Công ty sẽ có thông tin cụ thể và thông báo nhà đầu tư trên trang thông tin điện tử của Công Ty và các Đại lý phân phối.

Việc tăng Giá Dịch Vụ Mua Lại chỉ được thực hiện khi mức Giá Dịch Vụ Mua Lại sau khi tăng không vượt quá ba phần trăm (3%) giá trị giao dịch. Thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ mới tăng sớm nhất là sau sáu mươi (60) ngày kể từ ngày Công ty Quản lý Quỹ công bố về các mức giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của Công ty và các Đại lý phân phối.

3.2.3. Giá Dịch Vụ Chuyển Đổi Quỹ

Giá Dịch Vụ Chuyển Đổi chỉ được tính một (01) lần cho Lệnh Bán-Chuyển Đổi với nguyên tắc áp dụng như Giá Dịch Vụ Mua Lại thông thường. Giá Dịch Vụ Mua Lại tính bằng tỷ lệ phần trăm giá trị của Lệnh Mua Lại do Công Ty Quản Lý Quỹ quyết định nhưng không vượt quá ba phần trăm (3%) giá trị giao dịch. Mức giá dịch vụ chuyển đổi cụ thể được công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ và các Đại lý phân phối.

Công Ty Quản Lý Quỹ có thể thay đổi giá dịch vụ chuyển đổi vào bất kỳ thời điểm nào nhưng phải đảm bảo không được vượt quá ba phần trăm (3%) giá trị giao dịch. Trong trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ có quy định dẫn đến sự thay đổi giá dịch vụ chuyển đổi trong một khoảng thời gian cố định, Công ty sẽ có thông tin cụ thể và thông báo nhà đầu tư trên trang thông tin điện tử của Công Ty và các Đại lý phân phối.

Việc tăng giá dịch vụ chuyển đổi chỉ được thực hiện khi mức giá dịch vụ chuyển đổi sau khi tăng không vượt quá 3% giá trị giao dịch. Thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ mới tăng sớm nhất là sau sáu mươi (60) ngày kể từ ngày Công ty Quản lý Quỹ công bố về các mức giá dịch vụ mới trên trang thông tin

điện tử của Công ty và các Đại lý phân phối.

3.2.4. Giá Dịch Vụ Chuyển Nhượng (Phi Thương Mại)

Giá Dịch Vụ Chuyển Nhượng cho một giao dịch chuyển nhượng (phi thương mại) Chứng chỉ quỹ là (i) năm trăm ngàn Đồng Việt Nam (500.000 VNĐ) cho mỗi giao dịch chuyển nhượng hoặc (ii) ba phần trăm (3%) tổng giá trị tài sản ròng của tổng số Chứng chỉ quỹ chuyển nhượng được xác định tại ngày Giao Dịch tương ứng, tùy giá trị nào nhỏ hơn. Giá Dịch Vụ Chuyển Nhượng do người thực hiện chuyển nhượng Chứng chỉ quỹ thanh toán và phải thanh toán trước khi Lệnh Chuyển Nhượng được thực hiện.

4. Các chỉ tiêu hoạt động

Tỷ lệ chi phí hoạt động thực tế của Quý, tốc độ vòng quay danh mục cùng với các chỉ tiêu hoạt động khác của Quý được báo cáo và công bố thông tin hàng tháng, quý, năm tại trang thông tin điện tử chính thức của Công Ty Quản Lý Quỹ theo quy định của Pháp Luật.

5. Thu nhập và phân chia lợi nhuận

5.1. Thu nhập của Quỹ

Thu nhập của Quỹ bao gồm các khoản sau:

- (a) Cổ tức;
- (b) Lợi tức trái phiếu, lãi tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi hoặc các sản phẩm có thu nhập cố định;
- (c) Lợi nhuận từ các hoạt động đầu tư và thoái vốn của Quỹ;
- (d) Các khoản thu nhập khác.

5.2. Phân chia lợi nhuận và chính sách thuế

5.2.1. Phân Chia Lợi Nhuận

5.2.1.1. Quỹ phân chia lợi nhuận bằng tiền hoặc chứng chỉ quỹ

5.2.1.2. Tối thiểu 15 ngày trước khi phân phối lợi nhuận, công ty quản lý quỹ phải thông báo đến nhà đầu tư bằng phương thức để đảm bảo đến được địa chỉ liên lạc hoặc thư điện tử đã đăng ký. Việc phân chia lợi nhuận bằng Chứng chỉ quỹ phải được sự chấp thuận trước của Đại Hội Nhà Đầu Tư hoặc được sự chấp thuận của Ban Đại Diện Quỹ (nếu Đại Hội Nhà Đầu Tư gần nhất đã ủy quyền cho Ban Đại Diện Quỹ quyết định phù hợp với quy định tại Điều Lệ của Quỹ).

5.2.1.3. Việc chi trả lợi tức của quỹ phải đảm bảo nguyên tắc:

- (a) Lợi nhuận trong kỳ hoặc lợi nhuận lũy kế cho đến cuối năm tài chính mà Công Ty Quản Lý Quỹ đề xuất phân phối lợi nhuận phải dương sau khi quỹ đã hoàn tất các nghĩa vụ thuế, tài chính theo quy định pháp luật;
- (b) Sau khi trừ số lợi nhuận dự kiến sẽ phân phối cho Nhà Đầu Tư, số lợi nhuận lũy kế còn lại cho đến cuối năm tài chính mà Công Ty Quản Lý Quỹ đề xuất phân phối lợi nhuận vẫn phải lớn hơn hoặc bằng không (không được âm);
- (c) Mức chi trả lợi tức phải phù hợp với chính sách phân phối lợi nhuận quy định tại Điều lệ quỹ và được Đại hội nhà đầu tư thông qua.
- (d) Trường hợp phân phối lợi tức bằng chứng chỉ quỹ, quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.
- (e) Sau khi chi trả, quỹ vẫn phải đảm bảo có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn và giá trị tài sản ròng quỹ sau khi chi trả lợi tức không thấp hơn 50 tỷ đồng;
- (f) Phù hợp với quy định tại Thông tư 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở.

5.2.1.4. Công Ty Quản Lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của Pháp Luật trước khi phân chia lợi nhuận cho Nhà Đầu Tư.

5.2.1.5. Sau khi phân chia lợi nhuận, Công Ty Quản Lý Quỹ phải gửi cho Nhà Đầu Tư báo cáo tổng kết việc phân chia lợi nhuận Quỹ, bao gồm các nội dung sau:

- (a) Hình thức phân chia lợi nhuận (bằng tiền hoặc bằng Chứng chỉ quỹ);
- (b) Tổng lợi nhuận trong kỳ và lợi nhuận tích lũy, chi tiết từng hạng mục lợi nhuận;
- (c) Giá trị lợi nhuận được phân chia, số lượng Chứng chỉ quỹ phát hành để phân chia (trong trường hợp chia lợi nhuận bằng Chứng chỉ quỹ);
- (d) Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Chứng chỉ quỹ trước khi phân chia lợi nhuận và sau khi phân chia lợi nhuận; và
- (e) Các ảnh hưởng tác động tới Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ.

5.2.1.6. Thông tin về hoạt động phân chia lợi nhuận của Quỹ hoặc phân chia tài sản của Quỹ đã thực hiện phải được cập nhật tại các Bản Cáo Bạch sửa đổi, bổ sung sau đó.

5.2.1.7. Trường hợp Nhà Đầu Tư đã chuyển nhượng số Chứng chỉ quỹ của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách Nhà Đầu Tư và thời điểm chi trả thì người chuyển nhượng là người nhận lợi nhuận.

5.2.1.8. Vì quyền lợi của Nhà Đầu Tư, Ban Đại Diện Quỹ có thể quyết định không phân chia lợi nhuận của Quỹ cho Nhà Đầu Tư. Ban Đại Diện Quỹ sẽ chịu trách nhiệm giải trình trước Đại Hội Nhà Đầu Tư về quyết định liên quan đến chính sách lợi nhuận của Quỹ.

5.2.2. Chính sách thuế

5.2.2.1. Thông tin cung cấp tại Bản Cáo Bạch này chỉ cho mục đích chung và được dựa trên các quy định của Pháp Luật và thực tiễn hiện đang áp dụng tại Việt Nam. Các thông tin này không thể được coi là tư vấn liên quan đến các vấn đề về thuế hoặc Pháp Luật đối với việc đầu tư của Nhà Đầu Tư vào Quỹ. Nhà Đầu Tư cần hiểu rằng các quy định về thuế có liên quan và việc diễn giải các quy định này có thể thay đổi. Không có sự đảm bảo rằng quy định về thuế hiện hành tại thời điểm đầu tư vào Quỹ sẽ không thay đổi hoặc tồn tại vô thời hạn.

5.2.2.2. Do các quy định về thuế được áp dụng khác nhau cho từng cá nhân, pháp nhân cụ thể, Nhà Đầu Tư cụ thể, các Nhà Đầu Tư nên tham khảo ý kiến tư vấn của các nhà tư vấn thuế chuyên nghiệp của mình đối với các nghĩa vụ thuế cụ thể và những vấn đề về tài chính liên quan đến việc đầu tư vào Quỹ.

5.2.2.3. Bảng tóm tắt sau đây phác thảo các vấn đề liên quan về thuế áp dụng đối với Nhà Đầu Tư dựa trên Luật thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007, Luật số 26/2012/QH13 ngày 22 tháng 11 năm 2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân và Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03 tháng 06 năm 2008, Luật số 32/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 và các quy định Pháp Luật có liên quan, đặc biệt là, Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 08 năm 2014, Thông tư 72/2006/TT-BTC ngày 10 tháng 08 năm 2006, Thông tư 100/2004/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2004, Thông tư 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013, Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 06 năm 2015, Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 06 năm 2014 và các quy định liên quan khác.

Nhà Đầu Tư	Thuế thu nhập trên thu nhập phát sinh từ		
	Cổ tức	Bán Chứng chỉ quỹ	Quà tặng/ Thừa kế
Cá nhân cư trú là người Việt Nam	5% ^(*)	0,1% giá trị giao dịch ^(*)	10% trên giá trị quà tặng/thừa kế là Chứng chỉ quỹ cao hơn 10 triệu VNĐ

Nhà Đầu Tư	Thuế thu nhập trên thu nhập phát sinh từ		
Cá nhân cư trú là người nước ngoài	5% ^(*)	0,1% giá trị giao dịch ^(*)	10% trên giá trị quà tặng/thừa kế là Chứng chỉ quỹ cao hơn 10 triệu VNĐ
Tổ chức trong nước (được thành lập tại Việt Nam)	20%, ngoại trừ trường hợp cổ tức được phân phối đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ^(*)	Lợi nhuận từ việc bán Chứng chỉ quỹ được gộp vào thu nhập chịu thuế và được quyết toán hàng năm với mức thuế suất 20%	Lợi nhuận từ quà tặng/thừa kế là Chứng chỉ quỹ sẽ được gộp vào thu nhập chịu thuế và được quyết toán hàng năm với mức thuế suất 20%
Tổ chức nước ngoài (được thành lập ngoài lãnh thổ Việt Nam)	20%, ngoại trừ trường hợp cổ tức được phân phối đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ^(*)	0,1% giá trị giao dịch ^(*)	0,1% giá trị giao dịch ^(**)

(*) Khấu trừ tại nguồn

(**) Không có quy định cụ thể về việc đánh thuế đối với tổ chức nước ngoài nhận quà tặng/thừa kế dưới hình thức chứng khoán. Tuy nhiên, việc nhận quà tặng/thừa kế sẽ dẫn đến giao dịch chuyển nhượng Chứng chỉ quỹ từ bên cho/để thừa kế cho bên nhận. Theo quy định tại Thông Tư 103/2014/TT-BTC, mức thuế đánh trên giao dịch chuyển nhượng chứng khoán là 0,1% giá trị chuyển nhượng và số thuế này sẽ được khấu trừ tại nguồn. Tuy nhiên, Nhà Đầu Tư cần tham khảo ý kiến tư vấn của các nhà tư vấn thuế chuyên nghiệp để xác định mức thuế thu nhập doanh nghiệp đánh trên quà tặng/tài sản được thừa kế dưới hình thức chứng khoán đối với người nhận quà tặng/tài sản được thừa kế là tổ chức nước ngoài và thực hiện nghĩa vụ về thuế theo quy định của Pháp Luật.

5.2.2.4. Bảng thuế suất nêu tại Chương XII Mục 5.2.2.3 bên trên chỉ mang tính minh họa về thuế trên cơ sở các quy định của Pháp Luật hiện hành và chỉ cho mục đích tham khảo. Nhà Đầu Tư phải tự tìm hiểu về mức thuế áp dụng đối với trường hợp cụ thể của mình. Việc khấu trừ thuế tại nguồn áp dụng đối với giao dịch Chứng chỉ quỹ sẽ được thực hiện phù hợp với Pháp Luật đang có hiệu lực áp dụng tại thời điểm thực hiện giao dịch, và do đó, có thể khác biệt so với mức thuế thể hiện trên bảng nêu trên. Công Ty Quản Lý sẽ không có nghĩa vụ thông báo hoặc giải thích về sự khác biệt giữa mức thuế thực tế khấu trừ tại nguồn với mức thuế thể hiện trên bảng nêu trên. Nhà Đầu Tư phải tự tìm hiểu hoặc hỏi ý kiến chuyên gia tư vấn thuế về trường hợp cụ thể của mình.

6. Kế toán, kiểm toán và chế độ báo cáo

6.1. Công ty kiểm toán của Quỹ sẽ được Công Ty Quản Lý Quỹ lựa chọn và đề xuất để Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua. Công ty kiểm toán được lựa chọn phải được thành lập và hoạt động phù hợp với quy định của Pháp Luật, thuộc danh sách các công ty kiểm toán được UBCKNN chấp thuận và không được là Người Có Liên Quan của Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát. Hàng năm, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ đề xuất với Đại Hội Nhà Đầu tư hoặc Ban Đại Diện Quỹ (nếu được Đại Hội Nhà Đầu Tư ủy quyền) ít nhất hai (02) công ty kiểm toán để kiểm toán cho Quỹ.

6.2. Quỹ sẽ áp dụng chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định khác liên quan đến kế toán theo quy định của Pháp Luật và các cơ quan có thẩm quyền. Đồng tiền sử dụng trong kế toán và giao dịch của Quỹ là Đồng Việt Nam.

6.3. Năm tài chính của Quỹ là mười hai (12) tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp giấy chứng nhận lập quỹ và hoạt động cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.

Trường hợp thời gian từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 cùng năm ngắn hơn chín mươi (90) ngày thì kỳ kế toán đầu tiên được tính từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận lập và hoạt động cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm tiếp theo.

6.4. Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm chuẩn bị các báo cáo tài chính thường kỳ về kết quả kinh doanh và tình hình tài chính của Quỹ và các báo cáo cần thiết khác để tường trình hoạt động của Quỹ.

6.5. Các báo cáo tài chính bán niên và báo cáo tài chính hàng năm sẽ được soát xét bán niên và kiểm toán độc lập hàng năm bởi công ty kiểm toán được lựa chọn. Các bản sao của báo cáo kiểm toán và báo cáo hoạt động của Quỹ phải được gửi đến từng thành viên Ban Đại Diện Quỹ và công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ để các Nhà Đầu Tư có thể tham khảo.

6.6. Công Ty Quản Lý Quỹ phải tuân thủ các quy định của UBCKNN về chế độ báo cáo và công bố thông tin liên quan đến các hoạt động kinh doanh của Quỹ.

7. Dự báo hoạt động của Quỹ

Các dự báo, ước đoán về tình hình kinh tế vĩ mô và thị trường chứng khoán nêu trong Bản Cáo Bạch này không hàm ý đảm bảo về kết quả hoạt động trong tương lai của Quỹ.

8. Thời gian và địa điểm cung cấp báo cáo hoạt động của Quỹ

Các báo cáo hoạt động của Quỹ được công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ, và cung cấp cho Nhà Đầu Tư tại văn phòng Công Ty Quản Lý Quỹ và tại các Đại Lý Phân Phối chỉ định.

XIII. GIẢI QUYẾT XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Công Ty Quản Lý Quỹ có nghĩa vụ, theo Điều Lệ, Pháp Luật và theo thông lệ quốc tế tốt nhất, tại mọi thời điểm hoạt động vì lợi ích của của Quỹ và Nhà Đầu Tư, và quản lý một cách công bằng, minh bạch và liêm chính đối với tất cả các quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý bằng cách:

- Tách bạch các chiến lược đầu tư và mục tiêu của mỗi quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý;
- Tách bạch giữa tài sản của Công Ty Quản Lý Quỹ với tài sản của các quỹ và tài sản của các nhà đầu tư ủy thác do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý; và
- Tách bạch tài sản giữa các quỹ được quản lý bởi Công Ty Quản Lý Quỹ.

Tất cả các giao dịch chứng khoán của các thành viên Ban Điều Hành, Chủ Tịch và các thành viên của Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát, người giám sát tuân thủ, người hành nghề quản lý quỹ và nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ phải được báo cáo bộ phận kiểm soát nội bộ trước và sau khi giao dịch theo đúng quy định của Pháp Luật và quy chế quản trị nội bộ của Công Ty Quản Lý Quỹ.

Bộ phận kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro của Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ chịu trách nhiệm theo dõi và giám sát các xung đột lợi ích thực tế hoặc có khả năng xảy ra. Trong trường hợp xung đột lợi ích phát sinh, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ thông báo và thảo luận với Ban Đại Diện Quỹ để thống nhất phương án khắc phục nhằm giảm thiểu hoặc quản lý các xung đột đó.

Người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ được phép giao dịch Chứng chỉ quỹ theo phương thức giống như các Nhà Đầu Tư khác theo quy định tại Điều Lệ của Quỹ và Bản Cáo Bạch này.

XIV. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CUNG CẤP THÔNG TIN CHO NHÀ ĐẦU TƯ

1. Báo cáo cho nhà đầu tư

Hàng tháng, quý, năm Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ gửi thống kê giao dịch, sao kê tài khoản giao dịch, tài khoản phụ, báo cáo giá trị NAV và các thay đổi NAV của Quỹ và các báo cáo khác theo luật định cho Nhà Đầu Tư.

Đối với Nhà Đầu Tư giao dịch trên tài khoản ký danh thông qua Đại Lý Ký Danh, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ gửi thống kê giao dịch và sao kê tài khoản phụ nếu Nhà Đầu Tư có yêu cầu bằng văn bản. Thời hạn cung cấp thông tin là trong vòng năm (05) Ngày Làm Việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của Nhà Đầu Tư.

2. Báo cáo Quỹ

Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ công bố hoặc cung cấp cho Nhà Đầu Tư các thông tin sau:

- Điều Lệ, Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch tóm tắt, báo cáo tài chính bán niên đã soát xét, báo cáo tài chính năm đã kiểm toán;
- Báo cáo hoạt động quản lý quỹ của Công Ty Quản Lý Quỹ, theo niên độ bán niên và cả năm theo mẫu do UBCKNN quy định;
- Báo cáo thống kê phí giao dịch của hoạt động đầu tư của Quỹ hàng năm và bán niên; và
- Báo cáo tài chính của Quỹ theo niên độ bán niên và cả năm theo mẫu UBCKNN quy định.

3. Báo cáo bất thường

Các báo cáo bất thường sẽ được cung cấp cho Nhà Đầu Tư trong trường hợp có những diễn biến hoặc hoạt động bất thường của Quý phát sinh, bao gồm nhưng không giới hạn bởi các báo cáo về việc phân phối lợi nhuận, báo cáo trước khi hợp nhất hoặc sát nhập Quý hay sau các quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư ủy quyền cho Ban Đại Diện Quý.

4. Hình thức gửi báo cáo

Các báo cáo sẽ được cung cấp miễn phí cho Nhà Đầu Tư thông qua trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quý, hoặc gửi đến địa chỉ thư điện tử đã đăng ký của Nhà Đầu Tư. Các báo cáo sẽ được cung cấp tới các Đại Lý Phân Phối nếu có yêu cầu. Công bố thông tin sẽ được thực hiện trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày kết thúc kỳ tài chính bán niên; và trong vòng chín mươi (90) ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Nhà Đầu Tư có quyền yêu cầu từ chối nhận các báo cáo này.

XV. ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC VÀ GIẢI ĐÁP THẮC MẮC CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quý VinaCapital

Lầu 17, Tòa nhà Sun Wah, 115 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (84 – 28) 3827 8535

Fax: (84 – 28) 3827 8536

Email: irwm@vinacapital.com

Website: wm.vinacapital.com

XVI. CAM KẾT

Công Ty Quản Lý Quý cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực của nội dung thông tin và các tài liệu đính kèm trong Bản Cáo Bạch này.

XVII. PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM

Phụ Lục 01: Quy Trình Và Các Hướng Dẫn Giao Dịch Chứng chỉ quỹ

Phụ Lục 02: Các Biểu Mẫu

Phụ Lục 03: Danh Sách Đại Lý Phân Phối Và Điểm Nhận Lệnh

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 03 năm 2024

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

(kí, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



Nguyễn Thùy Linh
Phó phòng Dịch vụ Giám sát Quý

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VINACAPITAL

(kí, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



Brook Colin Taylor
BROOK COLIN TAYLOR

PHỤ LỤC 01: QUY TRÌNH VÀ CÁC HƯỚNG DẪN GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ

Nhà đầu tư cần điền và ký Đơn Đăng Ký Mở Tài Khoản để có thể mở tài khoản và tham gia đầu tư mua Chứng chỉ Quỹ. Đơn Đăng Ký của Nhà đầu tư có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai.

I. Giao dịch mua Chứng chỉ quỹ

1. Đơn Đăng Ký Mở Tài Khoản

Nhà đầu tư mua Chứng chỉ Quỹ lần đầu tiên cần điền đầy đủ vào Đơn Đăng Ký để mua Chứng chỉ Quỹ. Đơn Đăng Ký được cung cấp tại bất cứ Đại lý phân phối hoặc Điểm nhận lệnh nào và trên trang thông tin điện tử của VinaCapital, wm.vinacapital.com. Đơn Đăng Ký phải kèm theo bản sao hợp lệ các giấy tờ quy định trong Đơn Đăng Ký đối với mỗi cá nhân/tổ chức hoặc người được hưởng lợi hoặc người ủy quyền (các bản sao được chứng thực trong vòng sáu (06) tháng gần nhất). Tất cả Đơn Đăng Ký phải được ký và/hoặc đóng dấu đầy đủ.

* Đối với Nhà đầu tư là cá nhân Việt Nam, chỉ chấp nhận CMND hoặc thẻ căn cước công dân có thời hạn còn lại ít nhất sáu (06) tháng. Thời hạn của CMND theo quy định của pháp luật là 15 năm kể từ ngày cấp.

Nhà đầu tư mua Chứng chỉ Quỹ những lần tiếp theo cần điền đầy đủ vào phiếu Lệnh Mua được đính kèm theo Đơn Đăng Ký hoặc có sẵn tại các Điểm nhận lệnh hay trên trang thông tin điện tử của VinaCapital, wm.vinacapital.com.

2. Xử lý Đơn Đăng Ký

Nhà đầu tư có thể nộp Đơn Đăng Ký hoặc Phiếu Lệnh (trực tiếp hoặc trực tuyến) sau khi điền đầy đủ thông tin, kèm theo đầy đủ các giấy tờ theo yêu cầu vào bất kỳ Ngày làm việc nào tại bất kỳ Điểm nhận lệnh của bất kỳ Đại lý phân phối nào.

Đại lý phân phối sẽ nhận hồ sơ đăng ký, kiểm tra và chuyển cho Đại lý chuyển nhượng. Các hồ sơ không đầy đủ hoặc chưa đúng quy định sẽ bị từ chối.

3. Chuyển tiền mua Chứng chỉ Quỹ

Nhà đầu tư chuyển tiền đặt mua Chứng chỉ Quỹ đến đúng tài khoản của Quỹ được mở và phong tỏa tại Ngân hàng giám sát theo nội dung sau: [số tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ tại Đại lý phân phối của Nhà đầu tư]. Ví dụ: "911CLxxxxx"; kèm theo Đơn Đăng Ký Mở Tài Khoản, phiếu Lệnh Mua thể hiện thông tin của Nhà đầu tư theo quy định trong Bản cáo bạch.

Lưu ý:

- Đảm bảo tên Nhà đầu tư đăng ký phải là tên người thụ hưởng và số tài khoản ngân hàng phải chính xác.
- Việc chuyển tiền vào tài khoản của Quỹ tại Ngân hàng Giám sát phải được ghi rõ những nội dung được thể hiện tại mục (3) bên trên. Quỹ không chấp nhận việc nộp tiền mặt trực tiếp.

4. Thực hiện thủ tục nhận biết khách hàng (KYC) và phòng chống rửa tiền (AML)

Tư vấn viên hoặc nhân viên tiếp nhận hồ sơ của Đại lý phân phối phải thực hiện thủ tục nhận biết khách hàng (KYC) và phòng chống rửa tiền (AML) đối với Nhà đầu tư trước khi chấp nhận bộ hồ sơ hoàn chỉnh.

Đại lý phân phối có toàn quyền chấp nhận hoặc từ chối bất kỳ Đơn Đăng Ký (trực tiếp hoặc trực tuyến) nào theo Điều lệ, Bản cáo bạch và các quy định về KYC và AML và không có nghĩa vụ phải cung cấp lý do từ chối cho Nhà đầu tư. Các Lệnh Mua được chấp nhận sẽ được thực hiện vào Ngày giao dịch tương ứng kế tiếp.

5. Chấp nhận hồ sơ, phân bổ Chứng chỉ Quỹ và thông báo kết quả giao dịch

Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký mua, Đại lý chuyển nhượng kiểm tra thông tin, mở tài khoản cho Nhà đầu tư và phân bổ Chứng chỉ Quỹ cho Nhà đầu tư đối với các Lệnh Mua được đặt hợp lệ.

Kết quả giao dịch Chứng chỉ Quỹ sẽ được thông báo đến Nhà đầu tư trong thời hạn thể hiện tại Bản Cáo Bạch.

II. Giao dịch bán Chứng chỉ quỹ

Khi đặt lệnh bán, Nhà đầu tư sẽ đặt bán một số lượng Chứng chỉ Quỹ xác định, tính đến số thập phân thứ hai (ví dụ 500,12 Chứng chỉ Quỹ). Do giá trị tài sản ròng của Quỹ được xác định vào Ngày giao dịch, nên tại thời điểm đặt lệnh Nhà đầu tư sẽ chưa biết được chính xác số tiền thực nhận. Số tiền Nhà đầu tư nhận bằng số chứng chỉ quỹ đặt bán nhân giá trị tài sản ròng của một Đơn vị Quỹ trừ giá dịch vụ mua lại Chứng chỉ Quỹ (làm tròn đến đơn vị đồng) và các khoản thuế, phí (bao gồm cả phí chuyển tiền) theo quy định của pháp luật.

Việc thanh toán thực hiện dưới hình thức chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của Nhà đầu tư, Đại Lý Ký Danh đã đăng ký hoặc tài khoản ngân hàng do Nhà Đầu Tư chỉ định.

III. Giao dịch chuyển đổi Chứng chỉ quỹ

Nhà đầu tư được phép chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ qua lại giữa các quỹ do Công ty quản lý quỹ quản lý tại cùng Đại lý chuyển nhượng. Lệnh Bán-Chuyển Đổi và Lệnh Mua-Chuyển Đổi được xử lý bởi Đại lý chuyển nhượng theo quy trình xử lý Lệnh Bán và xử lý Lệnh Mua, theo đó Lệnh Bán-Chuyển Đổi được thực hiện trước và Lệnh Mua-Chuyển Đổi được thực hiện sau.

Các khoản thuế phát sinh từ giao dịch Chứng chỉ quỹ (nếu có) và phí ngân hàng (nếu có) được khấu trừ vào số tiền thu được từ Lệnh Bán trong Lệnh Chuyển Đổi.

Nhà đầu tư chỉ phải thanh toán giá dịch vụ chuyển đổi, không phải thanh toán giá dịch vụ mua, giá dịch vụ bán đối với các lệnh thực hiện theo quy trình chuyển đổi

IV. Giao dịch chuyển nhượng Chứng chỉ quỹ

Nhà Đầu Tư có thể chuyển nhượng Đơn Vị Quỹ cho người khác trên nguyên tắc phi thương mại, có thể dưới dạng quà tặng, thừa kế hoặc thực hiện lệnh của toà án.

Nhà Đầu Tư có thể nộp Lệnh Chuyển Nhượng tại bất kỳ Điểm Nhận Lệnh nào. Lệnh Chuyển Nhượng được kèm theo Đơn Đăng Ký có tại các Điểm Nhận Lệnh và trên trang điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ, wm.vinacapital.com. Nếu người nhận chuyển nhượng chưa phải là Nhà Đầu Tư, người nhận chuyển nhượng Đơn Vị Quỹ sẽ phải nộp thêm các giấy tờ khác như quy định đối với người mua Đơn Vị Quỹ lần đầu và trong trường hợp thừa kế, người thừa kế sẽ phải nộp các giấy tờ chứng minh mình được thừa kế và có quyền sở hữu Đơn Vị Quỹ theo quy định của Pháp Luật.

Các Lệnh Chuyển Nhượng Được Chấp Nhận được thực hiện bởi Đại Lý Chuyển Nhượng tại Ngày Giao Dịch tương ứng.

PHỤ LỤC 02: MẪU PHIẾU LỆNH



Ngày đặt lệnh/ Request date:

Ngày giao dịch/ Trading date:

LỆNH MUA / SUBSCRIPTION ORDER

I - PHẦN DÀNH CHO NHÀ ĐẦU TƯ / FOR INVESTOR

Chủ tài khoản:

Account holder

Người được ủy quyền:

Authorized person

Loại hình nhà đầu tư (đăng ký 1 trong 2 mục sau):

Type of investor (register for 1 of the following 2 items):

Nhà đầu tư chứng khoán thông thường/ Normal investor

Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp¹/Professional investor

Số tài khoản giao dịch CCQ:

Account No.

Số CMND/ CCCD/ Mã số GDCK/ GDKKD:

ID/ STC/ Business licence No.

Số CMND/ CCCD/ Hộ chiếu:

ID/ Passport No.

Tên quỹ - chương trình đầu tư Fund name – scheme		Giá trị đăng ký mua (VND) Subscription Amount	Bảng chữ In words
Tên Quỹ	Linh hoạt/VinaFlex		
	Định kỳ/VinaSIP		

Ghi chú:

- CCQ: Chứng Chỉ Quỹ; GDCK: Giao dịch Chứng khoán; GDKKD: Giấy Đăng ký Kinh doanh, CMND: Chứng minh nhân dân; CCCD: Căn cước công dân.
Units: Fund units; STC: Securities Trading Code, ID: Identification

Họ và tên:

Full name

Chữ ký:

Signature

II - PHẦN DÀNH CHO ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI / FOR DISTRIBUTOR

Họ và tên/ Full name	Thời gian/ Date-Time	Chữ ký/ Signature
----------------------	----------------------	-------------------

Nhân viên nhận lệnh:

Agent

Nhân viên kiểm soát:

Controller

¹ Là các nhà đầu tư đáp ứng điều kiện "nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp" tại khoản 1 Điều 11 Luật Chứng khoán 54/2019/QH14.

LỆNH BÁN / REDEMPTION ORDER

I - PHẦN DÀNH CHO NHÀ ĐẦU TƯ / FOR INVESTOR

 Số tài khoản giao dịch CCQ:
 Account No.

 Chủ tài khoản:
 Account holder

 Số CMND/ CCCD/ Mã số GDCK/ GDKKD:
 ID/ STC/ Business licence No.

 Người được ủy quyền:
 Authorized person

 Số CMND/ CCCD/ Hộ chiếu:
 ID/ Passport No.

Tên quỹ - chương trình đầu tư <i>Fund name – scheme</i>		Số lượng CCQ đăng ký bán <i>Number of units redeemed</i>	Bằng chữ <i>In words</i>
Tên Quỹ	Linh hoạt/VinaFlex		
	Định kỳ/VinaSIP		

Ghi chú:

- CCQ: Chứng Chỉ Quỹ; GDCK: Giao dịch Chứng khoán; GDKKD: Giấy Đăng ký Kinh doanh, CMND: Chứng minh nhân dân; CCCD: Căn cước công dân.
Units: Fund units; STC: Securities Trading Code, ID: Identification

 Họ và tên:
 Full name

 Chữ ký:
 Signature

II - PHẦN DÀNH CHO ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI / FOR DISTRIBUTOR

Họ và tên/ Full name	Thời gian/ Date-Time	Chữ ký/ Signature
----------------------	----------------------	-------------------

 Nhân viên nhận lệnh:
 Agent

 Nhân viên kiểm soát:
 Controller

Ngày đặt lệnh/ Request date:

Ngày giao dịch/ Trading date:

LỆNH CHUYỂN ĐỔI / SWITCHING ORDER

I - PHẦN DÀNH CHO NHÀ ĐẦU TƯ / FOR INVESTOR

 Số tài khoản giao dịch CCQ:
 Account No.

 Chủ tài khoản:
 Account holder

 Số CMND/ CCCD/ Mã số GDCK/ GDKKD:
 ID/ STC/ Business licence No.

 Người được ủy quyền:
 Authorized person

 Số CMND/ CCCD/ Hộ chiếu:
 ID/ Passport No.

Quỹ hiện tại Current fund		Số lượng CCQ(*) Number of units(*)	Bảng chữ In words	Chuyển đổi thành To switch into	
Tên quỹ Fund	Chương trình đầu tư Investment scheme			Tên quỹ Fund	Chương trình đầu tư Investment scheme

Ghi chú:

- CCQ: Chứng Chỉ Quỹ; GDCK: Giao dịch Chứng khoán; GDKKD: Giấy Đăng ký Kinh doanh, CMND: Chứng minh nhân dân; CCCD: Căn cước công dân.
Units: Fund units; STC: Securities Trading Code, ID: Identification
- (*) Số lượng CCQ đăng ký chuyển đổi tối thiểu là 100.
The minimum switching quantity is 100 fund units.

 Họ và tên:
 Full name

 Chữ ký:
 Signature

II - PHẦN DÀNH CHO ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI / FOR DISTRIBUTOR

Họ và tên/ Full name	Thời gian/ Date-Time	Chữ ký/ Signature
----------------------	----------------------	-------------------

 Nhân viên nhận lệnh:
 Agent

 Nhân viên kiểm soát:
 Controller

PHIẾU YÊU CẦU HỦY LỆNH / ORDER CANCELLATION INSTRUCTION

I - PHẦN DÀNH CHO NHÀ ĐẦU TƯ / FOR INVESTOR

 Số tài khoản giao dịch CCQ:
 Account No.

 Chủ tài khoản:
 Account holder

 Số CMND/ CCCD/ Mã số GDCK/ GBKKD:
 ID/ STC/ Business licence No.

 Người được ủy quyền:
 Authorized person

 Số CMND/ CCCD/ Hộ chiếu:
 ID/ Passport No.

Tên quỹ - chương trình đầu tư <i>Fund name - scheme</i>		Loại lệnh <i>Order type</i>	Giá trị đăng ký mua (VND) <i>Subscription amount</i>	Số lượng CCQ đăng ký bán <i>Number of units redeemed</i>
Tên Quỹ	Linh hoạt/ VinaFlex			
	Định kỳ/ VinaSIP			

Ghi chú:

- CCQ: Chứng Chỉ Quỹ; GDCK: Giao dịch Chứng khoán; GBKKD: Giấy Đăng ký Kinh doanh, CMND: Chứng minh nhân dân; CCCD: Căn cước công dân.
Units: Fund units; STC: Securities Trading Code, ID: Identification

 Họ và tên:
 Full name

 Chữ ký:
 Signature

II - PHẦN DÀNH CHO ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI / FOR DISTRIBUTOR

Họ và tên/ Full name	Thời gian/ Date-Time	Chữ ký/ Signature
----------------------	----------------------	-------------------

 Nhân viên nhận lệnh:
 Agent

 Nhân viên kiểm soát:
 Controller

PHỤ LỤC 03 – DANH SÁCH CÁC ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI VÀ ĐIỂM NHẬN LỆNH

Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ VinaCapital

Lầu 17, Tòa nhà Sun Wah, 115 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (84 – 28) 3827 8535

Fax: (84 – 28) 3827 8536

Email: irwm@vinacapital.com

Website: wm.vinacapital.com

Công ty Cổ phần Fincorp (Fincorp)

4A/167A Đường Nguyễn Văn Thương, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (84-28) 3636 1079

Fax: (84-28) 3636 1078

ĐIỀU LỆ

QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU CỔ TỨC NĂNG ĐỘNG VINACAPITAL (VINACAPITAL-VDEF)

Tháng 03 năm 2024

MỤC LỤC

CƠ SỞ PHÁP LÝ.....	5
ĐỊNH NGHĨA VÀ DIỄN GIẢI.....	6
CHƯƠNG 1. QUY ĐỊNH CHUNG.....	9
Điều 1. Tên và địa chỉ liên hệ	9
Điều 2. Thời hạn hoạt động của Quỹ	9
Điều 3. Nguyên tắc tổ chức của Quỹ.....	9
Điều 4. Tổng vốn huy động và số lượng chứng chỉ quỹ được chào bán	9
Điều 5. Chỉ định đại diện huy động vốn và chào bán chứng chỉ quỹ của Quỹ.....	10
Điều 6. Công ty Quản lý Quỹ.....	10
Điều 7. Ngân hàng giám sát	10
CHƯƠNG 2. QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ HẠN CHẾ ĐẦU TƯ	10
Điều 8. Mục tiêu đầu tư	10
Điều 9. Chiến lược đầu tư, chính sách đầu tư	10
Điều 10. Hạn chế đầu tư.....	11
Điều 11. Hoạt động vay, cho vay, giao dịch mua bán lại, giao dịch ký quỹ	12
Điều 12. Phương pháp lựa chọn đầu tư.....	13
CHƯƠNG 3. NHÀ ĐẦU TƯ, SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ... 13	13
Điều 13. Nhà đầu tư	13
Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Nhà đầu tư	13
Điều 15. Sổ đăng ký Nhà đầu tư	14
Điều 16. Giao dịch chứng chỉ quỹ	15
Điều 17. Mua lại một phần và tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ	16
Điều 18. Chuyển nhượng phi thương mại.....	17
Điều 19. Giá phát hành lần đầu, giá bán, giá mua lại	18
Điều 20. Giải pháp cho vấn đề thua lỗ của Quỹ	18
CHƯƠNG 4. ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ	18
Điều 21. Đại hội nhà đầu tư.....	18
Điều 22. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội Nhà đầu tư	19
Điều 23. Điều kiện, thể thức tiến hành họp và thông qua quyết định Đại hội Nhà đầu tư	19
Điều 24. Thông qua Quyết định của Đại hội Nhà đầu tư	21
Điều 25. Phản đối quyết định của Đại hội Nhà đầu tư	21
CHƯƠNG 5. BAN ĐẠI DIỆN QUỸ	21
Điều 26. Ban đại diện Quỹ.....	21
Điều 27. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban đại diện Quỹ	22
Điều 28. Quyền và nghĩa vụ của Ban đại diện Quỹ	23
Điều 29. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban đại diện Quỹ.....	23

Điều 30.	Chủ tịch Ban đại diện Quỹ	23
Điều 31.	Thủ tục điều hành của Ban đại diện Quỹ	24
Điều 32.	Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế, bổ sung thành viên Ban đại diện Quỹ	24
Điều 33.	Cuộc họp Ban đại diện Quỹ, thông qua quyết định của Ban đại diện Quỹ và biên bản họp Ban đại diện quỹ	24
CHƯƠNG 6.	CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ	25
Điều 34.	Tiêu chuẩn lựa chọn Công Ty Quản Lý Quỹ	25
Điều 35.	Quyền và nghĩa vụ của Công Ty Quản Lý Quỹ	25
Điều 36.	Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công Ty Quản Lý Quỹ	28
Điều 37.	Hạn chế hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ	29
CHƯƠNG 7.	NGÂN HÀNG GIÁM SÁT	30
Điều 38.	Tiêu chuẩn lựa chọn Ngân hàng giám sát	30
Điều 39.	Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng giám sát	30
Điều 40.	Hoạt động giám sát của ngân hàng giám sát	31
Điều 41.	Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân hàng giám sát	32
CHƯƠNG 8.	CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN.....	32
Điều 42.	Các hoạt động được ủy quyền.....	32
Điều 43.	Tiêu chí lựa chọn tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan.....	32
Điều 44.	Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan.....	33
Điều 45.	Trách nhiệm của Công Ty Quản Lý Quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền	33
Điều 46.	Chấm dứt hoạt động ủy quyền.....	34
CHƯƠNG 9.	ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI VÀ ĐẠI LÝ KÝ DANH	34
Điều 47.	Đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ	34
Điều 48.	Hoạt Động Của Đại Lý Phân Phối và Đại Lý Ký Danh.....	35
Điều 49.	Quy định chung về nghiệp vụ phân phối chứng chỉ quỹ	36
CHƯƠNG 10.	KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO.....	36
Điều 50.	Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi công ty kiểm toán.....	36
Điều 51.	Năm tài chính	37
Điều 52.	Chế độ kế toán	37
Điều 53.	Báo cáo tài chính.....	37
Điều 54.	Báo cáo khác.....	37
CHƯƠNG 11.	GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ	37
Điều 55.	Xác định giá trị tài sản ròng.....	37
Điều 56.	Nguyên tắc, quy trình, phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ	37
Điều 57.	Đền bù thiệt hại cho nhà đầu tư và cho Quỹ	38
Điều 58.	Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá	39
CHƯƠNG 12.	GIÁ DỊCH VỤ PHÁT HÀNH, THU NHẬP VÀ CÁC CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	39
Điều 59.	Giá dịch vụ quản lý quỹ, giá dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ, đại lý chuyển nhượng	39

Điều 60.	Thu nhập của Quý.....	40
Điều 61.	Chi phí của Quý.....	41
Điều 62.	Phân chia lợi tức	41
CHƯƠNG 13.	TÁI CƠ CẤU, GIẢI THỂ QUỸ.....	42
Điều 63.	Hợp nhất, sáp nhập Quỹ.....	42
Điều 64.	Chia, tách Quỹ.....	42
Điều 65.	Giải thể Quỹ	42
CHƯƠNG 14.	GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH	43
Điều 66.	Kiểm soát xung đột lợi ích giữa Quỹ và các quỹ khác, các khách hàng ủy thác đầu tư của Công Ty Quản Lý Quỹ và giữa Quỹ và Công Ty Quản Lý Quỹ.....	43
CHƯƠNG 15.	CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ	43
Điều 67.	Công bố thông tin, cung cấp thông tin cho nhà đầu tư.....	43
Điều 68.	Sửa đổi, bổ sung Điều Lệ	43
Điều 69.	Đăng ký Điều lệ.....	43
Điều 70.	Điều khoản thi hành	44
	Các phụ lục đính kèm	44
PHỤ LỤC SỐ 1:	CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ.....	45
PHỤ LỤC SỐ 2:	CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT	47
PHỤ LỤC SỐ 3:	CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT	48
PHỤ LỤC SỐ 4:	PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ	49

CƠ SỞ PHÁP LÝ

1. Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc Hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh Nghiệp;
2. Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua vào ngày 26 tháng 11 năm 2019, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
3. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
4. Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
5. Thông tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
6. Thông tư số 98/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
7. Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng với quỹ mở;
8. Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
9. Thông tư số 101/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định về giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại Sở giao dịch chứng khoán và Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam; có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.
10. Thông tư số 102/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại các tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng thương mại tham gia vào thị trường chứng khoán Việt Nam, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2022;
11. Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ;
12. Thông tư số 197/2015/TT-BTC ngày 03 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính ban hành quy định về hành nghề chứng khoán; và
13. Các văn bản pháp luật có liên quan khác.

ĐỊNH NGHĨA VÀ DIỄN GIẢI

Trừ khi ngữ cảnh quy định khác, các thuật ngữ được viết hoa trong Điều Lệ này sẽ có nghĩa như sau:

“Quỹ” hoặc “Quỹ VINACAPITAL-VDEF”	Là Quỹ đầu tư Cổ Phiếu Cổ Tức Năng Động VinaCapital (sau đây gọi tắt là VINACAPITAL-VDEF), thực hiện chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng, được thành lập theo quy định của pháp luật về chứng khoán và Điều lệ quỹ.
“Công Ty Quản Lý Quỹ”	là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ VinaCapital được thành lập theo giấy chứng nhận thành lập và hoạt động số 31/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”) cấp lần đầu ngày 14 tháng 04 năm 2008 (và được sửa đổi, bổ sung vào từng thời điểm), hoặc bất kỳ đơn vị nào kế thừa quyền và nghĩa vụ của công ty này.
“Ngân Hàng Giám Sát”	là Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered (Việt Nam) (“SCBVL”), hoạt động theo Giấy phép hoạt động số 236/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước cấp ngày 08 tháng 09 năm 2008, Quyết định số 1477/QĐ-NHNN do NHNN cấp ngày 25/08/2022 về việc bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép thành lập và hoạt động Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered (Việt Nam) và Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 08/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 07 tháng 05 năm 2015 (và các sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế vào từng thời điểm) hoặc bất kỳ Ngân hàng giám sát nào được chỉ định thay thế, cung cấp các dịch vụ: (i) bảo quản, lưu ký chứng khoán, tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản hợp pháp của quỹ; các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ; (ii) thực hiện chức năng giám sát toàn bộ hoạt động quản lý tài sản của quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện. Quyền và nghĩa vụ của Ngân Hàng Giám Sát được quy định tại Điều Lệ này.
“Công ty kiểm toán”	Là công ty kiểm toán độc lập của Quỹ, nằm trong Danh sách Công ty kiểm toán được UBCKNN chấp thuận, công ty kiểm toán sẽ được đại hội nhà đầu tư chỉ định để thực hiện việc kiểm toán hàng năm tài sản của Quỹ.
“Điều Lệ Quỹ”	bao gồm văn bản này, các Phụ lục đính kèm và các sửa đổi bổ sung hợp pháp (nếu có).
“Bản Cáo Bạch”	là tài liệu hoặc dữ liệu điện tử công khai thông tin một cách chính xác, trung thực và khách quan các thông tin về Quỹ và các thông tin liên quan đến việc chào bán và phát hành chứng chỉ quỹ của Quỹ.
“Hợp Đồng Giám Sát”	là hợp đồng được ký kết giữa Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát được thông qua bởi đại hội nhà đầu tư của Quỹ.
“Nhà đầu tư”	Là cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài nắm giữ chứng chỉ quỹ.
“Đại hội Nhà đầu tư”	là đại hội của nhà đầu tư có quyền biểu quyết được tổ chức thường kỳ hoặc bất thường để thông qua các vấn đề quan trọng có liên quan đến Quỹ. Đại hội nhà đầu tư là cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ.
“Ban đại diện Quỹ”	là những người đại diện cho nhà đầu tư được đại hội nhà đầu tư của Quỹ bầu ra để thay mặt nhà đầu tư thực hiện việc giám sát các hoạt động của Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân hàng giám

	sát.
“Vốn điều lệ”	là tổng số vốn bằng tiền do tất cả Nhà đầu tư thực góp tại đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng và được ghi trong Điều lệ này.
“Chứng chỉ quỹ” hay “Chứng chỉ Quỹ VINACAPITAL-VDEF”	Là loại chứng khoán xác nhận quyền sở hữu của nhà đầu tư đối với một phần vốn góp tại quỹ. Mệnh giá 01 chứng chỉ quỹ là 10.000 đồng.
“Giá bán/giá phát hành”	Là mức giá nhà đầu tư phải thanh toán để mua một chứng chỉ quỹ. Giá bán/Giá phát hành bằng mệnh giá (trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng) cộng giá dịch vụ phát hành được quy định tại Bản Cáo Bạch hoặc bằng giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ tại ngày giao dịch Chứng chỉ quỹ (đối với các kỳ giao dịch sau khi Quỹ thành lập) cộng thêm giá dịch vụ phát hành được quy định tại Bản Cáo Bạch.
“Giá mua lại”	Là mức giá mà Công Ty Quản Lý Quỹ phải thanh toán để mua lại từ nhà đầu tư một chứng chỉ quỹ. Giá mua lại bằng giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ trừ đi giá dịch vụ mua lại được quy định tại Bản Cáo Bạch.
“Giá dịch vụ quản lý quỹ”	Là giá dịch vụ phải trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ cung cấp dịch vụ quản lý quỹ đã được quy định tại Điều lệ Quỹ.
“Giá dịch vụ phát hành/giá dịch vụ mua lại”	Là giá dịch vụ mà nhà đầu tư phải trả khi mua/bán một chứng chỉ quỹ. Giá dịch vụ phát hành tính theo tỷ lệ phần trăm trên số tiền đăng ký mua và giá dịch vụ mua lại tính theo tỷ lệ phần trăm trên tổng giá trị mua lại theo quy định tại Bản Cáo Bạch.
“Cổ tức Quỹ”	Là số lợi nhuận còn lại của Quỹ sau khi trừ đi các chi phí hợp lệ và được Đại hội nhà đầu tư quyết định chia theo tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư.
“Năm tài chính”	Là 12 tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hằng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.
“Giá trị tài sản ròng của Quỹ” hay “NAV”	là tổng giá trị các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ của Quỹ tại ngày gần nhất trước Ngày Định Giá.
“Ngày Định Giá”	Là ngày mà Công ty Quản lý Quỹ xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ theo quy định tại Luật Chứng Khoán và Điều lệ Quỹ.
“Ngày Giao Dịch”	là Ngày mà Công ty Quản lý Quỹ thay mặt cho Quỹ thực hiện phát hành, mua lại, chuyển đổi và/hoặc chuyển nhượng chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư theo cơ chế giao dịch của quỹ.
“Thời điểm đóng sổ lệnh”	là thời điểm cuối cùng mà đại lý phân phối nhận lệnh giao dịch chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư để thực hiện trong ngày giao dịch chứng chỉ quỹ.
“Đại Lý Chuyển Nhượng”	là Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc tổ chức được Công Ty Quản Lý Quỹ ủy quyền để cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng theo quy định tại Điều Lệ này.

“Đại Lý Ký Danh”	là Đại Lý Phân Phối đứng tên chủ sở hữu tài khoản ký danh, thực hiện giao dịch chứng chỉ quỹ thay mặt cho các Nhà đầu tư tại sở phụ.
“Đại Lý Phân Phối”	là tổ chức đã ký hợp đồng phân phối chứng chỉ quỹ với Công Ty Quản Lý Quỹ và/ hoặc Công Ty Quản Lý Quỹ.
“Dịch vụ quản trị quỹ”	Là dịch vụ được công ty quản lý quỹ ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan cung cấp dịch vụ quản trị quỹ cho Quý.
“Dịch vụ đại lý chuyển nhượng”	Là dịch vụ được công ty quản lý quỹ ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng cho Quý.
“Lệnh Bán Được Chấp Nhận”	là lệnh bán chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư được chấp nhận để thực hiện sau khi số lượng chứng chỉ quỹ đặt bán được xác nhận là thuộc sở hữu của Nhà Đầu Tư đặt lệnh bán đó và có đủ số lượng chứng chỉ quỹ đó để bán theo quy định tại Bản cáo bạch này
“Lệnh Chuyển Đổi Được Chấp Nhận”	là lệnh chuyển đổi quỹ của Nhà đầu tư được chấp nhận để thực hiện sau khi số lượng chứng chỉ quỹ đặt chuyển đổi được xác nhận là thuộc sở hữu của Nhà đầu tư đặt lệnh chuyển đổi đó.
“Lệnh Chuyển Nhượng Được Chấp Nhận”	là lệnh chuyển nhượng chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư được chấp nhận để thực hiện sau khi số lượng chứng chỉ quỹ đặt chuyển nhượng được xác nhận là thuộc sở hữu của Nhà Đầu Tư đặt lệnh chuyển nhượng đó.
“Lệnh Mua Được Chấp Nhận”	là Lệnh Mua của Nhà đầu tư hoặc được chấp nhận để thực hiện sau khi hồ sơ đăng ký mua đã được Đại lý chuyển nhượng chấp nhận, lệnh mua phải gửi kèm theo các tài liệu hợp lệ xác nhận việc nhà đầu tư đã hoàn tất việc thanh toán vào tài khoản của Quỹ hoặc Ngân hàng giám sát xác nhận tiền đã được thanh toán đầy đủ
“Lệnh Được Chấp Nhận”	là từng Lệnh Bán Được Chấp Nhận, Lệnh Mua Được Chấp Nhận, Lệnh Chuyển Đổi Được Chấp Nhận hoặc Lệnh Chuyển Nhượng Được Chấp Nhận hoặc là một nhóm gồm hai hoặc nhiều lệnh trên.
“Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam” hay “VSDC”	Là Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam hoặc bất kỳ cơ quan nào khác thay thế hoặc kế thừa quyền hạn và nghĩa vụ của cơ quan này.
“UBCKNN”	là Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước Việt Nam hoặc bất kỳ cơ quan nào khác thay thế hoặc kế thừa quyền hạn và nghĩa vụ của cơ quan này.
“Pháp luật”	là pháp luật của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
“Người Có Liên Quan”	được hiểu và giải thích theo quy định tại khoản 46 Điều 4 của Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua vào ngày 26 tháng 11 năm 2019, hoặc quy định khác thay thế quy định tại khoản 46 Điều 4.
“Sự Kiện Bất Khả Kháng”	là một sự kiện ngoài tầm kiểm soát của một người mà làm cho người đó không thể thực hiện được bất kỳ nghĩa vụ nào của mình theo quy định tại Điều Lệ này, Bản Cáo Bạch hoặc pháp luật liên quan, bao gồm nhưng không giới hạn: (a) thiên tai (như là, nhưng không giới hạn, cháy, nổ, động đất,

- hạn hán, sóng thần và lũ lụt);
- (b) chiến tranh, hành vi thù địch (cho dù có tuyên bố chiến tranh hay không), xâm lược, hành động của các thế lực thù địch nước ngoài, động viên, lệnh hoặc cấm vận;
 - (c) nổi loạn, cách mạng, khởi nghĩa, thế lực quân đội hoặc lật đổ hoặc nội chiến;
 - (d) nhiệm phóng xạ từ bất kỳ nguồn nhiên liệu hạt nhân nào hoặc từ chất thải hạt nhân do cháy nhiên liệu hạt nhân, vụ nổ chất phóng xạ hoặc các chất nguy hiểm khác từ vụ nổ các hợp chất hạt nhân hoặc các thành phần hạt nhân của những hợp chất đó;
 - (e) bạo động, đình công, lãn công, đóng cửa nhà máy hoặc nổi loạn;
 - (f) hành động hoặc đe dọa khủng bố; hoặc
 - (g) đạo luật, lệnh, quyết định hoặc cưỡng chế của cơ quan nhà nước; bất kỳ sự thay đổi, điều chỉnh hoặc sửa đổi nào của pháp luật; hoặc khủng hoảng tài chính mà có ảnh hưởng nghiêm trọng đến thị trường tài chính của Việt Nam.

“Việt Nam”	là nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
“VND” hay “Đồng Việt Nam”	Là đồng tiền đang lưu hành hợp pháp của Việt Nam.
“Các định nghĩa khác”	Các định nghĩa khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Chứng khoán và các văn bản khác có liên quan.

CHƯƠNG 1. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên và địa chỉ liên hệ

Tên tiếng Việt: QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU CỔ TỨC NĂNG ĐỘNG VINACAPITAL

Tên tiếng Anh: VINACAPITAL DYNAMIC DIVIDEND EQUITY FUND

Tên viết tắt: VINACAPITAL-VDEF

Địa chỉ liên hệ: Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ VinaCapital

Lầu 17, Tòa Nhà Sun Wah, 115 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (84 – 28) 3827 8535

Fax: (84 – 28) 3827 8536

Website: wm.vinacapital.com

Điều 2. Thời hạn hoạt động của Quỹ

Quỹ không bị giới hạn về thời hạn hoạt động.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức của Quỹ

Quỹ được tổ chức dưới hình thức quỹ mở theo quy định của pháp luật và quy định của Điều Lệ này.

Điều 4. Tổng vốn huy động và số lượng chứng chỉ quỹ được chào bán

- Vốn điều lệ huy động trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng của Quỹ tối thiểu là 50.000.000.000 VNĐ (năm mươi tỷ Đồng Việt Nam). Số vốn này được chia thành tối thiểu 5.000.000 (năm triệu) chứng chỉ quỹ. Mệnh giá của một chứng chỉ quỹ là 10.000 VNĐ (mười nghìn Đồng Việt Nam).
- Nhà đầu tư góp vốn bằng tiền Đồng Việt Nam dưới hình thức chuyển tiền vào tài khoản của Quỹ mở tại Ngân hàng giám sát.
- Quỹ không bị giới hạn số lượng tối đa chứng chỉ quỹ được phát hành trừ khi đại hội nhà đầu tư có

quyết định khác.

4. Bất cứ thay đổi nào về giá trị vốn góp tối đa hoặc số lượng chứng chỉ quỹ tối đa được phát hành sẽ do đại hội nhà đầu tư quyết định và được báo cáo với UBCKNN.

Điều 5. Chỉ định đại diện huy động vốn và chào bán chứng chỉ quỹ của Quỹ

Người đại diện theo pháp luật của Công Ty Quản Lý Quỹ được chỉ định là đại diện huy động vốn và chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng.

Điều 6. Công ty Quản lý Quỹ

Công ty Quản lý Quỹ: Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ VinaCapital

Giấy phép thành lập và hoạt động số 31/UBCK-GP do UBCKNN cấp lần đầu ngày 14 tháng 4 năm 2008 (và các sửa đổi, bổ sung vào từng thời điểm)

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0305655145 cấp lần đầu ngày 14 tháng 4 năm 2008 (và các sửa đổi, bổ sung vào từng thời điểm)

Địa chỉ: Lầu 17, Tòa Nhà Sun Wah, 115 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (84 – 28) 3827 8535

Fax: (84- 28) 3827 8536

Điều 7. Ngân hàng giám sát

Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt nam) (“SCBVL”)

Giấy phép thành lập và hoạt động số 236/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước cấp ngày 08 tháng 09 năm 2008 (và các bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế vào từng thời điểm).

Quyết định số 1477/QĐ-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 25 tháng 08 năm 2022 về việc bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép thành lập và hoạt động Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam)

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 08/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 07 tháng 05 năm 2015 (và các sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế vào từng thời điểm)

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 3, Phòng CP1.L01 & CP2.L01, Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: (84-24) 3936 8000 Fax: (84-24) 3837 8356

CHƯƠNG 2. QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ HẠN CHẾ ĐẦU TƯ

Điều 8. Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu của Quỹ là mang lại thu nhập bền vững cho nhà đầu tư trong trung và dài hạn, thông qua việc đầu tư năng động vào cổ phiếu các công ty niêm yết có tỷ suất cổ tức cao và ổn định, đồng thời có triển vọng tăng giá.

Điều 9. Chiến lược đầu tư, chính sách đầu tư

1. Chiến lược đầu tư của Quỹ bao gồm nhưng không hạn chế đầu tư vào cổ phiếu các công ty niêm yết có nền tảng tài chính và dòng tiền tốt, có khả năng tạo ra một tỷ suất cổ tức cao và bền vững qua các năm, nhưng vẫn có khả năng duy trì tăng trưởng lợi nhuận nhờ vào mô hình kinh doanh có lợi thế cạnh tranh và hiệu quả hoạt động cao.
2. Quỹ cũng có thể đầu tư các tài sản tạo thu nhập cố định như chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu, giấy tờ có giá và các tài sản có thu nhập cố định khác có chất lượng tín dụng tốt, đảm bảo thu hồi vốn và mang về các khoản thu nhập cố định cho Quỹ.
3. Tỷ trọng phân bổ tài sản đầu tư thực tế có thể sẽ dao động tùy vào diễn biến của thị trường và các cơ hội đầu tư của Quỹ dựa trên đánh giá về rủi ro và lợi nhuận mang lại của các cơ hội đầu tư này tại từng thời điểm, với mục tiêu xuyên suốt trong toàn bộ thời gian hoạt động của Quỹ là bảo vệ lợi

ích của nhà đầu tư. Tuy nhiên, việc phân bổ tài sản đầu tư không được vượt quá những hạn chế đầu tư quy định tại Điều lệ này, Bản cáo bạch và quy định của pháp luật.

4. Các loại tài sản mà Quỹ được đầu tư bao gồm:
 - (a) Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
 - (b) Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
 - (c) Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
 - (d) Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng;
 - (e) Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành;
 - (f) Chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà Quỹ đang nắm giữ;
 - (g) Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà quỹ đang nắm giữ.
5. Việc đầu tư vào các tài sản quy định tại Điểm (e) khoản 4, Điều 9 phải đáp ứng các điều kiện sau:
 - (a) Đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện;
 - (b) Có đủ tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành.

Điều 10. Hạn chế đầu tư

1. Các khoản đầu tư của Quỹ sẽ được đa dạng hóa và đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều Lệ này và quy định của pháp luật. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc sau:

- (a) Trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của Quỹ tại ngân hàng giám sát, Quỹ không được đầu tư quá 49% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản theo quy định tại Điểm (a), (b) khoản 4 Điều 9 của Điều Lệ này;
- (b) Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá 10% tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính Phủ;
- (c) Không được đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành, và các tài sản (nếu có) quy định tại Điểm (a), (b) khoản 4 Điều 9 của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
- (d) Không được đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại các điểm (a), (b), (d), (e) và (f) khoản 4 Điều 9 của Điều Lệ này phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ. Trong đó, phần đầu tư vào chứng khoán phái sinh tính bằng giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo quy định tại phụ lục 4 Điều lệ này;
- (e) Không được đầu tư quá 10% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại điểm (e) khoản 4 Điều 9 của Điều Lệ này;
- (f) Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ không được vượt quá 40% tổng giá trị tài sản của Quỹ. Trong đó, hạng mục đầu tư lớn của Quỹ là hạng mục đầu tư vào các loại tài sản quy định tại Điểm (b), (d), (e) và (g) khoản 4 Điều 9 của Điều Lệ này (ngoại trừ chứng chỉ tiền gửi) phát hành bởi cùng một (01) tổ chức, có tổng giá trị chiếm từ 5% trở lên tổng giá trị tài sản của Quỹ;
- (g) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dự nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ;
- (h) Không được đầu tư vào chứng chỉ quỹ của chính quỹ;
- (i) Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm;

(j) Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng khác, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:

(i) Không đầu tư vào quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;

(ii) Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;

(iii) Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;

(k) Danh mục đầu tư của Quỹ phải bao gồm chứng khoán của ít nhất 06 tổ chức phát hành;

2. Cơ cấu đầu tư của quỹ mở chỉ được vượt mức so với các hạn chế đầu tư đã quy định tại điểm (a), (b), (c), (d), (e), (f) và (j) khoản 1 Điều 10 bên trên và chỉ do các nguyên nhân sau:

(a) Do biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;

(b) Do phải thực hiện các khoản thanh toán của Quỹ theo quy định của pháp luật bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư;

(c) Do hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;

(d) Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách Quỹ, hợp nhất Quỹ hoặc sáp nhập Quỹ mà thời gian hoạt động chưa quá 06 tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ điều chỉnh;

(e) Quỹ đang trong thời gian giải thể.

3. Trong thời hạn ba (03) tháng kể từ ngày có các sai lệch phát sinh do các nguyên nhân quy định tại điểm a, b, c và d Khoản 2 Điều này, Công Ty Quản Lý Quỹ có nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin và điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư cho phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Trường hợp sai lệch do Công Ty Quản Lý Quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm báo cáo, công bố thông tin và điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày phát hiện ra sai lệch. Trong trường hợp này, Công Ty Quản Lý Quỹ phải bồi thường thiệt hại cho Quỹ (nếu có) và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư. Nếu phát sinh lợi nhuận, thì phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho Quỹ.

5. Trong thời hạn quy định kể từ ngày hoàn tất việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư, Công Ty Quản Lý Quỹ phải công bố thông tin theo quy định, đồng thời thông báo cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước về các sai lệch cơ cấu danh mục đầu tư, nguyên nhân, thời điểm phát sinh hoặc phát hiện ra sự việc, mức độ thiệt hại và bồi thường thiệt hại cho Quỹ (nếu có) hoặc lợi nhuận tạo cho Quỹ (nếu có), biện pháp khắc phục, thời gian thực hiện, kết quả khắc phục.

6. Công ty quản lý quỹ chỉ được gửi tiền và đầu tư vào công cụ thị trường tiền tệ theo quy định tại các điểm (a), (b) khoản 4 Điều 9 của Điều Lệ này được phát hành bởi các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban đại diện Quỹ phê duyệt.

7. Quỹ thực hiện đầu tư gián tiếp ra nước ngoài theo quy định của pháp luật về đầu tư sau khi được UBCKNN chấp thuận cho phép đầu tư gián tiếp ra nước ngoài và bảo đảm các nguyên tắc sau:

a. Quỹ đã được Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam cấp hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài;

b. Quỹ chỉ được đầu tư gián tiếp ra nước ngoài vào các tài sản đã được quy định tại Điều lệ Quỹ và phù hợp với quy định của Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam;

c. Quỹ không được đầu tư quá 20% giá trị tài sản ròng của Quỹ ra nước ngoài và không vượt quá hạn mức đầu tư đăng ký đã được Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam xác nhận;

d. Cơ cấu đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, việc điều chỉnh hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của Quỹ phải tuân thủ quy định về cơ cấu đầu tư, hạn mức đầu tư, điều chỉnh hạn mức đầu tư theo các quy định tại Điều lệ này.

Điều 11. Hoạt động vay, cho vay, giao dịch mua bán lại, giao dịch ký quỹ

1. Công Ty Quản Lý Quỹ không được sử dụng vốn và tài sản của Quỹ để cho vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào.

2. Công Ty Quản Lý Quỹ không được phép vay để đầu tư, trừ trường hợp vay ngắn hạn theo quy định của pháp luật về ngân hàng để trang trải các chi phí cần thiết cho Quỹ hoặc thực hiện thanh toán các giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư. Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn của Quỹ không được quá năm phần trăm (5%) giá trị tài sản ròng của Quỹ tại mọi thời điểm và thời hạn của một khoản vay tối đa ba mươi (30) ngày.

3. Công Ty Quản Lý Quỹ không được sử dụng tài sản của Quỹ để thực hiện các giao dịch ký quỹ (vay mua chứng khoán) cho Quỹ hoặc cho bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khác, không được sử dụng tài sản của Quỹ để thực hiện các giao dịch bán khống, cho vay chứng khoán.

4. Quỹ được phép thực hiện các giao dịch mua bán lại công cụ nợ của Chính Phủ theo quy định của Bộ Tài Chính về quản lý giao dịch công cụ nợ của Chính Phủ.

Điều 12. Phương pháp lựa chọn đầu tư

Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ đưa ra phương pháp lựa chọn đầu tư phù hợp với mục tiêu đầu tư của Quỹ vào từng thời điểm và tuân thủ các quy định tại Điều Lệ này, bao gồm quy định tại các Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11 và quy định liên quan của Pháp Luật.

CHƯƠNG 3. NHÀ ĐẦU TƯ, SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ

Điều 13. Nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư là các cá nhân hoặc tổ chức trong nước và nước ngoài, sở hữu ít nhất là một (01) chứng chỉ quỹ trở lên. Nhà đầu tư sẽ không phải chịu trách nhiệm pháp lý hoặc có bất kỳ nghĩa vụ nào khác đối với Quỹ ngoài trách nhiệm trong phạm vi số chứng chỉ quỹ mà Nhà đầu tư sở hữu.

2. Nhà đầu tư là tổ chức bao gồm các tổ chức kinh tế hoặc xã hội được Pháp Luật Việt Nam công nhận hoặc được thành lập một cách hợp pháp theo pháp luật nước ngoài và được phép đầu tư vào Quỹ theo quy định Pháp Luật. Nhà đầu tư là tổ chức sẽ cử người đại diện hợp pháp để đại diện cho nhà đầu tư đối với số chứng chỉ quỹ mà tổ chức đó đang sở hữu. Bất kỳ sự bổ nhiệm, bãi nhiệm hoặc thay thế nào đối với người đại diện này sẽ phải được thông báo cho Quỹ bằng văn bản và được ký bởi người đại diện theo pháp luật của tổ chức đó. Hạn chế về tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư nước ngoài sẽ tuân theo quy định của pháp luật hiện hành từng thời điểm.

3. Công Ty Quản Lý Quỹ, Người Có Liên Quan của Công Ty Quản Lý Quỹ, thành viên hội đồng quản trị, tổng giám đốc, phó tổng giám đốc, nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ và Người Có Liên Quan của thành viên hội đồng quản trị, tổng giám đốc, phó tổng giám đốc, nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ được tham gia góp vốn thành lập, đầu tư vào Quỹ và trở thành nhà đầu tư với các mức giá giao dịch áp dụng như đối với các Nhà đầu tư khác theo quy định.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

(a) Các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 101 Luật Chứng khoán

(b) Hưởng lợi từ hoạt động đầu tư của quỹ tương ứng với số lượng chứng chỉ quỹ đang nắm giữ;

(c) Hưởng các lợi ích và tài sản được chia hợp pháp từ việc thanh lý tài sản của quỹ;

(d) Yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ mua lại chứng chỉ quỹ mở;

(e) Khởi kiện công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát hoặc tổ chức liên quan nếu tổ chức này vi phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình;

(f) Thực hiện quyền và trách nhiệm tham gia các cuộc họp đại hội nhà đầu tư và thực hiện quyền biểu quyết dưới hình thức trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác);

(g) Quyền được đối xử công bằng, mỗi chứng chỉ quỹ đều tạo cho người sở hữu quyền, nghĩa vụ, lợi ích ngang nhau;

(h) Quyền tự do chuyển nhượng chứng chỉ quỹ, trừ trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ quỹ;

(i) Quyền được tiếp cận đầy đủ các thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của quỹ;

(j) Nghĩa vụ chấp hành các Quyết định của Đại hội nhà đầu tư;

(k) Nghĩa vụ thanh toán đầy đủ tiền mua chứng chỉ quỹ trong thời hạn quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch và chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của quỹ trong phạm vi số tiền đã thanh toán khi mua chứng chỉ quỹ;

(l) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về chứng khoán và tại Điều Lệ này.

2. Nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành có các quyền sau đây:

(a) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các Nghị quyết của Ban đại diện quỹ, báo cáo tài chính năm và các báo cáo của Ngân Hàng Giám Sát liên quan đến hoạt động của quỹ;

(b) Yêu cầu Công ty quản lý quỹ triệu tập họp đại hội nhà đầu tư bất thường trong các trường hợp sau:

(i) Có căn cứ xác thực về việc Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát vi phạm quyền của nhà đầu tư hoặc nghĩa vụ của Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền quy định tại Điều lệ quỹ, hợp đồng giám sát hoặc được giao bởi Đại hội nhà đầu tư, gây tổn thất cho quỹ;

(ii) Ban đại diện quỹ đã hết nhiệm kỳ trên 06 tháng mà chưa được bầu thay thế;

(iii) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ quỹ này;

(c) Yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân hàng giám sát giải trình các vấn đề bất thường liên quan đến tài sản và hoạt động quản lý, giao dịch tài sản của quỹ. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát phải trả lời nhà đầu tư;

(d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp đại hội nhà đầu tư. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến công ty quản lý quỹ chậm nhất mười (10) ngày làm việc trước ngày khai mạc;

(e) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ quỹ này

3. Nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư sở hữu từ 10% trở lên tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành có các quyền đề cử người vào Ban đại diện quỹ. Trình tự, thủ tục đề cử áp dụng tương tự theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp áp dụng đối với việc đề cử người vào Hội đồng quản trị của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% trở lên tổng số cổ phần phổ thông.

4. Yêu cầu, kiến nghị của nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư theo quy định tại khoản 2,3 Điều này phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số Giấy chứng minh thư nhân dân hoặc Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác; tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc số Quyết định thành lập đối với nhà đầu tư là tổ chức; số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ và thời điểm nắm giữ của từng nhà đầu tư, tổng số chứng chỉ quỹ của cả nhóm nhà đầu tư và tỷ lệ sở hữu trong tổng số chứng chỉ quỹ đang Lưu hành của quỹ; nội dung yêu cầu, kiến nghị; căn cứ và lý do. Trường hợp triệu tập đại hội nhà đầu tư bất thường theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này, phải kèm theo các tài liệu xác minh lý do việc triệu tập đại hội nhà đầu tư bất thường; hoặc các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ quỹ, Hợp Đồng Giám Sát.

Điều 15. Sổ đăng ký Nhà đầu tư

1. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ Đại Lý Chuyển Nhượng lập và quản lý Sổ đăng ký Nhà đầu tư chính (sổ chính) hoặc ủy quyền cho Đại Lý Ký Danh (nếu có) lập và quản lý sổ đăng ký nhà đầu tư phụ (sổ phụ) để xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ quỹ cho Nhà đầu tư.

2. Sổ chính và Sổ phụ sẽ bao gồm các thông tin sau:

(a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công Ty Quản Lý Quỹ; tên, địa chỉ trụ sở chính của Ngân hàng giám sát; tên đầy đủ của Quỹ;

(b) Tổng số chứng chỉ quỹ được quyền chào bán, tổng số chứng chỉ quỹ đã bán và tổng vốn huy động được cho quỹ;

(c) Danh sách Nhà đầu tư: họ tên, số Giấy chứng minh thư nhân dân hoặc Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác, địa chỉ liên lạc (đối với cá nhân), tên đầy đủ, tên viết tắt, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc số Quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính (đối với tổ chức); số tài khoản lưu ký chứng khoán (nếu có); số tài khoản của nhà đầu tư hoặc số tiểu khoản kèm theo số tài khoản ký danh; số lượng chứng chỉ quỹ sở hữu; tỷ lệ sở hữu; ngày đăng ký mua và ngày thanh

toán;

(d) Ngày lập Sổ đăng ký Nhà đầu tư.

3. Công Ty Quản Lý Quỹ và tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng phải luôn có đầy đủ thông tin về sở hữu của từng nhà đầu tư theo quy định của pháp luật, kể cả nhà đầu tư giao dịch trên tài khoản ký danh. Thông tin về phần sở hữu của nhà đầu tư trên Sổ chính sẽ là bằng chứng chứng minh quyền sở hữu của nhà đầu tư đối với chứng chỉ quỹ. Quyền sở hữu này được xác lập từ thời điểm thông tin về phần nắm giữ này được cập nhật tại Sổ chính.

Điều 16. Giao dịch chứng chỉ quỹ

1. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ có hiệu lực, Công Ty Quản Lý Quỹ phải tổ chức giao dịch chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư. Hoạt động giao dịch chứng chỉ quỹ phải được tổ chức định kỳ và được quy định cụ thể tại Bản Cáo Bạch nhưng không ít hơn hai (02) lần mỗi tháng.

2. Tần suất giao dịch của Quỹ:

(a) Nhà đầu tư có thể mua, bán, chuyển đổi quỹ hoặc chuyển nhượng chứng chỉ quỹ vào các Ngày Giao Dịch. Ngày Giao Dịch là ngày làm việc từ Thứ Hai đến Thứ Sáu hàng tuần. Trong trường hợp Ngày Giao Dịch là ngày nghỉ lễ, ngày nghỉ bù theo quy định pháp luật và/hoặc quy định nội bộ của Công ty Quản Lý Quỹ (nếu có) được thông tin chi tiết trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ thì Ngày Giao Dịch sẽ là Ngày Giao Dịch kế tiếp.

(b) Việc thay đổi Ngày Giao Dịch sẽ được Công Ty Quản Lý Quỹ cập nhật vào Bản cáo bạch, thông báo trước cho các Điểm Nhận Lệnh, được thông báo trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ và công bố thông tin theo quy định. Việc giảm tần suất giao dịch phải được Đại hội Nhà đầu tư thông qua và luôn đảm bảo tần suất giao dịch không được ít hơn hai (02) lần trong một (01) tháng.

3. Việc thực hiện lệnh mua của Nhà đầu tư được thực hiện theo nguyên tắc sau:

(a) Một lệnh mua chứng chỉ quỹ được xem là Lệnh Mua Được Chấp Nhận khi hồ sơ đăng ký mua được Đại Lý Chuyển Nhượng chấp nhận; lệnh mua phải gửi kèm theo các tài liệu hợp lệ xác nhận việc nhà đầu tư đã hoàn tất việc thanh toán vào tài khoản của quỹ mở tại ngân hàng giám sát trong thời hạn quy định;

(b) Đại lý ký danh thực hiện lệnh giao dịch cho tài khoản ký danh trên cơ sở tổng hợp các lệnh giao dịch từ Nhà đầu tư, bảo đảm lệnh mua được thực hiện đầy đủ, lệnh bán được phân bổ một cách công bằng và việc thanh toán được thực hiện phù hợp với quy định của pháp luật

(c) Nhà đầu tư phải thanh toán số tiền mua chứng chỉ quỹ từ tài khoản ngân hàng đứng tên nhà đầu tư hoặc từ tài khoản ngân hàng đứng tên người được Nhà đầu tư ủy quyền thực hiện thanh toán số tiền mua chứng chỉ quỹ vào tài khoản của Quỹ tại ngân hàng giám sát trong thời hạn quy định tại Bản Cáo Bạch để Ngân hàng giám sát nhận được đúng thời hạn và Đại Lý Chuyển Nhượng hoàn thành xử lý Lệnh Mua. Trong trường hợp việc thanh toán cho một Lệnh Mua Được Chấp Nhận được thực hiện bởi cá nhân hoặc tổ chức khác không phải là Nhà đầu tư thì phiếu lệnh mua đó và các tài liệu xác nhận việc thanh toán phải nêu rõ giá trị thanh toán, tên và số tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư là người được thụ hưởng lợi ích từ việc thanh toán hộ đó. Mọi khoản đầu tư mua chứng chỉ quỹ đều phải thực hiện bằng tiền Đồng Việt Nam và bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của Quỹ được mở tại Ngân hàng giám sát;

(d) Giá trị giao dịch của một lệnh mua phải không thấp hơn giá trị mua tối thiểu được công bố tại Bản Cáo Bạch vào từng thời điểm; và

(e) Số lượng chứng chỉ quỹ bán cho Nhà đầu tư có thể là số lẻ ở dạng thập phân, làm tròn tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy.

4. Việc thực hiện lệnh bán của Nhà đầu tư hoặc đại lý ký danh được thực hiện theo nguyên tắc sau:

(a) Một lệnh bán chứng chỉ quỹ được xem là Lệnh Bán Được Chấp Nhận khi số lượng chứng chỉ quỹ đăng ký bán được Đại Lý Chuyển Nhượng xác nhận là thuộc sở hữu của Nhà đầu tư hoặc đại lý ký danh đặt lệnh bán đó và có đủ số lượng chứng chỉ quỹ để bán theo quy định tại Bản Cáo Bạch;

(b) Một Lệnh Bán Được Chấp Nhận có thể không được thực hiện hoặc chỉ được thực hiện một phần theo quy định tại Điều 17 của Điều Lệ này và quy định tại Bản Cáo Bạch;

(c) Việc thanh toán cho Nhà đầu tư được thực hiện trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày

giao dịch chứng chỉ quỹ trừ trường hợp quy định tại Điều 17.3 Điều lệ này. Tiền bán chứng chỉ quỹ được chuyển vào tài khoản ngân hàng mang tên nhà đầu tư hoặc tài khoản ngân hàng do nhà đầu tư chỉ định theo quy định tại Bản cáo bạch;

(d) Số lượng chứng chỉ quỹ còn lại sau khi bán không được thấp hơn giá trị tối thiểu để duy trì tài khoản của Nhà đầu tư được quy định tại Bản Cáo Bạch.

5. Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày nhận được thanh toán, đại lý ký danh có trách nhiệm hoàn tất việc thanh toán cho Nhà đầu tư.

6. Nhà đầu tư được chuyển đổi quỹ khi Công Ty Quản Lý Quỹ có từ 2 quỹ mở trở lên và có cùng Đại lý chuyển nhượng. Một lệnh chuyển đổi nhằm bán chứng chỉ quỹ của Quỹ để mua chứng chỉ quỹ của quỹ khác được xem là Lệnh Chuyển Đổi Được Chấp Nhận khi số lượng chứng chỉ quỹ đăng ký bán được Đại Lý Chuyển Nhượng xác nhận là thuộc sở hữu của Nhà đầu tư đặt lệnh chuyển đổi đó và sẽ được đồng thời xem là Lệnh Bán Được Chấp Nhận tương ứng với Số chứng chỉ quỹ được đặt để chuyển đổi. Quy trình thực hiện Lệnh Chuyển Đổi Được Chấp Nhận được công bố tại Bản Cáo Bạch.

7. Các Lệnh Được Chấp Nhận nhận được trước Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh của Ngày Giao Dịch tương ứng sẽ được thực hiện tại Ngày Giao Dịch đó.

8. Nhà đầu tư có thể thực hiện chuyển nhượng phi thương mại dưới dạng quà tặng, thừa kế hoặc thực hiện phán quyết của tòa án hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền số chứng chỉ quỹ mà mình đang sở hữu. Một lệnh chuyển nhượng phi thương mại được xem là Lệnh Chuyển Nhượng Được Chấp Nhận khi số lượng chứng chỉ quỹ đăng ký chuyển nhượng được Đại Lý Chuyển Nhượng xác nhận là thuộc sở hữu của Nhà đầu tư đặt lệnh chuyển nhượng đó.

9. Các Lệnh Được Chấp Nhận được Đại Lý Chuyển Nhượng nhận trước Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh của Ngày Giao Dịch tương ứng sẽ được thực hiện vào Ngày Giao Dịch đó. Tất cả các Lệnh Mua Được Chấp Nhận, Lệnh Bán Được Chấp Nhận, Lệnh Chuyển Đổi Được Chấp Nhận và Lệnh Chuyển Nhượng phi thương mại Được Chấp Nhận nhận sau Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh sẽ được thực hiện vào Ngày Giao Dịch tiếp theo, trừ trường hợp Nhà đầu tư có yêu cầu hủy.

10. Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh đối với các Lệnh Được Chấp Nhận để thực hiện vào một Ngày Giao Dịch cụ thể là 14 giờ 40 phút tại ngày làm việc gần nhất trước Ngày Giao Dịch chứng chỉ quỹ đó.

11. Tất cả các khoản thanh toán để mua chứng chỉ quỹ đều phải được thực hiện bằng phương thức chuyển khoản vào tài khoản của Quỹ được mở tại Ngân hàng giám sát. Trong trường hợp việc thanh toán cho một Lệnh Mua Được Chấp Nhận được thực hiện bởi cá nhân hoặc tổ chức khác không phải là Nhà đầu tư thì phiếu lệnh mua đó và các tài liệu xác nhận việc thanh toán phải nêu rõ giá trị thanh toán, họ tên và số tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư là người thụ hưởng lợi ích từ việc thanh toán hộ đó.

12. Thông tin về kết quả giao dịch sẽ được thông báo cho Nhà đầu tư trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ Ngày giao dịch nhưng không quá ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ tiếp theo.

Điều 17. Mua lại một phần và tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ

1. Công Ty Quản Lý Quỹ có quyền chỉ đáp ứng một phần các Lệnh Được Chấp Nhận khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

(a) Tổng giá trị các Lệnh Bán Được Chấp Nhận (kể cả Lệnh Bán Được Chấp Nhận do hoạt động chuyển đổi) trừ tổng giá trị các Lệnh Mua Được Chấp Nhận (kể cả Lệnh Mua Được Chấp Nhận do hoạt động chuyển đổi) tại một Ngày Giao Dịch cụ thể lớn hơn mười phần trăm (10%) giá trị tài sản ròng của Quỹ tại Ngày Giao Dịch đó; hoặc

(b) Việc thực hiện toàn bộ các Lệnh Được Chấp Nhận dẫn tới:

(i) Giá trị tài sản ròng của Quỹ giảm xuống dưới năm mươi tỷ Đồng Việt Nam (50.000.000.000 VNĐ); hoặc

(ii) Giá trị phần chứng chỉ quỹ hoặc số chứng chỉ quỹ còn lại trên tài khoản của Nhà đầu tư thấp hơn số lượng chứng chỉ quỹ hoặc giá trị tối thiểu để duy trì tài khoản của Nhà đầu tư đã được quy định tại Bản Cáo Bạch; hoặc

(iii) Giá trị tài sản ròng còn lại hoặc số chứng chỉ quỹ còn lại của Quỹ thấp hơn giá trị tài sản ròng tối thiểu (khác với giá trị xác định tại điểm (i) bên trên) hoặc số chứng chỉ quỹ lưu hành tối thiểu mà đã được Đại hội nhà đầu tư phê duyệt, được quy định tại Điều lệ quỹ và đã được công bố tại Bản Cáo Bạch (nếu

có); hoặc

(iv) Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành vượt quá khối lượng tối đa đã được đại hội nhà đầu tư phê duyệt, được quy định tại Điều lệ quỹ và công bố tại Bản Cáo Bạch (nếu có); hoặc

(v) Các trường hợp khác theo quyết định của đại hội nhà đầu tư phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Việc thực hiện một phần các Lệnh Được Chấp Nhận theo quy định tại Điều 17.1 bên trên sẽ được áp dụng theo nguyên tắc cùng một tỷ lệ, phần giá trị được thực hiện sẽ được phân bổ cho tất cả các nhà đầu tư đăng ký giao dịch theo cùng một tỷ lệ giữa giá trị thực hiện và giá trị đăng ký giao dịch. Phần còn lại của các Lệnh Được Chấp Nhận chưa được thực hiện sẽ bị hủy. Để tránh hiểu nhầm, trong trường hợp Nhà đầu tư muốn tiếp tục thực hiện phần bị hủy của Lệnh Được Chấp Nhận, Nhà đầu tư phải đặt lệnh mới cho phần bị hủy đó tại Ngày Giao Dịch tiếp theo. Quy định về số dư đối với giá trị hoặc số lượng chứng chỉ quỹ tối thiểu để duy trì tài khoản của Nhà đầu tư sẽ không áp dụng trong trường hợp các Lệnh Bán Được Chấp Nhận chỉ được thực hiện một phần.

3. Đối với trường hợp quy định tại Điều 17.1 (a), Công Ty Quản Lý Quỹ được kéo dài thời hạn thanh toán, nhưng không vượt quá ba mươi (30) ngày sau khi được Ban đại diện quỹ chấp thuận, kể từ Ngày Giao Dịch tương ứng. Ngoài ra, tùy thuộc vào tình hình hoạt động của Quỹ tại thời điểm đó, Công ty quản lý quỹ có thể bằng toàn quyền xem xét của mình thực hiện toàn bộ các Lệnh Được Chấp Nhận (thay vì chỉ thực hiện một phần) mà không phụ thuộc vào mức giới hạn quy định tại các Điều 17.1 (a) và (b) (i).

4. Công Ty Quản Lý Quỹ có thể tạm dừng các giao dịch chứng chỉ quỹ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

(a) Công Ty Quản Lý Quỹ không thể thực hiện việc mua lại chứng chỉ quỹ theo yêu cầu do nguyên nhân bất khả kháng;

(b) Công Ty Quản Lý Quỹ không thể xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ vào Ngày định giá mua lại chứng chỉ quỹ do chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ bị đình chỉ giao dịch theo quyết định của Sở giao dịch chứng khoán;

(c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật hoặc theo yêu cầu của UBCKNN.

5. Công Ty Quản Lý Quỹ phải báo cáo Ban đại diện Quỹ và UBCKNN trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện quy định tại Điều 17.4 trừ trường hợp theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và phải tiếp tục thực hiện việc mua lại chứng chỉ quỹ ngay sau khi các sự kiện này chấm dứt.

6. Thời hạn tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ trong các trường hợp quy định tại Điều 17.4 không được kéo dài quá chín mươi (90) ngày kể từ Ngày tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ.

7. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ theo quy định tại Điều 17.6 Công Ty Quản Lý Quỹ phải tổ chức họp để lấy ý kiến đại hội nhà đầu tư về việc giải thể Quỹ hoặc tách Quỹ hoặc tiếp tục kéo dài thời hạn tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ.

8. Trong thời hạn triệu tập đại hội nhà đầu tư, nếu các nguyên nhân dẫn tới việc tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ chấm dứt, Công ty quản lý quỹ được hủy bỏ việc triệu tập đại hội nhà đầu tư.

9. Khi việc tạm dừng thực hiện các giao dịch chứng chỉ quỹ theo quy định tại Điều 17.4 chấm dứt, các Lệnh Mua Được Chấp Nhận, Lệnh Bán Được Chấp Nhận và Lệnh Chuyển Đổi Được Chấp Nhận đã được nhận trước thời điểm tạm dừng sẽ được thực hiện tại Ngày Giao Dịch đầu tiên sau khi giao dịch được thực hiện trở lại và tại mức Giá trị tài sản ròng của Ngày Giao Dịch đó.

Điều 18. Chuyển nhượng phi thương mại

1. Các giao dịch chuyển nhượng phi thương mại như tặng cho, thừa kế Chứng Chỉ Quỹ được thực hiện theo quy định tương ứng của pháp luật và quy chế của Công ty quản lý quỹ tại từng thời điểm.

2. Việc thừa kế Chứng Chỉ Quỹ phải phù hợp với quy định của pháp luật về thừa kế. Quỹ chỉ chấp nhận người thừa kế hợp pháp và không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến việc thừa kế hoặc người thừa kế.

3. Nhà đầu tư/người thụ hưởng có trách nhiệm thanh toán các khoản chi phí phát sinh và thuế liên quan đến việc chuyển nhượng phi thương mại theo quy định của pháp luật.

4. Công ty quản lý quỹ sẽ đăng ký người thừa kế hợp pháp của Nhà đầu tư trong Sổ Đăng Ký Nhà đầu tư sau khi người thừa kế đó đã (i) cung cấp đầy đủ bằng chứng hợp pháp theo quy định của pháp luật

chứng minh người đó là người thừa kế hợp pháp của Nhà đầu tư và (ii) xác nhận và cam kết rằng các thông tin cung cấp cho Công ty quản lý quỹ là trung thực, chính xác và việc thừa kế đó không có bất kỳ tranh chấp nào.

Điều 19. Giá phát hành lần đầu, giá bán, giá mua lại

1. Giá phát hành lần đầu của một chứng chỉ quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ quy định và đã được công bố tại Bản Cáo Bạch. Giá phát hành lần đầu là mức giá Nhà đầu tư phải thanh toán cho Công ty quản lý quỹ để mua 01 chứng chỉ quỹ trong đợt chào bán lần đầu, được tính bằng mệnh giá của 01 chứng chỉ quỹ cộng với giá dịch vụ phát hành (nếu có).
2. Giá dịch vụ và chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua, bán, chuyển nhượng, chuyển đổi chứng chỉ quỹ do Nhà đầu tư trực tiếp chi trả và không được tính vào chi phí của Quỹ. Phù hợp với các quy định của pháp luật và Điều Lệ của Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ được quyền thay đổi biểu giá dịch vụ này nhưng phải công bố trong Bản Cáo Bạch hoặc trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ.
3. Giá phát hành chứng chỉ quỹ được áp dụng khi Nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ, là mức giá mà Nhà đầu tư phải thanh toán bằng giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ tính tại Ngày Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ cộng với giá dịch vụ phát hành. Giá dịch vụ phát hành chứng chỉ quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ quyết định nhưng không được vượt quá năm phần trăm (5%) giá trị giao dịch. Mức giá dịch vụ cụ thể được quy định tại Bản cáo bạch hoặc trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ, Đại Lý Phân Phối.
4. Giá mua lại chứng chỉ quỹ được tính trên giá trị tài sản ròng của mỗi chứng chỉ quỹ được mua lại, là mức giá mà Nhà đầu tư được thanh toán bằng giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ tính tại Ngày Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ trừ đi giá dịch vụ mua lại. Mức giá dịch vụ mua lại được áp dụng dựa trên thời gian Nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ quyết định nhưng không được vượt quá ba phần trăm (3%) giá trị giao dịch. Mức giá dịch vụ cụ thể được quy định tại Bản cáo bạch hoặc trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ, Đại Lý Phân Phối.
5. Giá dịch vụ chuyển đổi quỹ là mức giá dịch vụ mà Nhà đầu tư phải thanh toán khi chuyển đổi chứng chỉ quỹ lấy chứng chỉ quỹ của quỹ khác do Công ty quản lý quỹ quản lý. Giá dịch vụ chuyển đổi chứng chỉ quỹ do Công ty quản lý quỹ quyết định nhưng không được vượt quá ba phần trăm (3%) giá trị giao dịch. Mức giá dịch vụ cụ thể được quy định tại Bản cáo bạch hoặc trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ, Đại Lý Phân Phối.
6. Giá dịch vụ chuyển nhượng (phi thương mại) đối với chứng chỉ quỹ áp dụng đối với Nhà đầu tư thực hiện chuyển nhượng chứng chỉ quỹ không phải cho mục đích thương mại như để thừa kế, tặng, cho hoặc theo lệnh của tòa án hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Mức giá dịch vụ cụ thể được quy định tại Bản cáo bạch hoặc trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ, Đại Lý Phân Phối.
7. Mọi thay đổi về giá dịch vụ giao dịch chứng chỉ quỹ chỉ được thực hiện khi mức giá dịch vụ sau khi tăng không vượt quá các mức quy định tại khoản 3, 4, 5 Điều này. Thời hạn áp dụng mức giá dịch vụ mới tăng sớm nhất là sau sáu mươi (60) ngày kể từ ngày Công Ty Quản Lý Quỹ công bố mức giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ.

Điều 20. Giải pháp cho vấn đề thua lỗ của Quỹ

Trường hợp Quỹ bị thua lỗ, khoản lỗ được dồn sang năm sau để tính lợi nhuận lũy kế. Quỹ sẽ không chi trả lợi tức nếu lợi nhuận lũy kế bị lỗ.

CHƯƠNG 4. ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ

Điều 21. Đại hội nhà đầu tư

1. Đại hội nhà đầu tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ và tất cả những nhà đầu tư có tên trong sổ đăng ký nhà đầu tư trước thời điểm chốt danh sách để triệu tập cuộc họp đều có quyền tham dự đại hội nhà đầu tư. Đại hội nhà đầu tư thường niên hoặc bất thường sẽ được tổ chức bởi Công ty quản lý quỹ phù hợp với quy định của Điều Lệ này và của pháp luật.
2. Đại hội nhà đầu tư thường niên được tổ chức trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Ban đại diện quỹ, cuộc họp đại hội nhà đầu tư thường niên có thể gia hạn nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính và phải thông báo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Đại hội nhà đầu tư thường niên có thể được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, trừ trường hợp quyết định những nội dung sau:

- (a) Thay đổi cơ bản trong chính sách, mục tiêu đầu tư của quỹ quy định tại Điều lệ quỹ; thay đổi mức giá dịch vụ trả cho công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát; thay đổi công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát.
 - (b) Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất quỹ; giải thể quỹ; thay đổi thời hạn hoạt động của quỹ.
3. Đại hội nhà đầu tư bất thường có thể được triệu tập trong những trường hợp sau:
- (a) Công ty quản lý quỹ hoặc ngân hàng giám sát hoặc Ban đại diện Quỹ xét thấy là cần thiết vì quyền lợi của Quỹ; hoặc
 - (b) Theo yêu cầu của Nhà đầu tư hoặc nhóm Nhà đầu tư sở hữu từ năm phần trăm (5%) tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành theo quy định tại Điều 14.2 (b) Điều Lệ này.
4. Việc tổ chức họp đại hội nhà đầu tư bất thường theo quy định tại Điều 21.3 phải được thực hiện trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày Công Ty Quản Lý Quỹ nhận được yêu cầu triệu tập họp bất thường đại hội nhà đầu tư, trong đó nêu rõ lý do và mục tiêu của việc triệu tập họp bất thường đại hội nhà đầu tư. Trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ không triệu tập Đại hội Nhà đầu tư, Công Ty Quản Lý Quỹ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với quỹ (nếu có). Trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ không triệu tập họp Đại hội Nhà đầu tư theo quy định tại Điều 21.3, trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban đại diện Quỹ hoặc Ngân hàng giám sát thay thế Công Ty Quản Lý Quỹ triệu tập họp Đại hội Nhà đầu tư theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều Lệ này.

Điều 22. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội Nhà đầu tư

Đại hội Nhà đầu tư có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

1. Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung Điều Lệ của Quỹ;
2. Quyết định các thay đổi cơ bản trong chính sách đầu tư hoặc mục tiêu đầu tư của Quỹ quy định tại Điều lệ quỹ; thay đổi mức giá dịch vụ trả cho Công ty quản lý quỹ hoặc Ngân hàng giám sát; thay đổi Công ty quản lý quỹ hoặc Ngân hàng giám sát;
3. Quyết định việc chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể Quỹ; thay đổi thời hạn hoạt động của Quỹ;
4. Quyết định phương án phân phối lợi tức;
5. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ Tịch và thành viên Ban đại diện Quỹ; quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban đại diện Quỹ; thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ, doanh nghiệp thẩm định giá độc lập (nếu có); thông qua các báo cáo về tình hình tài chính, tài sản và hoạt động hàng năm của Quỹ;
6. Xem xét và xử lý vi phạm của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân hàng giám sát và Ban đại diện Quỹ gây tổn thất cho Quỹ;
7. Yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân hàng giám sát xuất trình sổ sách hoặc giấy tờ giao dịch tại đại hội nhà đầu tư;
8. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội Nhà đầu tư theo quy định tại Điều Lệ này và theo quy định pháp luật về chứng khoán.

Điều 23. Điều kiện, thể thức tiến hành họp và thông qua quyết định Đại hội Nhà đầu tư

1. Thời gian, chương trình và nội dung dự kiến của đại hội nhà đầu tư phải được thông báo công khai cho Nhà đầu tư và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tối thiểu hai mươi mốt (21) ngày trước khi diễn ra cuộc họp đại hội nhà đầu tư.
2. Nhà đầu tư có thể trực tiếp tham dự Đại Hội Nhà đầu tư hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc tham dự Hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; tham dự họp trực tuyến thông qua điện thoại, internet hoặc thực hiện gửi phiếu biểu quyết từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử hoặc hình thức điện tử khác) phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.
3. Cuộc họp Đại Hội Nhà đầu tư được tiến hành khi có số nhà đầu tư tham dự đại diện cho trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết.
4. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 23.3, cuộc họp lần thứ hai được triệu tập trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Trong trường hợp này, cuộc họp Đại Hội Nhà đầu tư được tiến hành không phụ thuộc vào số Nhà đầu tư tham dự cuộc họp.

5. Thể thức, hình thức họp Đại Hội Nhà đầu tư:

(a) Đại Hội Nhà đầu tư có thể được tổ chức dưới hình thức họp tập trung hoặc lấy ý kiến bằng văn bản hoặc thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử (e-voting). Trường hợp cuộc họp đại hội nhà đầu tư được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp đại hội nhà đầu tư được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp.

(b) Đại hội nhà đầu tư do Chủ tịch Ban đại diện Quý chủ trì. Trường hợp Chủ tịch Ban đại diện Quý vắng mặt thì Phó Chủ tịch Ban Đại Diện Quý hoặc các thành viên còn lại chỉ định một thành viên Ban đại diện Quý đứng ra chủ trì.

(c) Tất cả các cuộc họp của Đại Hội Nhà đầu tư phải được lập thành biên bản và lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty quản lý quỹ.

6. Nguyên tắc, nội dung, trình tự, thủ tục lấy ý kiến Nhà đầu tư bằng văn bản:

(a) Công Ty Quản Lý Quỹ phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại Hội Nhà đầu tư và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký nhận thông tin của từng Nhà đầu tư, đồng thời gửi thư điện tử (email) hoặc các hình thức điện tử khác đến địa chỉ đăng ký của Nhà đầu tư và đăng trên trang thông tin điện tử của công ty.

(b) Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

(i) Tên, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quý; tên, trụ sở chính, số và ngày cấp giấy phép thành lập Công Ty Quản Lý Quỹ;

(ii) Mục đích lấy ý kiến;

(iii) Họ tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Nhà đầu tư là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của Nhà đầu tư; tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo uỷ quyền của Nhà đầu tư là tổ chức;

(iv) Số lượng chứng chỉ quỹ của từng loại và số phiếu biểu quyết của Nhà đầu tư;

(v) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

(vi) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

(vii) Thời hạn phải gửi về Công Ty Quản Lý Quỹ phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

(viii) Họ tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công Ty Quản Lý Quỹ; và

(ix) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Nhà đầu tư là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Nhà đầu tư là tổ chức.

(c) Phiếu lấy ý kiến đã trả lời gửi về Công Ty Quản Lý Quỹ theo một trong các hình thức sau: gửi thư, fax, thư điện tử (đính kèm bản scan phiếu lấy ý kiến có chữ ký của Nhà đầu tư), hoặc các hình thức điện tử khác. Các phiếu lấy ý kiến gửi về sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc bị tiết lộ trong các trường hợp khác là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về bị xem là phiếu không tham gia biểu quyết.

(d) Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

(i) Tên, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quý;

(ii) Tên, trụ sở chính, số và ngày cấp giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán của Công ty quản lý quỹ;

(iii) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

(iv) Số Nhà đầu tư với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách nhà đầu tư tham gia biểu quyết;

(v) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

(vi) Các quyết định đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng; và

(vii) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Ban đại diện quỹ, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

(e) Những người tham gia kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực hoặc không chính xác.

(f) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty quản lý quỹ.

(g) Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Nhà đầu tư bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp đại hội nhà đầu tư.

Điều 24. Thông qua Quyết định của Đại hội Nhà đầu tư

1. Mỗi chứng chỉ quỹ sẽ có một quyền biểu quyết. Ngân hàng giám sát, tổ chức kiểm toán, công ty luật cung cấp dịch vụ cho Quỹ được quyền tham gia đại hội nhà đầu tư nhưng không được biểu quyết.

2. Đại hội Nhà đầu tư thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết hoặc lấy ý kiến bằng văn bản theo quy định tại Điều lệ Quỹ.

3. Quyết định của Đại hội Nhà đầu tư tại cuộc họp được thông qua khi được số nhà đầu tư đại diện cho trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của những nhà đầu tư dự họp thông qua, trừ trường hợp quy định tại Điều 24.4 dưới đây.

4. Quyết định của Đại hội Nhà đầu tư về các vấn đề quy định tại các Điều 22.2 và Điều 22.3 phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư và chỉ được thông qua nếu được số nhà đầu tư đại diện cho trên sáu mươi lăm phần trăm (65%) của tổng số phiếu biểu quyết của những nhà đầu tư dự họp thông qua.

5. Trường hợp lấy ý kiến Đại hội Nhà đầu tư dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, quyết định của Đại hội Nhà đầu tư được thông qua nếu được số nhà đầu tư đại diện cho trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các nhà đầu tư có quyền biểu quyết tán thành, không phụ thuộc vào vấn đề lấy ý kiến.

6. Công ty quản lý quỹ và Ban đại diện quỹ có trách nhiệm xem xét đảm bảo rằng mọi quyết định của đại hội nhà đầu tư là phù hợp với quy định của Điều lệ này và của pháp luật.

7. Trong vòng hai mươi bốn (24) giờ sau khi kết thúc đại hội nhà đầu tư, Công ty quản lý quỹ và Ban đại diện Quỹ có trách nhiệm lập biên bản và nghị quyết đại hội và gửi cho UBCKNN, Ngân hàng giám sát và công bố thông tin theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp quyết định của đại hội nhà đầu tư không phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ này thì phải tổ chức họp Đại hội Nhà đầu tư để lấy ý kiến lại hoặc lấy ý kiến Nhà đầu tư bằng văn bản.

Điều 25. Phân đối quyết định của Đại hội Nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư phân đối quyết định đã được thông qua bởi đại hội nhà đầu tư về một số nội dung quy định tại các Điều 22.2 và Điều 22.3 có quyền yêu cầu công ty quản lý quỹ mua lại toàn bộ số chứng chỉ quỹ của mình hoặc chuyển đổi sang quỹ khác cùng loại hình của công ty quản lý quỹ. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của Nhà đầu tư, số lượng chứng chỉ quỹ, lý do yêu cầu mua lại hoặc đề nghị chuyển đổi sang quỹ khác do công ty quản lý quản lý. Yêu cầu phải được Nhà đầu tư gửi cho Công Ty Quản Lý Quỹ, Đại Lý Phân Phối trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội Nhà đầu tư thông qua quyết định về các vấn đề nêu trên.

2. Trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày kể từ ngày công bố kết quả họp Đại hội Nhà đầu tư, Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm hoàn tất việc mua lại hoặc chuyển đổi số chứng chỉ quỹ cho Nhà đầu tư phân đối quyết định của đại hội nhà đầu tư theo quy định tại Điều 25.1 đối với các yêu cầu của Nhà đầu tư được gửi tới trụ sở của Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Đại Lý Phân Phối trong thời hạn quy định tại Điều 25.1. Trong trường hợp này, nhà đầu tư không phải thanh toán giá dịch vụ mua lại hay giá dịch vụ chuyển đổi. Giá mua lại chứng chỉ quỹ trong trường hợp này sẽ được xác định bằng giá trị tài sản ròng của chứng chỉ quỹ tại Ngày Giao Dịch gần nhất kể từ khi công ty quản lý quỹ nhận được yêu cầu của nhà đầu tư.

CHƯƠNG 5. BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Điều 26. Ban đại diện Quỹ

1. Ban đại diện Quỹ có từ ba (03) đến mười một (11) thành viên, được bầu tại cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư hoặc được nhà đầu tư cho ý kiến bằng văn bản, trong đó có ít nhất hai phần ba số thành viên Ban

Đại Diện Quỹ là thành viên độc lập không phải là Người Có Liên Quan của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân hàng giám sát hoặc đại diện theo ủy quyền của các tổ chức này. Việc đề cử, ứng cử thành viên Ban đại diện quỹ phải tuân thủ các quy định sau:

- (a) Thông tin liên quan đến các ứng viên Ban đại diện quỹ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ chậm nhất 10 ngày trước ngày triệu tập họp Đại hội Nhà đầu tư để bầu thành viên Ban đại diện quỹ. Thông tin tối thiểu phải bao gồm: họ tên, ngày tháng năm sinh; trình độ chuyên môn; trình độ quản lý; kinh nghiệm trong hoạt động quản lý tài sản, hoặc phân tích đầu tư hoặc các kinh nghiệm trong hoạt động chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm; quá trình công tác và kết quả đạt được; các công ty, quỹ mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban đại diện quỹ; các lợi ích có liên quan tới Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân hàng giám sát (nếu có); các thông tin khác nếu có liên quan;
- (b) Trường hợp số lượng các ứng viên Ban đại diện quỹ thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban đại diện quỹ đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ quỹ. Cơ chế đề cử hay cách thức Ban đại diện quỹ đương nhiệm đề cử ứng viên Ban đại diện quỹ được công bố rõ ràng và được đại hội nhà đầu tư thông qua trước khi tiến hành đề cử; Trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử thành viên Ban đại diện quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị.

2. Trong Ban đại diện Quỹ phải có:

- (a) Tối thiểu một (01) thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, có kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán hoặc kiểm toán;
- (b) Tối thiểu một (01) thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm làm việc trong hoạt động phân tích đầu tư chứng khoán hoặc quản lý tài sản; và
- (c) Tối thiểu một (01) thành viên có trình độ chuyên môn về pháp luật.

3. Trường hợp cơ cấu Ban đại diện Quỹ hoặc có thành viên không còn đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 27 hoặc thành viên buộc phải từ nhiệm hoặc cơ cấu Ban đại diện Quỹ không đáp ứng quy định tại Điều 26.2, trong thời hạn mười lăm (15) ngày sau khi phát hiện sự việc, Ban đại diện Quỹ và Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm lựa chọn thành viên đáp ứng quy định để tạm thời thay thế. Thành viên tạm thời thay thế thực hiện quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban đại diện Quỹ cho tới khi đại hội nhà đầu tư chính thức bổ nhiệm thành viên thay thế. Khi có thay đổi cơ cấu Ban đại diện Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ phải thực hiện báo cáo UBCKNN và công bố thông tin theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

4. Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban đại diện Quỹ quy định theo Điều 27 Điều lệ quỹ. Trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử thành viên Ban đại diện quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 27. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban đại diện Quỹ

Nhiệm kỳ của Ban đại diện Quỹ là năm (05) năm, các thành viên Ban đại diện Quỹ có thể được tái bổ nhiệm mà không có giới hạn số nhiệm kỳ. Ban đại diện Quỹ nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban đại diện Quỹ mới được bầu và tiếp quản công việc.

1. Thành viên Ban đại diện Quỹ phải đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn sau:

- (a) có đầy đủ năng lực hành vi dân sự;
- (b) không bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; và
- (c) có kinh nghiệm chuyên môn trong lĩnh vực kinh tế, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, kế toán, kiểm toán hoặc luật hoặc tốt nghiệp một trường đại học với chuyên ngành thuộc một trong các lĩnh vực nêu trên.

2. Thành viên Ban đại diện Quỹ không nhất thiết phải sở hữu chứng chỉ quỹ.

3. Thành viên Ban đại diện Quỹ không thể hoàn thành nhiệm kỳ có thể từ chức với điều kiện đơn từ chức phải được gửi cho Chủ Tịch Ban đại diện Quỹ và Công Ty Quản Lý Quỹ trước ít nhất sáu mươi (60)

ngày.

4. Những người sau đây không được là thành viên Ban đại diện quỹ:

- (a) Các trường hợp thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị và Hội đồng Quản trị.
- (b) Là thành viên của trên năm (05) Ban đại diện quỹ đại chúng, Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
- (c) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này và của pháp luật.

Điều 28. Quyền và nghĩa vụ của Ban đại diện Quỹ

1. Ban đại diện Quỹ có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- (a) Đại diện cho quyền lợi của Nhà đầu tư; thực hiện các hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật để bảo vệ quyền lợi của Nhà đầu tư;
- (b) Phê duyệt sổ tay định giá giá trị tài sản ròng của quỹ; danh sách các tổ chức cung cấp báo giá, nguyên tắc và phương pháp xác định Giá trị tài sản ròng;
- (c) Phê duyệt danh sách các tổ chức tín dụng theo quy định tại Điều 10.6 Điều lệ này;
- (d) Quyết định mức lợi nhuận phân phối theo phương án phân phối lợi nhuận đã được đại hội nhà đầu tư thông qua; thời điểm thực hiện, cách thức và phương thức phân phối lợi nhuận, hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- (e) Chấp thuận các giao dịch vào tài sản được phép đầu tư của Quỹ theo phương thức thỏa thuận. Chấp thuận của Ban đại diện Quỹ phải bằng văn bản về khoảng giá dự kiến, thời điểm thực hiện, đối tác giao dịch hoặc tiêu chí xác định đối tác giao dịch, loại tài sản giao dịch trước khi thực hiện giao dịch. Trường hợp mức giá thực tế mua cao hơn hoặc giá bán thực tế thấp hơn giá tham chiếu của các tổ chức cung cấp báo giá hoặc vượt quá khoảng giá đã được chấp thuận, Công Ty Quản Lý Quỹ phải giải thích rõ lý do để Ban đại diện quỹ xem xét, quyết định;
- (f) Quyết định các vấn đề chưa có sự thống nhất giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân hàng giám sát trên cơ sở quy định của pháp luật;
- (g) Trường hợp được Đại hội Nhà đầu tư gần nhất ủy quyền, quyết định các vấn đề quy định tại các điều từ Điều 22.2 đến Điều 22.8 của Điều Lệ này;
- (h) Yêu cầu Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát kịp thời cung cấp đầy đủ các tài liệu, thông tin về hoạt động quản lý tài sản và hoạt động giám sát Quỹ; và
- (i) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Điều Lệ này và của pháp luật.

2. Trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ ngày Ban đại diện Quỹ quyết định các vấn đề quy định tại các Điều 22.2 đến Điều 22.8, trong trường hợp này Công ty quản lý quỹ phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin Quyết định của Ban đại diện quỹ theo quy định về công bố thông tin đối với Quyết định của đại hội nhà đầu tư.

3. Khi thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình, Ban đại diện Quỹ tuân thủ đúng quy định của Điều Lệ này, quyết định của đại hội nhà đầu tư và quy định của pháp luật. Trong trường hợp quyết định do Ban đại diện Quỹ thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều Lệ gây thiệt hại cho Quỹ thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Quỹ; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm.

Điều 29. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban đại diện Quỹ

- 1. Quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban đại diện quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị của công ty niêm yết và tại Điều lệ quỹ.
- 2. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi tốt nhất của quỹ; không được ủy quyền cho người khác thực hiện quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của mình đối với quỹ.
- 3. Tham dự đầy đủ các cuộc họp Ban đại diện quỹ và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận.

Điều 30. Chủ tịch Ban đại diện Quỹ

1. Đại hội nhà đầu tư bầu Chủ tịch Ban đại diện Quý trong số thành viên Ban đại diện Quý. Chủ tịch Ban đại diện Quý phải là thành viên độc lập.
2. Chủ tịch Ban đại diện Quý có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
 - (a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban đại diện Quý;
 - (b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp của Ban đại diện Quý; triệu tập và chủ tọa cuộc họp của Ban đại diện Quý;
 - (c) Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Ban đại diện Quý; và
 - (d) Các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại Điều Lệ này và của pháp luật.

Điều 31. Thủ tục điều hành của Ban đại diện Quý

1. Trường hợp Chủ Tịch Ban đại diện Quý vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao thì thành viên Ban đại diện Quý được Chủ Tịch Ban đại diện Quý ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ Tịch Ban đại diện Quý.
2. Trường hợp không có người được ủy quyền, các thành viên Ban đại diện Quý còn lại chọn một trong số các thành viên độc lập tạm thời giữ chức Chủ Tịch Ban đại diện Quý theo nguyên tắc nhất trí. Việc bầu lại Chủ Tịch Ban đại diện Quý sẽ được thực hiện tại đại hội nhà đầu tư gần nhất.

Điều 32. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế, bổ sung thành viên Ban đại diện Quý

1. Đại hội nhà đầu tư miễn nhiệm thành viên Ban đại diện Quý trong các trường hợp sau:
 - (a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 26 và Điều 27 của Điều lệ này;
 - (b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - (c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Đại hội nhà đầu tư bãi nhiệm thành viên Ban đại diện Quý trong các trường hợp sau:
 - (a) Bị cách chức thành viên Ban đại diện Quý khi có quyết định của đại hội nhà đầu tư;
 - (b) Tiết lộ các bí mật của Quý mà việc tiết lộ này ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích của Quý;
 - (c) Không tham gia các hoạt động của Ban đại diện Quý trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp xảy ra Sự Kiện Bất Khả Khắcáng;
 - (d) Vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình mà có nguy cơ gây thiệt hại cho Quý.
3. Khi xét thấy cần thiết, đại hội nhà đầu tư quyết định thay thế thành viên Ban đại diện Quý; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban đại diện Quý ngoài trường hợp quy định tại Điều 32.1, Điều 32.2 Điều lệ Quý và theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán.

Điều 33. Cuộc họp Ban đại diện Quý, thông qua quyết định của Ban đại diện Quý và biên bản họp Ban đại diện quý

1. Chủ Tịch Ban đại diện Quý có quyền triệu tập họp Ban đại diện Quý. Ban đại diện Quý phải họp ít nhất mỗi quý một lần, trong trường hợp cần thiết có thể họp bất thường.
2. Trình tự tổ chức cuộc họp, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên trước năm (05) ngày.
3. Cuộc họp Ban đại diện Quý được tiến hành khi có tối thiểu hai phần ba tổng số thành viên trở lên dự họp trong đó số thành viên độc lập dự họp phải chiếm đa số, trên năm mươi phần trăm (50%) số thành viên dự họp trở lên.
4. Cuộc họp của Ban đại diện Quý được thông qua bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Ban đại diện Quý có một phiếu biểu quyết. Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản.
5. Chủ Tịch Ban đại diện Quý được quyền quyết định lấy ý kiến thành viên Ban đại diện Quý bằng văn bản để thông qua quyết định của Ban đại diện Quý mà không cần thiết phải tổ chức cuộc họp Ban đại diện Quý.
6. Quyết định của Ban đại diện Quý được thông qua nếu được đa số thành viên và đa số thành viên

độc lập thông qua tại cuộc họp trực tiếp hay bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Trong trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ Tịch Ban đại diện Quý.

7. Cuộc họp Ban đại diện Quý phải được ghi đầy đủ vào biên bản.

8. Biên bản họp Ban đại diện quý phải được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và chủ tọa phiên họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Chủ tọa và thư ký phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản họp Ban đại diện Quý. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Ban đại diện quý tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp Ban đại diện quý phải được lưu giữ tại Công Ty Quản Lý Quý theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và Điều lệ quý.

CHƯƠNG 6. CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Điều 34. Tiêu chuẩn lựa chọn Công Ty Quản Lý Quý

Công Ty Quản Lý Quý được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

1. Được thực hiện nghiệp vụ quản lý quỹ theo quy định của pháp luật;
2. Độc lập với Ngân hàng giám sát;
3. Có đầy đủ cơ sở vật chất, nhân sự để quản lý quỹ mở; và
4. Đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quý như nêu tại Phụ Lục 1 và Phụ Lục 3 của Điều Lệ này.

Điều 35. Quyền và nghĩa vụ của Công Ty Quản Lý Quý

1. Công Ty Quản Lý Quý có nghĩa vụ sau:

- (a) Tuân thủ Điều Lệ của Quý và quy định của pháp luật; tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quý;
- (b) Công Ty Quản Lý Quý là đại diện theo ủy quyền của Quý, thay mặt cho Quý để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quý một cách trung thực và cẩn trọng;
- (c) Quản lý Quý theo chiến lược đầu tư và mục tiêu đầu tư được Đại hội Nhà đầu tư thông qua và theo quy định của Điều Lệ và của pháp luật;
- (d) Công Ty Quản Lý Quý phải thiết lập hệ thống quản trị rủi ro và ban hành chiến lược, chính sách và quy trình quản trị rủi ro phù hợp với mô hình tổ chức, quy mô hoạt động của công ty, các loại hình quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán và khách hàng ủy thác do công ty quản lý. Hệ thống quản trị rủi ro, chiến lược, chính sách, quy trình quản trị rủi ro xây dựng dựa theo các thông lệ quốc tế phù hợp với điều kiện thị trường Việt Nam và theo hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- (e) Khi quản lý tài sản của Quý, Công Ty Quản Lý Quý phải:
 - (i) Ký Hợp Đồng Giám Sát với Ngân hàng giám sát; lưu ký toàn bộ tài sản phát sinh trên lãnh thổ Việt Nam và lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác thông tin dữ liệu về sở hữu, lưu ký bản gốc các tài liệu pháp lý xác minh quyền sở hữu tài sản tại ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát;
 - (ii) Thực hiện việc đầu tư tài sản của Quý theo các quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ Quý;
 - (iii) Trường hợp đầu tư tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi của Quý, Công Ty Quản Lý Quý chỉ được gửi tại các tổ chức tín dụng trong danh sách được Ban đại diện Quý phê duyệt; cung cấp đầy đủ thông tin về các hợp đồng tiền gửi, các tài khoản tiền gửi cho ngân hàng lưu ký, Ngân hàng giám sát để các tổ chức này đối soát số dư tài khoản tiền gửi, giá trị các hợp đồng tiền gửi với tổ chức tín dụng nhận tiền gửi; lưu trữ bản gốc hợp đồng tiền gửi và cung cấp các hợp đồng đó theo yêu cầu của ngân hàng lưu ký, Ngân hàng giám sát;
 - (iv) Trường hợp đầu tư góp vốn, phần vốn góp, cổ phiếu chưa niêm yết cho Quý, chưa đăng ký giao dịch, trái phiếu chưa niêm yết cho Quý, Công Ty Quản Lý Quý phải lưu ký bản gốc hoặc bản sao hợp lệ các hợp đồng giao dịch, chứng từ giao dịch, hoặc bản gốc sổ đăng ký cổ đông hoặc sổ đăng ký thành viên hoặc tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản tại Ngân hàng giám sát để các tổ chức này định kỳ đối soát với tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư;
 - (v) Xây dựng hệ thống thông tin quản lý các tài khoản của khách hàng ủy thác tại công ty bảo đảm nguyên tắc quản lý độc lập và tách biệt tài sản của Quý và tài sản của chính Công ty quản lý quỹ, tài sản của khách hàng ủy thác khác do Công Ty Quản Lý Quý quản lý; lưu trữ đầy đủ, kịp thời sổ sách kế toán,

chứng từ giao dịch và các tài liệu liên quan tới giao dịch và sở hữu tài sản của Quý; tổng hợp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin về tài sản của Quý và nơi lưu ký các tài sản đó;

(vi) Thiết lập cơ chế kiểm tra, thường xuyên đối soát ba bên bảo đảm có sự thống nhất về dữ liệu tài sản của Quý trên hệ thống tài khoản của Quý quản lý tại Công Ty Quản Lý Quý, hệ thống lưu ký tài sản của Quý tại Ngân hàng giám sát với các tổ chức phát hành, VSDC, tổ chức quản lý sổ đăng ký cổ đông, chủ dự án, tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư, tổ chức nhận tiền gửi. Công ty quản lý quý có trách nhiệm thiết lập cơ chế để Ngân hàng giám sát chủ động, trực tiếp đối soát với các tổ chức nêu trên nhằm kiểm tra, giám sát, tổng hợp đầy đủ và chính xác thông tin về việc lưu ký, đăng ký sở hữu và quản lý tài sản của Quý;

(vii) Phân công tối thiểu hai (02) người điều hành Quý để quản lý, điều hành hoạt động đầu tư của Quý. Những người điều hành Quý nêu trên phải có chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ, có tối thiểu 02 năm kinh nghiệm trong hoạt động quản lý tài sản và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán. Trường hợp Quý có đầu tư vào chứng khoán phái sinh chỉ nhằm mục đích phòng ngừa rủi ro, người điều hành quỹ phải có thêm chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh. Thông tin về trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ, kinh nghiệm quản lý tài sản của người điều hành Quý phải được công khai tại Bản Cáo Bạch.

(f) Công Ty Quản Lý Quý phải thiết lập quy trình phân bổ lệnh giao dịch, phân bổ tài sản giao dịch một cách hợp lý, công bằng khi thực hiện giao dịch cho Quý, cho khách hàng ủy thác khác và cho bản thân Công ty quản lý quỹ. Quy trình phân bổ tài sản phải nêu rõ nguyên tắc thực hiện, phương pháp xác định giá, khối lượng tài sản phân bổ cho từng đối tượng khách hàng ủy thác, bảo đảm phù hợp với mục tiêu đầu tư, mức chấp nhận rủi ro của từng khách hàng ủy thác. Quy trình này phải được cung cấp cho Ngân hàng giám sát và được áp dụng thống nhất.

(g) Trong hoạt động quản trị Quý và hoạt động đại lý chuyển nhượng, Công Ty Quản Lý Quý có trách nhiệm bảo đảm:

(i) Thực hiện việc xác định giá trị tài sản ròng của Quý, giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ theo quy định của Điều Lệ này và của pháp luật;

(ii) Lập, lưu trữ và cập nhật kịp thời, đầy đủ và chính xác Sổ Đăng Ký Nhà đầu tư; và

(iii) Công Ty Quản Lý Quý được ủy quyền hoạt động quản trị Quý, hoạt động đại lý chuyển nhượng cho bên thứ ba. Trong việc ủy quyền hoạt động này, Công Ty Quản Lý Quý phải tuân thủ quy định của pháp luật về hướng dẫn hoạt động Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

(h) Công Ty Quản Lý Quý có nghĩa vụ cung cấp kịp thời, đầy đủ các thông tin cần thiết về Quý, danh mục tài sản của Quý, thông tin về giao dịch tài sản của Quý, tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư, người có liên quan của Công ty quản lý quỹ, các thông tin khác cho Ngân hàng giám sát. Công ty quản lý quỹ phải cung cấp thông tin theo yêu cầu bằng văn bản của Ngân hàng giám sát và tạo điều kiện thuận lợi để Ngân hàng giám sát thực hiện đầy đủ quyền và trách nhiệm đối với Quý theo quy định của pháp luật. Tối thiểu một (01) tháng một (01) lần, Công Ty Quản Lý Quý có nghĩa vụ đối chiếu danh mục tài sản của Quý với Ngân hàng giám sát;

(i) Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Ngân hàng giám sát phát hiện và thông báo cho Công Ty Quản Lý Quý về các giao dịch tài sản của Quý trái với quy định hoặc vượt quá thẩm quyền của Công Ty Quản Lý Quý theo quy định của pháp luật hoặc quy định của Điều Lệ này thì Công ty quản lý quỹ phải hủy bỏ giao dịch, hoặc thực hiện các giao dịch nhằm khôi phục danh mục của Quý. Công Ty Quản Lý Quý phải chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này và các tổn thất (nếu có). Trường hợp các giao dịch này phát sinh lợi nhuận, mọi khoản lợi nhuận phải hạch toán vào tài sản của Quý;

(j) Công Ty Quản Lý Quý phải ban hành quy trình quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quy trình nghiệp vụ phù hợp với nghiệp vụ kinh doanh của công ty, quy trình kiểm soát nội bộ, sổ tay định giá; quy trình về điều kiện, trình tự, thủ tục triệu tập, thể thức tiến hành họp và thông qua quyết định tại đại hội nhà đầu tư áp dụng chung cho các quỹ, quy tắc đạo đức nghề nghiệp chi tiết tại từng vị trí công tác. Trường hợp quỹ đầu tư chứng khoán phái sinh để phòng ngừa rủi ro, quy trình quản lý quỹ đầu tư chứng khoán phải có quy định chi tiết về nguyên tắc, phương pháp sử dụng chứng khoán phái sinh để phòng ngừa rủi ro cho quỹ. Các quy trình được triển khai áp dụng thống nhất trong hoạt động của công ty;

(k) Công Ty Quản Lý Quý chịu trách nhiệm đền bù các tổn thất gây ra cho Quý do lỗi của nhân viên, sự cố hoặc lỗi của hệ thống kỹ thuật và quy trình nghiệp vụ của Công Ty Quản Lý Quý hoặc do Công ty quản lý quỹ không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định của pháp luật hoặc quy định tại Điều Lệ này. Việc bồi thường cho Quý thực hiện theo quy định của pháp luật về quỹ đầu tư chứng khoán và thỏa thuận

giữa các bên liên quan;

(l) Công Ty Quản Lý Quỹ mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho nhân viên làm việc tại bộ phận nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán (nếu xét thấy cần thiết), hoặc trích lập quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ để bồi thường thiệt hại cho Quỹ trong các trường hợp quy định tại điểm (k) bên trên;

(m) Công Ty Quản Lý Quỹ phải tuân thủ các quy định về phòng chống rửa tiền theo quy định pháp luật hiện hành. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm thực hiện và yêu cầu các Đại Lý Phân Phối, xây dựng, thiết lập hệ thống và tổ chức thực hiện quy trình tổng hợp thông tin, nhận diện khách hàng theo các quy định của pháp luật về phòng chống rửa tiền và các quy định của pháp luật về chứng khoán và các quy định pháp luật có liên quan. Khi thực hiện nhận biết khách hàng, Công Ty Quản Lý Quỹ, Đại Lý Phân Phối được quyết định gặp mặt trực tiếp hoặc không gặp mặt trực tiếp khách hàng. Trường hợp không gặp mặt trực tiếp khách hàng, Công Ty Quản Lý Quỹ, Đại Lý Phân Phối phải đảm bảo có các biện pháp, hình thức, công nghệ để nhận biết, thu thập đầy đủ thông tin khách hàng và xác minh chính xác khách hàng theo quy định của pháp luật về chứng khoán, pháp luật về phòng chống rửa tiền, pháp luật về giao dịch điện tử, các quy định pháp luật có liên quan về đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin khách hàng;

(n) Công Ty Quản Lý Quỹ, Đại Lý Phân Phối phải lưu trữ đầy đủ thông tin, dữ liệu nhận biết khách hàng theo quy định của pháp luật về chứng khoán, pháp luật về phòng chống rửa tiền và quy định pháp luật có liên quan. Các thông tin nhận biết khách hàng phải được lưu trữ dự phòng, bảo mật và cung cấp theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

(o) Trước khi triển khai hoạt động nhận biết khách hàng bằng phương pháp không gặp mặt trực tiếp, Công Ty Quản Lý Quỹ, Đại Lý Phân Phối thông qua Công ty quản lý quỹ phải thông báo tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Trong trường hợp cần thiết, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ, đại lý phân phối tạm dừng hoặc chấm dứt việc thực hiện nhận biết khách hàng bằng phương pháp không gặp mặt trực tiếp;

(p) Khi thực hiện giao dịch tài sản cho Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ phải bảo đảm:

(i) Giá trị giao dịch trong một năm thông qua một công ty chứng khoán không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) tổng giá trị giao dịch của Quỹ trong năm đó; và

(ii) Giá trị giao dịch trong một năm thông qua công ty chứng khoán là Người Có Liên Quan của Công Ty Quản Lý Quỹ, không được vượt quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị giao dịch của Quỹ trong năm đó.

Quy định tại điểm này không áp dụng đối với: quỹ đại chúng có thời gian hoạt động chưa đủ 06 tháng tính từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đến hết năm mà Quỹ đó được thành lập và quỹ mở trái phiếu có tổng giá trị giao dịch trong năm thấp hơn ba trăm (300) tỷ đồng.

(q) Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm bảo mật thông tin của Quỹ, thông tin về giao dịch tài sản, danh mục đầu tư của Quỹ và các thông tin khác liên quan, trừ trường hợp cung cấp thông tin cho UBCKNN và các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo yêu cầu của các cơ quan này;

(r) Thực hiện các nghĩa vụ về báo cáo sở hữu và công bố thông tin cho Quỹ theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

(s) Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm hằng năm tổ chức đào tạo, tập huấn cho nhân viên, cử người hành nghề chứng khoán tham gia các khóa tập huấn do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tổ chức (nếu có), bảo đảm đội ngũ nhân viên được cập nhật kỹ năng, chuyên môn, nghiệp vụ, kiến thức về pháp luật. Thông tin về các hoạt động này của công ty phải được gửi kèm trong báo cáo hoạt động hằng năm gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

(t) Công Ty Quản Lý Quỹ khi sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư gián tiếp ra nước ngoài phải tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, quản lý ngoại hối và các quy định liên quan. Trước khi thực hiện, Công Ty Quản Lý Quỹ phải được Ban đại diện Quỹ hoặc đại hội nhà đầu tư chấp thuận bằng văn bản, Điều lệ Quỹ có quy định cho phép và được UBCKNN và các cơ quan quản lý Nhà Nước có thẩm quyền liên quan chấp thuận bằng văn bản;

(u) Công Ty Quản Lý Quỹ phải cập nhật đầy đủ, kịp thời các thay đổi về tổ chức và hoạt động của công ty vào cơ sở dữ liệu công ty quản lý quỹ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

(v) Công Ty Quản Lý Quỹ phải bảo đảm:

(i) Tách biệt về trụ sở, hạ tầng công nghệ thông tin với các tổ chức khác. Trường hợp Công ty quản lý quỹ sử dụng hạ tầng công nghệ thông tin của công ty mẹ, công ty con hoặc tổ chức là Người Có Liên

Quan thì phải sử dụng cơ chế phân quyền và bảo mật, bảo đảm các bộ phận của công ty mẹ, công ty con hoặc tổ chức là Người Có Liên Quan không truy cập được vào hệ thống máy tính, cơ sở dữ liệu của Công Ty Quản Lý Quỹ;

(ii) Tách biệt về cơ sở vật chất, nhân sự, cơ sở dữ liệu giữa các hoạt động nghiệp vụ tiềm ẩn xung đột lợi ích trong Công Ty Quản Lý Quỹ, trong đó có sự tách biệt giữa hoạt động quản lý tài sản ủy thác; hoạt động nghiên cứu, phân tích đầu tư; hoạt động thực hiện đầu tư; hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán. Hệ thống máy tính và cơ sở dữ liệu được phân quyền tới từng cá nhân, bộ phận, phù hợp với vị trí công tác theo quy định về kiểm soát nội bộ;

(iii) Tách biệt về cơ sở vật chất, nhân sự, cơ sở dữ liệu giữa hoạt động đầu tư tài chính của công ty với các hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán; và

(w) Các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều Lệ này và của pháp luật.

2. Công Ty Quản Lý Quỹ có các quyền và quyền hạn sau:

(a) Lựa chọn Ngân hàng giám sát theo các tiêu chuẩn quy định tại Điều Lệ này và ký hợp đồng giám sát với Ngân hàng giám sát;

(b) Được ủy quyền cho Ngân hàng giám sát và một số tổ chức được cung cấp các dịch vụ liên quan tới hoạt động quản lý Quỹ thực hiện một số hoặc toàn bộ hoạt động quản trị Quỹ. Công ty quản lý quỹ phải chịu trách nhiệm liên quan tới việc ủy quyền, và bảo đảm quan hệ ủy quyền và trách nhiệm trong hoạt động quản trị Quỹ cho các tổ chức này không gây ảnh hưởng bất lợi đến quyền lợi của Nhà đầu tư;

(c) Có quyền từ chối phát hành chứng chỉ quỹ cho những tổ chức không được phép đầu tư vào Quỹ theo quy định của pháp luật hoặc cho Nhà đầu tư cá nhân không có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

(d) Có quyền nhận giá dịch vụ quản lý quỹ phù hợp với quy định của Điều Lệ này, Bản cáo bạch và pháp luật hiện hành;

(e) Đại diện cho quyền lợi của Nhà đầu tư như được quy định tại Điều Lệ này và theo đó thực hiện các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm đối với tài sản thuộc sở hữu của Quỹ theo quy định của Điều Lệ này và của pháp luật;

(f) Tham gia Đại hội Nhà đầu tư và các cuộc họp của Ban đại diện Quỹ, bao gồm tất cả các cuộc họp định kỳ và bất thường của các cơ quan này, theo quy định của Điều Lệ này;

(g) Được quyền yêu cầu nhà đầu tư cung cấp toàn bộ và đầy đủ các thông tin mà Công Ty Quản Lý Quỹ cho là cần thiết để xác định nguồn thu nhập, nhân thân của nhà đầu tư đó nhằm mục đích tuân thủ các quy định về phòng chống rửa tiền của Công Ty Quản Lý Quỹ và theo quy định pháp luật hiện hành;

(h) Ký hợp đồng phân phối chứng chỉ quỹ với các Đại Lý Phân Phối;

(i) Các quyền khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 36. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công Ty Quản Lý Quỹ

1. Công Ty Quản Lý Quỹ chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:

(a) Theo quyết định của đại hội nhà đầu tư;

(b) Công ty quản lý quỹ bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán;

(c) Tổ chức lại Công Ty Quản Lý Quỹ;

(d) Quỹ hết thời gian hoạt động; hoặc

(e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Trước thời điểm dự kiến chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với quỹ tối thiểu sáu (06) tháng, Công Ty Quản Lý Quỹ phải tổ chức họp đại hội nhà đầu tư lấy ý kiến về việc chấm dứt quyền, nghĩa vụ đối với Quỹ. Đồng thời, Công Ty Quản Lý Quỹ phải nhanh chóng tiến hành bàn giao các quyền, nghĩa vụ và thông tin, tài liệu và hồ sơ của Quỹ cho đơn vị tiếp nhận (nếu có).

3. Trong trường hợp có sự thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ theo quy định tại Điều 36.1 (a), Quỹ sẽ bồi thường cho Công Ty Quản Lý Quỹ một khoản phí như sau:

(a) Nếu việc thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ diễn ra trong vòng ba (03) năm kể từ ngày Quỹ bắt đầu

hoạt động, chi phí bồi thường sẽ bằng ba phần trăm (3%) giá trị tài sản ròng trung bình của Quỹ trong vòng năm mươi hai (52) tuần liền trước thời điểm Đại hội Nhà đầu tư thông qua quyết định thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ; hoặc

(b) Nếu việc thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ diễn ra sau ba (03) năm kể từ ngày Quỹ bắt đầu hoạt động, chi phí bồi thường sẽ bằng một phẩy năm phần trăm (1,5%) giá trị tài sản ròng trung bình của Quỹ trong vòng năm mươi hai (52) tuần liền trước thời điểm Đại hội Nhà đầu tư thông qua quyết định thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ.

Điều 37. Hạn chế hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ

Trong quá trình quản lý Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ chịu những hạn chế sau:

1. Công Ty Quản Lý Quỹ không được là Người Có Liên Quan hoặc có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay với Ngân hàng giám sát, ngân hàng lưu ký của quỹ đầu tư chứng khoán mà Công Ty Quản Lý Quỹ đang quản lý;
2. Thành viên Hội Đồng Quản Trị, nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ, Ban kiểm soát, Ban điều hành, nhân viên của Công ty quản lý quỹ không được đồng thời làm việc ở các bộ phận cung cấp dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ tại Ngân hàng giám sát, ngân hàng lưu ký của Quỹ và ngược lại;
3. Công Ty Quản Lý Quỹ, Người Có Liên Quan của Công ty quản lý quỹ được tham gia góp vốn, đầu tư vào Quỹ thông qua Đại Lý Chuyển Nhượng như một Nhà đầu tư thông thường theo các quy định của Điều Lệ này và của pháp luật;
4. Công Ty Quản Lý Quỹ, công ty mẹ, công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành, nhân viên của công ty chỉ được là đối tác mua, bán tài sản trong danh mục tài sản ủy thác mà công ty đang quản lý theo quy định của Pháp luật và Điều lệ quỹ.
5. Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Ban điều hành, nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ phải báo cáo bộ phận kiểm soát nội bộ trước và ngay sau khi giao dịch, và phải được quản lý tập trung tại Công Ty Quản Lý Quỹ dưới sự giám sát của bộ phận kiểm soát nội bộ. Báo cáo giao dịch của các cá nhân trên phải bao gồm: tên chứng khoán giao dịch, số lượng, giá giao dịch, tổng giá trị giao dịch, thời gian thực hiện, phương thức thực hiện, số tài khoản giao dịch, công ty chứng khoán nơi mở tài khoản giao dịch. Báo cáo giao dịch của các cá nhân phải được lưu trữ và quản lý tại bộ phận kiểm soát nội bộ và cung cấp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước khi có yêu cầu;
6. Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban điều hành, nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ không được phép yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận, dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa của Công Ty Quản Lý Quỹ, bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào từ việc thực hiện các giao dịch tài sản Quỹ do bên thứ ba cung cấp ngoại trừ các khoản giá dịch vụ đã được nêu rõ trong Điều Lệ này;
7. Trong hoạt động quản lý tài sản của Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ phải đảm bảo:
 - (a) Không được sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chính Quỹ;
 - (b) Không được sử dụng tài sản của khách hàng ủy thác quản lý danh mục, quỹ, công ty đầu tư chứng khoán do mình quản lý để đầu tư vào quỹ, công ty đầu tư chứng khoán khác do mình quản lý, ngoại trừ khách hàng ủy thác quản lý danh mục chỉ định đầu tư, khách hàng ủy thác là cá nhân nước ngoài, tổ chức được thành lập theo pháp luật nước ngoài, doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài, quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện và các khách hàng này đã chấp thuận cho phép thực hiện các giao dịch nêu trên;
 - (c) Không được sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chính Công Ty Quản Lý Quỹ; đầu tư vào tổ chức là Người Có Liên Quan của Công Ty Quản Lý Quỹ; đầu tư vào tổ chức mà thành viên Hội Đồng Quản Trị hoặc Hội Đồng Thành Viên, thành viên ban điều hành, nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ là cổ đông hoặc thành viên sở hữu trên mười phần trăm (10%) vốn điều lệ;
 - (d) Không được sử dụng tài sản của Quỹ để cho vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay dưới bất kỳ hình thức nào hoặc thanh toán các nghĩa vụ nợ của Công ty quản lý quỹ, Người Có Liên Quan của Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc tổ chức hoặc cá nhân khác. Không được đưa ra nhận định, cam kết, bảo đảm kết quả đầu tư trừ trường hợp đầu tư vào những sản phẩm có thu nhập cố định không được ký các hợp đồng nhận ủy thác đầu tư vào trái phiếu với lãi suất không phù hợp với thực tế thị trường và kết quả phân tích đầu tư của chính Công Ty Quản Lý Quỹ; không trực tiếp hay gián tiếp, bù đắp một phần hoặc toàn bộ các khoản thua lỗ của Quỹ do hoạt động đầu tư;
 - (e) Không được thực hiện các giao dịch nhằm làm giảm lợi nhuận của một khách hàng ủy thác để làm tăng lợi nhuận của một khách hàng ủy thác khác; không được giao kết hợp đồng, thực hiện giao dịch với

các điều khoản bất lợi cho khách hàng ủy thác;

8. Công Ty Quản Lý Quỹ phải kiểm soát và đảm bảo chi phí giao dịch trong các giao dịch tài sản của Quỹ ở mức hợp lý và không cao hơn mức chi phí giao dịch bình quân trên thị trường;

9. Công Ty Quản Lý Quỹ chỉ được sử dụng vốn chủ sở hữu của mình, vốn của Quỹ và các quỹ khác do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý để mua và sở hữu (không tính số cổ phiếu trong danh mục của khách hàng ủy thác là quỹ hoán đổi danh mục) từ hai mươi lăm phần trăm (25%) tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết của một công ty đại chúng khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau và với điều kiện là cơ cấu đầu tư của Quỹ theo quy định tại Điều 10.1 vẫn phải được tuân thủ:

(a) Được sự chấp thuận bằng văn bản của Ban đại diện Quỹ về việc chào mua, mức giá chào mua, khối lượng tài sản dự kiến chào mua, phương thức phân phối tài sản sau khi thực hiện chào mua;

(b) Công ty quản lý quỹ thực hiện chào mua công khai theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

10. Công ty quản lý quỹ phải tuân thủ các hạn chế đầu tư trong hoạt động quản lý Quỹ quy định tại Điều Lệ này; và

11. Các hạn chế khác theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức và hoạt động Công ty quản lý quỹ.

CHƯƠNG 7. NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Điều 38. Tiêu chuẩn lựa chọn Ngân hàng giám sát

Ngân hàng giám sát do Công Ty Quản Lý Quỹ lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện sau đây và các điều kiện khác theo quy định của pháp luật:

1. Ngân hàng giám sát do Công Ty Quản Lý Quỹ lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 116 Luật Chứng khoán;

2. Ngân hàng giám sát phải hoàn toàn độc lập và tách biệt với Công Ty Quản Lý Quỹ mà ngân hàng cung cấp dịch vụ giám sát;

3. Có đầy đủ năng lực để cung cấp dịch vụ giám sát và lưu ký chứng khoán; và

4. Thực hiện các cam kết đối với Quỹ như nêu tại Phụ Lục 2 và Phụ Lục 3 của Điều Lệ này.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng giám sát

1. Ngân hàng giám sát có nghĩa vụ như sau:

(a) Luôn luôn hành động vì lợi ích tốt nhất của các Nhà đầu tư quỹ;

(b) Chịu trách nhiệm đối với những tổn thất gây ra cho Quỹ do những sai sót của Ngân hàng giám sát;

(c) Đảm bảo thực hiện giám sát hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ trong việc quản lý tài sản quỹ theo quy định tại Luật Chứng khoán, các quy định có liên quan và Điều lệ quỹ;

(d) Cung cấp các dịch vụ giám sát, lưu ký tài sản của Quỹ theo đúng quy định của pháp luật liên quan, Hợp đồng giám sát và Điều lệ quỹ;

(e) Quản lý và lưu ký tách biệt tài sản của từng Quỹ, tách bạch tài sản của Quỹ với tài sản của những khách hàng khác của ngân hàng giám sát và tài sản của chính ngân hàng giám sát;

(f) Đảm bảo và hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với tài sản của Quỹ khi ủy thác cho tổ chức lưu ký phụ;

(g) Giám sát hoặc tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ theo tần suất quy định tại Điều lệ này, phù hợp với các quy định pháp luật và Điều lệ Quỹ, đảm bảo việc tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ là chính xác;

(h) Xử lý các giao dịch về chứng khoán phù hợp với chỉ thị hợp pháp của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát có thể từ chối những chỉ thị đó nếu ngân hàng giám sát có cơ sở để tin rằng những chỉ thị này là không hợp pháp hoặc không phù hợp với Điều lệ quỹ. Việc từ chối phải được gửi bằng văn bản đến công ty quản lý quỹ và nêu rõ lý do, bản sao gửi đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

(i) Thực hiện đối chiếu thường xuyên tài sản của Quỹ với công ty quản lý quỹ;

(j) Thanh toán những khoản chi phí hợp lý, hợp lệ của Quỹ theo chỉ thị hợp pháp của công ty quản lý quỹ, đảm bảo những khoản chi phí đó phù hợp với các quy định pháp luật và các điều khoản của Điều lệ

quỹ;

(k) Thanh toán tiền cho Nhà đầu tư của Quý khi công ty quản lý quỹ thực hiện việc mua lại chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư, hoặc khi quỹ phân phối thu nhập hoặc khi Quý thanh lý, giải thể thanh toán cho Nhà đầu tư và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ theo đúng chỉ thị hợp pháp của công ty quản lý quỹ, đảm bảo rằng những khoản thanh toán được thực hiện phù hợp với các điều khoản của Điều lệ quỹ;

2. Ngân hàng giám sát có các quyền như sau:

(a) Được quyền xem xét lại năng lực và các quy trình của Công Ty Quản Lý Quỹ trong quá trình quản lý Quỹ và yêu cầu Công ty quản lý quỹ chỉnh sửa nếu cần thiết;

(b) Được quyền tham dự các cuộc họp định kỳ và bất thường của đại hội nhà đầu tư và của Ban Đại diện Quỹ nhưng không được quyền biểu quyết; và

(c) Được quyền nhận các loại giá dịch vụ cho việc cung cấp dịch vụ phù hợp với Hợp Đồng được ký kết giữa Công ty quản lý quỹ (thay mặt cho Quý) và Ngân hàng giám sát, quy định của Điều Lệ này và pháp luật.

Điều 40. Hoạt động giám sát của ngân hàng giám sát

1. Phạm vi giám sát chỉ hạn chế trong các hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ có liên quan tới Quỹ mà Ngân hàng giám sát thực hiện chức năng giám sát. Trong hoạt động giám sát, Ngân hàng giám sát phải:

(a) Phối hợp với Công Ty Quản Lý Quỹ định kỳ rà soát quy trình nội bộ về nguyên tắc, phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của quỹ; giám sát việc xác định giá tài sản ròng; kiểm tra, bảo đảm giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ là tính đúng, chính xác và phù hợp quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ;

(b) Giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của quỹ, kiểm tra lại bảo đảm loại tài sản đầu tư, cơ cấu danh mục đầu tư là phù hợp với các quy định về hạn chế đầu tư, hạn chế vay theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ quỹ; giám sát các giao dịch tài sản giữa quỹ với công ty quản lý quỹ và người có liên quan, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật và tại Điều lệ quỹ. Trường hợp phát hiện dấu hiệu vi phạm quy định của pháp luật, ngân hàng giám sát phải báo cáo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và thông báo cho Công Ty Quản Lý Quỹ trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi phát hiện sự việc đồng thời yêu cầu công ty quản lý quỹ thực hiện biện pháp xử lý, khắc phục kịp thời các hậu quả phát sinh trong thời hạn theo quy định;

(c) Giám sát việc tổ chức thực hiện, kiểm tra kết quả hợp nhất, sáp nhập, giải thể, thanh lý tài sản quỹ;

(d) Giám sát, bảo đảm tính hợp pháp và chỉ thanh toán từ tài sản của quỹ, các khoản chi phù hợp với quy định của pháp luật và các quy định tại Điều lệ quỹ;

(e) Giám sát các hoạt động khác của công ty quản lý quỹ trong việc quản lý tài sản của quỹ theo đúng quy định tại Điều 116 Luật Chứng khoán, các quy định có liên quan tại các văn bản hướng dẫn Luật Chứng khoán và tại Điều lệ quỹ;

(f) Xác nhận các báo cáo về giá trị tài sản ròng, hoạt động đầu tư, danh mục đầu tư của quỹ do công ty quản lý quỹ lập.

2. Ngân hàng giám sát có trách nhiệm lập và lưu trữ trong thời gian mười (10) năm các hồ sơ, chứng từ dưới dạng văn bản và tệp dữ liệu điện tử nhằm xác nhận việc tuân thủ quy định pháp luật của Công Ty Quản Lý Quỹ theo các quy định của pháp luật. Các tài liệu này phải được cung cấp theo yêu cầu bằng văn bản của UBCKNN.

3. Khi có yêu cầu bằng văn bản của Công Ty Quản Lý Quỹ, ngân hàng giám sát có trách nhiệm cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác những thông tin cần thiết cho Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức kiểm toán được chấp thuận để các tổ chức này thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ đối với quỹ theo quy định của pháp luật, Điều lệ quỹ.

4. Ngân hàng giám sát có quyền yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ kịp thời cung cấp các tài liệu, thông tin cần thiết, có liên quan; thông tin về tổ chức phát hành mà quỹ đầu tư để ngân hàng giám sát có thể thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với quỹ theo quy định của pháp luật. Ngân hàng giám sát có trách nhiệm bảo mật theo quy định của pháp luật đối với mọi tài liệu, thông tin nhận được từ Công Ty Quản Lý

Quý.

Trường hợp Công ty Quản lý Quỹ không thực hiện các hoạt động nhằm khôi phục vị thế Quý trong thời gian quy định, Ngân hàng giám sát có trách nhiệm báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày Ngân hàng giám sát gửi thông báo cho Công ty Quản lý Quỹ. Trong trường hợp này, Ngân hàng giám sát có quyền chỉ thực hiện các lệnh, chỉ thị giao dịch hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ mà không dẫn tới cơ cấu danh mục đầu tư của Quý vi phạm các quy định của pháp luật và các quy định khác tại Điều lệ Quý.

5. Trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ phải bồi thường thiệt hại cho quý, Nhà đầu tư, Ngân hàng giám sát phải phối hợp với công ty quản lý quỹ thực hiện thủ tục thanh toán một cách kịp thời và đầy đủ cho quý, nhà đầu tư theo chỉ thị hợp pháp của Công Ty Quản Lý Quỹ. Ngân hàng giám sát liên đới cùng với công ty quản lý quỹ có trách nhiệm đền bù thiệt hại cho quý trong trường hợp các thiệt hại phát sinh do ngân hàng giám sát không thực hiện đầy đủ và kịp thời trách nhiệm giám sát hoạt động đầu tư của quý, xác định giá trị tài sản ròng của quý và các hoạt động giám sát khác đối với quý theo các quy định của pháp luật. Mức độ bồi thường thiệt hại thực hiện theo các điều khoản của hợp đồng ký kết hoặc thỏa thuận giữa công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát.

Điều 41. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quý của Ngân hàng giám sát

1. Ngân hàng giám sát có thể chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quý trong các trường hợp sau:

- (a) Ngân hàng giám sát bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán theo quy định tại khoản 2 Điều 60 Luật Chứng khoán;
- (b) Đơn phương chấm dứt Hợp Đồng Giám Sát;
- (c) Quý hết thời hạn hoạt động; bị giải thể; bị chia, bị tách, bị hợp nhất, bị sáp nhập;
- (d) Theo quyết định của đại hội nhà đầu tư của Quý;

2. Nếu Ngân hàng giám sát đơn phương chấm dứt Hợp Đồng Giám Sát được ký kết giữa Công Ty Quản Lý Quỹ thay mặt cho Quý và Ngân hàng giám sát thì quyền và nghĩa vụ đối với quý của Ngân hàng giám sát chỉ có thể chấm dứt tại thời điểm khi đã hoàn tất việc bàn giao quyền và nghĩa vụ đối với quý cho ngân hàng giám sát thay thế.

CHƯƠNG 8. CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN

Điều 42. Các hoạt động được ủy quyền

1. Công ty quản lý quỹ được thuê nhà cung cấp dịch vụ bên ngoài thực hiện các dịch vụ cho Quý theo đúng các điều khoản và quy định trong Điều Lệ này và quy định liên quan của pháp luật.

2. Các hoạt động được ủy quyền của Công Ty Quản Lý Quỹ bao gồm:

- (a) Hoạt động đại lý chuyển nhượng; và
- (b) Hoạt động quản trị quỹ đầu tư.

3. Phạm vi và chi tiết về các hoạt động được ủy quyền theo quy định tại Điều 42.1 sẽ được thể hiện trong hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và các bên cung cấp dịch vụ liên quan. Tuy nhiên, Công Ty Quản Lý Quỹ phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện các dịch vụ này theo quy định.

Điều 43. Tiêu chí lựa chọn tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan

Nhà cung cấp dịch vụ cần đạt các điều kiện sau:

- 1. Là một trong những tổ chức lớn có kinh nghiệm và uy tín trong các hoạt động được ủy quyền của công ty quản lý quỹ;
- 2. Có đội ngũ nhân lực trong nước có chuyên môn giỏi và kinh nghiệm trong lĩnh vực cung cấp;
- 3. Có hệ thống công nghệ thông tin và hệ thống dự phòng đầy đủ và đáng tin cậy đảm bảo cung cấp dịch vụ ổn định;
- 4. Am hiểu về pháp luật có liên quan tại Việt Nam và quốc tế;
- 5. Cung cấp dịch vụ chuyên nghiệp và có thể đáp ứng yêu cầu thay đổi và mở rộng của Quý; và

6. Nhà cung cấp dịch vụ phải có hệ thống hoạt động bao gồm hệ thống quy trình chuyên nghiệp, hệ thống báo cáo và hệ thống xét duyệt báo cáo.

Điều 44. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan

1. Nguyên tắc của hoạt động ủy quyền của Công Ty Quản Lý Quỹ:

(a) Hoạt động ủy quyền phải tuân thủ quy định pháp luật và Điều Lệ này; và

(b) Các hoạt động ủy quyền phải được thực hiện trên cơ sở hợp đồng ủy quyền giữa Công ty quản lý quỹ và tổ chức nhận ủy quyền. Hợp đồng ủy quyền phải ghi rõ quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các bên. Phạm vi của hoạt động ủy quyền:

(i) Dịch vụ quản trị quỹ đầu tư bao gồm các hoạt động sau:

- Ghi nhận kế toán các giao dịch của quỹ: ghi nhận biến động phản ánh dòng tiền ra, vào quỹ;
- Lập báo cáo tài chính quỹ; phối hợp, hỗ trợ tổ chức kiểm toán của quỹ trong việc thực hiện kiểm toán cho quỹ;
- Xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ quỹ.

(ii) Dịch vụ đại lý chuyển nhượng bao gồm các hoạt động sau:

- Lập và quản lý sổ chính; mở và theo dõi quản lý hệ thống các tài khoản cá nhân, tài khoản ký danh; xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ quỹ mở;
- Ghi nhận các lệnh mua, lệnh bán, lệnh chuyển đổi của Nhà đầu tư, thành viên lập quỹ; chuyển quyền sở hữu chứng chỉ quỹ; cập nhật sổ chính;
- Hỗ trợ Nhà đầu tư thực hiện các quyền liên quan tới việc sở hữu chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư;
- Tổ chức các cuộc họp Ban đại diện quỹ, Đại hội Nhà đầu tư của quỹ; duy trì kênh liên lạc với Nhà đầu tư, đại lý phân phối, cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức có thẩm quyền khác;
- Cung cấp cho Nhà đầu tư báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động quỹ, Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, sao kê tài khoản giao dịch, xác nhận giao dịch và các tài liệu khác.

2. Bên nhận ủy quyền phải thỏa mãn các yêu cầu sau:

(a) Có đủ năng lực, hệ thống, nhân sự, kinh nghiệm, để thực hiện hoạt động ủy quyền;

(b) Bộ phận cung cấp dịch vụ của bên nhận ủy quyền phải tách biệt với các bộ phận còn lại của bên nhận ủy quyền về tổ chức nhân sự, hệ thống quy trình nghiệp vụ, hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo;

(c) Đối với các hoạt động ủy quyền liên quan đến các hoạt động nêu tại Điều 42.2, toàn bộ chứng từ, sổ sách, cơ sở dữ liệu phải được quản lý độc lập với các bộ phận khác của bên nhận ủy quyền và phải được lưu trữ tại Việt Nam. Hoạt động đại lý chuyển nhượng của Quỹ chỉ được ủy quyền cho duy nhất một tổ chức thực hiện và phải được thực hiện tại Việt Nam;

(d) Phải thực hiện các hoạt động nhận ủy quyền một cách hiệu quả, cẩn trọng, có trách nhiệm bảo mật mọi thông tin liên quan tới khách hàng và đối tác của Công Ty Quản Lý Quỹ; và

(e) Có trách nhiệm cung cấp cho Công Ty Quản Lý Quỹ các báo cáo kiểm toán độc lập đối với các nội dung có liên quan tới hoạt động ủy quyền, phục vụ cho hoạt động kiểm tra, giám sát của Công ty quản lý quỹ theo quy định của pháp luật.

Điều 45. Trách nhiệm của Công Ty Quản Lý Quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền

1. Việc ủy quyền không làm giảm trách nhiệm hoặc thay đổi trách nhiệm của Công Ty Quản Lý Quỹ đối với Quỹ.

2. Trước khi ký kết hợp đồng sử dụng dịch vụ của bên nhận ủy quyền, Công Ty Quản Lý Quỹ phải thẩm định và lập biên bản đánh giá năng lực, cơ sở vật chất, bảo đảm bên nhận ủy quyền có thiết bị cơ sở vật chất, giải pháp kỹ thuật, quy trình nghiệp vụ, nhân sự có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn phù

hợp để thực hiện các hoạt động được ủy quyền.

3. Công Ty Quản Lý Quỹ phải định kỳ kiểm tra, giám sát thường xuyên bảo đảm hoạt động đã ủy quyền được thực hiện thận trọng, an toàn, phù hợp với quy định của pháp luật và Điều Lệ này, bảo đảm chất lượng dịch vụ cung cấp của bên nhận ủy quyền phù hợp với tiêu chí và yêu cầu của công ty. Công Ty Quản Lý Quỹ, bằng chi phí của mình, được sử dụng tư vấn độc lập, dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức chuyên nghiệp, hoạt động hợp pháp khác để thực hiện trách nhiệm quy định điều này. Định kỳ hàng tháng, Công ty quản lý quỹ phải lập báo cáo tổng hợp về kết quả kiểm tra, giám sát các hoạt động đã ủy quyền.
4. Công Ty Quản Lý Quỹ phải duy trì nhân sự có kinh nghiệm, chuyên môn, nghiệp vụ cần thiết để có đủ khả năng giám sát, nhận diện và quản lý hiệu quả các rủi ro phát sinh từ hoạt động đã ủy quyền.
5. Công Ty Quản Lý Quỹ phải xây dựng quy trình, hệ thống, bảo đảm tại mọi thời điểm Công ty quản lý quỹ, tổ chức kiểm toán độc lập, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có thể tiếp cận các thông tin cần thiết để kiểm tra, giám sát các hoạt động ủy quyền, đánh giá và quản lý các rủi ro phát sinh từ hoạt động ủy quyền.
6. Công Ty Quản Lý Quỹ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về tài chính và pháp lý phát sinh trong phạm vi ủy quyền. Công ty quản lý quỹ phải bảo đảm tính liên tục đối với các hoạt động đã ủy quyền, không gián đoạn và gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của Nhà đầu tư.
7. Công Ty Quản Lý Quỹ phải cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin liên quan cho bên nhận ủy quyền để bên nhận ủy quyền có thể thực thi đầy đủ, kịp thời mọi quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm trong hoạt động ủy quyền.
8. Công Ty Quản Lý Quỹ phải lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác các chỉ thị, yêu cầu, văn bản gửi cho bên nhận ủy quyền để thực hiện các hoạt động ủy quyền.
9. Các báo cáo về việc kiểm tra, giám sát thực hiện theo quy định tại Điều 45.3 và các tài liệu liên quan khác phải được cung cấp cho Hội Đồng Quản Trị của Công ty quản lý quỹ, Ban đại diện Quỹ, Ngân hàng giám sát và Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày báo cáo được tổng hợp.

Điều 46. Chấm dứt hoạt động ủy quyền

1. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức cung cấp dịch vụ sẽ chấm dứt khi xảy ra một trong các trường hợp sau:
 - (a) Hợp đồng ủy quyền bị thanh lý hay hết hạn;
 - (b) Tổ chức nhận ủy quyền tạm ngừng, chấm dứt hoạt động, giải thể, tuyên bố phá sản;
 - (c) Khi tổ chức nhận ủy quyền không còn thỏa mãn quy định tại Điều 43 và Điều 44.2;
 - (d) Theo quyết định của Công ty quản lý quỹ;
 - (e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Trong trường hợp quy định tại Điều 46.1, quyền và nghĩa vụ của tổ chức cung cấp dịch vụ cho Quỹ sẽ được chuyển giao cho Công ty quản lý quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ khác được Công ty quản lý quỹ thuê.

CHƯƠNG 9. ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI VÀ ĐẠI LÝ KÝ DANH

Điều 47. Đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ

1. Điều kiện lựa chọn Đại Lý Phân Phối:
 - (a) Là công ty chứng khoán, Công ty quản lý quỹ, ngân hàng lưu ký, doanh nghiệp bảo hiểm, ngân hàng thương mại, tổ chức kinh tế khác đã có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng, ký hợp đồng phân phối chứng chỉ quỹ mở với công ty quản lý quỹ;
 - (b) Tại thời điểm đăng ký hoạt động, có ít nhất một (01) địa điểm kinh doanh được lựa chọn là địa điểm phân phối Chứng Chỉ Quỹ đáp ứng quy định pháp luật về yêu cầu của địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ mở;
 - (c) Có quy trình nghiệp vụ phân phối chứng chỉ quỹ, bao gồm cả quy trình, thủ tục nhận biết, cập nhật thông tin, biện pháp xác minh thông tin về Nhà đầu tư và người được hưởng lợi, quy tắc đạo đức nghề nghiệp áp dụng đối với nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ, quy định nội bộ nhằm ngăn ngừa hành vi giao

dịch muộn sau thời điểm nhận lệnh, ngăn ngừa hành vi đầu cơ, lợi dụng chênh lệch thời gian, lợi dụng việc định giá sai chứng chỉ quỹ theo thông lệ quốc tế;

(d) Có cơ sở vật chất, kỹ thuật đảm bảo hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ;

(e) Tại mỗi địa điểm có tối thiểu hai (02) nhân viên có chứng chỉ hành nghề chứng khoán; hoặc là người có chứng chỉ hành nghề chứng khoán hợp pháp ở nước ngoài và đã có chứng chỉ pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán của Việt Nam; hoặc có các chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán bao gồm chứng chỉ: những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, phân tích và đầu tư chứng khoán, môi giới chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán;

2. Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm thẩm định cơ sở vật chất trước khi lựa chọn Đại Lý Phân Phối và địa điểm phân phối để cung cấp dịch vụ cho Nhà đầu tư. Báo cáo thẩm định cơ sở vật chất của Đại Lý Phân Phối, địa điểm phân phối được lưu tại trụ sở Công ty quản lý quỹ và cung cấp cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo yêu cầu. Công ty quản lý quỹ phải thường xuyên kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động của Đại Lý Phân Phối phù hợp với quy định của pháp luật và các điều khoản tại hợp đồng đại lý phân phối.

3. Trường hợp Đại Lý Phân Phối chấm dứt hoạt động hoặc hợp đồng phân phối hết hiệu lực hoặc đại lý phân phối bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đại lý phân phối, Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm thông báo trước cho Nhà đầu tư đồng thời chỉ định địa điểm phân phối thay thế (nếu có).

4. Công Ty Quản Lý Quỹ được phân phối chứng chỉ quỹ mở do mình quản lý. Trong trường hợp này, Công Ty Quản Lý Quỹ phải bảo đảm các nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ không được kiêm nhiệm, làm việc tại các bộ phận quản lý tài sản, phân tích đầu tư, kiểm soát nội bộ.

Điều 48. Hoạt Động Của Đại Lý Phân Phối và Đại Lý Ký Danh

1. Hoạt động của Đại Lý Phân Phối bao gồm:

(a) Tổng hợp đầy đủ thông tin về Nhà đầu tư và người được hưởng lợi theo quy định của pháp luật chứng khoán và các quy định về phòng, chống rửa tiền và đấu tranh chống tài trợ khủng bố;

(b) Nhận và chuyển lệnh giao dịch của từng Nhà đầu tư tới tổ chức cung cấp dịch vụ Đại Lý Chuyển Nhượng một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác. Đại Lý Phân Phối không được tổng hợp, bù trừ lệnh giao dịch, không được trực tiếp nhận tiền và thanh toán giao dịch chứng chỉ quỹ cho Nhà đầu tư; Đại Lý Phân Phối chỉ được nhận lệnh giao dịch của Nhà đầu tư khi phiếu lệnh đã được điền chính xác và đầy đủ các thông tin theo mẫu quy định của pháp luật. Phiếu lệnh phải được Đại Lý Phân Phối lưu trữ theo quy định của pháp luật về chứng khoán; đồng thời phải bảo đảm ghi nhận đầy đủ, chính xác, kịp thời và rõ ràng về thời điểm nhận lệnh, người nhận lệnh từ Nhà đầu tư. Trường hợp lệnh nhận qua điện thoại, fax, lệnh giao dịch trực tuyến qua internet hoặc các phương tiện điện tử, đường truyền khác thì tuân thủ theo quy định về giao dịch điện tử và lưu trữ phiếu lệnh theo hình thức tệp dữ liệu điện tử;

(c) Hỗ trợ Nhà đầu tư thực hiện các thủ tục thay đổi thông tin tại Sổ Đăng Ký Nhà đầu tư (sổ chính), xác nhận quyền sở hữu Chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư, chuyển quyền sở hữu theo quy định pháp luật;

(d) Duy trì kênh liên lạc liên tục và thông suốt với Nhà đầu tư, đảm bảo cập nhật cho Nhà đầu tư một cách chính xác, đầy đủ và kịp thời mọi thông tin và giải đáp các thắc mắc của Nhà đầu tư về sản phẩm Quỹ đã chào bán; thống kê, tổng hợp sao kê tài khoản, xác nhận giao dịch theo yêu cầu của Nhà đầu tư; cung cấp cho Nhà đầu tư Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch tóm tắt, báo cáo tài chính của Quỹ, tài liệu về các cuộc họp đại hội nhà đầu tư và các thông tin khác; thực hiện chế độ báo cáo và công bố thông tin theo ủy quyền của Công Ty Quản Lý Quỹ;

(e) Hỗ trợ Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan tổ chức họp đại hội nhà đầu tư; nhận ủy quyền tham dự và thực hiện quyền biểu quyết theo chỉ thị bằng văn bản của nhà đầu tư; và

(f) Tổng hợp, lưu trữ thông tin chi tiết về Nhà đầu tư và các giao dịch của Nhà đầu tư. Cung cấp các thông tin này cho Công ty quản lý quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan và UBCKNN nước theo yêu cầu của các tổ chức này.

2. Đại Lý Phân Phối không phải là công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, ngân hàng thương mại, doanh nghiệp bảo hiểm thì không được:

(a) Làm Đại Lý Ký Danh; và

(b) Đồng thời làm Đại Lý Phân Phối cho công ty quản lý quỹ khác nếu không được chấp thuận bằng văn bản của Công ty quản lý quỹ mà mình đang làm Đại Lý Phân Phối.

3. Đại Lý Ký Danh được thực hiện các hoạt động theo quy định của Điều Lệ này và quy định của pháp luật liên quan.

Điều 49. Quy định chung về nghiệp vụ phân phối chứng chỉ quỹ

1. Đại Lý Phân Phối, nhân viên phân phối phải tự nguyện, công bằng, trung thực đối với Nhà đầu tư, cung cấp đầy đủ, kịp thời mọi thông tin chính xác để Nhà đầu tư tự đưa ra quyết định đầu tư. Các thông tin, dữ liệu, dự báo kinh tế cung cấp cho Nhà đầu tư phải dựa trên những sự kiện có thực và kèm theo các tài liệu dẫn chiếu do các tổ chức liên quan phát hành và đã được công bố công khai. Nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ không được cung cấp các thông tin chưa được kiểm chứng, tin đồn, thông tin sai lệch cho Nhà đầu tư.

2. Nhân viên phân phối chỉ chào bán chứng chỉ quỹ sau khi Nhà đầu tư đã được cung cấp đầy đủ Điều Lệ Quỹ, Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch tóm tắt, hoạt động của Quỹ. Nhân viên phân phối phải giải thích cho Nhà đầu tư hiểu được các nội dung tại Điều Lệ Quỹ và Bản Cáo Bạch, đặc biệt là mục tiêu và chính sách đầu tư của Quỹ, chiến lược đầu tư của Quỹ để đạt được mục tiêu đầu tư, đặc tính về lợi nhuận và rủi ro, chính sách phân phối lợi nhuận, thuế, phí, lệ phí và các chi phí khác; cơ chế giao dịch chứng chỉ quỹ.

3. Nhân viên phân phối phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời cho Nhà đầu tư mọi thông tin về kết quả hoạt động của Quỹ với hàm ý các kết quả hoạt động trước đó chỉ mang tính tham khảo và có thể thay đổi tùy vào tình hình thị trường.

4. Nhân viên phân phối không được cung cấp thông tin sai sự thật, khuếch đại sự thật, dễ gây hiểu nhầm, cung cấp không đầy đủ thông tin, đưa ra các dự báo dễ dụ dỗ hay mời chào Nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ, không gây hiểu nhầm về các đặc tính lợi nhuận và rủi ro của chứng chỉ quỹ. Khi so sánh với các sản phẩm quỹ mở khác, phải chỉ rõ những khác biệt giữa các quỹ để Nhà đầu tư lựa chọn. Không được trực tiếp, gián tiếp thực hiện các hành vi nhằm lôi kéo, xúi giục Nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ có mức độ rủi ro cao trong trường hợp Nhà đầu tư chưa hiểu hết về các rủi ro tiềm ẩn khi đầu tư vào Quỹ hoặc Quỹ không phù hợp với mục tiêu đầu tư và năng lực tài chính của Nhà đầu tư.

5. Đại lý phân phối, nhân viên phân phối có trách nhiệm bảo mật các thông tin về Nhà đầu tư, thông tin về giao dịch của Nhà đầu tư, không được sử dụng các thông tin đó với bất kỳ mục đích gì, trừ trường hợp được Nhà đầu tư đồng ý hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền.

6. Đại lý phân phối không được chiết khấu, giảm giá giao dịch chứng chỉ quỹ dưới bất kỳ hình thức nào; không được tặng quà, sử dụng lợi ích vật chất hay tài chính dưới mọi hình thức để mời chào, dụ dỗ Nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ; không được yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa tổ chức từ Công ty quản lý quỹ bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận, lợi ích nào để mời chào Nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ, ngoài các mức phí đã được công bố tại Bản Cáo Bạch và tại các hợp đồng đại lý phân phối ký với Công ty quản lý quỹ.

7. Đại Lý Phân Phối không được phân phối chứng chỉ quỹ tại các địa điểm chưa đăng ký với UBCKNN. Đại Lý Phân Phối phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về hoạt động của các địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ, nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ khi phân phối chứng chỉ quỹ cho Nhà đầu tư.

8. Công ty quản lý quỹ và Đại Lý Phân Phối hàng năm phải tổ chức đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao trình độ, kiến thức cho đội ngũ nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ. Thông tin về hoạt động đào tạo trong năm của Công ty quản lý quỹ và Đại Lý Phân Phối phải được gửi kèm trong báo cáo hoạt động hàng năm của Công ty quản lý quỹ.

CHƯƠNG 10. KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Điều 50. Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi công ty kiểm toán

Hàng năm, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ đề xuất ít nhất hai (02) công ty kiểm toán có uy tín và kinh nghiệm nằm trong danh sách các công ty kiểm toán được UBCKNN chấp thuận để Ban đại diện Quỹ xem xét và lựa chọn theo sự ủy quyền của đại hội nhà đầu tư. Công ty kiểm toán được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

1. Không phải là Người Có Liên Quan của Công ty quản lý quỹ hoặc Ngân hàng giám sát;
2. Nằm trong danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận của UBCKNN được công bố hàng năm;

và

3. Có uy tín và kinh nghiệm kiểm toán cho các quỹ đầu tư.

Điều 51. Năm tài chính

1. Năm tài chính của Quỹ là mười hai (12) tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp giấy chứng nhận lập quỹ và hoạt động cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.

2. Trường hợp thời gian từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 cùng năm ngắn hơn chín mươi (90) ngày thì kỳ kế toán đầu tiên được tính từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận lập và hoạt động cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm tiếp theo.

Điều 52. Chế độ kế toán

Quỹ sẽ áp dụng chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định của pháp luật liên quan tới công tác kế toán áp dụng cho Quỹ do các cơ quan có thẩm quyền quy định.

Điều 53. Báo cáo tài chính

1. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm chuẩn bị các báo cáo tài chính thường kỳ về kết quả kinh doanh và tình hình tài chính của Quỹ và các báo cáo cần thiết khác để tường trình hoạt động của Quỹ.

2. Các báo cáo tài chính bán niên và báo cáo tài chính hàng năm sẽ được soát xét bán niên và kiểm toán độc lập hàng năm bởi công ty kiểm toán được lựa chọn. Các bản sao của báo cáo kiểm toán và báo cáo hoạt động của Quỹ phải được gửi đến từng thành viên Ban đại diện Quỹ và công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ để các Nhà đầu tư có thể tham khảo.

Điều 54. Báo cáo khác

Công ty quản lý quỹ phải tuân thủ các quy định của UBCKNN về chế độ báo cáo và công bố thông tin liên quan đến các hoạt động kinh doanh của Quỹ.

CHƯƠNG 11. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ

Điều 55. Xác định giá trị tài sản ròng

1. Công Ty Quản Lý Quỹ phải xây dựng sổ tay định giá để áp dụng một cách thống nhất trong hoạt động quản lý tài sản của quỹ. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ quỹ.

2. Công Ty Quản Lý Quỹ được ủy quyền cho Ngân hàng giám sát xác định giá trị tài sản ròng, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ của Quỹ. Trong trường hợp này, Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát phải có cơ chế và quy trình đối chiếu, soát xét, kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động xác định giá trị tài sản ròng được tính chính xác và phù hợp sổ tay định giá, Điều lệ này và các quy định của pháp luật.

3. Giá trị tài sản ròng của Quỹ được xác định định kỳ theo ngày giao dịch và ngày đầu tiên của tháng tiếp theo. Nếu Ngày định giá rơi vào ngày nghỉ lễ, ngày nghỉ bù theo quy định pháp luật và/hoặc quy định nội bộ của Công ty quản lý quỹ (nếu có) thì Ngày định giá sẽ được dời đến Ngày định giá (là ngày làm việc) kế tiếp. Đối với kỳ định giá hàng tháng, ngày định giá là ngày đầu tiên của tháng tiếp theo, và không thay đổi kể cả trường hợp ngày định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ. Giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ phải được công bố công khai theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán sau khi có xác nhận của Ngân hàng giám sát và có giá trị cho đến khi có thông báo mới.

Điều 56. Nguyên tắc, quy trình, phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ

1. Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm xác định giá trị tài sản ròng của quỹ và giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ.

2. Giá trị tài sản ròng của Quỹ được xác định bằng tổng giá trị các tài sản có trong danh mục trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ. Tổng giá trị tài sản của quỹ được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản (trong trường hợp không xác định được giá thị trường). Tổng nợ phải trả của quỹ là các khoản nợ hoặc nghĩa vụ thanh toán của quỹ tính đến ngày gần nhất trước ngày định giá. Phương pháp xác định

giá thị trường, giá trị hợp lý của tài sản có trong danh mục theo nguyên tắc quy định tại Phụ lục 4 và được quy định chi tiết tại sổ tay định giá của Quỹ do Công ty quản lý quỹ xây dựng theo quy định của pháp luật và phải được Ban đại diện Quỹ phê duyệt và cung cấp cho ngân hàng giám sát để giám sát việc tính toán giá trị tài sản ròng.

3. Giá trị tài sản ròng của một chứng chỉ quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại Ngày Giao Dịch gần nhất trước Ngày Định Giá. Giá trị tài sản ròng của một đơn vị chứng chỉ quỹ được tính đến số lẻ ở dạng thập phân, làm tròn tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy.

4. Giá trị tài sản ròng của Quỹ và giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ phải được Ngân hàng giám sát xác nhận. Việc xác nhận giá trị thực hiện bằng văn bản, hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của Ngân hàng giám sát đã được Công Ty Quản Lý Quỹ chấp thuận.

5. Giá trị tài sản ròng của Quỹ và giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ phải được công bố trên các trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan, Đại Lý Phân Phối và các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi phát hiện giá trị tài sản ròng bị định giá sai, Ngân hàng giám sát phải thông báo và yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ kịp thời điều chỉnh hoặc ngược lại trong trường hợp Ngân hàng giám sát cung cấp dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng.

7. Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày phát hiện giá trị tài sản ròng bị định giá sai, Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân hàng giám sát (trong trường hợp Ngân hàng giám sát cung cấp dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng) phải điều chỉnh lại và công bố thông tin theo quy định, đồng thời thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc định giá sai, bao gồm nguyên nhân xảy ra sự việc, thời gian bị định giá sai, biện pháp xử lý. Nội dung thông báo phải được Công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát cùng ký xác nhận.

8. Công Ty Quản Lý Quỹ phải xây dựng sổ tay định giá bao gồm tối thiểu những nội dung sau:

(a) Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi các tổ chức cung cấp báo giá. Các tổ chức cung cấp báo giá không phải là người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ và ngân hàng giám sát;

(b) Nguyên tắc, quy trình thực hiện và các phương pháp định giá tài sản của quỹ. Các nguyên tắc, quy trình thực hiện và các phương pháp định giá phải rõ ràng, hợp lý, phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ quỹ

9. Sổ tay định giá, danh sách tối thiểu ba (03) tổ chức cung cấp báo giá không phải là người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân hàng giám sát, phải được Ban đại diện Quỹ phê duyệt và cung cấp cho Ngân hàng giám sát để giám sát việc tính toán giá trị tài sản ròng.

10. Chính sách định giá các tài sản của Quỹ sẽ được nêu trong Phụ Lục 4 và được quy định chi tiết trong sổ tay định giá do Công Ty Quản Lý Quỹ xây dựng phù hợp với Điều Lệ này và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 57. Đền bù thiệt hại cho nhà đầu tư và cho Quỹ

1. Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm đền bù thiệt hại cho Quỹ và Nhà đầu tư thực hiện giao dịch chứng chỉ quỹ mà chịu thiệt hại trong trường hợp giá trị tài sản ròng của Quỹ bị định giá sai với mức độ sai sót từ một phần trăm (1%) giá trị tài sản ròng trở lên.

2. Trong trường hợp Quỹ bị định giá thấp, mức đền bù cho Quỹ và Nhà đầu tư được xác định như sau:

(a) Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ trước thời gian Quỹ bị định giá sai và bán chứng chỉ quỹ trong thời gian Quỹ bị định giá sai, mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng chứng chỉ quỹ mà nhà đầu tư đã bán; và

(b) Đối với Quỹ, mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng chứng chỉ quỹ mà Quỹ đã phát hành trong thời gian bị định giá sai và hiện còn đang lưu hành.

3. Trong trường hợp Quỹ bị định giá cao, mức đền bù cho Quỹ và Nhà đầu tư được xác định như sau:

(a) Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ trong thời gian Quỹ bị định giá sai và tiếp tục sở hữu sau thời gian Quỹ bị định giá sai, mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng chứng chỉ quỹ mà nhà đầu tư đã mua và còn tiếp tục nắm giữ sau thời gian bị định giá sai; và

(b) Đối với Quỹ, mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng chứng chỉ quỹ mà Quỹ đã phát hành ra trước thời gian Quỹ bị định giá sai và Quỹ đã mua lại trong thời gian bị định giá sai.

4. Mọi chi phí đền bù cho nhà đầu tư và cho Quỹ phải hạch toán vào chi phí hoạt động của Công ty quản lý quỹ. Trường hợp đại hội nhà đầu tư chấp thuận, chi phí đền bù cho Quỹ và nhà đầu tư theo quy định tại các Điều 57.2 (a) và Điều 57.3 (a) được hạch toán vào Quỹ.

5. Trường hợp mức đền bù cho mỗi nhà đầu tư theo quy định tại các Điều 57.2 và Điều 57.3 nhỏ hơn một trăm nghìn (100.000) Đồng Việt Nam, thì khoản đền bù này sẽ được ghi nhận vào thu nhập của Quỹ thay vì thanh toán cho nhà đầu tư, trừ trường hợp đại hội nhà đầu tư có quy định khác

6. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm đền bù các thiệt hại gây ra cho Quỹ trong các trường hợp:

(a) Không tuân thủ chính sách đầu tư, đầu tư vào các tài sản bị hạn chế theo quy định pháp luật và Điều lệ quỹ;

(b) Sử dụng vốn vay trái mục đích, không phù hợp với quy định của pháp luật; hoặc vay vượt quá các hạn mức vay đã được quy định tại Điều lệ quỹ, quy định của pháp luật;

(c) Đầu tư vượt các hạn chế đầu tư, trừ các trường hợp quy định tại Điều 10.2 của Điều Lệ này.

7. Mức đền bù cho Quỹ trong các trường hợp quy định tại Điều 57.6 được xác định trên cơ sở thiệt hại phát sinh từ phần đầu tư trái quy định, vượt hạn mức, chi phí vay. Trường hợp các hoạt động đầu tư, kinh doanh nêu trên có phát sinh lợi nhuận phải hạch toán toàn bộ lợi nhuận vào cho Quỹ.

8. Việc thanh toán các khoản đền bù cho Quỹ, nhà đầu tư theo quy định tại Điều 57.1 và Điều 57.6 được thực hiện thông qua Ngân hàng giám sát. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm xây dựng cơ chế phối hợp thanh toán với Ngân hàng giám sát để kịp thời ra các chỉ thị thanh toán cho nhà đầu tư và Quỹ

9. Việc bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư và quỹ phải được Công ty quản lý quỹ báo cáo tại báo cáo hoạt động hằng năm của quỹ, trong đó nêu rõ nguyên nhân, lý do, mức độ ảnh hưởng, số lượng nhà đầu tư có quyền lợi bị ảnh hưởng đã được đền bù, mức đền bù cho mỗi nhà đầu tư, mức đền bù cho quỹ, hình thức đền bù, phương thức thanh toán và các hoạt động khắc phục khác (nếu có).

10. Các trường hợp đền bù khác thực hiện theo quy định của pháp luật và/ hoặc Điều Lệ này.

Điều 58. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá

1. Công ty quản lý quỹ sẽ xem xét việc lựa chọn và trình Ban đại diện phê duyệt danh sách các tổ chức cung cấp báo giá cho Quỹ và cập nhật với Ban đại diện Quỹ mỗi khi cần thay đổi. Tổ chức cung cấp báo giá được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

(a) Tổ chức cung cấp báo giá là công ty chứng khoán, Công ty quản lý quỹ, các hệ thống báo giá có chức năng và được cấp phép hoạt động cung cấp dịch vụ báo giá được Công ty quản lý quỹ lựa chọn để cung cấp báo giá tài sản không phải là chứng khoán niêm yết hoặc chứng khoán đăng ký giao dịch;

(b) Có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ báo giá;

(c) Không phải là người có liên quan của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ VinaCapital hoặc Ngân hàng giám sát.

2. Việc lựa chọn và thay đổi tổ chức cung cấp báo giá do Công ty quản lý quỹ đề xuất để Ban đại diện Quỹ quyết định khi xảy ra một trong những trường hợp sau:

(a) Tổ chức đang báo giá không còn chức năng hoặc không được cấp phép hoạt động cung cấp dịch vụ báo giá.

(b) Tổ chức đang báo giá trở thành là người có liên quan của Công ty quản lý quỹ hoặc Ngân hàng giám sát.

(c) Có những thay đổi theo quy định của các cơ quan chức năng về phương thức báo giá.

CHƯƠNG 12. GIÁ DỊCH VỤ PHÁT HÀNH, THU NHẬP VÀ CÁC CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

Điều 59. Giá dịch vụ quản lý quỹ, giá dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ, đại lý chuyển nhượng

1. Giá dịch vụ quản lý quỹ trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ:

Giá dịch vụ quản lý Quỹ là một phẩy bảy mươi lăm phần trăm (1,75%) một năm trên giá trị tài sản ròng của Quỹ (đã bao gồm thuế GTGT nếu có). Giá dịch vụ quản lý Quỹ được tính tại mỗi kỳ định giá và được Quỹ

thanh toán hàng tháng cho Công ty quản lý quỹ. Tổng giá dịch vụ hàng tháng là tổng số tiền giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá trong tháng.

Giá dịch vụ quản lý Quỹ của kỳ định giá = 1,75% x NAV tại ngày trước ngày định giá x số ngày thực tế trong kỳ / 365 hoặc 366 (nếu là năm nhuận)

Trong mọi trường hợp tổng giá dịch vụ quản lý quỹ, giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng và giá dịch vụ quản trị quỹ không được vượt quá hai phần trăm (2%) một năm trên tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ theo quy định của pháp luật.

2. Chi phí thường hoạt động: Quỹ không áp dụng chính sách thưởng hoạt động.

3. Giá dịch vụ giám sát, lưu ký, quản trị quỹ được trả cho ngân hàng giám sát và lưu ký để cung cấp dịch vụ ngân hàng giám sát, lưu ký và quản trị quỹ cho Quỹ. Giá dịch vụ được tính vào mỗi kỳ định giá và được trả hàng tháng. Số tiền giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá trong tháng, cụ thể như sau:

(a) Giá dịch vụ giám sát là không phải không ba phần trăm (0,03%) một năm trên giá trị tài sản ròng của Quỹ (chưa bao gồm thuế GTGT nếu có), mức giá dịch vụ tối thiểu là hai mươi một triệu (21.000.000) đồng một (01) tháng (chưa bao gồm thuế GTGT nếu có);

Trong vòng ba (03) tháng đầu tiên kể từ ngày Quỹ được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ, mức tối thiểu là mười bốn triệu bảy trăm ngàn (14.700.000) đồng một (01) tháng (chưa bao gồm thuế GTGT nếu có).

Giá Dịch Vụ Giám Sát của kỳ định giá = 0,03% x NAV tại ngày trước Ngày định giá x số ngày thực tế trong kỳ / 365 hoặc 366 (nếu là năm nhuận)

(b) Giá dịch vụ lưu ký là không phải không năm phần trăm (0,05%) một năm trên giá trị tài sản ròng của Quỹ (chưa bao gồm thuế GTGT nếu có), mức phí tối thiểu là mười bảy triệu (17.000.000) đồng một (01) tháng (chưa bao gồm thuế GTGT nếu có);

Trong vòng ba (03) tháng đầu tiên kể từ ngày Quỹ được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ, mức tối thiểu là mười một triệu chín trăm ngàn (11.900.000) đồng một (01) tháng (chưa bao gồm thuế GTGT nếu có).

Giá Dịch Vụ Lưu Ký của kỳ định giá = 0,05% x NAV tại ngày trước Ngày định giá x số ngày thực tế trong kỳ / 365 hoặc 366 (nếu là năm nhuận)

(c) Giá dịch vụ quản trị Quỹ tối đa là không phải không bốn phần trăm (0,04%) một năm trên giá trị tài sản ròng của Quỹ, mức phí tối thiểu là ba mươi triệu (30.000.000) đồng một (01) tháng (chưa bao gồm thuế GTGT nếu có);

Trong vòng ba (03) tháng đầu tiên kể từ ngày Quỹ được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ, mức tối thiểu là hai một triệu (21.000.000) đồng một (01) tháng (chưa bao gồm thuế GTGT nếu có).

Giá Dịch Vụ Quản Trị Quỹ của kỳ định giá = 0,04% x NAV tại ngày trước Ngày định giá x số ngày thực tế trong kỳ / 365 hoặc 366 (nếu là năm nhuận)

(d) Các mức giá dịch vụ trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có) và các chi phí ngoài thông thường, bao gồm nhưng không giới hạn chi phí thanh toán cho VSDC, chi phí pháp lý và chi phí tem thư.

4. Giá dịch vụ giao dịch thanh toán theo thực tế phát sinh:

(a) Giá dịch vụ giao dịch chứng khoán theo thực tế phát sinh và được quy định cụ thể trong hợp đồng cung cấp dịch vụ của ngân hàng lưu ký và Giám sát, và

(b) Giá dịch vụ giao dịch khác, bao gồm các chi phí phải trả cho công ty chứng khoán, công ty luật, công ty định giá tài sản và các bên cung cấp dịch vụ khác liên quan tới giao dịch tài sản của Quỹ.

5. Tiền giá dịch vụ trả cho Đại Lý Chuyển Nhượng:

Giá Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng được tính toán và cộng dồn hàng kỳ và được thanh toán hàng tháng cho Đại Lý Chuyển Nhượng. Chi tiết các phí khác liên quan đến dịch vụ Đại Lý Chuyển Nhượng được chi tiết trong bản cáo bạch.

Điều 60. Thu nhập của Quỹ

Thu nhập của Quỹ bao gồm các khoản sau:

1. Cổ tức;
2. Lợi tức trái phiếu, lãi tiền gửi, lãi chứng chỉ tiền gửi hoặc các sản phẩm có thu nhập cố định;
3. Lợi nhuận từ các hoạt động đầu tư và thoái vốn của Quỹ;
4. Các khoản thu nhập khác.

Điều 61. Chi phí của Quỹ

1. Chi phí quản lý quỹ trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ.
2. Chi phí lưu ký tài sản quỹ, chi phí giám sát quỹ trả cho ngân hàng giám sát.
3. Chi phí dịch vụ quản trị quỹ, chi phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng và các chi phí hợp lệ khác mà công ty quản lý quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan.
4. Thù lao cho Ban đại diện Quỹ.
5. Chi phí thẩm định giá trả cho các doanh nghiệp thẩm định giá (nếu có); Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác.
6. Chi phí kiểm toán trả cho công ty kiểm toán.
7. Chi phí dự thảo, in ấn, gửi Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch tóm tắt, báo cáo tài chính và các tài liệu khác cho nhà đầu tư, chi phí xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho Nhà đầu tư; chi phí công bố thông tin của Quỹ; chi phí tổ chức họp đại hội nhà đầu tư, Ban đại diện Quỹ.
8. Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của quỹ và các chi phí khác theo quy định của pháp luật.
9. Chi phí liên quan đến việc chuyển đổi ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát (nếu có) hoặc các tổ chức cung cấp dịch vụ khác.
10. Thuế và các loại phí bắt buộc theo quy định của pháp luật hoặc theo yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền áp dụng cho Quỹ và các chi phí khác liên quan theo quy định của pháp luật.

Điều 62. Phân chia lợi tức

1. Quỹ thực hiện phân chia lợi tức bằng tiền hoặc bằng chứng chỉ quỹ.
2. Tối thiểu 15 ngày trước khi phân phối lợi tức, Công Ty Quản Lý Quỹ phải thông báo đến Nhà đầu tư bằng phương thức để đảm bảo đến được địa chỉ liên lạc hoặc thư điện tử đã đăng ký. Việc phân chia lợi nhuận của Quỹ phải được sự chấp thuận trước của Đại hội Nhà đầu tư hoặc được sự chấp thuận của Ban đại diện Quỹ (nếu Đại hội Nhà đầu tư gần nhất đã ủy quyền cho Ban đại diện Quỹ quyết định phù hợp với quy định tại Điều Lệ này).
3. Việc chi trả lợi tức của quỹ phải đảm bảo nguyên tắc:
 - (a) Lợi nhuận trong kỳ hoặc lợi nhuận lũy kế cho đến cuối năm tài chính mà Công Ty Quản Lý Quỹ đề xuất phân phối lợi nhuận phải dương sau khi quỹ đã hoàn tất các nghĩa vụ thuế, tài chính theo quy định pháp luật;
 - (b) Sau khi trừ số lợi nhuận dự kiến sẽ phân phối cho Nhà đầu tư, số lợi nhuận lũy kế còn lại cho đến cuối năm tài chính mà Công Ty Quản Lý Quỹ đề xuất phân phối lợi nhuận vẫn phải lớn hơn hoặc bằng không (không được âm);
 - (c) Mức chi trả lợi tức phải phù hợp với chính sách phân phối lợi nhuận quy định tại Điều lệ quỹ và được Đại hội Nhà đầu tư thông qua;
 - (d) Trường hợp phân phối lợi tức bằng chứng chỉ quỹ, quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.
 - (e) Sau khi chi trả, quỹ vẫn phải đảm bảo có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn và giá trị tài sản ròng quỹ sau khi chi trả lợi tức không thấp hơn 50 tỷ đồng;
 - (f) Phù hợp với quy định tại Thông tư 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở.

4. Công Ty Quản Lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân phối cổ tức cho Nhà đầu tư.
5. Sau khi phân chia lợi nhuận, Công Ty Quản Lý Quỹ phải gửi cho Nhà đầu tư báo cáo tổng kết việc phân chia lợi nhuận Quỹ, bao gồm các nội dung sau:
 - (a) Hình thức phân chia lợi nhuận (bằng tiền hoặc bằng chứng chỉ quỹ);
 - (b) Tổng lợi nhuận trong kỳ và lợi nhuận tích lũy, chi tiết từng hạng mục lợi nhuận;
 - (c) Giá trị lợi nhuận được phân chia, số lượng chứng chỉ quỹ phát hành để phân chia ;
 - (d) Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ trước khi phân chia lợi nhuận và sau khi phân chia lợi nhuận; và
 - (e) Các ảnh hưởng tác động tới giá trị tài sản ròng của Quỹ.
6. Thông tin về hoạt động phân chia lợi nhuận của Quỹ hoặc phân chia tài sản của Quỹ đã thực hiện phải được cập nhật tại các Bản Cáo Bạch sửa đổi, bổ sung sau đó.
7. Trường hợp Nhà đầu tư đã chuyển nhượng số chứng chỉ quỹ của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách Nhà đầu tư và thời điểm chi trả thì người chuyển nhượng là người nhận lợi nhuận.
8. Vì quyền lợi của Nhà đầu tư, Ban đại diện Quỹ có thể quyết định không phân chia lợi nhuận của Quỹ cho Nhà đầu tư. Ban đại diện Quỹ sẽ chịu trách nhiệm giải trình trước Đại hội Nhà đầu tư về quyết định liên quan đến chính sách lợi nhuận của Quỹ.

CHƯƠNG 13. TÁI CƠ CẤU, GIẢI THỂ QUỸ

Điều 63. Hợp nhất, sáp nhập Quỹ

1. Việc hợp nhất, sáp nhập quỹ chỉ được tiến hành trong các trường hợp pháp luật quy định và được đại hội nhà đầu tư chấp thuận.
2. Việc hợp nhất, sáp nhập quỹ phải được UBCKNN chấp thuận.

Điều 64. Chia, tách Quỹ

1. Điều kiện chia, tách Quỹ bao gồm:
 - (a) Được đại hội nhà đầu tư thông qua việc chia, tách;
 - (b) Các quỹ hình thành sau khi chia, tách phải đáp ứng các điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 108 Luật Chứng Khoán;
 - (c) Các quỹ hình thành sau chia, tách phải được giám sát bởi Ngân hàng giám sát.
2. Việc chia, tách Quỹ phải được UBCKNN chấp thuận.

Điều 65. Giải thể Quỹ

1. Việc thanh lý, giải thể Quỹ được tiến hành trong các trường hợp sau đây:
 - (a) Công Ty Quản Lý Quỹ bị giải thể, phá sản, hoặc bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán mà Ban đại diện Quỹ không xác lập được Công Ty Quản Lý Quỹ thay thế trong vòng hai (02) tháng, kể từ ngày phát sinh sự kiện;
 - (b) Ngân hàng giám sát bị giải thể, bị phá sản, hoặc Hợp Đồng Giám Sát giữa Ngân hàng giám sát và Công ty quản lý quỹ bị chấm dứt; hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán bị thu hồi mà Công Ty Quản Lý Quỹ không xác lập được Ngân hàng giám sát thay thế trong vòng hai (02) tháng, kể từ ngày phát sinh sự kiện;
 - (c) Kết thúc thời hạn hoạt động ghi trong Điều lệ Quỹ;
 - (d) Đại hội Nhà đầu tư quyết định giải thể quỹ khi kết thúc thời hạn hoạt động ghi trong Điều lệ Quỹ;
 - (e) Giá trị tài sản ròng của Quỹ giảm xuống thấp hơn mười (10) tỷ Đồng Việt Nam liên tục trong sáu (06) tháng;
2. Việc thanh lý, giải thể Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Việc thanh lý, giải thể Quỹ phải được UBCKNN chấp thuận.

CHƯƠNG 14. GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH

Điều 66. Kiểm soát xung đột lợi ích giữa Quỹ và các quỹ khác, các khách hàng ủy thác đầu tư của Công Ty Quản Lý Quỹ và giữa Quỹ và Công Ty Quản Lý Quỹ

- Công Ty Quản Lý Quỹ phải kiểm soát xung đột lợi ích giữa Quỹ và các quỹ khác, các khách hàng đầu tư ủy thác của Công ty quản lý quỹ và giữa Quỹ và Công Ty Quản Lý Quỹ:
 - Tách biệt chiến lược đầu tư, mục tiêu đầu tư của Quỹ với các quỹ khác do Công ty quản lý quỹ quản lý;
 - Tách biệt tài sản của Quỹ với tài sản của Công ty quản lý quỹ, tài sản của nhà đầu tư ủy thác, tách biệt tài sản của các quỹ do Công ty quản lý quỹ quản lý;
 - Tuân thủ các quy định khác tại Điều Lệ này và pháp luật.
- Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, giám sát việc xung đột lợi ích trong Công ty quản lý quỹ.
- Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Hội Đồng Quản Trị, Hội Đồng Thành Viên, Chủ Tịch Công ty quản lý quỹ, thành viên Ban Giám Đốc, thành viên Ban Kiểm Soát, Kiểm Soát Viên, người hành nghề quản lý quỹ và nhân viên của Công ty quản lý quỹ phải được báo cáo và kiểm soát phù hợp với quy định của Điều Lệ này và pháp luật hiện hành..

CHƯƠNG 15. CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

Điều 67. Công bố thông tin, cung cấp thông tin cho nhà đầu tư

- Việc công bố thông tin liên quan đến hoạt động của Quỹ sẽ được thực hiện theo quy định của Pháp Luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- Thông báo triệu tập phiên họp Ban đại diện Quỹ được xem là truyền đạt đến mỗi thành viên Ban đại diện Quỹ khi được thông báo trực tiếp cho thành viên Ban đại diện Quỹ hoặc được gửi bằng văn bản đến địa chỉ do thành viên Ban đại diện Quỹ đã thông báo cho Quỹ.
- Các tài liệu quỹ, báo cáo định kỳ của Quỹ sẽ được công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ, hoặc gửi trực tiếp qua thư điện tử cho Nhà đầu tư.
- Thư triệu tập, thông báo, mệnh lệnh, hoặc tài liệu cần gửi cho Quỹ hoặc người điều hành của Quỹ có thể gửi bằng cách giao thẳng hoặc gửi qua bưu điện đến địa chỉ của văn phòng do Quỹ đã đăng ký, trong một phong bì có dán tem ghi tên Quỹ hay người điều hành Quỹ nhận.
- Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện việc công bố thông tin theo quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 68. Sửa đổi, bổ sung Điều Lệ

- Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội Nhà đầu tư quyết định. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của quỹ đầu tư chứng khoán chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của quỹ đầu tư chứng khoán.

Điều 69. Đăng ký Điều lệ

- Điều lệ Quỹ này bao gồm 15 Chương, 70 Điều và 04 Phụ Lục được đại hội nhà đầu tư của Quỹ thông qua và UBCKNN phê duyệt lần đầu và có hiệu lực thi hành kể từ ngày [●] tháng [●] năm [●] và chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
- Các bản trích hay sao y của Điều Lệ này do Quỹ cấp phải có chữ ký của Chủ Tịch Ban đại diện Quỹ hoặc người đại diện theo pháp luật của Công ty quản lý quỹ mới có giá trị.
- Điều lệ này được lập thành năm (05) bản chính có giá trị như nhau bằng Tiếng Việt:
 - Hai (02) bản đăng ký tại các cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật;

- (b) Hai (02) bản lưu tại văn phòng của Công ty quản lý quỹ; và
- (c) Một (01) bản lưu tại văn phòng của Ngân hàng giám sát.

Điều 70. Điều khoản thi hành

Quỹ được chính thức thành lập sau khi UBCKNN cấp giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ. Công ty quản lý quỹ chịu trách nhiệm hoàn tất mọi thủ tục hồ sơ theo đúng quy định của pháp luật.

Các phụ lục đính kèm

- Phụ lục số 1: Cam kết của công ty quản lý quỹ.
- Phụ lục số 2: Cam kết của ngân hàng giám sát.
- Phụ lục số 3: Cam kết chung của công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát.
- Phụ lục số 4: Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ.

TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VINACAPITAL

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



BROOK COLIN TAYLOR

PHỤ LỤC SỐ 1: CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ VinaCapital

Giấy phép thành lập và hoạt động số 31/UBCK-GP do UBCKNN cấp lần đầu ngày 14 tháng 4 năm 2008 (và các sửa đổi, bổ sung vào từng thời điểm)

Địa chỉ: Lầu 17, Tòa nhà Sun Wah, 115 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (84 – 28) 3827 8535 Fax: (84 – 28) 3827 8536

(sau đây gọi là "Công ty quản lý quỹ")

cam kết thực hiện các điều sau đây:

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều Lệ Quỹ trong hoạt động quản lý Quỹ;
2. Thực hiện nhiệm vụ quản lý Quỹ một cách hiệu quả, trung thực, tận tụy và phù hợp với mục tiêu đầu tư của Quỹ, ưu tiên quyền và lợi ích hợp pháp của các Nhà đầu tư;
3. Đảm bảo Quỹ luôn có một Ngân hàng giám sát vào mọi thời điểm;
4. Trả cho Ngân hàng giám sát các khoản giá dịch vụ và cho các tổ chức cung ứng dịch vụ khác theo quy định tại Điều Lệ Quỹ;
5. Định kỳ cung cấp Cho Ngân hàng giám sát các thông tin sau:
 - (a) Các báo cáo tình hình hoạt động và báo cáo tài chính của Quỹ, Sổ Đăng Ký Nhà đầu tư và số lượng Chứng chỉ quỹ mà các Nhà đầu tư đang nắm giữ;
 - (b) Các báo cáo liên quan đến Quỹ hoặc liên quan đến tài sản, danh mục đầu tư của Quỹ;
 - (c) Bản đánh giá giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ; và
 - (d) Các thông tin có liên quan tới hoạt động quản lý Quỹ và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều Lệ Quỹ này và của pháp luật.
6. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức giá dịch vụ hợp lý khi cung cấp bản sao Điều Lệ Quỹ (và các phụ lục kèm theo), Bản Cáo Bạch (và các phụ lục kèm theo) cho các Nhà đầu tư theo yêu cầu;
7. Không được đầu tư vào các chứng khoán hoặc các tài sản mà chính Công ty quản lý quỹ hoặc những Người Có Liên Quan đến Công ty quản lý quỹ có lợi ích trong đó hoặc có liên quan đến các lợi ích đó, ngoại trừ các trường hợp pháp luật cho phép;
8. Không sử dụng vị thế của Công ty quản lý quỹ trong hoạt động quản lý Quỹ để thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho chính Công ty quản lý quỹ hoặc những Người Có Liên Quan hoặc làm tổn hại đến lợi ích của các Nhà đầu tư;
9. Thực hiện việc định giá và công tác kế toán cho Quỹ một cách trung thực, chính xác và kịp thời;
10. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức giá dịch vụ hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hàng năm và các báo cáo khác của Quỹ cho các Nhà đầu tư theo yêu cầu;
11. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức giá dịch vụ hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hàng năm của Ngân hàng giám sát đánh giá về hoạt động quản lý Quỹ của Công ty quản lý quỹ cho các Nhà đầu tư theo yêu cầu;
12. Đảm bảo rằng mọi thông tin đã được Công ty quản lý quỹ hoặc người đại diện Công ty quản lý quỹ công bố là đầy đủ, trung thực, chính xác, không bỏ sót những sự kiện có ảnh hưởng đến quyền lợi của các Nhà đầu tư, những sự kiện ảnh hưởng đến nội dung của thông tin được công bố, không bỏ sót những thông tin phải công bố theo yêu cầu của pháp luật và không gây hiểu nhầm cho các Nhà đầu tư;
13. Cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết để tổ chức kiểm toán độc lập của Quỹ có thể thực hiện nhiệm vụ kiểm toán hiệu quả và kịp thời;
14. Báo cáo kịp thời cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước trong trường hợp đối chiếu tài sản có/nợ của Quỹ giữa Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát không thống nhất; và
15. Thực hiện nghĩa vụ triệu tập họp đại hội nhà đầu tư của Quỹ theo quy định của pháp luật.

TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VINACAPITAL

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



BROOK COLIN TAYLOR

PHỤ LỤC SỐ 2: CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam) (“SCBVL”)

Giấy phép thành lập và hoạt động số 236/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước cấp ngày 08 tháng 09 năm 2008 (và các bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế vào từng thời điểm)

Quyết định số 1477/QĐ-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 25 tháng 08 năm 2022 về việc bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép thành lập và hoạt động NH TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam)

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 08/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 07 tháng 05 năm 2015

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 3, Phòng CP1.L01 và Phòng CP2.L01, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 39 36 80 00 Fax: (84-24) 38 37 83 56

(sau đây gọi là “Ngân hàng giám sát”)

cam kết:

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều Lệ Quỹ trong hoạt động giám sát;
2. Đảm bảo cho Quỹ luôn luôn có một Công ty quản lý quỹ tại mọi thời điểm;
3. Thực hiện một cách tận tụy, trung thực và thận trọng các chức năng Ngân hàng giám sát đối với Quỹ;
4. Thực hiện lưu ký, thanh toán, bảo quản và giám sát tất cả các tài sản, chứng khoán của Quỹ thay cho các Nhà đầu tư; thực hiện việc đối chiếu tài sản có/nợ của Quỹ với Công ty quản lý quỹ theo định kỳ ít nhất một tháng một lần và báo cáo Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước nếu như tình trạng tài sản có/nợ không thống nhất giữa Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát;
5. Tách biệt tài sản của Quỹ khỏi tài sản của Ngân hàng giám sát, tài sản của Công ty quản lý quỹ và tài sản của các quỹ khác, tài sản của các khách hàng khác của Ngân hàng giám sát;
6. Giám sát danh mục đầu tư của Quỹ, việc định giá tài sản Quỹ, việc xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ, xác định giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Chứng chỉ quỹ theo các quy định của pháp luật hiện hành và theo quy định tại Điều Lệ Quỹ;
7. Đảm bảo nghĩa vụ giám sát để Công ty quản lý quỹ không lợi dụng vị thế quản lý Quỹ của mình thực hiện các hoạt động thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho Công ty quản lý quỹ hoặc những Người Có Liên Quan làm tổn hại đến lợi ích của Nhà đầu tư; và
8. Đảm bảo Quỹ được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập hàng năm.

Đại diện có thẩm quyền của Ngân hàng giám sát

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)


Nguyễn Thuý Linh
Phó phòng Dịch vụ Giám sát Quỹ

PHỤ LỤC SỐ 3: CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ VinaCapital

Giấy phép thành lập và hoạt động số 31/UBCK-GP do UBCKNN cấp lần đầu ngày 14 tháng 4 năm 2008 (và các sửa đổi, bổ sung vào từng thời điểm)

Địa chỉ: Lầu 17, Tòa nhà Sun Wah, 115 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (84 – 28) 3827 8535 Fax: (84 – 28) 3827 8536

(sau đây gọi là “Công ty quản lý quỹ”)

Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam) (“SCBVL”)

Giấy phép thành lập và hoạt động số 236/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước cấp ngày 08 tháng 09 năm 2008 (và các bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế vào từng thời điểm)

Quyết định số 1477/QĐ-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 25 tháng 08 năm 2022 về việc bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép thành lập và hoạt động Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam)

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 08/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 07 tháng 05 năm 2015

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 3, , Phòng CP1.L01 và Phòng CP2.L01, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 39 36 80 00 Fax: (84-24) 38 37 83 56

(sau đây gọi là ngân hàng giám sát”)

Cùng cam kết:

1. Thực hiện nghĩa vụ bảo vệ lợi ích cho các Nhà đầu tư;
2. Tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều Lệ Quỹ trong suốt thời gian hoạt động của Quỹ;
3. Thực hiện quyền bỏ phiếu phát sinh liên quan đến việc sở hữu các cổ phiếu/vốn góp mà Quỹ đã đầu tư theo tinh thần và vì lợi ích của người đầu tư tại đại hội Đồng Cổ Đông của các tổ chức phát hành hoặc tại Hội Đồng Thành Viên của doanh nghiệp Quỹ góp vốn; và
4. Không nhận bất kỳ một khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào từ việc thực hiện các giao dịch tài sản Quỹ hoặc giao dịch các tài sản khác không được quy định rõ trong Điều Lệ Quỹ hoặc Bản Cáo Bạch.

Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ VinaCapital

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



BROOK COLIN TAYLOR

Đại diện có thẩm quyền của

Ngân hàng giám sát

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



Nguyễn Thuỳ Linh
Phó phòng Dịch vụ Giám sát Quỹ

PHỤ LỤC SỐ 4: PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ

1. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá

1.1 Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ VinaCapital sẽ xem xét việc lựa chọn và trình Ban đại diện phê duyệt danh sách các tổ chức cung cấp báo giá cho Quỹ và cập nhật với Ban đại diện Quỹ mỗi khi cần thay đổi. Tổ chức cung cấp báo giá được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

- a) Tổ chức cung cấp báo giá là công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, các hệ thống báo giá được công ty quản lý quỹ lựa chọn để cung cấp báo giá tài sản không phải là chứng khoán niêm yết hoặc chứng khoán đăng ký giao dịch;
- b) Có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ báo giá;
- c) Không phải là người có liên quan của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ VinaCapital hoặc Ngân hàng giám sát.

1.2 Tiêu chí thay đổi tổ chức cung cấp báo giá: Khi có một trong những tiêu chí sau:

- a) Tổ chức đang báo giá không còn chức năng hoặc không được cấp phép hoạt động cung cấp dịch vụ báo giá.
- b) Tổ chức đang báo giá trở thành là người có liên quan của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ VinaCapital hoặc Ngân hàng giám sát.
- c) Có những thay đổi theo quy định của các cơ quan chức năng về phương thức báo giá.

2. Quy trình định giá

2.1 Trước ngày định giá, các nghiệp vụ sẽ được cập nhật khi phát sinh bao gồm:

- a) Các nghiệp vụ mua, bán chứng khoán trong kỳ;
- b) Các nghiệp vụ thanh toán chi phí/giá dịch vụ liên quan đến quỹ, các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn, hợp đồng mua/bán chứng chỉ tiền gửi;
- c) Các thông tin về quyền, cổ tức, cổ phiếu thưởng phát sinh liên quan đến chứng khoán mã quỹ đang nắm giữ;
- d) Các nghiệp vụ phát hành thêm/mua lại chứng chỉ quỹ phát sinh sau ngày giao dịch cuối cùng gần nhất;
- e) Đối chiếu số dư tại ngân hàng lưu ký, giám sát.

2.2 Tại ngày định giá:

- a) Xác định NAV/chứng chỉ quỹ theo phương pháp quy định tại mục 3.
- b) Công bố thông tin về NAV/chứng chỉ quỹ.

3. Phương Pháp Định Giá Tài Sản

Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ và giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ sẽ được ghi rõ trong sổ tay định giá và tuân thủ quy định của pháp luật và thông lệ quốc tế tốt nhất. Sổ tay định giá phải được Ban đại diện Quỹ phê duyệt và cung cấp cho Ngân hàng giám sát để giám sát việc tính toán giá trị tài sản ròng. Những thay đổi trong sổ tay định giá phải được Ban đại diện Quỹ đồng ý và thông báo kịp thời tới Ngân hàng giám sát.

Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ được xây dựng dựa trên sổ tay định giá với các chi tiết như sau (bên cạnh các chi tiết khác):

STT	Loại Tài Sản	Nguyên Tắc Định Giá Giao Dịch Trên Thị Trường
Tiền Và Các Khoản Tương Đương Tiền, Công Cụ Thị Trường Tiền Tệ		
1.	Tiền (VNĐ)	Số dư tiền mặt tại ngày trước Ngày Định Giá.

STT	Loại Tài Sản	Nguyên Tắc Định Giá Giao Dịch Trên Thị Trường
2	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VNĐ theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước Ngày Định Giá.
3	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước Ngày Định Giá.
4	Tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng và các công cụ thị trường tiền tệ khác	Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước Ngày Định Giá
5	Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác	Giá yết trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán; trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo hoặc mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trúng thầu hoặc một lãi suất khác do Ban đại diện Quỹ/Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán quy định và thời gian nắm giữ công cụ.
Trái Phiếu		
6	Trái phiếu niêm yết	Được xác định theo giá yết bình quân gia quyền (giá sạch) của các giao dịch thông thường (outright) trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá cộng lãi lũy kế. Trong trường hợp sau: <ul style="list-style-type: none"> Không có giao dịch trên hệ thống tại Sở giao dịch Chứng khoán nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định Giá; hoặc Chỉ có giao dịch trên hệ thống giao dịch với giá có biến động bất thường theo chi tiết được đề cập trong Sổ tay định giá thì giá trái phiếu được thực hiện theo chi tiết được đề cập trong Sổ tay định giá được Ban đại diện Quỹ phê duyệt
7.	Trái phiếu được chấp thuận niêm yết nhưng chưa có ngày giao dịch đầu tiên và Trái phiếu hủy niêm yết	Chi tiết quy định tại Sổ tay định giá
8.	Trái phiếu không niêm yết	Giá trái phiếu là giá được xác định theo một trong các phương pháp sau, chi tiết quy định tại sổ tay định giá: <ol style="list-style-type: none"> Giá yết (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi suất cuốn phiếu tính tới ngày trước ngày định giá; hoặc Giá mua (giá sạch) cộng lãi lũy kế; hoặc Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận.
Cổ Phiếu		

STT	Loại Tài Sản	Nguyên Tắc Định Giá Giao Dịch Trên Thị Trường
9	Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán, cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom	<p>Được xác định theo giá thị trường, là giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác), tùy thuộc vào quy định nội bộ của sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá.</p> <p>Trong trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định Giá, giá cổ phiếu là giá được xác định theo một trong các mức giá sau đây với thứ tự ưu tiên được quy định chi tiết tại sổ tay định giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> (i) Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trong vòng mười hai (12) tháng trước Ngày định giá; hoặc (ii) Giá trị sổ sách; hoặc (iii) Giá mua; hoặc (iv) Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận.
10	Cổ phiếu của công ty đại chúng đang thực hiện thủ tục chuyển sàn giao dịch	Trong thời gian công ty đại chúng đang thực hiện thủ tục chuyển sàn giao dịch, cổ phiếu được định giá theo giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của sở giao dịch chứng khoán) tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá.
11	Cổ phần, phần vốn góp khác	<p>Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá do tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có đủ báo giá của ba (03) tổ chức báo giá thì mức giá được xác định theo một trong các phương pháp sau, với thứ tự ưu tiên được quy định chi tiết tại sổ tay định giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> (i) Giá của kỳ định giá gần nhất theo chi tiết tại Sổ tay định giá; hoặc (ii) Giá mua/giá trị vốn góp; hoặc (iii) Giá trị sổ sách; hoặc (iv) Giá xác định theo một phương pháp khác được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
12.	Cổ phiếu được chấp thuận niêm yết và chưa có ngày giao dịch đầu tiên	Áp dụng phương pháp xác định giá tương tự phương pháp xác định giá của Cổ phần, phần vốn góp khác.
13	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	<p>Là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> (i) Tám mươi phần trăm (80%) giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước Ngày Định Giá; hoặc (ii) Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận.

STT	Loại Tài Sản	Nguyên Tắc Định Giá Giao Dịch Trên Thị Trường
14	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch	Là giá được xác định theo một trong các phương pháp sau: (i) Giá trị sổ sách; hoặc (ii) Mệnh giá; hoặc (iii) Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận.
15	Quyền mua cổ phiếu	Giá trị quyền mua là hiệu số lớn nhất và lớn hơn không (0) của giá cổ phiếu và giá phát hành quyền mua nhân tỷ lệ chuyển đổi.
Chứng chỉ quỹ		
16.	Chứng chỉ quỹ đại chúng niêm yết	Được xác định theo giá thị trường, là giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá. Trong trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến Ngày Định Giá, giá của chứng chỉ quỹ là giá được xác định theo một trong các phương pháp sau: (i) Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ Quỹ được công bố thông tin tại ngày gần nhất trước Ngày Định Giá hoặc (ii) Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trong vòng mười hai (12) tháng trước Ngày định giá; hoặc (iii) Giá mua; hoặc (iv) Giá trị sổ sách; hoặc (v) Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
17.	Chứng chỉ quỹ đại chúng không niêm yết	Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được công bố thông tin tại ngày gần nhất trước Ngày Định Giá.
Chứng khoán phái sinh		
18	Chứng khoán phái sinh niêm yết	Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá.
19	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày định giá	Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
Các Tài Sản Khác		
20	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá do tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá cung cấp.

STT	Loại Tài Sản	Nguyên Tắc Định Giá Giao Dịch Trên Thị Trường
		Trường hợp không có đủ báo giá của ba (03) tổ chức báo giá thì mức giá được xác định theo mô hình lý thuyết đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.

Ghi chú:

- (i) Lãi lũy kế là khoản Lãi tính từ thời điểm trả lãi gần nhất tới thời điểm trước Ngày Định Giá.
- (ii) Giá trị sổ sách (book value) của một cổ phiếu được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.
- (iii) Giá trị thanh lý của 1 cổ phiếu được xác định bằng giá trị vốn chủ sở hữu của tổ chức phát hành chia cho tổng số cổ phiếu đang lưu hành
- (iv) Tổ chức định giá được lựa chọn hệ thống báo giá trái phiếu (Reuters/Bloomberg/VBMA) để tham khảo.
- (v) Ngày thuộc Phụ lục 4 này được hiểu là ngày theo lịch

4. Giá trị cam kết từ các hợp đồng phái sinh:

- 4.1. Giá trị cam kết (global exposure) là giá trị quy đổi ra tiền mà Quỹ là bên có nghĩa vụ phải thực hiện hợp đồng. Giá trị cam kết được xác định trên cơ sở giá trị thị trường của tài sản cơ sở, rủi ro thanh toán, biến động thị trường và thời gian cần thiết để thanh lý vị thế;
- 4.2. Khi tính giá trị cam kết, công ty quản lý quỹ được áp dụng:
 - Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh (trái chiều) đối với cùng một chứng khoán cơ sở;
Ví dụ: vị thế mua quyền chọn mua chứng khoán XYZ làm giảm bớt (bù trừ) giá trị cam kết từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ.
 - Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh và vị thế giao ngay của cùng một chứng khoán;
Ví dụ: vị thế mua (nắm giữ) chứng khoán XYZ bù trừ (làm giảm bớt) giá trị cam kết phái sinh từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ.
 - Các nguyên tắc khác theo thông lệ quốc tế, đảm bảo quản trị được rủi ro.

STT	Loại tài sản	Giá trị cam kết
1	Quyền chọn cổ phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn (*) điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = Số hợp đồng x Khối lượng cổ phiếu trên mỗi hợp đồng x Giá trị thị trường hiện tại của cổ phiếu x Hệ số delta (**)
2	Quyền chọn trái phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn (***) điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = Số hợp đồng x Mệnh giá x Giá trị thị trường hiện tại của trái phiếu x Hệ số delta
3	Hợp đồng tương lai chỉ số	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = Số hợp đồng x Giá trị tính trên một điểm chỉ số x Mức chỉ số hiện tại
4	Hợp đồng tương lai trái phiếu	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = Số hợp đồng x Giá trị của hợp đồng tính theo mệnh giá (notional) x Giá trị thị trường của trái phiếu rẻ nhất có thể chuyển giao

STT	Loại tài sản	Giá trị cam kết
5	Các hợp đồng khác	Theo mô hình do công ty quản lý quỹ lựa chọn, thống nhất cùng Ngân hàng giám sát, và được Ban đại diện Quỹ chấp thuận.

(*) Nếu Quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).

(**) Hệ số delta là đạo hàm bậc nhất của giá quyền chọn đối với giá chứng khoán cơ sở. Trong trường hợp đơn giản, hệ số delta có thể coi bằng 1. Trong các trường hợp quyền chọn phức tạp, hệ số delta do công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát xác định sau khi đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận.

(***) Nếu Quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).